



TÀI LIỆU ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT
NĂM HỌC 2020 - 2021



BỘ 35 ĐỀ
CHUẨN CẤU TRÚC
ĐỀ MINH HỌA

MÔN NGỮ VĂN

QUYỂN 3: 40 ĐỀ

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

*Miền Trung
Câu ví dặm nằm nghiêng
Trên nắng và dưới cát
Đến câu hát cũng hai lần sàng lại
Sao lọt tai rồi vẫn day dứt quanh năm.*

*Miền Trung
Bao giờ em về thăm
Mảnh đất nghèo mỏng tôi không kịp rút
Lúa con gái mà gầy còm úa đỏ
Chỉ gió bão là tốt tươi như cỏ
Không ai gieo mọc trắng mặt người.*

*Miền Trung
Eo đất này thắt đáy lưng ong
Cho tình người động mặt
Em gắng về
Dừng để mẹ già mong...*

*(Trích Miền Trung, Hoàng Trần Cương, Thơ hay Việt Nam thế kỉ XX,
NXB Văn hóa Thông tin, 2006, tr. 81-82)*

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra hai hình ảnh trong đoạn trích diễn tả sự khắc nghiệt của thiên nhiên miền Trung.

Câu 3. Những dòng thơ sau giúp anh/chị hiểu gì về mảnh đất và con người miền Trung?

*Miền Trung
Eo đất này thắt đáy lưng ong
Cho tình người động mặt*

Câu 4. Anh/Chị hãy nhận xét về tình cảm của tác giả đối với miền Trung được thể hiện trong đoạn trích.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sức mạnh của tình người trong hoàn cảnh khó khăn thử thách.

Câu 2. (5,0 điểm).

Phải nhiều thế kỉ qua đi, người tình mong đợi mới đến đánh thức người gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại. Nhưng ngay từ đầu vừa ra khỏi vùng núi, sông Hương đã chuyển dòng một cách liên tục, vòng giữa khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm, như một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới nơi gặp thành phố tương lai của nó. Từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng nam bắc qua điện Hòn Chén; vấp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang tây bắc, vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một hình cung thật tròn về phía đông bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế. Từ Tuần về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản để sắc nước trở nên xanh thắm, và từ đó nó trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách, với những điểm cao đột ngột như Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo mà từ đó, người ta luôn luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé vừa bằng con thoi. Những ngọn đồi này tạo

nên những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố, “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” như người Huế thường miêu tả. Giữa đám quần sơn lô xô ấy, là giấc ngủ nghìn năm của những vua chúa được phong kín trong lòng những rừng thông u tịch và niềm kiêu hãnh âm u của những lăng tẩm đồ sộ tỏa lan khắp cả một vùng thượng lưu “Bốn bề núi phủ mây phong - Mảnh trăng thiên cổ bóng tùng Vạn Niên”. Đó là vẻ đẹp trầm mặc nhất của sông Hương, như triết lý, như cô thi, kéo dài mãi đến lúc mặt nước phẳng lặng của nó gặp tiếng chuông chùa Thiên Mụ ngân nga tận bờ bên kia, giữa những xóm làng trung du bát ngát tiếng gà...

(Trích Ai đã đặt tên cho dòng sông, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 198-199)

Phân tích hình tượng sông Hương trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về tính trữ tình của bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường.

----- **HẾT** -----

NHẬN XÉT ĐỀ THAM KHẢO THI TỐT NGHIỆP THPT 2021 MÔN NGỮ VĂN

1. Nhận xét chung:

Đề tham khảo môn Ngữ văn kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2021 giữ nguyên thời lượng và cấu trúc của đề thi chính thức môn Ngữ văn trong kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2020. Học sinh trung bình nắm chắc kiến thức cơ bản có thể đạt được điểm 5- 6 đủ đảm bảo để xét tốt nghiệp, học sinh khá có thể đạt được trên dưới điểm 7, học sinh giỏi có thể đạt được điểm 8 trở lên.

Đề tham khảo môn Ngữ văn giữ nguyên cấu trúc cũ và có sự giảm bớt về độ khó đã mang lại cảm giác yên tâm cho cả giáo viên và học sinh trong giai đoạn học tập và ôn thi, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh đã ảnh hưởng đến việc dạy và học của giáo viên và học sinh trong suốt thời gian qua.

2. Phân tích cấu trúc:

Cấu trúc đề gồm 2 phần:

Phần I: Đọc hiểu (3 điểm)

Đề cung cấp 01 văn bản đọc hiểu là một đoạn thơ với dung lượng vừa phải và đưa ra 4 câu hỏi đọc hiểu ở các mức độ từ nhận biết (câu 1 và câu 2) đến thông hiểu (câu 3), rồi đến vận dụng (câu 4). Dù ở các mức độ của tư duy, nhưng các câu hỏi đều không khó, học sinh có thể trả lời dễ dàng. Phổ điểm cho phần này sẽ là 2 đến 2,25 điểm.

Phần II: Làm văn (7 điểm)

Phần II gồm 2 câu: câu 1 (2 điểm) yêu cầu viết đoạn văn nghị luận xã hội- giới hạn dung lượng khoảng 200 chữ, câu 2 (5 điểm) yêu cầu viết bài văn nghị luận văn học- không giới hạn dung lượng

- Câu 1 đưa ra vấn đề tư tưởng đạo lý “sức mạnh của tình người trong hoàn cảnh khó khăn thử thách” liên quan đến nội dung của văn bản đọc hiểu trong phần I. Đây là vấn đề thiết thực, không xa lạ với học sinh nên cũng không “làm khó” các em. Phổ điểm của câu 1 sẽ là 1,5 điểm.

- Câu 2 yêu cầu học sinh phân tích hình tượng sông Hương trong đoạn trích, từ đó nhận xét về tính trữ tình của bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường- là một nét phong cách nghệ thuật tiêu biểu của nhà văn. Đề cung cấp sẵn văn bản đoạn trích sẽ giảm nhẹ gánh nặng học thuộc dẫn chứng, nhưng sẽ đòi hỏi kĩ năng lập ý và phân tích ở học sinh. Vì vậy sẽ tránh được tình trạng điểm quá kém, nhưng để bật lên điểm giỏi- 4 điểm trở lên, các em học sinh cần có khả năng tư duy, khả năng cảm thụ và khả năng diễn đạt ở mức độ tốt. Yêu cầu đặt ra với học sinh hoàn toàn nằm trong phần kiến thức cơ bản đã được học của chương trình Ngữ văn 12, nên phổ điểm sẽ khoảng 3 điểm.

3. Một số gợi ý giúp học sinh ôn tập hiệu quả đối với kì thi:

- Tranh thủ vừa học bài mới vừa ôn tập lại các kiến thức đã học từ đầu năm. Kiến thức phần văn học cần được hệ thống theo hình thức sơ đồ tư duy và lập bảng để việc ghi nhớ được thuận lợi và bền vững.

- Có kế hoạch tự ôn tập khoa học và thực hiện một cách nghiêm túc, tự giác.

- Tăng cường luyện tập các dạng bài: đọc hiểu, nghị luận xã hội, nghị luận văn học để hình thành các kỹ năng cần thiết.

- Làm thật nhiều đề thi thử bám sát cấu trúc của đề thi để có sự chuẩn bị tâm lí tốt nhất.

4. Phần dành cho giáo viên.

- Đề tài đề minh họa 2021 vừa ra của Bộ GD&ĐT file word có lời giải tất cả các môn mời giáo viên vào website <https://tailieugiaoan.com/> để tải (miễn phí).

- Hiện chúng tôi đang phát triển và làm bộ đề chuẩn theo cấu trúc đề MINH HỌA 2021. Bao gồm tất cả các môn. Nếu quý thầy cô có nhu cầu cần tài liệu để phục vụ quá trình ôn thi vui lòng liên hệ với chúng tôi qua website <https://tailieugiaoan.com/>. Hoặc qua SĐT hotline 096.79.79.369 hoặc 0965.829.559.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

Phương pháp: Vận dụng những kiến thức về các thể thơ đã học.

Cách giải:

Thể thơ được sử dụng trong tác phẩm: Thể thơ tự do.

Câu 2:

Phương pháp: Đọc đoạn trích, tìm ý.

Cách giải:

Hai hình ảnh nói đến sự khắc nghiệt của thiên nhiên miền Trung:

- “*Câu ví dặm nằm nghiêng/ Trên nắng và dưới cát*”

-> Thiên nhiên không thuận lợi quanh năm đối diện với nắng gắt, thay vì đất đai màu mỡ nơi đây phần nhiều là cát trắng.

- “*Chỉ gió bão là tốt tươi như có/ Không ai gieo mọc trắng mắt người*”.

-> Gió bão diễn ra liên tục, khắc nghiệt vô cùng làm ảnh hưởng không tốt tới con người.

Câu 3

Phương pháp: Phân tích, lý giải.

Cách giải:

Học sinh có thể trình bày theo ý hiểu của mình và lý giải.

Gợi ý:

Miền Trung

Eo đất này thắt đáy lưng ong

Cho tình người động mặt

Ba câu thơ trên đã gợi ra hình ảnh về mảnh đất và con người Miền Trung:

- Mảnh đất miền Trung vô cùng khắc nghiệt với nắng gió, thiên tai, đất đai không màu mỡ. Tất cả những điều ấy tạo nên những bất lợi cho hoạt động sản xuất và sinh sống của người dân.

- Tuy nhiên, con người miền Trung vẫn luôn chăm chỉ, cần cù và sống với nhau bằng tất cả sự yêu thương chân thành nhất.

Câu 4

Phương pháp: Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:

Học sinh có thể tự đưa ra quan điểm của mình, lý giải.

Gợi ý:

- Tác giả thể hiện sự cảm thương đối với cuộc sống trước thiên nhiên khắc nghiệt của người dân miền Trung.

- Đồng thời qua đó, thể hiện sự trân trọng, ngợi ca những đức tính đáng quý của con người nơi đây: Cần cù, chịu khó, chân tình.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

Phương pháp:

- Tìm hiểu đề, xác định rõ vấn đề cần nghị luận Sức mạnh của tình người trong hoàn cảnh khó khăn thử thách.

- Phân tích, lý giải, tổng hợp.

Cách giải:*** Yêu cầu:**

- Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn.
- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

a. Nêu vấn đề:

Giới thiệu vấn đề: *Sức mạnh của tình người trong hoàn cảnh khó khăn thử thách*

b. Giải thích vấn đề:

- Tình người: Là thuật ngữ dùng để chỉ sự đối đãi, cư xử giữa người với người dựa trên tình yêu thương chân thành không có sự phân biệt.
 - Hoàn cảnh khó khăn thử thách: Là những tình huống, việc làm không dễ dàng được đặt ra trong cuộc sống mỗi con người buộc con người phải đối diện.
- => Trong hoàn cảnh khó khăn nhất, tình yêu thương là phương thuốc hữu hiệu mang sức mạnh to lớn giúp con người vượt qua thử thách, giải quyết khó khăn.

c. Bàn luận vấn đề:

- Trong hoàn cảnh khó khăn thử thách, tình yêu thương là động lực giúp con người vượt qua khó khăn, thử thách.
- + Tình yêu thương giúp xoa dịu, trấn tĩnh tâm hồn khi gặp phải phải khó khăn, thử thách.
- + Tình yêu thương tạo động lực khiến con người dám đối diện với thử thách, đối mặt với khó khăn để từ đó tìm ra hướng giải quyết tốt nhất.
- + Tình yêu thương là điểm tựa vững chắc nhất trong hành trình cố gắng giải quyết vấn đề của con người.
- Trong hoàn cảnh khó khăn, tình yêu thương tạo nên những sức mạnh phi thường.
- + Tình yêu thương giữa con người với con người đôi khi có khả năng khơi dậy những điểm mạnh, tiềm năng vốn có trong con người.
- + Tình yêu thương có khả năng tạo nên những sức mạnh phi thường mà con người không ngờ tới.

d. Bàn luận mở rộng, nhận thức và hành động.

- Tình yêu thương rất quan trọng trong cuộc sống không chỉ là khi gặp khó khăn.
- Phê phán lối sống ích kỷ, vụ lợi cá nhân, nhỏ nhen.
- Tích cực trau dồi, mở rộng trái tim, trao đi yêu thương mỗi ngày để tạo nên những giá trị tuyệt vời cho cuộc sống.

e. Kết thúc vấn đề: Tổng kết, khái quát lại vấn đề.**Câu 2:****Phương pháp:**

- *Xác định rõ vấn đề cần nghị luận: Phân tích hình tượng sông Hương trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về tính trữ tình của bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường.*
- Biểu cảm, bình luận, phân tích, tổng hợp.

Cách giải:**I. Mở bài**

- Giới thiệu một số nét tiêu biểu về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường:
- + Là một nhà văn chuyên viết về bút ký, được nhà văn Nguyễn Ngọc đánh giá là một trong mấy người viết ký hay nhất của văn học đương đại.
- + Ông kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và chất trữ tình, giữa nghị luận sắc bén và suy tư đa chiều. Tất cả được tổng hợp từ vốn kiến thức phong phú về lịch sử, địa lý, văn hóa, triết học,.. với lối hành văn hướng nội, súc tích, mê đắm và tài hoa.
- Nêu khái quát chung về tác phẩm “*Ai đã đặt tên cho dòng sông*”:
- + *Ai đã đặt tên cho dòng sông* là bài bút ký xuất sắc in trong tập sách cùng tên.
- + Sáng tác ngay sau chiến thắng 1975 nên vẫn còn dư âm của khí thế chống giặc ngoại xâm và ngợi ca chủ nghĩa anh hùng.
- Khái quát nội dung: Vẻ đẹp con sông Hương dưới góc nhìn địa lý khi chảy ở ngoại ô thành phố Huế. Qua đó tính trữ tình của bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường được thể hiện rõ nét.

II. Thân bài

*** Vị trí đoạn trích:** Nằm ở ngay đầu tác phẩm, đây là khi con sông Hương vừa chảy ra khỏi rừng già và đến với sự thơ mộng của cánh đồng Châu Hóa cùng cảnh vật những ngôi làng ngoại ô kinh thành Huế.

1. Vẻ đẹp con sông Hương dưới góc nhìn địa lý khi chảy ở ngoại ô thành phố Huế qua vùng châu thổ êm đềm.

- Hình ảnh liên tưởng: Người gái đẹp đang nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại được người tình mong đợi đến đánh thức.

+ Người gái đẹp: Người con gái ở độ tuổi trăng tròn, nhan sắc trẻ trung phơi phới sức sống.

+ Nằm ngủ mơ màng: Giấc ngủ êm đềm với một giấc mộng đẹp kéo dài đến mấy thế kỉ.

+ Cánh đồng đầy hoa dại: Cánh đồng được sông Hương bồi đắp trở nên trù phú. Hoa dại là một loại hoa có sức sống mãnh liệt, màu sắc rực rỡ, mang hương thơm của đồng nội.

+ Người tình mong đợi: Chờ đợi càng kéo dài thì hạnh phúc càng lớn lao.

- Hành trình của sông Hương liên tưởng tới hành trình của người gái đẹp đi tìm người tình nhân đích thực của mình. Gọi là người tình đích thực vì người ấy rất xứng đáng, xứng đôi vừa lứa. Hành trình này vô cùng lãng mạn giống như những câu chuyện tình yêu nhuộm màu cổ tích. Hành trình sông Hương về với Huế giống như hành trình cuộc tình nhân lý tưởng trong truyện Kiều: Tìm kiếm và đuổi bắt, hào hoa và đam mê, thi ca và âm nhạc.

- Vẻ đẹp của sông Hương trong hành trình đi tìm người yêu.

+ Sông Hương không ngừng hoàn thiện vẻ đẹp của mình để phô khoe trước người yêu, là để dâng tặng trước người yêu của mình.

+ Hành trình của sông Hương đi qua rất nhiều đoạn chảy nhỏ và được cảnh quan của đôi bờ soi bóng, tô điểm cho nên sông Hương ở mỗi đoạn chảy lại mang những nét đẹp đa dạng, phong phú.

++ Sông Hương tỉnh dậy sau một giấc ngủ kéo dài đến mấy thế kỉ sau một thời gian dài chờ đợi được người tình mong đợi đến đánh thức -> niềm hạnh phúc trang ngập -> Sức sống mạnh mẽ và háo hức đi tìm người yêu. Nhưng hành trình này không dễ dàng, khá là gian truân vượt qua rất nhiều chướng ngại vật (điện hòn 3 Chén; gò vấp, thềm đất bãi) uốn lượn quanh co được tác giả diễn tả qua những hình ảnh rất đẹp. Sông Hương chuyển dòng liên tục vòng giữa những khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm, vẽ một cánh cung thật trong ôm lấy chân đồi Thiên Mụ.

=> Trong quá trình vất vả để vượt qua chướng ngại vật sông Hương đã vô tình phô khoe những nét đẹp riêng rất ấn tượng.

+ Khi đi trong dư vang của Trường Sơn sông Hương vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi. Sắc nước có màu xanh thẳm rất khác với màu xanh ngọc bích của sông Đà, màu xanh của sông Hương gợi độ sâu, không thuần túy là cái đẹp hình thức mà có cả độ lắng của trải nghiệm.

+ Trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách, đồi núi trùng điệp, cao vừng chãi như những bức tường thành dang che chở, bao bọc cho sông Hương -> Sông Hương trở nên mềm như tấm lụa -> mặt sông trải rộng, êm đềm -> Con thuyền trên sông giống như những con thoi.

+ Những dãy đồi núi với điểm cao đột ngột đã tạo nên những phản quang nhiều màu sắc cho dòng sông: Sớm mang màu xanh của nền trời in bóng mang theo độ trong của mặt nước. Đến trưa sông Hương lại chuyển màu do phản chiếu màu nắng rực rỡ. Đến chiều mặt nước sông Hương lại chuyển sang màu tím. -> Thay đổi theo các thời điểm từng ngày đều tươi sáng, rực rỡ -> Sông Hương là một người con gái rất điệu đà, rất đáng yêu.

+ Sông Hương đi qua những lăng tẩm đồ sộ – nơi yên nghỉ ngàn thu của các vua chúa mang niềm kiêu hãnh âm u được phong kín trong lòng những lòng sông u tịch. -> Sông Hương trở nên trầm mặc như triết lý, như cổ thi.

+ Sông Hương nhận thấy những dấu hiệu từ xa của thành phố hay chính người tính từ xa. Đây là những dấu hiệu âm thanh: Tiếng chuông chùa Thiên Mụ ngân nga tận bờ bên kia giữa những xóm làng trung du bát ngát tiếng gà -> Gợi cuộc sống bình yên, yên ả.

=> Sông Hương trở nên bừng sáng, tươi tắn.

2. Tính trữ tình của bút kí Hoàng Phủ Ngọc Tường.

- Làm nên sức hấp dẫn của đoạn trích trước hết là nhờ xúc cảm sâu lắng của tác giả in hằn trong từng câu chữ.

- Tính trữ tình được tổng hợp từ vốn hiểu biết sâu rộng về lịch sử, địa lý, văn hóa, văn chương của Huế cùng với đó là tình yêu tha thiết với thành phố Huế thân yêu.

- Tính trữ tình thể hiện thông qua văn phong súc tích, hướng nội, tinh tế, tài hoa.

- Biện pháp nghệ thuật sử dụng rất dày đặc như so sánh, nhân hóa,... gắn với liên tưởng bất ngờ, sáng tạo
- > Mang đến sự thích thú đặc biệt cho người đọc.

III. Kết bài:

Khái quát lại nội dung, nghệ thuật của đoạn trích nói riêng và tác phẩm nói chung.

ĐỀ THI THỬ CHUẨN CẤU KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021
TRÚC MINH HOA

ĐỀ SỐ 01

(Đề thi có 02 trang)

Bài thi: Ngữ Văn

Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC – HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Quê hương thứ nhất của chị ở mảnh đất Hưng Yên, quê hương thứ hai của chị ở nông trường Hồng Cúm, hạnh phúc mà chị đã mất đi từ bây, tám năm nay ai ngờ chị lại tìm thấy ở một nơi mà chiến tranh đã xảy ra ác liệt nhất. Ở đây trong những buổi lễ cưới, người ta tặng nhau một quả mìn nhảy đã tháo kíp làm giá bút, một quả đạn cối tiện đầu, quét lượt sơn trắng làm bình hoa, một ống thuốc mỡ của quả bom tấn để đựng giấy giá thú, giấy khai sinh cho các cháu sau này, và những cái võng nhỏ của trẻ con tết bằng ruột dây dù rất óng. Sự sống nảy sinh từ cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong những hy sinh, gian khổ, ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới ấy.

(Trích *Mùa lạc* – Nguyễn Khải, NXB Văn học, 1960)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định ngôi kể trong đoạn trích?

Câu 2. Trong đoạn trích, những món quà nào thường được tặng trong đám cưới?

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong câu văn “Ở đây trong những buổi lễ cưới, người ta tặng nhau một quả mìn nhảy đã tháo kíp làm giá bút, một quả đạn cối tiện đầu, quét lượt sơn trắng làm bình hoa, một ống thuốc mỡ của quả bom tấn để đựng giấy giá thú, giấy khai sinh cho các cháu sau này, và những cái võng nhỏ của trẻ con tết bằng ruột dây dù rất óng”

Câu 4. Anh/Chị hãy nhận xét quan niệm về cuộc sống được tác giả nêu trong đoạn trích?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của nghị lực con người trong cuộc sống.

Câu 2 (5,0 điểm)

“Hắn chấp hai tay sau lưng, lững thững bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng lóa xói và hai con mắt còn cay sè của hắn. Hắn chớp chớp liên hồi mấy cái, và bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn, hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươn mươn niên ở một góc nhà đã thấy đem

ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung bành ngay lối đi đã hót sạch.

Ngoài vườn người mẹ đang cúi húi giấy những bụi cỏ mọc nham nhở. Vợ hắn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sần sật trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường nhưng đối với hắn lại rất thâm thúy cảm động. Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.”

(Trích *Vợ nhặt* – Kim Lân, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục, 2008, tr.30)

Phân tích tâm trạng nhân vật Tràng được nhà văn Kim Lân thể hiện trong đoạn trích trên . Từ đó, nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn Kim Lân.

..... **HẾT**

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn

(Đáp án và Hướng dẫn chấm gồm 04 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Ngôi kể: ngôi thứ ba Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không đúng thể thơ: không cho điểm.	0,75
	2	Trong đoạn trích, những món quà thường được tặng trong đám cưới: một quả mìn nhảy đã tháo kíp làm giá bút, một quả đạn cối tiện đầu, quét lượt sơn trắng làm bình hoa, một ống thuốc mỗi của quả bom tấn để đựng giấy giá thú, giấy khai sinh cho các cháu sau này, và những cái vòng nhỏ của trẻ con tết bằng ruột dây dù rất óng Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời 1-3 ý: 0,5 điểm	0,75
	3	Tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê: - Diễn tả hiện thực khó khăn và vẻ đẹp của tình người trong cuộc sống - Tạo cho câu văn sinh động, phong phú Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 2 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 trong 2 ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm	1,0
	4	Nhận xét quan niệm về cuộc sống được tác giả nêu trong đoạn trích - Cuộc sống luôn có thử thách, khó khăn, con người cần phải vượt qua để vươn tới thành công. - Quan niệm sống tích cực, tiến bộ, thể hiện khuynh hướng lãng mạn của văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được quan niệm: 0,25 điểm - Học sinh nhận xét quan niệm: 0,25 điểm	0,5
II		LÀM VĂN	
	1	Trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của nghị lực con người trong cuộc sống.	2,0

		a) <i>Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của nghị lực con người trong cuộc sống.	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ: ý nghĩa của nghị lực con người. Có thể theo hướng sau: Giúp con người vượt qua những khó khăn, nghịch cảnh; tôi luyện bản lĩnh; đạt được thành công trong cuộc sống. Hướng dẫn chấm: - <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm)</i> - <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm)</i> - <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm)</i> Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,75
		d) <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Hướng dẫn chấm: - <i>Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i>	0,25
		e) <i>Sáng tạo</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lí; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - <i>Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm</i> - <i>Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm</i>	0,5
2	Phân tích tâm trạng nhân vật Tràng được nhà văn Kim Lân thể hiện trong đoạn trích		5,0
	a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i>	Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i>	Tâm trạng nhân vật Tràng được nhà văn Kim Lân thể hiện trong đoạn trích	0,5

	Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
	* Giới thiệu tác giả (0,25) tác phẩm và đoạn trích (0,25)	0,5
	* Phân tích tâm trạng nhân vật Tràng - Hoàn cảnh: Buổi sáng đầu tiên sau khi “nhật vợ” - Tâm trạng: + Ngạc nhiên trước sự thay đổi của cảnh vật và ngôi nhà + Cảm động trước cảnh tượng gần gũi, quen thuộc + Yêu thương, gắn bó với gia đình + Hạnh phúc, thấy mình nên người và cần có trách nhiệm với gia đình - Tâm trạng của nhân vật được thể hiện bằng ngôn ngữ tự nhiên, sinh động, giàu tính biểu cảm; độc thoại nội tâm,... Hướng dẫn chấm: - Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm - Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 2,25 điểm. - Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 1,0 điểm - 1,5 điểm - Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm - 0,75 điểm	2,5
	* Đánh giá: - Tâm trạng nhân vật Tràng góp phần làm nên giá trị nhân đạo của tác phẩm <i>Vợ nhặt</i> - Tâm trạng nhân vật Tràng góp phần thể hiện phong cách nghệ thuật truyện ngắn của Kim Lân. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm - Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm	0,5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	e. Sáng tạo: Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của truyện ngắn Kim Lân; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực	0,5

	<i>tiền đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</i> - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	
Tổng điểm		10,0

.....HẾT.....

ĐỀ THI THỬ CHUẨN CẤU KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021

TRÚC MINH HỌA

Bài thi: Ngữ Văn

ĐỀ SỐ 02

Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian phát đề

(Đề thi có 02 trang)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Con bị thương, nằm lại một mùa mưa

Nhớ dáng mẹ ân cần mà lặng lẽ

Nhà yên ắng, tiếng chân đi rất nhẹ,

Gió từng hồi trên mái lá ủa qua.

Nhớ vườn cây che bóng kín sau nhà

Trái chín rụng suốt mùa thu lộp độp

Những dãy bưởi sai, những hàng khế ngọt,

Nhân đầu mùa, chim đến bới lao xao...

Con xót lòng, mẹ hái trái bưởi đào

Con nhạt miệng, có canh tôm nấu khế

Khoai nướng, ngô bung, ngọt long đến thế

Mỗi ban mai tỏa khói ấm trong nhà.

Ba con đầu đi chiến đấu nơi xa

Tình máu mủ mẹ dồn con hết cả

Con nói mớ những núi rừng xa lạ

Tình ra rồi, có mẹ, hóa thành quê!

(Mẹ, Bằng Việt)

Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản.

Câu 2. Trong đoạn trích có rất nhiều kỉ niệm được nhắc đến. Hãy chỉ ra những kỉ niệm đó.

Câu 3. Vẻ đẹp của mẹ được miêu tả như thế nào trong đoạn trích trên?

Câu 4. Anh/ Chị hãy nhận xét về tình cảm của tác giả đối với mẹ được thể hiện trong đoạn trích.

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc *cần trân quý những gì đang có* trong cuộc sống con người.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn. Mị vẫn nghe thấy tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi. "Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào!" Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được. Mị không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

Chó sủa xa xa. Chừng đã khuya. Lúc này là lúc trai đang đến bên vách làm hiệu, rủ người yêu dỡ vách ra rừng chơi. Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.

Cả đêm ấy Mị phải trói đứng như thế. Lúc thì khắp người bị dây trói thít lại, đau nhức. Lúc lại nồng nàn tha thiết nhớ. Hơi rượu toả. Tiếng sáo. Tiếng chó sủa xa xa. Mỵ lúc mê, lúc tỉnh. Cho tới khi trời tang tảng rồi không biết sáng từ bao giờ.

Mỵ bàng hoàng tỉnh. Buổi sáng âm sâm trong cái nhà gỗ rộng. Vách bên cũng im ắng. Không nghe tiếng lửa réo trong lò nấu lợn. Không một tiếng động. Không biết bên buồng quanh đấy, các chị vợ anh, vợ chú của A Sử có còn ở nhà, không biết tất cả những người đàn bà khốn khổ sa vào nhà quan đã được đi chơi hay cũng đang phải trói như Mị. Mị không thể biết. Đời người đàn bà lấy chồng nhà giàu ở Hồng Ngài, một đời người chỉ biết đi theo đuôi con ngựa của chồng. Mị chợt nhớ lại câu chuyện người ta vẫn kể: đời trước, ở nhà thống lý Pá Tra có người trói vợ trong nhà ba ngày rồi đi chơi, khi về nhìn đến thì vợ chết rồi. Mị sợ quá, Mị cựa quậy, xem mình còn sống hay chết. Cổ tay, đầu, bắp chân bị dây trói siết lại, đau đứt từng mảnh thịt.

(Trích **Vợ chồng A Phủ**- Tô Hoài, *Ngữ văn 12*, tập hai, Nxb GD, 2008, tr 8,9)

Phân tích hình tượng nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cái nhìn về người nông dân của nhà văn Tô Hoài.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	PTBD: Miêu tả, biểu cảm	0.5
	2	Trong đoạn trích có rất nhiều kỉ niệm được nhắc đến, cụ thể là: đáng mẹ đi lại chăm sóc con khi bị thương, những món ăn giản dị và đời thường mà mẹ dành cho con như trái bưởi đào, canh tôm nấu khế, khoai nướng, ngô bung.	0.5
	3	Trong đoạn trích, người mẹ được miêu tả thông qua những cử chỉ ân cần và những món ăn đậm bạc mà nhân vật dành cho người con trong tác phẩm. Đó là vẻ đẹp âm thầm, lặng lẽ mà cao quý của bà mẹ được tái hiện trong đoạn trích nói riêng cũng như những bà mẹ Việt Nam anh hùng trên đất nước nói chung.	1.0
	4	Tình cảm của tác giả đối với mẹ: trân trọng ghi nhớ suốt đời mình tình cảm quân dân sâu đậm và thiêng liêng mà người mẹ đã dành cho mình. Tác giả rất thương quý mẹ, luôn nhớ về mẹ và những kỉ niệm khi ở bên mẹ; xót thương những hi sinh của mẹ dành cho đất nước và nhân dân.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc <i>cần trân quý những gì đang có</i> trong cuộc sống con người	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: ý nghĩa của việc <i>cần trân quý những gì đang có</i> trong cuộc sống con người	0.25
		c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý nghĩa của việc <i>cần trân quý những gì đang có</i> trong cuộc sống con người . Có thể triển khai theo hướng sau: - <i>Trân quý những gì đang có</i> là biết trân trọng, nâng niu, gìn giữ những điều tốt đẹp mà cuộc sống đem đến cho mỗi con người -Ý nghĩa của việc <i>cần trân quý những gì đang có</i> :	1.00

		+trân quý những gì đang có sẽ đem lại hạnh phúc cho con người. Từ đó, đời sống tinh thần và vật chất sẽ được đầy đủ và nâng cao; +trân quý những gì đang có sẽ giúp ta không rơi vào lối sống ảo tưởng, viễn vông, hão huyền, xa rời thực tế; +trân quý những gì đang có sẽ giúp ta thêm yêu đời, gắn bó với gia đình, quê hương, đất nước, có động lực để phấn đấu, góp phần làm nên thành công, vượt qua bao thử thách, khó khăn trên đường đời. - Phê phán một số người không biết trân quý những gì đang có, chạy theo lối sống xa hoa, hưởng lạc cá nhân, đua đòi theo phong trào, gây đau khổ và phiền phức cho người khác. - Bài học nhận thức và hành động: Nhận thức được giá trị của cuộc sống hiện tại để biết quý trọng những gì mình có được trong tay. Tuổi trẻ cần học tập và rèn luyện, sống hết mình cho đời để không ân hận, hối tiếc vì mình đã đánh mất nhiều điều quý giá.	
		d. Sáng tạo	0,25
		Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Phân tích hình tượng nhân vật Mị trong đoạn trích . Từ đó, nhận xét cái nhìn về người nông dân của nhà văn Tô Hoài.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một trích văn xuôi	(0,25)
		Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	(0,25)
		Hình tượng nhân vật Mị trong đoạn trích; nhận xét cái nhìn về người nông dân của nhà văn Tô Hoài.	
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: -Tô Hoài là một trong những gương mặt tiêu biểu của văn xuôi Việt Nam đương đại. - “Vợ chồng A Phủ” – một tác phẩm gắn liền với tên tuổi nhà văn Tô Hoài trong hơn nửa thế kỉ qua.	(4.00)

	- Sức hấp dẫn của thiên truyện chủ yếu từ hai nhân vật được khắc họa khá thành công với những cá tính nghệ thuật đặc sắc. - Đặc biệt khi khắc họa nhân vật Mị, nhà văn bộc lộ năng lực khám phá chiều sâu nội tâm con người sâu sắc và tinh tế, đồng thời thể hiện cái nhìn mới mẻ về người nông dân. Cụ thể ở đoạn trích: <i>“Trong bóng tối, Mị đứng im lặng [...]. Cổ tay, đầu, bắp chân bị dây trói siết lại, đau đứt từng mảnh thịt.”</i> 3.2. Thân bài: 3.2.1. Khái quát về tác phẩm, đoạn trích: 0.25 đ - Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, sơ lược cốt truyện. + Truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ ” được sáng tác năm 1952 và in trong tập "Truyện Tây Bắc " (1953). Đây là một tác phẩm có giá trị của văn xuôi Việt Nam hiện đại khi phản ánh chân thực và sinh động con đường của nhân dân miền núi cao Tây Bắc đi theo cách mạng. + Tác phẩm gồm hai phần : Phần đầu kể về cuộc sống tủ nhục của Mị và A Phủ ở Hồng Ngài, là nô lệ trong nhà thống lí Pá Tra. Kết thúc phần đầu là cảnh Mị cắt dây trói cứu A Phủ và cùng A Phủ trốn khỏi nhà Pá Tra. Phần sau kể Mị và A Phủ ở Phiềng Sa, họ thành vợ chồng, được cán bộ A Châu giác ngộ cách mạng. A Phủ trở thành đội trưởng du kích đánh Pháp bảo vệ làng. - Vị trí, nội dung đoạn trích. 3.2.2. Cảm nhận về đẹp nội dung, nghệ thuật về nhân vật Mị trong đoạn trích: a. Về nội dung: – Sơ lược về cảnh ngộ của Mị trước khi bị trói trong đêm tình mùa xuân: + Mị là một cô gái trẻ đẹp, yêu đời, chăm chỉ lao động, nhà nghèo và rất hiếu thảo; + Do món nợ truyền kiếp của cha mẹ, Mị phải làm dâu gạt nợ cho thống lí Pá Tra, sống cuộc đời trâu ngựa khổ đau; + Nhưng tận đáy sâu tâm hồn cảm lạnh ấy vẫn le lói tia lửa sống, chỉ chờ dịp là bùng lên mạnh mẽ. Dịp ấy đã đến trong <i>đêm tình mùa xuân</i> phơi phới mà tiếng sáo gọi bạn đầu làng đã làm xao động lòng người phụ nữ trẻ; + Khi mùa xuân về, như quy luật vạn vật hồi sinh, sức trẻ trong Mị bùng trỗi dậy. Mị khêu đèn lên cho bừng sáng căn buồng của mình, lén lấy hũ rượu uống ực từng bát. Mị bồi hồi nghe tiếng sáo. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi.	
--	---	--

		+Trông thấy Mị, A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi dây ra trói Mị đứng vào cột nhà. Tóc Mị xõa xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột làm cho Mị không cúi, không nghiêng đầu được nữa... – Diễn tả tâm trạng và hành động của Mị trong đêm tối khi bị A Sử trói, không cho đi chơi xuân: + “<i>Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi...</i>”: Mị như quên hẳn mình đang bị trói, quên những đau đớn về thể xác, Mị vẫn thả hồn theo những cuộc chơi, những tiếng sáo gọi bạn tình tha thiết, tiếng sáo không chỉ vang vọng trong không gian mà còn tồn tại trong chính tâm hồn Mị. Ngay cả khi cô bị trói đứng thì âm thanh của tiếng sáo như ma lực làm bùng cháy trong Mị niềm khao khát yêu, khao khát sống. + “<i>Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được</i>”: Tiếng sáo của những đôi lứa yêu nhau và của cả những người lỡ duyên đã có sự tác động lớn lao tới tâm hồn Mị. Nó thôi thúc Mị, khiến Mị vùng bước đi, quên thực tại đau khổ trước mắt. Chi tiết Mị “vùng bước đi” đã minh chứng được sức sống mãnh liệt trong tâm hồn Mị. Tâm hồn ấy đang đến với tự do, đang tràn trề nỗi yêu đương của tuổi trẻ. Nhưng cũng chính lúc này, khi “vùng bước đi” theo tiếng sáo, sợi dây trói thắt vào “tay chân đau không cựa được”, Mị mới trở lại với hiện thực phũ phàng, nghiệt ngã. Lòng Mị đau đớn, thốn thức nghĩ mình không bằng con ngựa. +Tiếng sáo tượng trưng cho tình yêu, hạnh phúc đột ngột biến mất, “<i>Mị không nghe thấy tiếng sáo nữa</i>”. “<i>Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa</i>”, tiếng chân ngựa đạp vào vách, nhai cỏ, gãi chân là những âm thanh của thực tại, đưa Mị trở lại với sự liên tưởng đau đớn bởi kiếp sống “không bằng con ngựa” của mình. Sau bao nhiêu năm tháng, Mị đã tỉnh táo nhận ra thân phận trâu ngựa của mình, đã thốn thức khi thấy mình “không bằng con ngựa” nhà thống lí. Hình ảnh so sánh con người với con vật cứ day dứt, trở đi trở lại trong tác phẩm. Khi về làm vợ A Sử chắc chắn nhiều lần Mị đã bị hấn đánh đập, hành hạ. Nhưng có lẽ đây là lần đầu tiên Mị thốn thức nghĩ không bằng con ngựa. Bởi những lần trước Mị nghĩ mình cũng là con trâu, con ngựa thì đó là ý nghĩ của con người cam chịu, quen khổ. Còn giờ đây, nó là cái thốn thức của tâm hồn bị vùi dập. +Dù đã trở lại với thực tại tàn nhẫn, suốt đêm mùa xuân ấy, quá khứ vẫn “nồng nàn tha thiết” trong nỗi nhớ của Mị với “hơi rượu toả, tiếng sáo dập dồn, tiếng chó sủa xa xa...” Đêm khuya là lúc trai đến bên vách làm hiệu rủ người yêu dỡ vách ra rừng chơi. Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi. +Mị phải sống trong sự giằng xé giữa khao khát cháy bỏng, hiện tại tàn
--	--	--

	nhẫn. Tâm trạng Mị đồng hiện giữa quá khứ, hiện tại, chập chờn giữa tỉnh và mê. Trong đêm tỉnh mùa xuân này, Mị đã thức tỉnh để nhận ra những bất hạnh, những cay đắng trong thân phận trâu ngựa của mình. Khi nhận ra thì cảm nhận về sự khổ ải sẽ càng thấm thía. Từ nay, có lẽ Mị sẽ không thể yên ổn với những suy nghĩ buồn xuôi, cam chịu của mình. Khát vọng tình yêu, khát vọng hạnh phúc, khát vọng tuổi trẻ đã hồi sinh nhưng cũng đã bị vùi dập. Và nó đang chờ ngọn gió để thổi bùng lên. + Mị bàng hoàng tỉnh... Không một tiếng động. Mị thương những người đàn bà khốn khổ sa vào nhà quan. Cô Mị của ngày xưa - một người sống như đang chết, sống trong cảm giác chờ đợi sự giải thoát từ cái chết, giờ đây lại biết xót thương cho người khác, biết sợ hãi trước cái chết. + Mị thấy sợ khi nhớ tới từng có người đàn bà cũng bị đánh, bị trói đã chết đứng chính căn buồng này. “<i>Mị sợ quá, Mị cựa quậy</i>” như để chứng minh mình vẫn còn sống. Mị sợ chết vì ám ảnh bởi bóng ma của thần quyền. Mị sợ chết cũng chứng tỏ Mị khao khát sống. Chết lúc này là chết oan uổng. Chính tiếng sáo, tiếng gọi tình yêu đã giúp Mị nhận ra sự sống đáng quý: phải sống để được yêu, được đón nhận hạnh phúc tuổi trẻ... Một khi biết sợ chết thì người ta càng thêm yêu cuộc sống. Mị cũng vậy. +Đánh giá: Như vậy rõ ràng là cường quyền và thần quyền tàn bạo không thể dập tắt nổi khát vọng hạnh phúc, tình yêu nơi Mị. Cuộc nổi loạn tuy không thành công nhưng nó đã cho người đọc thấy sức sống mãnh liệt tiềm tàng trong những người nông dân tưởng chừng như nhỏ bé, khốn khổ nhất. b. Về nghệ thuật: -Bút pháp miêu tả tâm lí sắc sảo, tinh tế -Cách dẫn dắt tình tiết khéo léo, tự nhiên -Giọng trần thuật của tác giả hòa vào những độc thoại nội tâm của nhân vật tạo nên ngôn ngữ nửa trực tiếp đặc sắc. -Ngôn ngữ kể chuyện tinh tế, mang đậm màu sắc miền núi. 3.2.3.Nhận xét cái nhìn về người nông dân của nhà văn Tô Hoài. - Nhà văn nhìn người nông dân Tây Bắc dưới ách thống trị của bọn chúa đất miền núi đã bị chà đạp tàn nhẫn từ thể xác đến tinh thần. Nhưng trong chiều sâu tâm hồn của họ vẫn có sức sống tiềm tàng mãnh liệt của khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc, tình yêu và khát vọng tự do. Tuy sống trong thân phận trâu ngựa, bị đoạ đầy giữa địa ngục trần gian nhưng họ không bao giờ chịu đầu hàng số phận, mà vẫn tìm cách vượt ngục tinh thần, tâm hồn được hồi sinh. Đó còn là cái nhìn lạc quan, tin tưởng vào sức mạnh của người nông dân trong tư tưởng tiến	
--	---	--

	bộ của nhà văn cách mạng Tô Hoài. - Các nhìn mới mẻ, tin yêu về người nông dân cho thấy tài năng quan sát, miêu tả thiên nhiên, phong tục tập quán, đặc biệt khả năng diễn tả quá trình phát triển tính cách nhân vật hợp lí, tự nhiên, phong phú, phức tạp mà sâu sắc, phù hợp với quy luật <i>phép biện chứng tâm hồn</i> của nhà văn-người có duyên nợ với mảnh đất và con người Tây Bắc. 3.3.Kết bài: 0.25 -Đoạn văn miêu tả tâm trạng nhân vật Mị trong đêm xuân khi bị trói thắm đẫm tính nhân văn, góp phần tô đậm tính cách nhân vật Mị. -Thể hiện một cách chân thật và cảm động giá trị hiện thực và tinh thần nhân đạo của truyện ngắn “<i>Vợ chồng A Phủ</i>”.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

**ĐỀ THI THỬ CHUẨN CẤU
TRÚC MINH HỌA**

ĐỀ SỐ 03
(Đề thi có 02 trang)

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021

Bài thi: Ngữ Văn

Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian phát đề

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

*Tuổi thơ chờ đầy cổ tích
Dòng sông lời mẹ ngọt ngào
Đưa con đi cùng đất nước
Chòng chành nhịp võng ca dao.*

*Con gặp trong lời mẹ hát
Cánh cò trắng, dải đồng xanh
Con yêu màu vàng hoa mướp
“Con gà cục tác lá chanh”.*

*Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao.*

*Mẹ ơi, trong lời mẹ hát
Có cả cuộc đời hiện ra
Lời ru chắp con cánh
Lớn rồi con sẽ bay xa.*

(Trong lời mẹ hát, Trương Nam Hương)

Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Trong bài thơ trên có hình ảnh trong lời bài hát được miêu tả. Đó là những hình ảnh nào, những hình ảnh đó gợi cho em những suy nghĩ gì.

Câu 3. Nhân vật người mẹ được miêu tả là một người như thế nào.

Câu 4. Nêu nội dung của khổ thơ cuối và sắc thái chủ đạo của cả bài thơ.

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa lời ru của mẹ đối với đời sống mỗi con người.

Câu 2. (5,0 điểm)

Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn, nếu không có bếp lửa sưởi kia thì Mị cũng đến chết héo. Mỗi đêm, Mị đã dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần.

Thường khi đến gà gáy Mị ngồi dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu thì các chị em trong nhà mới bắt đầu ra dóm lò bung ngô, nấu cháo lợn. Chỉ chớp mắt được từng lúc, Mị lại thức sưởi lửa suốt đêm. Mỗi đêm, nghe tiếng phù phù thổi bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa sưởi bùng lên, cùng lúc ấy thì Mị cũng nhìn sang, thấy mắt A Phủ trừng trừng, mới biết A Phủ còn sống. Mấy đêm nay như thế. Nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. Mị vẫn trở dậy, vẫn sưởi, chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chợt về, thấy Mị ngồi đấy, A Sử đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau Mị vẫn ra sưởi như đêm trước.

Lúc ấy đã khuya. Trong nhà ngủ yên thì Mị trở dậy thổi lửa. Ngọn lửa bập bùng sáng lên, Mị lé mắt trông sang thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại. Nhìn thấy tình cảnh như thế, Mị chợt nhớ lại đêm năm trước, A Sử trói Mị, Mị cũng phải trói đứng thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết, nó bắt mình chết cũng thôi, nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt về trình ma rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết. A Phủ ... Mị phảng phất nghĩ như vậy.

(Trích **Vợ chồng A Phủ**- Tô Hoài, Ngữ văn 12, tập hai, Nxb GD, 2008, tr 13)

Phân tích hình tượng nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét tình cảm của nhà văn Tô Hoài đối với nhân dân Tây Bắc.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Thể thơ: tự do	0.5
	2	Trong lời mẹ hát có những hình ảnh sau: cánh cò trắng, cánh đồng, hoa mướp. Đó là những hình ảnh dung dị, đời thường của cuộc đời hàng ngày, cuộc đời ấy có sự gắn bó mật thiết với tuổi thơ của đứa trẻ. Khi nghe lời mẹ hát, cuộc đời như được thu nhỏ trong tầm mắt của đứa trẻ, trở thành nguồn tưới mát tâm hồn đứa trẻ, khiến đứa trẻ không thể nào quên được.	0.5
	3	Nhân vật người mẹ được tái hiện trong đoạn trích là một người tần tảo nuôi con qua tháng năm, vượt qua những khó khăn của cuộc đời để nuôi con khôn lớn. Người mẹ được tái hiện qua những lời hát ru, qua hình dáng nhỏ nhắn, qua mái tóc bạc ghi dấu thời gian, qua tấm lưng còng chịu nhiều sương gió. Những câu thơ như khắc ghi lại bóng dáng mẹ cao cả, suốt đời hi sinh cho người con của mình những điều tốt đẹp nhất.	1.0
	4	Khổ thơ cuối của đoạn trích là lời đúc kết của tác giả từ những tình cảm sâu nặng của người mẹ dành cho người con của mình. Khổ thơ dung dị như chính người mẹ vậy, thông qua lời mẹ hát mà tác giả nhìn thấy cả cuộc đời của mình: Mẹ ơi, trong lời mẹ hát/ Có cả cuộc đời hiện ra. Cách nói ý vị đó cho thấy tấm lòng biết ơn sâu nặng mà tác giả gửi gắm, đề từ đó tác giả hướng đến một lối sống tốt đẹp, vị tha: Lời ru chấp con cánh/ Lớn rồi con sẽ bay xa. Lời hứa hẹn đó như trở thành phương châm sống của tác giả, luôn hướng về tương lai với niềm hưng phấn ngọt ngào. Sắc thái chủ đạo của bài thơ là nhẹ nhàng, sâu lắng, thấm thía.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa lời ru của mẹ đối với đời sống mỗi con người	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ	0.25

		Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích. b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : <i>ý nghĩa lời ru của mẹ đối với đời sống mỗi con người</i>	0.25
		c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý nghĩa lời ru của mẹ đối với đời sống mỗi con người. Có thể triển khai theo hướng sau: - Tiếng ru của mẹ là tình cảm, là ước mong, là lời gửi gắm tâm tình của mẹ đối với con mình. Lời ru chứa đựng trong đó cả một thế giới tinh thần mà người mẹ có được và muốn xây dựng cho đứa con. - Lời ru của mẹ được hấp thu từ mạch nguồn truyền thống yêu thương tình nghĩa từ bao đời của dân tộc ta. - Ý nghĩa của lời ru: Là lời khuyên nhủ, dạy bảo, lời yêu thương, trân quý, là lời dặn dò và lưu giữ những nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc. - Tuy nhiên, trong thời đại công nghệ hiện đại, một số bộ phận các bà mẹ trẻ không thuộc những lời bài hát ru và chưa ru con theo cách truyền thống. - Thật hạnh phúc cho những ai được lớn lên trong tiếng hát ru của mẹ, trong điệu nhạc du dương, trong những ngôn từ đẹp đẽ, âm áp ngọt ngào đầy nhân bản của tình mẫu tử. * Bài học nhận thức hành động: Sau này xây dựng gia đình, sinh con đẻ cái duy trì nòi giống, em cùng người thân trong gia đình sẽ hát ru con bằng những giai điệu dân ca ngọt ngào và âm nòng nhân nghĩa và đạo lí của người Việt Nam.	1.00
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Phân tích hình tượng nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét tình cảm của nhà văn Tô Hoài đối với nhân dân Tây Bắc.	5,0
		1. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một trích văn xuôi</i>	(0,25)

		Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Hình tượng nhân vật Mị trong đoạn trích; nhận xét tình cảm của nhà văn Tô Hoài đối với nhân dân Tây Bắc.	(0,25)
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: - Tô Hoài là nhà văn nổi tiếng trên văn đàn từ trước năm 1945. Trong kháng chiến chống Pháp, ông chủ yếu hoạt động ở lĩnh vực báo chí, nhưng vẫn có một số thành quả quan trọng trong sáng tác văn học, nhất là về đề tài miền núi. Một trong những thành công của Tô Hoài khi viết về đề tài này là truyện “<i>Vợ chồng A Phủ</i>”; - Nêu vấn đề cần nghị luận: nhân vật Mị trong đoạn trích <i>Những đêm mùa đông (...)Mị phảng phất nghĩ như vậy</i> thể hiện những nét mới mẻ về người nông dân sau cách mạng trong sáng tác của nhà văn Tô Hoài. 3.2.Thân bài: 3.50 3.2.1. Khái quát về tác phẩm - Truyện <i>Vợ chồng A Phủ</i> in trong tập <i>Truyện Tây Bắc</i>, là kết quả của chuyến Tô Hoài đi cùng bộ đội vào giải phóng Tây Bắc (1952), đánh dấu độ chín của phong cách nghệ thuật Tô Hoài. Tác phẩm viết về cuộc sống tăm tối và khát vọng sống mãnh liệt của người dân miền núi dưới ách thống trị của thực dân phong kiến. Mị là nhân vật chính, là linh hồn của tác phẩm. - Vị trí, nội dung đoạn trích: thuộc phần cuối trong phần 1 của truyện <i>Vợ chồng A Phủ</i> , kể về diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đêm đông cứu A Phủ. 3.2.2. Cảm nhận nội dung, nghệ thuật đoạn trích: 2.5đ a. Về nội dung: (2.0đ) a.1. Hoàn cảnh Mị gặp A Phủ -Giới thiệu sơ lược về Mị: một cô gái xinh đẹp, tài năng, hiếu thảo. Vì món nợ truyền kiếp của gia đình và sự tàn ác của bọn chúa đất miền núi Tây Bắc mà Mị trở thành nạn nhân của chế độ cho vay nặng lãi. Mị là con dâu gạt nợ của nhà thống lí Pá Tra. Trong đêm tình mùa xuân, nhờ tác động bởi ngoại cảnh, men rượu, tiếng sáo, Mị có sức sống tiềm tàng, khao khát hạnh phúc,	(4.00)

		tình yêu; - Giới thiệu sơ lược về A Phủ: một thanh niên có thân phận như Mị, cũng phải ở nhà thống lí Pá Tra để gạt nợ. Do để mất bò mà bị trói đêm này sang đêm khác, ngày này sang ngày kia. - Hai con người đau khổ không hẹn mà gặp nhau tại nhà thống lí Pá Tra trong đêm đông nơi núi cao lạnh lẽo. a.2.Diễn biến tâm lí và hành động của Mị - Mị có thói quen thức sưởi lửa suốt đêm-đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn. +<i>Nếu không có bếp lửa kia thì Mị đến chết héo. Mỗi đêm, Mị dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần:</i> Từ chỉ thời gian <i>mỗi đêm, không biết bao nhiêu lần:</i> gợi thói quen lặp đi lặp lại như một bản năng, ăn vào vô thức. Đó là bản năng tìm tới hơi ấm, ánh sáng.Mị <i>chỉ biết, chỉ còn ở với ngọn lửa:</i> điệp từ “chỉ” diễn tả nét nghĩa tồn tại ít ỏi. Trong văn hóa nhân loại, ngọn lửa thường là vật biểu trưng cho ánh sáng, sự sống. Ở đây, ngọn lửa ngầm ẩn sự hiện hữu tuy tối thiểu nhưng dai dẳng của sức sống trong Mị. +<i>A Sủi đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau Mị vẫn ra sưởi như đêm trước:</i> Từ vẫn tiếp tục nhấn mạnh niềm khát sống bền bỉ. Hình tượng ngọn lửa là nguồn sáng- nguồn ấm-nguồn sống duy nhất đồng thời tiềm sâu sức sống dai dẳng, bền bỉ, bất chấp của Mị. -Lúc đầu, Mị có trạng thái thần nhiên đáng sợ. - Sau sự nổi loạn ở đêm tình mùa xuân không thành, Mị đã bị cưỡng quyền, thần quyền nhà thống lí Pá tra vùi dập, chà đạp, để bị rơi vào trạng thái tê liệt còn đáng sợ hơn cả trước đây. Điều đó thể hiện trong cách Mị nhìn A Phủ bị trói đứng. Mị tro li tê liệt đến mức <i>vẫn thần nhiên thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi.</i> Ba chữ <i>cũng thế thôi</i> tách riêng thành một nhịp, lời văn nửa trực tiếp đã tái hiện chính xác thái độ lạnh lùng của nhân vật. Nghĩa là cô không chỉ khước từ quyền sống của chính mình mà còn không quan tâm đến cả sự sống của đồng loại. Tuy có lúc A Sủi đi chơi đêm về, ngựa tay ngựa chân, “đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp”, nhưng đêm sau Mị vẫn gan lì, lặng lẽ phản kháng, tiếp tục ra sưởi lửa như đêm trước. Bởi lẽ ngọn lửa đã là người bạn, là cứu cánh của Mị - “Mị chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa”. Đó là thái độ thần nhiên đáng sợ vì không có tình đồng loại. Vì sao? Lí giải vấn đề này, ta thấy có ba nguyên nhân. <i>Một là</i>, cảnh người bị trói đến chết không phải là hiếm hoi ở nhà thống lí. <i>Hai là</i>, cuộc sống bao năm làm con rùa lùi lũi trong xó cửa đã tạo cho Mị một sức ỳ, một quán tính cam chịu, nhẫn nhục quá lớn. <i>Ba là</i>, Mị đã chịu đựng quá nhiều đau khổ về thể xác lẫn tinh thần nên cô đã trở nên chai sạn vô cảm, khả năng cảm thông, chia sẻ với cảnh ngộ khốn cùng của người khác ở Mị gần như bị tê liệt. Mị chẳng khác gì “tảng đá”. -Những dòng nước mắt của A Phủ làm Mị có nhu cầu được hi sinh: Nguyên nhân quan trọng nhất đã tác động đến tâm lý của Mị để từ sự chai sạn vô cảm đã sống dậy những cảm xúc
--	--	--

	mãnh liệt, đã bùng dậy khát vọng tự do đó chính là dòng nước mắt của A Phủ. Dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen của A Phủ đã tác động mạnh đến tâm lý của Mị, đưa cô từ cõi quên trở về với cõi nhớ. Mị nhớ lại đêm năm trước mình cũng bị A Sử trói đứng như vậy, nước mắt chảy xuống mà không thể lau đi được. Chính việc sống lại những kí ức đó đã khiến Mị nhận thấy sự đồng cảm, đồng cảnh giữa mình và A Phủ, để từ lòng thương mình, cô đã thương người và cuối cùng là hành động cứu người. Tô Hoài đã khéo léo dùng cách trần thuật nửa trực tiếp để cho người đọc thấy rõ cảm xúc của Mị: <i>Trời ơi nó bắt trói đứng người ta đến chết</i>. Dạng thức cảm thán đã cho thấy Mị không còn thờ ơ, vô cảm với đồng loại mà trong tâm hồn cô đã dấy lên một tình thương yêu mãnh liệt. Tâm lí này cho thấy phẩm chất nhân hậu tiềm ẩn trong tâm hồn người phụ nữ cùng khổ. Cùng với lòng thương người, Mị đã nhận ra bản chất tàn ác, vô nhân đạo của cha con nhà thống lý: <i>chúng nó thật độc ác</i>. Từ chỗ cúi đầu chấp nhận tất cả những đau đớn đọa đày ở nhà thống lý đến chỗ cảm nhận được điều này là một bước tiến trong nhận thức và tình cảm của nhân vật. Mị đã thể hiện thái độ phản kháng, không còn chấp nhận sự áp chế của thần quyền và cường quyền nữa. Mị nhận thấy sự khác biệt giữa mình và A Phủ. Vì tin là mình đã bị ma nhà thống lý Pá Tra nhận mặt nên cô ý thức được sự ràng buộc của đời mình, chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi. Còn với A Phủ, Mị nhận rõ sự bất công: <i>Người kia việc gì mà phải chết ?</i> Ý thức rõ được hậu quả khi một ngày kia A Phủ trốn được rồi thì mình sẽ bị trói và chết bên cái cọc ấy nhưng Mị không thấy sợ. Dù không nói ra một cách rõ ràng nhưng những suy nghĩ của Mị đã cho thấy cô chấp nhận cái chết về phía mình để tìm cách cho A Phủ được sống. Đến đây có thể thấy lòng thương người đã lớn tới mức Mị quên đi sự sống của bản thân để đổi lấy sự sống cho người khác. Tâm lý này đã ánh lên vẻ đẹp cao thượng vị tha trong tâm hồn Mị. - Đánh giá ý nghĩa: +Qua diễn biến tâm lí của nhân vật Mị, nhà văn Tô Hoài muốn khẳng định: bạo lực không thể đè bẹp, hủy diệt khát vọng sống, khát vọng tự do, hạnh phúc. Chỉ có điều là để có được sự sống, tự do, hạnh phúc, con người đã phải trải qua nhiều tủ nhục, đắng cay. +Tái hiện nhân vật Mị trong thế cùng A Phủ đối đầu với bọn lang đạo, địa chủ miền núi Tây Bắc, Tô Hoài đã lên án giai cấp thống trị bất nhân được thực dân Pháp bảo trợ đã chà đạp lên quyền sống, quyền hạnh phúc của những người dân lương thiện miền núi Tây Bắc. Đồng thời, Tô Hoài cũng đã đồng cảm, xót thương sâu sắc trước những nỗi đau tê buốt, xé lòng; đặc biệt là ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp, sức sống diệu kì của những kiếp nông nô lầm than, tủ nhục - trong mọi cảnh ngộ, họ luôn luôn tìm cách vươn lên bằng khát vọng tự do, hạnh phúc, bằng sức mạnh yêu thương và sự dẫn đường chỉ lối của cách mạng sau này.	
--	--	--

	b. Về nghệ thuật: - Khả năng miêu tả tâm lý nhân vật sâu sắc, đi sâu khai thác diễn biến tâm trạng của nhân vật; - Ngôn từ độc đáo, giàu ý nghĩa, giọng văn đầy chất thơ; - Cách miêu tả rất cụ thể, thủ pháp tăng tiến; nhịp văn thúc bách, nhanh, gấp; lời văn nửa trực tiếp... 3.2.3. Nhận xét tình cảm của nhà văn Tô Hoài đối với nhân dân Tây Bắc: - Đồng cảm với nỗi khổ đau mà con người phải gánh chịu (đồng cảm với thân phận làm dâu gặt nợ của Mị khi nhớ lại bị A Sử chà đạp; nỗi đau của A Phủ khi bị trói vào cây cọc để thế mạng con hổ). - Phát hiện ra tinh thần phản kháng của con người bị áp bức (từ vô cảm, Mị đã đồng cảm với người đồng cảnh ngộ; từ suy nghĩ đúng sẽ có hành động đúng). - Tấm lòng nhà văn dành cho đồng bào miền núi thật sâu nặng, nghĩa tình, xét đến cùng đó chính là tấm lòng nhân đạo của người nghệ sĩ dành cho đất và người Tây Bắc. 3.3.Kết bài: 0.25 - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp của nhân vật Mị qua đoạn trích; - Nêu cảm nghĩ về tư tưởng và nghệ thuật trong sáng tác của Tô Hoài.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

A. ĐỊNH HƯỚNG RA ĐỀ**1. Cấu trúc đề vẫn gồm hai phần, đó là phần Đọc hiểu (3 điểm) và Làm văn (7 điểm).**

- Trong đó, câu hỏi Đọc hiểu gồm ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa cùng 4 câu hỏi đọc hiểu theo các mức độ: Nhận biết/ thông hiểu/ vận dụng. Đó là những dạng câu hỏi quen thuộc với học trò từ nhiều năm nay.

- Trong phần Làm văn, câu Nghị luận xã hội (2 điểm) với yêu cầu viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nội dung nghị luận là vấn đề có quan hệ hữu cơ với nội dung trong ngữ liệu đọc hiểu.

2. Nội dung:

- Đề đảm bảo kiến thức cơ bản, và không có kiến thức trong nội dung tinh giản mà Bộ mới công bố ngày 31.3.2020. Đề không khó, vừa sức với học sinh, học sinh trung bình không khó để đạt mức điểm 5 - 6; học sinh khá đạt 7 - 8. Tuy nhiên để đạt mức điểm 9-10 đòi hỏi học sinh phải phát huy được tư duy phản biện, các trình bày vấn đề nghị luận sắc bén, thể hiện quan điểm cá nhân mang tính sáng tạo.

- Phần Đọc hiểu trong đề thi sử dụng ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa, gồm một đoạn trích dẫn cho trước và 4 câu hỏi. Để trả lời được 4 câu hỏi này, đòi hỏi học sinh phải nắm chắc kiến thức về Tiếng Việt, đọc hiểu nội dung và suy ngẫm, đánh giá. Đặc biệt ở câu 3, câu 4 đòi hỏi người làm bài phải hiểu sâu sắc đoạn trích, câu trích dẫn thì bài làm mới hay, hiểu đúng vấn đề.

- Trong phần Làm văn:

+ Đề thi yêu cầu học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội: Câu này vẫn giữ nguyên tắc ra đề truyền thống, yêu cầu học sinh viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về một vấn đề được rút ra từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.

+ Ở câu nghị luận văn học, nội dung câu hỏi nằm ở phần kiến thức chương trình học kì I lớp 12, không ra ngoài nội dung tinh giản của Bộ GDĐT, mức độ phù hợp giống với câu nghị luận học trong đề thi chính thức năm 2019. Và đây là đơn vị kiến thức nhỏ (không phải toàn bộ tác phẩm), phù hợp với dung lượng bài văn 5 điểm trong thời lượng đề thi 120 phút.

B. MA TRẬN ĐỀ THI**MA TRẬN**

PHẦN	CÂU	CẤP ĐỘ NHẬN THỨC			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
ĐỌC HIỂU	1	x			
	2		x		
	3			x	
	4			x	
LÀM VĂN	1			x	
	2				

C – BIÊN SOẠN ĐỀ THI**I. Đọc hiểu (3 điểm)**

Đọc đoạn trích:

*Họ gánh về cho tôi mùa ổi mùa xoài mùa mận
Mùa sen mùa cốm trên vai*

*Cả nắng ban mai cả hoàng hôn tím
Ngày đi rừng rừng đôi dép lê*

*Tôi mua được mùa ôi mùa sen bằng đồng bạc lẻ
Đồng bạc lạng lẽ
Thắm đẫm sương đêm thắm đẫm mồ hôi
Sau lưng họ đồng làng mồ côi hun hút gió
Vòng tay ngỏ
Lời ru con căng sữa*

*Họ gánh về cổng tôi bao mùa trinh nguyên, những mùa
tôi sẽ quên nếu thiếu họ
Hương nhãn Hưng Yên vừa vào mùa, sen Tây Hồ vừa nở,
cốm làng Vòng vừa trăn trở những hạt xanh
Họ gánh tặng tôi ngọn gió mát lành đồng quê
Nơi mẹ và con và chồng họ đứng chờ [...]*

*Những ngôi sao của tôi
Gánh trên vai mình hăm hiu số phận
Vô danh giữa đời thường
Dấu đôi lúc đặt vào mắt tôi bao tia nhìn mang hình dấu hỏi.*

(Trích *Những ngôi sao mang hình quang gánh*, Nguyễn Phan Quế Mai, www.thivien.vn)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (NB). Xác định thể thơ của đoạn trích trên.

Câu 2 (NB). Hình ảnh quê hương hiện lên trong nỗi nhớ của nhà thơ qua những từ ngữ nào?

Câu 3 (TH). Anh/chị hiểu như thế nào về câu thơ: “*Họ gánh tặng tôi ngọn gió mát lành đồng quê*”.

Câu 4 (VD). Khổ thơ cuối gợi cho anh/chị suy nghĩ, trăn trở gì về thân phận của những người gánh hàng rong?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về *sự cần thiết của lòng trắc ẩn trong cuộc sống hiện đại*.

Câu 2. (5,0 điểm)

Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhẩy đồng, người hát, nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước. Tại Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mị.

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết. Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường. Mị từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Bây giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phoi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm, Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường.

Anh ném pao, em không bắt

Em không yêu, quả pao rơi rồi...

(Trích *Vợ chồng A Phủ*- Tô Hoài, Ngữ văn 12, tập hai, Nxb GD, 2008, tr 7,8)

Anh/chị hãy phân tích diễn biến tâm lí và hành động của nhân vật Mị trong đoạn trích trên.
Từ đó, nhận xét sự tinh tế khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật của nhà văn Tô Hoài.

-----**HẾT**-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Thể thơ: tự do	0.5
	2	- Hình ảnh quê hương hiện lên trong nỗi nhớ của nhà thơ qua những từ ngữ: mùa ổi, mùa mận, mùa xoài, mùa sen, mùa cốm, ngọn gió đồng quê... - Như vậy, quê hương trong nỗi nhớ của nhà thơ gắn liền với những gì gần gũi, thân thuộc, bình dị nhất.	0.25 0,5
	3	- Câu thơ: “<i>Họ gánh tặng tôi ngọn gió mát lành đồng quê</i>” là cách nói ý nhị, chỉ những gang hánh rong như những ngọn gió mát lành của quê hương. - Câu thơ mang lại hình dung về cảm nhận của tác giả về những kỉ niệm tuổi thơ gắn bó với những gánh hàng rong quen thuộc. Những gang hàng đó không chỉ chở những sản vật của quê hương mà hơn cả là nét đẹp của quê nhà	0,75
	4	Khổ thơ cuối: <i>Những ngôi sao của tôi Gánh trên vai mình hăm hiu số phận Vô danh giữa đời thường Dấu đôi lúc đặt vào mắt tôi bao tia nhìn mang hình dấu hỏi.</i> là những suy nghĩ, trăn trở của tác giả về thân phận con người: - Những người gánh hàng rong phải mưu sinh, lo lắng cho cuộc sống thường ngày của họ. - Họ là những người vô danh, mang đến niềm vui, hạnh phúc cho mọi người nhưng liệu có ai quan tâm đến họ. Là một người có tấm lòng thương cảm, xót xa, tác giả tự đặt dấu hỏi cho mình về thân phận người nghèo khó trong xã hội. - Suy nghĩ của bản thân: Đồng cảm với tác giả, sẻ chia, xót xa, thương cảm với những khó khăn, nhọc nhằn của những người nghèo khó trong xã hội.	0,25 0,75
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về <i>sự cần thiết của lòng trắc ẩn trong cuộc sống hiện đại</i>.	2,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: sự cần thiết của lòng trắc ẩn trong cuộc sống hiện đại.</i>	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ <i>sự cần thiết của lòng trắc ẩn trong cuộc sống hiện đại</i>. . Có thể triển khai theo hướng sau: *Giải thích: Lòng trắc ẩn là sự thương xót, đồng cảm và thấu hiểu	1.0

		giữa con người với con người. * Bàn luận (phân tích, chứng minh): - Lòng trắc ẩn được tạo nên bởi hai trụ cột chính là sự liên kết giữa người với người và ý nghĩa mà việc đối xử tốt với người khác đem lại. Vì thế trước tiên, lòng trắc ẩn sẽ giúp cho thế giới bớt đi khổ đau, bất hạnh, buồn thương. - Lòng trắc ẩn giúp phát triển các mối quan hệ xã hội, khiến người gần người hơn, từ đó ngăn cản sự tổn thương, giúp cuộc sống này trở nên tốt đẹp hơn. - Mỗi cá nhân hình thành và phát triển trong mình phẩm chất cao quý này sẽ góp phần phát triển những phẩm chất khác như: sự đồng cảm, đoàn kết, và cả sự biết ơn những giá trị mình đang có. - Dẫn chứng: Trong hơn 40 năm mẹ Theresa đã chăm sóc người nghèo, bệnh tật, trẻ mồ côi, người hấp hối trên khắp Ấn Độ cũng như các quốc gia khác. Bà thực hiện bất cứ việc gì bà nghĩ là có thể mang tới hòa bình, tình yêu và tiếng cười trên thế giới. Đó chính là tình yêu thương không vị kỉ của vị nữ tu, hơn cả là lòng trắc ẩn từ sâu thẳm trái tim bà. * Bài học nhận thức và hành động: - Lòng trắc ẩn là điều cần có ở mỗi con người, đặc biệt trong cuộc sống hiện đại khi con người có xu hướng thu mình lại, quan tâm nhiều hơn đến bản thân, có những người bạn ảo mà quên đi còn rất nhiều cảnh đời cần có sự sẻ chia của mọi người. - Cần trân trọng và nâng niu những tấm lòng trong xã hội dù là nhỏ bé nhất, bởi thứ nhỏ bé đó là thứ xã hội cần nhất.	
		<i>d. Sáng tạo</i> Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.</i>	0,25
	2	Cảm nhận của anh/chị về nhân vật Mị trong đoạn trích ... Từ đó, nhận xét sự tinh tế khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật của nhà văn Tô Hoài.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi (có ý phụ) Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Vẻ đẹp của nhân vật Mị trong đoạn trích ..., nhận xét sự tinh tế khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật của nhà văn Tô Hoài.	0,25
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1. Mở bài - Tô Hoài là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của nền văn học Việt Nam hiện đại. Ông là nhà văn viết theo xu hướng hiện thực từ khi bắt đầu cầm bút, những sáng tác của ông phần lớn thiên về diễn tả sự thật của đời thường: Viết văn là một quá trình đấu tranh để nói ra sự thật. Đã là sự thật thì không tầm thường, cho dù phải đập vỡ những thần tượng trong lòng người đọc. Ông cũng là nhà văn hấp dẫn độc giả ở lối trần thuật của một người từng trải, hóm hỉnh, đôi lúc tinh quái nhưng luôn sinh động nhờ vốn từ vựng giàu có. Đồng thời, Tô Hoài cũng có một vốn sống đa dạng, vốn hiểu biết	0,25

	phong phú và sâu sắc về nhiều lĩnh vực đời sống, đặc biệt là những nét mới lạ trong phong tục, tập quán ở nhiều vùng khác nhau của đất nước và trên thế giới. Điều đó được thể hiện sâu sắc trong truyện <i>Vợ chồng A Phủ</i>; - Nêu vấn đề cần nghị luận: Đoạn trích thể hiện vẻ đẹp sức sống tiềm tàng, khát vọng tình yêu, hạnh phúc của nhân vật Mị, đồng thời nổi bật sự tinh tế khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật của nhà văn Tô Hoài. 3.2. Thân bài 3.2.1. Khái quát tác phẩm: Truyện “Vợ chồng A Phủ” được nhà văn Tô Hoài sáng tác năm 1952, in trong tập “Truyện Tây Bắc”. Tác phẩm gồm hai phần: phần đầu kể về cuộc sống tủi nhục của Mị và A Phủ ở Hồng Ngài, là nô lệ nhà thống lí Pá Tra; cuối phần một là cảnh Mị cứu và chạy theo A Phủ. Phần sau kể về Mị và A Phủ ở Phiềng Sa. Họ trở thành vợ chồng, được giác ngộ cách mạng. - Vị trí đoạn trích: Thuộc phần đầu của truyện, diễn tả tâm trạng và hành động của Mị nhờ tác động của <i>đêm tình mùa xuân</i> ở Hồng Ngài 3.2.2. Cảm nhận về đẹp của nhân vật Mị trong đoạn trích: a. Về nội dung: - Giới thiệu về nhân vật Mị và cuộc sống của Mị khi làm dâu trong nhà thống lí Pá Tra. + Cô gái có nhan sắc và phẩm chất tốt đẹp để xứng đáng được hưởng tình yêu hạnh phúc. + Mị bị bắt về làm dâu nhà Pá Tra vì món nợ truyền kiếp và bị đày đoạ cả thể xác lẫn tinh thần. + Sự trỗi dậy sức sống tiềm tàng của Mị trong đêm tình mùa xuân bởi sự tác động của các yếu tố chủ quan và khách quan, nó biểu hiện ra thành những suy nghĩ nhận thức và hành động. -Vẻ đẹp của nhân vật Mị trong đoạn trích + Những yếu tố ngoại cảnh tác động tới sự hồi sinh của Mị: Cảnh Hồng Ngài bắt đầu vào xuân- cỏ gianh vàng ửng, gió rét dịu...; Cảnh các làng Mèo đổ với những chiếc váy hoa đem phơi ở các mỏm đá, tiếng trẻ con nô đùa trước sân. Đặc biệt là âm thanh tiếng sáo ở đầu núi rủ bạn đi chơi... + Tiếng sáo đã dẫn đến hành động Mị “nổi loạn”. Mị <i>lén</i> lấy hũ rượu <i>uống ực từng bát</i> một, uống như nuốt cay đắng, phần uất vào lòng. Cách uống rượu của Mị chứa đựng sự phản kháng, Mị uống rượu như nuốt hờn, nuốt tủi, nén giận vào lòng, Mị uống rượu như muốn dồn men say của rượu để dịu đi những nỗi niềm khát khao, đau khổ, phần uất. Mị uống rượu mà như uống những cay đắng của phần đời đã qua và những khát khao của phần đời chưa tới. Men rượu và hơi xuân khiến người đàn bà không còn liên hệ gì với cuộc sống, không còn liên hệ gì với quá khứ nay bỗng “<i>lịm mắt ngồi đấy... nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước</i>”. Song, có tác dụng nhiều nhất trong việc dìu hồn Mị bỗng bồng bềnh về với nỗi khát khao của hạnh phúc, yêu thương có lẽ vẫn là tiếng sáo. Mị nghe tiếng sáo gọi bạn yêu ngoài đường, tiếng sáo vọng lại thiết tha bồi hồi. Người đàn bà lâu nay dửng dưng, âm thầm giờ đây đã thoát khỏi trạng thái vô cảm, thờ ơ. Mị không chỉ nghe tiếng sáo, Mị còn hình dung ra: “<i>Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi</i>”. Mị cảm nhận được sắc thái thiết tha, bồi hồi của tiếng sáo, nhận ra sự rạo rực, đắm say của người thổi sáo, thậm chí Mị còn ngồi nhắm thắm bài hát của người đang thổi, bằng cách ấy Mị đã trở về với quá khứ. Tiếng sáo đã làm	0,25 2,0
--	---	------------------------

	thức tỉnh con người tâm linh trong Mị. Mị nhớ lại kỉ niệm đẹp ngày xưa, uống rượu bên bếp và thổi sáo, Mị thấy phơi phới trở lại, đột nhiên vui sướng như những đêm tết ngày trước. +Tiềm thức nhắc nhở Mị vẫn là một con người, Mị vẫn có quyền sống của một con người. Mị ý thức được <i>Mị vẫn trẻ lắm, Mị vẫn còn trẻ, Mị muốn đi chơi</i>. Tiếng sáo đã đưa Mị từ cõi quên về cõi nhớ, đã dịu hồn Mị trở về với nỗi khao khát, yêu thương. +Thế nhưng, sự vượt khỏi hoàn cảnh của Mị diễn ra không hề đơn điệu, dễ dàng. Tô Hoài đã rất tinh khi đặt nhân vật Mị vào sự giao tranh giữa một bên là sức sống tiềm tàng, một bên là ý thức về thân phận. Ngôi bút của nhà văn như hóa thân vào nhân vật, để nâng niu, để trân trọng những giấc mơ tình tứ của con người, đồng thời lại rất tinh táo, khách quan khi phân tích, mổ xẻ những góc ngách sâu kín của tâm linh con người. Cho nên, bên cạnh cái năng nổ, khát khao, náo nức về sự tái sinh thì ở Mị vẫn còn lo lắng, day dứt, tủi hờn về thân phận: lòng phơi phới mà vẫn theo quán tính, Mị bước vào buồng, ngồi xuống giường, trông ra cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trắng trắng. Hình ảnh cái buồng kín chỉ có một cửa sổ, <i>một lỗ vuông bằng bàn tay</i> cứ trở đi trở lại trong tác phẩm. Nó trở thành một nỗi ám ảnh, day dứt người đọc. Khát vọng sống như ngọn lửa bùng cháy bao nhiêu thì Mị lại phần uất bấy nhiêu. Phần uất và đau khổ cho thân phận và số phận trở trêu đầy bi kịch. <i>Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử và Mị lại không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau</i>. Không thể cam chịu mãi kiếp nô lệ, kiếp làm dâu gặt nợ nên Mị đã muốn ăn lá ngón cho chết ngay. Mị muốn chết để không phải đối diện với thực tại, không phải nhớ lại quá khứ cùng với những ước mơ khao khát của mình. Sau bao nhiêu năm ở lâu trong cái khổ, Mị đã quen khổ rồi. Nay Mị đã thoát ra khỏi tình trạng làm lủi, vô cảm để cảm nhận nỗi đau đớn, tủi cực của mình. Nhận thức ấy chưa xót đến mức Mị không thể tiếp tục kiếp sống đau đớn, nô lệ, thậm chí cô lại muốn chết để thoát khỏi cuộc sống đầy đọa, đau khổ ở nhà thống lí Pá Tra. Hiện tại Mị đau đớn ê chề, tủi nhục, Mị muốn chết “<i>Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay chứ không buồn nhớ lại nữa</i>”. Mị muốn phản kháng lại hoàn cảnh, không chấp nhận cuộc sống trâu ngựa này nữa. Đó là khi sức sống tiềm tàng đã được đánh thức. + Ý thức về cái chết lại xuất hiện, nhưng lần này nó có ý nghĩa khác. Uất ức, nước mắt Mị ứa ra khi tiếng sáo gọi bạn tình vẫn <i>lừng lờ</i> bay ngoài đường. Tiếng sáo của tình yêu tuổi trẻ lại thôi thúc Mị, dịu hồn Mị theo những đám chơi. Khát vọng sống mãnh liệt được đẩy lên đến cao độ bởi sự trỗi dậy của sức sống tiềm tàng. Tâm hồn Mị diễn biến rất phức tạp trong quá trình thức tỉnh, nổi loạn. Mị đang sống trong nghịch lí giữa thân phận con dâu gặt nợ và niềm vui phơi phới muốn đi chơi Tết. + Đánh giá: Đoạn văn miêu tả tâm trạng và hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân thể hiện sức sống tiềm ẩn trong Mị và tài năng miêu tả tâm lí nhân vật của Tô Hoài. Thông qua đây, nhà văn khám phá, trân trọng, ngợi ca những khao khát tình yêu, hạnh phúc của con người, thể hiện niềm tin vào sức sống của con người không bị hủy diệt. Đồng thời lên án những thế lực tàn bạo chà đạp lên cuộc sống con người. Chính điều đó đã đem đến cho <i>Vợ chồng A Phủ</i> của Tô Hoài những giá trị nhân đạo sâu sắc. b.Về nghệ thuật: Diễn biến tâm lí và hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân của Mị được nhà văn khéo léo thể hiện bằng nghệ	
--	---	--

	thuật kể chuyện hấp dẫn, tự nhiên, ngôn ngữ biểu cảm, đặc biệt; là nghệ thuật miêu tả, phân tích tâm lí nhân vật...Tất cả đã làm nổi bật vẻ đẹp của sức sống tiềm tàng mãnh liệt của Mị. 3.2.3. Nhận xét sự tinh tế khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật Mị của nhà văn Tô Hoài. -Sự hồi sinh của tâm hồn nhân vật Mị được tác giả miêu tả tinh tế, phù hợp với tính cách của cô. Nhà văn sử dụng khá nhiều những yếu tố bên ngoài tác động vào nhân vật, được miêu tả rất tự nhiên như mùa xuân, tiếng sáo gọi bạn tình, bữa tiệc đón năm mới... tất cả đã hoá thành những tiếng gọi đánh thức nỗi căm ghét bất công và tàn bạo cùng ý thức phản kháng lại cường quyền, đánh thức cả niềm khao khát một cuộc sống tự do, hoang dã và hồn nhiên vẫn được bảo lưu đâu đó trong dòng máu truyền lại từ lối sống của tổ tiên du mục xa xưa, làm sống dậy sức sống ẩn tàng trong cơ thể trẻ trung và tâm hồn vốn ham sống của Mị. Người đọc không thể không dừng lại, suy ngẫm và chia sẻ cảm xúc với những hành động của nhân vật Mị xuất phát từ những thôi thúc của nội tâm như các chi tiết:“<i>Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát</i>” trong một trạng thái thật khác thường. Rượu làm cơ thể và đầu óc Mị say, nhưng tâm hồn cô thì từ phút ấy, đã tỉnh lại sau bao tháng ngày câm nín, mụ mị vì sự đày đoạ. Cái cách uống rượu một hơi, một ực như thế, khiến người ta nghĩ: người uống rượu ấy đang thực sự phẫn nộ. Và người ta cũng có thể nghĩ: cô ấy uống như thể đang uống đắng cay của cái phân đời đã qua, như thể đang uống cái khao khát của phân đời chưa tới.Mị với cõi lòng đã phôi phới trở lại và cái ý nghĩ lạ lùng mà rất chân thực : “<i>Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa.</i>” Nghịch lí trên cho thấy: khi niềm khao khát sống hồi sinh, tự nó bỗng trở thành một mãnh lực không ngờ, xung đột gay gắt, quyết một mất một còn với cái trạng thái vô nghĩa lí của thực tại. Sở trường phân tích tâm lí cho phép ngòi bút tác giả lách sâu vào những bí mật của đời sống nội tâm, phát hiện nét đẹp và nét riêng của tính cách. -Với trang văn trong đoạn trích đầy ắp chất thơ và tấm lòng nhân hậu, một tài năng phân tích tâm lí nhân vật bậc thầy, Tô Hoài đã khám phá diễn tả chiều sâu tâm hồn cùng những biến thái thăng trầm gấp khúc tuần tự và đột biến trong tâm trạng Mị. Chính sức sống tiềm tàng và mãnh liệt của người con gái Mèo xinh đẹp đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc và góp phần không nhỏ vào sự thành công của tác phẩm. 3.3. Kết bài: - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp của nhân vật Mị; - Nêu cảm nghĩ về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của nhà văn Tô Hoài qua đoạn trích.	0,5
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	1,0
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	

ĐỀ THI THỬ CHUẨN CẤU KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021**TRÚC MINH HỌA****Bài thi: Ngữ Văn****ĐỀ SỐ 05***Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian phát đề**(Đề thi có 02 trang)***A. ĐỊNH HƯỚNG RA ĐỀ**

1. Cấu trúc đề vẫn gồm hai phần, đó là phần Đọc hiểu (3 điểm) và Làm văn (7 điểm).

- Trong đó, câu hỏi Đọc hiểu gồm ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa cùng 4 câu hỏi đọc hiểu theo các mức độ: Nhận biết/ thông hiểu/ vận dụng. Đó là những dạng câu hỏi quen thuộc với học trò từ nhiều năm nay.

- Trong phần Làm văn, câu Nghị luận xã hội (2 điểm) với yêu cầu viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nội dung nghị luận là vấn đề có quan hệ hữu cơ với nội dung trong ngữ liệu đọc hiểu.

2. Nội dung:

- Đề đảm bảo kiến thức cơ bản, và không có kiến thức trong nội dung tinh giản mà Bộ mới công bố ngày 31.3.2020. Đề không khó, vừa sức với học sinh, học sinh trung bình không khó để đạt mức điểm 5 - 6; học sinh khá đạt 7 - 8. Tuy nhiên để đạt mức điểm 9-10 đòi hỏi học sinh phải phát huy được tư duy phản biện, các trình bày vấn đề nghị luận sắc bén, thể hiện quan điểm cá nhân mang tính sáng tạo.

- Phần Đọc hiểu trong đề thi sử dụng ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa, gồm một đoạn trích dẫn cho trước và 4 câu hỏi. Để trả lời được 4 câu hỏi này, đòi hỏi học sinh phải nắm chắc kiến thức về Tiếng Việt, đọc hiểu nội dung và suy ngẫm, đánh giá. Đặc biệt ở câu 3, câu 4 đòi hỏi người làm bài phải hiểu sâu sắc đoạn trích, câu trích dẫn thì bài làm mới hay, hiểu đúng vấn đề.

- Trong phần Làm văn:

+ Đề thi yêu cầu học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội: Câu này vẫn giữ nguyên tắc ra đề truyền thống, yêu cầu học sinh viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về một vấn đề được rút ra từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.

+ Ở câu nghị luận văn học, nội dung câu hỏi nằm ở phần kiến thức chương trình học kì I lớp 12, không ra ngoài nội dung tinh giản của Bộ GDĐT, mức độ phù hợp giống với câu nghị luận học trong đề thi chính thức năm 2019. Và đây là đơn vị kiến thức nhỏ (không phải toàn bộ tác phẩm), phù hợp với dung lượng bài văn 5 điểm trong thời lượng đề thi 120 phút.

B. MA TRẬN ĐỀ THI**MA TRẬN**

PHẦN	CÂU	CẤP ĐỘ NHẬN THỨC			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
ĐỌC HIỂU	1	x			
	2		x		
	3			x	
	4			x	
LÀM VĂN	1			x	
	2				

C – BIÊN SOẠN ĐỀ THI**I. Đọc hiểu (3 điểm)**

Đọc văn bản:

*Biển trời soi mắt nhau
Cho sao về với sóng*

*Biển có trời thêm rộng
Trời xanh cho biển xanh*

Mặt trời lên đến đâu
Cũng lên từ phía biển
Nơi ánh sáng bắt đầu
Tỏa triệu vòng yêu mến

Biển ơi! Biển thăm sâu
Dạt dào mà không nói
Biển ơi cho ta hỏi
Biển mặn từ bao giờ

Nhặt chi con ốc vàng
Sóng xô vào tận bãi

Những cái gì dễ dãi
Có bao giờ bền lâu..

Biển chìm trong đêm thâu
Để chân trời lại rạng
Khát khao điều mới lạ
Ta đẩy thuyền ra khơi
Dù bão giông vất vả
Không quản gì biển ơi!

(Lâm Thị Mỹ Dạ, *Biển*,
www.thivien.net)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (NB). Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2 (NB). Xác định những từ ngữ chỉ tính chất của biển.

Câu 3 (TH). Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của 01 biện pháp tu từ trong các dòng thơ sau:

*Biển ơi! Biển thăm sâu
Dạt dào mà không nói
Biển ơi cho ta hỏi
Biển mặn từ bao giờ*

Câu 4 (VD). Trình bày suy nghĩ của anh/chị về thông điệp đặt ra trong hai câu thơ: “*Những cái gì dễ dãi/ Có bao giờ bền lâu*”.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung văn bản ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày quan điểm của anh/chị về giá trị của lòng dũng cảm đối với mỗi con người.

Câu 2. (5,0 điểm)

Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn, nếu không có bếp lửa sưởi kia thì Mị cũng đến chết héo. Mỗi đêm, Mị đã dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần.

Thường khi đến gà gáy Mị ngồi dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu thì các chị em trong nhà mới bắt đầu ra dóm lò bung ngô, nấu cháo lợn. Chỉ chớp mắt được từng lúc, Mị lại thức sưởi lửa suốt đêm. Mỗi đêm, nghe tiếng phù phù thổi bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa sưởi bùng lên, cùng lúc ấy thì Mị cũng nhìn sang, thấy mắt A Phủ trừng trừng, mới biết A Phủ còn sống. Mấy đêm nay như thế. Nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. Mị vẫn trở dậy, vẫn sưởi, chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chợt về, thấy Mị ngồi đấy, A Sử đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau Mị vẫn ra sưởi như đêm trước.

Lúc ấy đã khuya. Trong nhà ngủ yên thì Mị trở dậy thổi lửa. Ngọn lửa bập bùng sáng lên, Mị lé mắt trông sang thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại. Nhìn thấy tình cảnh như thế, Mị chợt nhớ lại đêm năm trước, A Sử trói Mị, Mị cũng phải trói đứng thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết, nó bắt mình chết cũng thôi, nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt về trình ma rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết. A Phủ ... Mị phảng phất nghĩ như vậy.

(Trích *Vợ chồng A Phủ* - Tô Hoài, *Ngữ văn 12*, tập hai, Nxb GD, 2008, tr 13)

Phân tích diễn biến tâm lí và hành động của nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét tình cảm của nhà văn Tô Hoài đối với nhân dân Tây Bắc.

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Thể thơ: ngũ ngôn	0.5
	2	Những từ ngữ chỉ tính chất của biển: <i>rộng, xanh, thăm sâu, dạt dào, mặn</i>	0,5
	3	Thí sinh có thể chỉ ra một trong số các biện pháp nghệ thuật sau: * Biện pháp tu từ: Nhân hóa (<i>Biển ơi</i>) -> Tác dụng: - Lời thơ thêm sinh động, gợi cảm. - Hình tượng biển trở nên gần gũi như một con người cũng có cảm xúc, tâm hồn, có thể tâm sự, chuyện trò. *Biện pháp tu từ: Điệp từ (<i>biển, biển ơi</i>) ->Tác dụng: Tạo nên một điệp khúc nhịp nhàng, đầy dư ba trong lòng người đọc, nhấn mạnh hình ảnh biển thăm sâu nhưng thăm lặng, kín đáo. Nhắc đến phẩm chất đó cũng là lời nhắc nhở về bài học càng nhiều trải nghiệm, nhiều kinh qua thì con người lại càng thâm trầm, sâu sắc, khiêm tốn.	0,25 0,75
	4	- Nội dung hai câu thơ: “<i>Những cái gì dễ dãi/ Có bao giờ bền lâu</i>”: Nhấn mạnh thông điệp trong cuộc sống, đó là để đạt được những giá trị bền vững thì con người cần phải vượt qua những khó khăn, vất vả, tổn thất. Những thứ gì đạt được dễ dãi chưa chắc sẽ bền vững. - Câu thơ mang tính triết lí sâu sắc. Những điều dễ dãi, dễ dàng đạt được như con ốc vàng sóng xô vào tận bãi cát là những giá trị sẵn có, không cần phấn đấu, không cần đấu tranh mà cũng có được thì sẽ dễ mất đi. Câu thơ là lời nhắc nhở mỗi con người về lối sống cần phải nỗ lực, quyết tâm hướng đến những giá trị bền vững bằng sự đấu tranh, bằng sự khẳng định, quyết tâm, thậm chí cả hi sinh, mất mát.	0,25 0,75
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về <i>giá trị của lòng dũng cảm đối với mỗi con người</i> a. <i>Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích. b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: giá trị của lòng dũng cảm đối với mỗi con người</i> c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận</i>: Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ <i>giá trị của lòng dũng cảm đối với mỗi con người</i>. Có thể triển khai theo hướng sau: *Giải thích: Dũng cảm là không sợ nguy hiểm, khó khăn. Người có	2,0 0,25 0,25 1.0

		lòng dũng cảm là người không run sợ, không hèn nhát, dám đứng lên đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác, các thế lực tàn bạo để bảo vệ công lí, chính nghĩa * Bàn luận (phân tích, chứng minh): - Lòng dũng cảm giúp con người có thể làm được những điều phi thường trong cuộc sống, phát huy những khả năng tiềm tàng trong con người mà trong điều kiện bình thường không có được. - Lòng dũng cảm chính là chất xúc tác thúc đẩy hành động của con người. Nhờ có lòng dũng cảm mà con người có thể đối diện mọi khó khăn thử thách, có thể khám phá thế giới xung quanh cũng như khám phá chính năng lực của bản thân mình. - Lòng giúp cảm giúp con người đạt được mục tiêu trong công việc cũng như trong cuộc sống. Lòng dũng cảm cũng được coi là một thước đo nhân phẩm của con người. Ở bên cạnh người có lòng dũng cảm ta sẽ cảm thấy thoải mái, an tâm có cảm giác được bảo vệ và hơn hết khi thấy họ làm điều tốt chính bản thân ta cũng thấy mong muốn làm điều dũng cảm như vậy. - Dẫn chứng: Anh Nguyễn Ngọc Mạnh (30 tuổi, ở Đông Anh, Hà Nội) cứu bé gái 3 tuổi rơi từ tầng 12 xuống. * Bài học nhận thức và hành động: Lòng dũng cảm không phải một khái niệm xa xôi nào, mà là lòng dũng cảm còn hiển hiện ngay trong từng hành động nhỏ như việc dám đối mặt với sai lầm của bản thân, dám đứng lên nêu ý kiến của mình.	
		<i>d. Sáng tạo</i> Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.</i>	0,25
	2	Cảm nhận của anh/chị về nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét tình cảm của nhà văn Tô Hoài đối với nhân dân Tây Bắc.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một trích văn xuôi (có ý phụ) Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Về nhân vật Mị trong đoạn trích; Nhận xét tình cảm của nhà văn Tô Hoài đối với nhân dân Tây Bắc.	(0,25)
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1. Mở bài: - Tô Hoài là nhà văn nổi tiếng trên văn đàn từ trước năm 1945. Trong kháng chiến chống Pháp, ông chủ yếu hoạt động ở lĩnh vực báo chí, nhưng vẫn có một số thành quả quan trọng trong sáng tác văn học, nhất là về đề tài miền núi. Một trong những thành công của Tô Hoài khi viết về đề tài này là truyện “<i>Vợ chồng A Phủ</i>”; - Nêu vấn đề cần nghị luận: nhân vật Mị trong đoạn trích <i>Những đêm mùa đông (...)</i> Mị phải phát nghĩ như vậy thể hiện	0,25

	những nét mới mẻ về người nông dân sau cách mạng trong sáng tác của nhà văn Tô Hoài. 3.2. Thân bài 3.2.1. Khái quát về tác phẩm - Truyện <i>Vợ chồng A Phủ</i> in trong tập Truyện Tây Bắc, là kết quả của chuyến Tô Hoài đi cùng bộ đội vào giải phóng Tây Bắc (1952), đánh dấu độ chín của phong cách nghệ thuật Tô Hoài. Tác phẩm viết về cuộc sống tăm tối và khát vọng sống mãnh liệt của người dân miền núi dưới ách thống trị của thực dân phong kiến. Mị là nhân vật chính, là linh hồn của tác phẩm. - Vị trí, nội dung đoạn trích: thuộc phần cuối trong phần 1 của truyện <i>Vợ chồng A Phủ</i>, kể về diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đêm đông cứu A Phủ. 3.2.2. Cảm nhận nội dung, nghệ thuật đoạn trích a. Về nội dung a.1. Hoàn cảnh Mị gặp A Phủ -Giới thiệu sơ lược về Mị: một cô gái xinh đẹp, tài năng, hiếu thảo. Vì món nợ truyền kiếp của gia đình và sự tàn ác của bọn chúa đất miền núi Tây Bắc mà Mị trở thành nạn nhân của chế độ cho vay nặng lãi. Mị là con dâu gạt nợ của nhà thống lí Pá Tra. Trong đêm tình mùa xuân, nhờ tác động bởi ngoại cảnh, men rượu, tiếng sáo, Mị có sức sống tiềm tàng, khao khát hạnh phúc, tình yêu; - Giới thiệu sơ lược về A Phủ: một thanh niên có thân phận như Mị, cũng phải ở nhà thống lí Pá Tra để gạt nợ. Do để mất bò mà bị trói đêm này sang đêm khác, ngày này sang ngày kia. - Hai con người đau khổ không hẹn mà gặp nhau tại nhà thống lí Pá Tra trong đêm đông nơi núi cao lạnh lẽo. a.2.Diễn biến tâm lí và hành động của Mị - Mị có thói quen thức sưởi lửa suốt đêm-đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn. +<i>Nếu không có bếp lửa kia thì Mị đến chết héo. Mỗi đêm, Mị dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần: Từ chỉ thời gian mỗi đêm, không biết bao nhiêu lần: gọi thói quen lặp đi lặp lại như một bản năng, ăn vào vô thức. Đó là bản năng tìm tới hơi ấm, ánh sáng.Mị chỉ biết, chỉ còn ở với ngọn lửa: điệp từ “chỉ” diễn tả nét nghĩa tồn tại ít ỏi. Trong văn hóa nhân loại, ngọn lửa thường là vật biểu trưng cho ánh sáng, sự sống. Ở đây, ngọn lửa ngấm ần sự hiện hữu tuy tối thiểu nhưng dai dẳng của sức sống trong Mị.</i> +<i>A Sử đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau Mị vẫn ra sưởi như đêm trước: Từ vẫn tiếp tục nhấn mạnh niềm khát sống bền bỉ. Hình tượng ngọn lửa là nguồn sáng- nguồn ấm- nguồn sống duy nhất đồng thời tiềm sâu sức sống dai dẳng, bền bỉ, bất chấp của Mị.</i> -Lúc đầu, Mị có trạng thái thần nhiên đáng sợ. Sau sự nổi loạn ở đêm tình mùa xuân không thành, Mị đã bị cường quyền, thần quyền nhà thống lí Pá Tra vùi dập, chà đạp, để bị rơi vào trạng thái tê liệt còn đáng sợ hơn cả trước đây. Điều đó thể hiện trong cách Mị nhìn A Phủ bị trói đứng. Mị tro li tê liệt đến mức	0,25 2,0
--	---	------------------------

	vẫn thân nhiên thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. Ba chữ cũng thế thôi tách riêng thành một nhịp, lời văn nửa trực tiếp đã tái hiện chính xác thái độ lạnh lùng của nhân vật. Nghĩa là cô không chỉ khước từ quyền sống của chính mình mà còn không quan tâm đến cả sự sống của đồng loại. Tuy có lúc A Sử đi chơi đêm về, ngựa tay ngựa chân, “đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp”, nhưng đêm sau Mị vẫn gan lì, lặng lẽ phản kháng, tiếp tục ra sưởi lửa như đêm trước. Bởi lẽ ngọn lửa đã là người bạn, là cứu cánh của Mị - “Mị chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa”. Đó là thái độ thân nhiên đáng sợ vì không có tình đồng loại. Vì sao? Lí giải vấn đề này, ta thấy có ba nguyên nhân. <i>Một là</i>, cảnh người bị trói đến chết không phải là hiếm hoi ở nhà thống lí. <i>Hai là</i>, cuộc sống bao năm làm con rùa lùi lũi trong xó cửa đã tạo cho Mị một sức ỳ, một quán tính cam chịu, nhẫn nhục quá lớn. <i>Ba là</i>, Mị đã chịu đựng quá nhiều đau khổ về thể xác lẫn tinh thần nên cô đã trở nên chai sạn vô cảm, khả năng cảm thông, chia sẻ với cảnh ngộ khốn cùng của người khác ở Mị gần như bị tê liệt. Mị chẳng khác gì “tảng đá”. - Những dòng nước mắt của A Phủ làm Mị có nhu cầu được hi sinh: Nguyên nhân quan trọng nhất đã tác động đến tâm lý của Mị để từ sự chai sạn vô cảm đã sống dậy những cảm xúc mãnh liệt, đã bùng dậy khát vọng tự do đó chính là dòng nước mắt của A Phủ. Dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen của A Phủ đã tác động mạnh đến tâm lý của Mị, đưa cô từ cõi quên trở về với cõi nhớ. Mị nhớ lại đêm năm trước mình cũng bị A Sử trói đứng như vậy, nước mắt chảy xuống mà không thể lau đi được. Chính việc sống lại những kí ức đó đã khiến Mị nhận thấy sự đồng cảm, đồng cảnh giữa mình và A Phủ, để từ lòng thương mình, cô đã thương người và cuối cùng là hành động cứu người. Tô Hoài đã khéo léo dùng cách trần thuật nửa trực tiếp để cho người đọc thấy rõ cảm xúc của Mị: <i>Trời ơi nó bắt trói đứng người ta đến chết</i>. Dạng thức cảm thán đã cho thấy Mị không còn thờ ơ, vô cảm với đồng loại mà trong tâm hồn cô đã dấy lên một tình thương yêu mãnh liệt. Tâm lí này cho thấy phẩm chất nhân hậu tiềm ẩn trong tâm hồn người phụ nữ cùng khổ. Cùng với lòng thương người, Mị đã nhận ra bản chất tàn ác, vô nhân đạo của cha con nhà thống lí: <i>chúng nó thật độc ác</i>. Từ chỗ cúi đầu chấp nhận tất cả những đau đớn đọa đày ở nhà thống lí đến chỗ cảm nhận được điều này là một bước tiến trong nhận thức và tình cảm của nhân vật. Mị đã thể hiện thái độ phản kháng, không còn chấp nhận sự áp chế của thần quyền và cường quyền nữa. Mị nhận thấy sự khác biệt giữa mình và A Phủ. Vì tin là mình đã bị ma nhà thống lí Pá Tra nhận mặt nên cô ý thức được sự ràng buộc của đời mình, chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi. Còn với A Phủ, Mị nhận rõ sự bất công: <i>Người kia việc gì mà phải chết?</i> Ý thức rõ được hậu quả khi một ngày kia A Phủ trốn được rồi thì mình sẽ bị trói và chết bên cái cọc ấy nhưng Mị không thấy sợ. Dù không nói ra một cách rõ ràng nhưng những suy nghĩ của Mị đã cho thấy cô chấp nhận cái chết về phía mình để tìm cách cho A Phủ được sống. Đến đây có thể thấy lòng thương người đã lớn tới mức Mị quên đi sự sống của bản thân để đổi lấy sự sống cho người khác. Tâm lý này đã ánh lên vẻ đẹp cao thượng vị tha trong tâm hồn Mị. - Đánh giá ý nghĩa: +Qua diễn biến tâm lí của nhân vật Mị, nhà văn Tô Hoài muốn khẳng định: bạo lực không thể đè bẹp, hủy diệt khát vọng sống, khát	
--	--	--

	vọng tự do, hạnh phúc. Chỉ có điều là để có được sự sống, tự do, hạnh phúc, con người đã phải trải qua nhiều tủi nhục, đắng cay. +Tái hiện nhân vật Mị trong thế cùng A Phủ đối đầu với bọn lang đạo, địa chủ miền núi Tây Bắc, Tô Hoài đã lên án giai cấp thống trị bắt nhân được thực dân Pháp bảo trợ đã chà đạp lên quyền sống, quyền hạnh phúc của những người dân lương thiện miền núi Tây Bắc. Đồng thời, Tô Hoài cũng đã đồng cảm, xót thương sâu sắc trước những nỗi đau tê buốt, xé lòng; đặc biệt là ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp, sức sống diệu kì của những kiếp nông nô lầm than, tủi nhục - trong mọi cảnh ngộ, họ luôn luôn tìm cách vươn lên bằng khát vọng tự do, hạnh phúc, bằng sức mạnh yêu thương và sự dẫn đường chỉ lối của cách mạng sau này. b. Về nghệ thuật - Khả năng miêu tả tâm lý nhân vật sâu sắc, đi sâu khai thác diễn biến tâm trạng của nhân vật; - Ngôn từ độc đáo, giàu ý nghĩa, giọng văn đầy chất thơ; - Cách miêu tả rất cụ thể, thủ pháp tăng tiến; nhịp văn thúc bách, nhanh, gấp; lời văn nửa trực tiếp... 3.2.3. Nhận xét tình cảm của nhà văn Tô Hoài đối với nhân dân Tây Bắc - Đồng cảm với nỗi khổ đau mà con người phải gánh chịu (đồng cảm với thân phận làm dâu gạt nợ của Mị khi nhớ lại bị A Sử chà đạp; nỗi đau của A Phủ khi bị trói vào cây cọc để thế mạng con hổ). - Phát hiện ra tinh thần phản kháng của con người bị áp bức (từ vô cảm, Mị đã đồng cảm với người đồng cảnh ngộ; từ suy nghĩ đúng sẽ có hành động đúng). - Tấm lòng nhà văn dành cho đồng bào miền núi thật sâu nặng, nghĩa tình, xét đến cùng đó chính là tấm lòng nhân đạo của người nghệ sĩ dành cho đất và người Tây Bắc. 3.3.Kết bài - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp của nhân vật Mị qua đoạn trích; - Nêu cảm nghĩ về tư tưởng và nghệ thuật trong sáng tác của Tô Hoài.	1,0 0,5
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25

		Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	
--	--	--	--

A. ĐỊNH HƯỚNG RA ĐỀ

1. Cấu trúc đề vẫn gồm hai phần, đó là phần Đọc hiểu (3 điểm) và Làm văn (7 điểm).

- Trong đó, câu hỏi Đọc hiểu gồm ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa cùng 4 câu hỏi đọc hiểu theo các mức độ: Nhận biết/ thông hiểu/ vận dụng. Đó là những dạng câu hỏi quen thuộc với học trò từ nhiều năm nay.

- Trong phần Làm văn, câu Nghị luận xã hội (2 điểm) với yêu cầu viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nội dung nghị luận là vấn đề có quan hệ hữu cơ với nội dung trong ngữ liệu đọc hiểu.

2. Nội dung:

- Đề đảm bảo kiến thức cơ bản, và không có kiến thức trong nội dung tinh giản mà Bộ mới công bố ngày 31.3.2020. Đề không khó, vừa sức với học sinh, học sinh trung bình không khó để đạt mức điểm 5 - 6; học sinh khá đạt 7 - 8. Tuy nhiên để đạt mức điểm 9-10 đòi hỏi học sinh phải phát huy được tư duy phản biện, các trình bày vấn đề nghị luận sắc bén, thể hiện quan điểm cá nhân mang tính sáng tạo.

- Phần Đọc hiểu trong đề thi sử dụng ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa, gồm một đoạn trích dẫn cho trước và 4 câu hỏi. Để trả lời được 4 câu hỏi này, đòi hỏi học sinh phải nắm chắc kiến thức về Tiếng Việt, đọc hiểu nội dung và suy ngẫm, đánh giá. Đặc biệt ở câu 3, câu 4 đòi hỏi người làm bài phải hiểu sâu sắc đoạn trích, câu trích dẫn thì bài làm mới hay, hiểu đúng vấn đề.

- Trong phần Làm văn:

+ Đề thi yêu cầu học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội: Câu này vẫn giữ nguyên tắc ra đề truyền thống, yêu cầu học sinh viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về một vấn đề được rút ra từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.

+ Ở câu nghị luận văn học, nội dung câu hỏi nằm ở phần kiến thức chương trình học kì I lớp 12, không ra ngoài nội dung tinh giản của Bộ GDĐT, mức độ phù hợp giống với câu nghị luận học trong đề thi chính thức năm 2019. Và đây là đơn vị kiến thức nhỏ (không phải toàn bộ tác phẩm), phù hợp với dung lượng bài văn 5 điểm trong thời lượng đề thi 120 phút.

B. MA TRẬN ĐỀ THI**MA TRẬN**

PHẦN	CÂU	CẤP ĐỘ NHẬN THỨC			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
ĐỌC HIỂU	1	x			
	2		x		
	3		x		
	4			x	
LÀM VĂN	1			x	
	2				

C – BIÊN SOẠN ĐỀ THI**I. Đọc hiểu (3 điểm)**

Đọc văn bản sau:

*Có tiếng hát nào văng vẳng khơi xa
Tôi đi tìm em nàng tiên bé nhỏ*

*Em ở đâu giữa muôn trùng sóng bể
Sóng bồn chồn vỗ dưới chân tôi...*

*Tôi đã tin cổ tích tự lâu rồi,
Như em vẫn tin tình yêu có thực.
Đi hết tuổi thơ tôi còn day dứt,
Hoàng tử vô tình hay Andecxen quên?*

*Biển mặn mòi như nước mắt của em,
Cho tôi mơ về những điều không thể.
Em là nàng tiên mang trái tim trần thế,
Bởi biết yêu nên đã hoá con người.*

*Thôi ngủ đi em biển đã xa rồi,
Biển đã xa em đừng thao thức nữa...
Khi tình yêu không là hai nửa
Nguyên vẹn bao giờ mà vỡ tan thêm...*

*Thôi ngủ đi nào, đêm Andecxen
Dầu tuyết lạnh vào ngày mai bão tố,
Dầu thạch thảo nở hoa bốn mùa đang dở,
Que diêm cuối cùng sẽ cháy trọn tình yêu.*

(Lời ru miền cổ tích, Hoàng Cẩm Giang, rút từ tạp chí Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 12/2008)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (NB). Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ.

Câu 2 (TH). Bài thơ gọi nhắc đến những tác phẩm nào của nhà văn Andecxen? Theo anh/chị, việc gợi dẫn này có tác dụng gì?

Câu 3 (TH). Chỉ ra và phân tích giá trị của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ: “*Biển mặn mòi như nước mắt của em*”.

Câu 4 (VD). Cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật trữ tình trong đoạn trích được thể hiện trong khổ thơ cuối.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung văn bản ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) với chủ đề: *Cổ tích giữa đời thường*.

Câu 2. (5,0 điểm)

Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái lừng lờ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hấn có vợ đến hôm nay hấn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.

Hấn chấp hai tay sau lưng lững thững bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng loá xói vào hai con mắt còn cay sè của hấn. Hấn chớp chớp liên hồi mấy cái, và bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươm mười niên ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung bành ngay lối đi đã hót sạch.

Ngoài vườn người mẹ đang cúi húi giầy những bụi cỏ mọc nham nhở. Vợ hấn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sần sật trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường nhưng đối với hấn lại rất thấm thía cảm động. Bỗng nhiên hấn thấy hấn thương yêu gắn bó với cái nhà của hấn lạ lùng. Hấn đã có một gia đình. Hấn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hấn mới thấy hấn nên người, hấn thấy hấn có bốn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hấn xăm xăm chạy ra giữa sân, hấn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.

Bà cụ Tứ chợt thấy con giai đã dậy, bà lão nhẹ nhàng bảo nàng dâu:

- Anh ấy dậy rồi đấy. Con đi dọn cơm ăn chẳng muộn.

- Vâng.

Người đàn bà lặng lẽ đi vào trong bếp. Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không còn vẻ gì chao chát chỏng lỏn như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh. Không biết có phải vì mới làm dâu mà thị tu chí làm ăn không? Bà mẹ Tràng cũng nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, cái mặt búng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Bà lão xăm xắn thu dọn, quét tước nhà cửa. Hình như ai nấy đều có ý nghĩ rằng thu xếp cửa nhà cho quang quẻ, nền nếp thì cuộc đời họ có thể khác đi, làm ăn có cơ khấm khá hơn.

(Trích Vợ nhặt, Kim Lân, Ngữ văn 12, tập hai, Nxb GD, 2008, tr 30)

Trình bày cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp người nông dân trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cái nhìn mới mẻ về con người của nhà văn Kim Lân.

-----**HẾT**-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	0.5
	2	Các tác phẩm được gợi nhắc: Nàng tiên cá (qua câu thơ “Em là nàng tiên mang trái tim trần thế/ Bởi biết yêu nên đã hoá con người”), Cô bé bán diêm (qua câu thơ “Que diêm cuối cùng vẫn cháy trọn tình yêu”). - Tác dụng: + Gợi dẫn đến những truyện cổ tích của nhà văn Andecxen, mang đến cho người đọc những cảm nhận nhẹ nhàng mà thấm thía từ những câu chuyện cổ. + Mang đến màu sắc cổ tích cho bài thơ.	0,25 0,75
	3	Biện pháp nghệ thuật: So sánh (<u>Biển mặn mòi như nước mắt của em</u>) - Tác dụng: Là cách nói hình ảnh nhắc đến nàng tiên cá trong câu chuyện cổ của Andecxen nhưng cũng là người phụ nữ hiền dịu, sẵn sàng vượt qua những khó khăn gian khổ trong đời sống thực. Việc sử dụng so sánh khiến hình ảnh thơ gần gũi, sinh động, hấp dẫn, giàu sức gợi hơn.	0,75
	4	Những nét đẹp của nhân vật trữ tình được thể hiện trong khổ cuối: - Nhân vật trữ tình trong bài thơ là một người đam mê truyện cổ tích, những câu chuyện đem đến những bài học ý nghĩa của cuộc đời, gắn bó với cuộc đời thật. - Đây là một con người giàu ước mơ, hi vọng vào tương lai. Cách nói “Dầu tuyết lạnh vào ngày mai bão tố/ Dầu thạch thảo nở hoa bốn mùa đang dỏ” khẳng định cuộc đời vẫn có thể có nhiều khó khăn, gian khổ nhưng nếu con người giữ vững niềm đam mê cuộc sống, tin tưởng vào một cuộc đời tốt đẹp thì vẫn có thể vượt qua. - Nhân vật trữ tình còn là một người giàu tình yêu cuộc sống, yêu con người: “Que diêm cuối cùng sẽ cháy trọn tình yêu”. Vừa gợi lại câu chuyện cổ Cô bé bán diêm, tác giả cũng xây dựng hình ảnh nhân vật trữ tình luôn hướng về những điều tốt đẹp trong tình yêu cuộc sống.	0,25 0,75
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) với chủ đề: <i>Cổ tích giữa đời thường</i>	2,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Đây là dạng đề mở, học sinh có thể triển khai theo một số hướng sau: Cổ tích giữa đời thường là nhắc đến chân lí người tốt luôn được giúp đỡ, dù cuộc sống nhiều khó khăn vất vả; Con người luôn cần phải hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau để cùng làm nên những câu chuyện cổ tích ngay giữa cuộc sống bộn bề thường nhật,...	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng	1.0

		phải làm rõ <i>sự cần thiết của lòng trắc ẩn trong cuộc sống hiện đại</i>. . Có thể triển khai theo hướng sau: *Giải thích: Mỗi người trong xã hội đều cần dựa vào nhau để sống, để phát triển chứ không thể tách rời mà tồn tại được. Sự giúp đỡ, tương trợ đó sẽ làm nên những câu chuyện cổ tích giữa đời thường. * Bàn luận (phân tích, chứng minh): + Cuộc sống luôn nhiều khó khăn, trắc trở, thử thách con người phải vượt qua bằng nhiều cách khác nhau. Con người trong xã hội cần biết giúp đỡ nhau cùng phát triển. + Xã hội khoẻ mạnh được tạo nên từ các tế bào khoẻ mạnh, đó là các cá nhân biết gắn bó, giúp đỡ lẫn nhau. Nếu mỗi người chỉ chăm chú ý đến lợi ích của bản thân mình thì xã hội sẽ mau chóng trở nên yếu ớt, không thể phát triển. - Dẫn chứng: Học sinh đưa ra những câu chuyện cổ tích giữa đời thường, đó có thể là câu chuyện được nghe kể lại hoặc được chứng kiến, từ đó thuyết phục người đọc về việc con người cần phải giúp đỡ, hi sinh lẫn nhau. Lê Thanh Thúy, cô gái lạc quan, yêu đời với nụ cười hoa hướng dương, đối mặt với căn bệnh ung thư và cái chết, vẫn mạnh mẽ, sống có ích. Cô đã lập nên quỹ “Ước mơ của Thúy” để giúp đỡ các bệnh nhân ung thư khác. Tuy Thúy đã mất đi nhưng ước nguyện cao đẹp của chị vẫn còn mãi với cuộc đời, hàng “Ngày hội Hoa hướng dương”, viết tiếp ước mơ của Thúy, vẫn được tổ chức, thu hút sự tham gia đông đảo của mọi người, đặc biệt là giới trẻ. *Bài học nhận thức và hành động: Một cá nhân thì không thể làm nên được cả xã hội nhưng mỗi hành động tốt của mỗi người là điều quan trọng để tạo nên một xã hội tốt đẹp. Hãy bắt đầu câu chuyện cổ tích của riêng mình bằng những hành động tốt đẹp nhỏ bé nhất	
		<i>d. Sáng tạo</i> Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.</i>	0,25
	2	Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp người nông dân trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cái nhìn mới mẻ về con người của nhà văn Kim Lân.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi (có ý phụ) Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Về đẹp người nông dân trong đoạn trích, nhận xét cái nhìn mới mẻ về con người của nhà văn Kim Lân.	0,25
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài. – Giới thiệu Kim Lân và truyện ngắn “Vợ nhặt”.	

	Kim Lân là nhà văn của nông thôn. Truyện ngắn của Kim Lân viết về cuộc sống và con người của làng quê Việt Nam tuy nghèo khổ, thiếu thốn nhưng vẫn yêu đời, thật thà, chất phác mà thông minh, tài hoa. Truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> của ông thể hiện sự am hiểu sâu sắc cảnh ngộ và tâm lí những người ở thôn quê: dù cuộc sống có tăm tối đến đâu họ vẫn khao khát sống, yêu thương đùm bọc nhau, vẫn hi vọng vào tương lai.	0,25
	– Nêu vấn đề cần nghị luận: vẻ đẹp người nông dân trong đoạn trích <i>Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào (...)</i> làm ăn có cơ khấm khá hơn thể hiện cái nhìn mới mẻ về con người của nhà văn Kim Lân.	0,25
	3.2. Thân bài 3.2.1. Khái quát về tác phẩm, đoạn trích: - Về hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, sơ lược cốt truyện...; <i>Vợ nhặt</i> được xem là truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân có tiền thân là tiểu thuyết Xóm ngụ cư được viết ngay sau cách mạng tháng Tám thành công, lấy bối cảnh nạn đói năm Ất Dậu (1945) nhưng bị bỏ dở và mất bản thảo. Mãi đến sau khi hòa bình lập lại (1954), Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ và viết truyện ngắn này. - Vị trí, nội dung đoạn trích: thuộc phần cuối của truyện, diễn tả tâm trạng của 3 nhân vật trong gia đình bà cụ Tứ vào buổi sáng sau đêm <i>tân hôn</i>.	0,25
	3.2.2. Cảm nhận nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp người nông dân trong đoạn trích a. Về nội dung a.1. Vẻ đẹp của Tràng trong buổi sáng đầu tiên khi anh có vợ được Kim Lân miêu tả thật tinh tế mà chân thực: - Một cảm giác lạ chưa từng thấy tràn ngập trong lòng anh. Anh thấy trong người <i>êm ái, lơ lửng như người vừa ở trong giấc mơ đi ra</i>, việc có vợ vẫn hình như là không phải. Tràng chợt nhận ra xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới lạ: Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươm mười niên ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới gốc cây ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Còn bà cụ Tứ lúi húi giã cỏ, nằng dàu quét tước, nấu nướng. Tất cả những cảnh tượng đó thật bình thường, là sự thay đổi đơn giản nhưng cũng đủ làm cho anh rất cảm động vì nó đều khác hẳn, chưa bao giờ Tràng thấy thế. - Trước mặt Tràng, người vợ mới của hắn khác hẳn - đó là một người đàn bà mẫu mực, chăm chỉ. Thị rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không có vẻ gì chao chát chông lòn như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh. Thị thu dọn nhà cửa, phơi phóng quần áo, quét sân, gánh nước và chuẩn bị bữa ăn ngày mới.	2,0

		- Trong buổi sáng đầu tiên khi có vợ, Tràng thấy cuộc đời mình bỗng nhiên thay đổi hẳn: +Bỗng nhiên hẳn thấy hẳn thương yêu gắn bó với cái nhà của hẳn lạ lùng. Hẳn đã có một gia đình. Hẳn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bởi vì Tràng đã có một gia đình, và trong cái buổi sáng đầu tiên ấy, anh đã được tắm mình trong không khí ấm áp, hạnh phúc của tổ ấm gia đình. +Tràng vẫn chưa quen với việc hạnh phúc đến quá bất ngờ. Nhà văn Kim Lân đã khắc họa được những cảm xúc dấy lên trong lòng Tràng. Từ con người thô lỗ, cộc cằn thì Tràng đã trở thành người chồng thực sự. Vậy là trong khung cảnh đói khát chết chóc thê thảm của đất nước năm 1945 ấy, người nông dân khôn khổ như Tràng đã biết vượt lên hoàn cảnh, tìm đến hạnh phúc trong niềm vui nương tựa đùm bọc lẫn nhau. Chỉ có tấm tình chân thực mới giúp họ có sức mạnh vượt qua sự thật nghiệt ngã của cuộc đời. Và không có gì ngăn nổi niềm tin, niềm hi vọng của họ vào tương lai. Đó chính là giá trị nhân văn đầy cảm động của truyện ngắn này. a.2.Về đẹp của nhân vật người vợ - Chỉ qua một ngày, một đêm sau khi đã thành vợ của Tràng, thành nàng dâu mới của bà cụ Tứ, ta thấy nhân vật này có những biểu hiện, những tình cảm tốt đẹp như bao người phụ nữ khác. Dù kề bên cái chết, cô gái này vẫn khao khát hạnh phúc, muốn được sống trong mái ấm hạnh phúc của gia đình, một mái ấm tình thương, có chồng có con như những người đàn bà may mắn khác. - Thị dậy sớm cùng mẹ chồng quét tước, thu dọn nhà cửa sạch sẽ gọn gàng, xây đắp tổ hạnh phúc. Tiếng chổi quét sân của thị kêu sần sật trên mặt đất tưởng như niềm vui đang xôn xao trong lòng thị. - Thị lặng lẽ đi vào bếp dọn bữa ăn sáng. Tràng cảm thấy vợ mình hiền hậu đúng mực rất đáng yêu. Bà cụ Tứ đã có nàng dâu mới, Tràng đã có vợ. Nhà thêm người, thêm bát đĩa, thêm một nhân lực. Mẹ chồng và nàng dâu cùng làm việc, nói chuyện với nhau như thân quen từ bao giờ. Có lẽ cũng do cùng cảnh ngộ nên họ nhanh chóng trở thành thân thiết. - Cách cư xử trong bữa ăn của thị cũng thật tế nhị, khôn khéo. Nhìn bát cháo cám người mẹ vui vẻ đưa cho, mắt thị <i>tối lại</i> nhưng vẫn <i>điềm nhiên và vào miệng</i>. Thị đã giấu kín nỗi thất vọng chua chát là để khỏi làm phật ý mẹ, giữ gìn không khí vui vẻ trong gia đình. - Hạnh phúc đã làm cho thị thay đổi từ một người phụ nữ cong cớn, đánh đá bỗng trở thành người đàn bà đúng nghĩa, đã nghĩ cho sự sống, đã lo cho gia đình. Qua đây, Kim Lân dường như muốn khẳng định một niềm tin đầy giá trị nhân văn: mái ấm gia đình có đủ sức mạnh để làm thay đổi, để cảm hóa một con người. a.3.Về đẹp của nhân vật bà cụ Tứ	
--	--	---	--

	- Khái quát: sáng hôm sau, bà cụ Tứ được Kim Lân khai thác ở chiều sâu tâm lý mà màu sắc chủ đạo là sự lạc quan, tin tưởng, phấn chấn vào cuộc sống. - Cùng với người con dâu, sáng hôm sau bà cụ Tứ đã dậy sớm, xăm xăm quét dọn, thu vén nhà cửa để ngôi nhà trở nên gọn gàng, sáng sủa, mang không khí của một tổ ấm hạnh phúc thật sự. Niềm hạnh phúc của con đã khiến người mẹ nhân từ, bao dung dường như cũng hạnh phúc theo. Không còn dáng vẻ của một bà lão gầy đật xa trời, khốn khổ, Tràng đã nhận thấy rất rõ sự thay đổi trong dáng vẻ, thần thái của mẹ mình. - Bà cụ Tứ trở nên tươi tỉnh, nhẹ nhõm khác ngày thường, khuôn mặt búng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Sự thay đổi ở diện mạo, thần thái của bà cụ Tứ cùng với những việc làm nhỏ bé, giản dị của bà đã thể hiện rất rõ sự chăm lo cho hạnh phúc của đứa con. Tất cả đều giản dị song lại vô cùng cảm động vì bà cụ đã hành động bằng tất cả tấm lòng mình để góp phần xây dựng một tổ ấm hạnh phúc. b. Về nghệ thuật - Xây dựng tình huống truyện độc đáo. - Cách dựng truyện của Kim Lân rất tự nhiên, hấp dẫn, có duyên, đơn giản nhưng chặt chẽ. - Miêu tả tâm lý nhân vật một cách tinh tế, sâu sắc. - Ngôn ngữ đậm chất nông dân và có sự gia công sáng tạo của nhà văn. c. Nhận xét cái nhìn mới mẻ về con người của nhà văn Kim Lân - Nhà văn có cái nhìn xót xa, thương cảm và tin yêu về con người Việt Nam dưới ách thống trị của giai cấp phong kiến và bọn thực dân phát xít trong nạn đói khủng khiếp Ất Dậu 1945. Tuy sống trong thân phận rẻ rúng, hết sức bi đát, bị cái đói, cái chết bủa vây nhưng họ vẫn khao khát sống, khao khát yêu thương và có niềm tin bất diệt vào tương lai sẽ được đổi đời. Kim Lân còn tìm thấy sức mạnh của tình yêu trong thăm sâu những con người bé nhỏ. Tràng lấy vợ, một câu chuyện dở khóc dở cười nhưng sau sự kiện bi hài ấy, con người và thế giới của riêng Tràng thay đổi: vợ hiền thảo hơn, Tràng đã trưởng thành <i>nên người</i>. Bà mẹ lần đầu tiên trên trán bớt đi đám mây u ám. Tình yêu thương đã khiến cho ba con người nhỏ bé và mái ấm gia đình của họ không bị vùi xuống vực thẳm của sự chết chóc. Trong thời khắc quyết định số phận, họ đã nương tựa, cứu mang, sưởi ấm cho nhau bằng tình yêu. - Các nhìn mới mẻ, lạc quan tin tưởng về con người cho thấy tài năng quan sát, miêu tả, dựng cảnh, đi sâu khai thác diễn biến tâm trạng nhân vật rất hợp lí, chân thực, đặc biệt tạo tình huống truyện độc đáo, bất ngờ, éo le và cảm động của nhà văn Kim Lân, góp phần làm bừng sáng giá trị nhân văn trong sáng tác của nhà văn nông thôn	1,0 0,5
--	---	-----------------------

	được đánh giá xuất sắc nhất trong văn học Việt Nam hiện đại 1945-1975. 3.3.Kết bài - Kết luận về nội dung, nghệ thuật về đẹp người nông dân trong đoạn trích. - Nêu bài học cuộc sống từ 3 nhân vật trong đoạn trích: khát vọng sống, tình yêu và hạnh phúc; đề cao vai trò của gia đình trong đời sống con người.	0,5
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	1,0
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25

A. ĐỊNH HƯỚNG RA ĐỀ

1. Cấu trúc đề vẫn gồm hai phần, đó là phần Đọc hiểu (3 điểm) và Làm văn (7 điểm).

- Trong đó, câu hỏi Đọc hiểu gồm ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa cùng 4 câu hỏi đọc hiểu theo các mức độ: Nhận biết/ thông hiểu/ vận dụng. Đó là những dạng câu hỏi quen thuộc với học trò từ nhiều năm nay.

- Trong phần Làm văn, câu Nghị luận xã hội (2 điểm) với yêu cầu viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nội dung nghị luận là vấn đề có quan hệ hữu cơ với nội dung trong ngữ liệu đọc hiểu.

2. Nội dung:

- Đề đảm bảo kiến thức cơ bản, và không có kiến thức trong nội dung tinh giản mà Bộ mới công bố ngày 31.3.2020. Đề không khó, vừa sức với học sinh, học sinh trung bình không khó để đạt mức điểm 5 - 6; học sinh khá đạt 7 - 8. Tuy nhiên để đạt mức điểm 9-10 đòi hỏi học sinh phải phát huy được tư duy phản biện, các trình bày vấn đề nghị luận sắc bén, thể hiện quan điểm cá nhân mang tính sáng tạo.

- Phần Đọc hiểu trong đề thi sử dụng ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa, gồm một đoạn trích dẫn cho trước và 4 câu hỏi. Để trả lời được 4 câu hỏi này, đòi hỏi học sinh phải nắm chắc kiến thức về Tiếng Việt, đọc hiểu nội dung và suy ngẫm, đánh giá. Đặc biệt ở câu 3, câu 4 đòi hỏi người làm bài phải hiểu sâu sắc đoạn trích, câu trích dẫn thì bài làm mới hay, hiểu đúng vấn đề.

- Trong phần Làm văn:

+ Đề thi yêu cầu học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội: Câu này vẫn giữ nguyên tắc ra đề truyền thống, yêu cầu học sinh viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về một vấn đề được rút ra từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.

+ Ở câu nghị luận văn học, nội dung câu hỏi nằm ở phần kiến thức chương trình học kì I lớp 12, không ra ngoài nội dung tinh giản của Bộ GDĐT, mức độ phù hợp giống với câu nghị luận học trong đề thi chính thức năm 2019. Và đây là đơn vị kiến thức nhỏ (không phải toàn bộ tác phẩm), phù hợp với dung lượng bài văn 5 điểm trong thời lượng đề thi 120 phút.

B. MA TRẬN ĐỀ THI**MA TRẬN**

PHẦN	CÂU	CẤP ĐỘ NHẬN THỨC			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
ĐỌC HIỂU	1	x			
	2		x		
	3		x		
	4			x	
LÀM VĂN	1			x	
	2				

C – BIÊN SOẠN ĐỀ THI**I. Đọc hiểu (3 điểm)**

Đọc đoạn trích sau:

Trong mỗi chú bé đều âm ỉ giấc mơ bay lên. Tôi cũng thấy thế. Em chắc vẫn còn nuôi giấc mơ đó. Nhưng khi lớn lên, đôi khi những tầng mây thâm thấp thôi cũng khiến ta như bị che khuất tầm nhìn. Tệ hơn, những tầng mây sũng nước thậm chí có thể che khuất cả những giấc mơ, đè nén

khát vọng của mỗi người. Một ngày mây mù có thể khiến ta yếu ớt và bi lụy. Một chút thất bại cũng như mây mù kéo đến, có thể làm em rút vào tổ kén u uất, bi quan. Ai đó nói rằng cách tốt nhất để hóa giải khó khăn là đi xuyên qua nó. Đi xuyên qua mây mù bằng giấc mơ phi công gìn giữ từ thơ bé. Đi xuyên qua gian khó bằng lòng lạc quan. Đi xuyên qua u mê bằng khao khát hướng đến trí tuệ, thông sáng. Đi xuyên qua thất bại bằng sự điềm đạm trưởng thành.

Vì triệu năm đã là như thế, cuộc đời có hôm nắng đẹp, có ngày mưa dầm, có tuần mây đen như đè nặng, có khoảnh khắc u ám tối dạ, rỗng đầu, nhưng Mặt Trời vẫn mọc mỗi sớm mai. Không phải ai cũng có thể trở thành phi công lái Airbus hay Boeing đúng y như giấc mơ tuổi nhỏ. Nhưng ai cũng có thể học cách giữ cho mình giấc mơ bay xuyên qua những tầng mây, đón nắng rọi sáng tâm hồn khiến nụ cười luôn nở trên môi mỗi người.

(Bay xuyên những tầng mây, Hà Nhân, NXB Văn học, 2016, tr.98)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (NB). Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2 (TH). Nêu hiệu quả của phép liệt kê được sử dụng trong câu văn: “*Vì triệu năm đã là như thế, cuộc đời có hôm nắng đẹp, có ngày mưa dầm, có tuần mây đen như đè nặng, có khoảnh khắc u ám tối dạ, rỗng đầu, nhưng Mặt Trời vẫn mọc mỗi sớm mai*”.

Câu 3 (TH). Vì sao tác giả lại cho rằng cách tốt nhất để hóa giải khó khăn là đi xuyên qua nó?

Câu 4 (VD). Điều anh/chị tâm đắc nhất từ đoạn trích trên là gì? Vì sao

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung văn bản ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về vai trò của ước mơ đối với tuổi trẻ.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong truyện ngắn **Vợ nhặt** của Kim Lân có đoạn:

...Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không.

Bà lão khẽ thở dài ngẩng lên, dăm dăm nhìn người đàn bà. Thị cúi mặt xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt. Bà lão nhìn thị và bà nghĩ: Người ta có gặp bước khó khăn, đời khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được... Thôi thì bổn phận bà là mẹ, bà đã chẳng lo lắng được cho con... May ra mà qua khỏi được cái tao đoạn này thì thằng con bà cũng có vợ, nó yên bề nó, chẳng may ra ông giờ bắt chết cũng phải chịu chứ biết thế nào mà lo cho hết được?

Bà lão khẽ dặng hắng một tiếng, nhẹ nhàng nói với “nàng dâu mới”:

- Ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng...

Tràng thở đánh phào một cái (...) Bà cụ Tứ vẫn từ tốn tiếp lời:

- Nhà ta thì nghèo con ạ. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi ra may mà ông giờ cho khá... Biết thế nào hở con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời? Có ra thì rồi con cái chúng mày về sau”.

Bà lão dăm dăm nhìn ra ngoài. Bóng tối trùm lấy hai con mắt. Ngoài xa dòng sông sáng trắng uốn khúc trong cánh đồng tối. Mùi đốt đống rấm ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt. Bà lão thở nhẹ ra một hơi dài. Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà lão nghĩ đến cuộc đời cực khổ dài dằng dặc của mình. Vợ chồng chúng nó lấy nhau, cuộc đời chúng nó liệu có hơn bố mẹ trước kia không?...

(Trích **Vợ nhặt**, Kim Lân, *Ngữ văn 12*, Tập hai, NXB Giáo dục, 2013, tr 28-29)

Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ trong đoạn trích trên. Từ đó, rút ra nhận xét tâm lòng của nhà văn Kim Lân dành cho người nông dân.

-----**HẾT**-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

HƯỚNG DẪN GIẢI

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.	0,5
	2	Hiệu quả của phép liệt kê: - Nhấn mạnh cuộc sống muôn màu muôn vẻ, ẩn chứa nhiều tình huống bất ngờ, phong phú chờ đón chúng ta nhưng nếu biết lạc quan thì điều tốt đẹp sẽ tới. - Tạo tính hình tượng cho lời văn.	0,75
	3	Tác giả cho rằng cách tốt nhất để hóa giải khó khăn là đi xuyên qua nó bởi khi ta có đủ dũng cảm dám đối mặt với thử thách, không né tránh, không nản lòng, tìm cách khắc phục, giải quyết khó khăn, con người sẽ vững vàng, trưởng thành, rèn luyện bản lĩnh và thành công.	0,75
	4	Thí sinh có thể trả lời theo suy nghĩ, quan điểm của cá nhân nhưng cần lí giải một cách logic, phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật. Gợi ý: - Không ngừng nuôi dưỡng ước mơ, khát vọng cho bản thân trong mọi hoàn cảnh vì ước mơ giúp con người sống có ý nghĩa, có lí tưởng, có khát vọng và hoài bão... - Trong cuộc sống, con người có lúc gặp phải khó khăn, thử thách, thất bại, thậm chí là mất mát nhưng nếu con người có bản lĩnh và kiên trì sẽ vượt qua tất cả...	1,0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung văn bản ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về <i>vai trò của ước mơ đối với tuổi trẻ</i>.	2,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: vai trò của ước mơ đối với tuổi trẻ.</i>	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ <i>vai trò của ước mơ đối với tuổi trẻ</i>. Có thể triển khai theo hướng sau: *Giải thích: Ước mơ là những điều tốt đẹp trong tương lai mà con người luôn hướng tới, mong muốn khao khát đạt được nó. * Bàn luận (phân tích, chứng minh): Ước mơ có vai trò vô cùng quan trọng đối với con người, đặc biệt là với tuổi trẻ: + Giúp các bạn trẻ định hướng tương lai, sống có mục đích, vượt qua mọi khó khăn, trở ngại, thử thách để đạt được thành công.	1.0

		+ Giúp người trẻ tạo động lực sống có ý nghĩa với tập thể, xã hội, cộng đồng. - Để thực hiện được ước mơ, con người cần trang bị cho mình những kiến thức và kỹ năng cần thiết. Đồng thời cũng cần cả lòng kiên trì và ý chí để thực hiện và theo đuổi ước mơ. - Phê phán những người sống không có ước mơ, hoài bão, lí tưởng... *Bài học nhận thức và hành động: Tuổi trẻ cần sống có ước mơ, hoài bão để thiết lập một tương lai tốt đẹp cho bản thân, gia đình và xã hội.	
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Cảm nhận của anh/chị về tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ trong đoạn trích ... Từ đó, rút ra nhận xét tấm lòng của nhà văn Kim Lân dành cho người nông dân.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi (có ý phụ) Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ trong đoạn trích; tấm lòng của nhà văn Kim Lân dành cho người nông dân.	(0,25)
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả, tác phẩm: +Kim Lân là nhà văn của người nông dân, là cây bút của đồng ruộng. +Truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> của ông thể hiện sự am hiểu sâu sắc cảnh ngộ và tâm lí những người ở thôn quê: dù cuộc sống có tăm tối đến đâu họ vẫn khao khát sống, yêu thương đùm bọc nhau, vẫn hi vọng vào tương lai. -Nêu vấn đề cần nghị luận: Đoạn trích: ...<i>Bà lão cúi đầu nín lặng(...)cuộc đời chúng nó liệu có hơn bố mẹ trước kia không?</i>...diễn tả sâu sắc tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ, đồng thời thể hiện tấm lòng của nhà văn dành cho người nông dân nghèo khổ. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát về truyện ngắn, đoạn trích -<i>Vợ nhặt</i> được coi là kiệt tác trong sự nghiệp sáng tác của Kim Lân, cũng là một truyện ngắn xuất sắc của văn xuôi Việt Nam hiện đại. Tiền thân của truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> là một chương trong tiểu thuyết <i>Xóm ngụ cư</i> viết ngay sau 1945. Tới 1954, Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết <i>Vợ nhặt</i>. Do đó, tác phẩm không chỉ là kết quả một quá trình suy ngẫm, gọt giũa về cả nội dung và nghệ thuật mà còn mang âm hưởng lạc quan của thời đại mới trong thời điểm đất nước được giải phóng sau năm 1954. - Đoạn trích thuộc phần cuối của truyện, diễn tả tâm trạng của bà cụ Tứ khi Tráng dẫn vợ về và khi bà nói chuyện với nàng dâu mới.	(4.00)

b. Cảm nhận nội dung, nghệ thuật thể hiện tâm trạng nhân vật bà cụ Tứ: 2.5đ

b.1. Về nội dung:

- Sự xuất hiện của nhân vật: Tác giả chỉ giới thiệu sơ lược về diện mạo, ngoại hình, gia cảnh để từ đó khái quát số phận bà cụ Tứ. Nhưng chỉ thông qua một vài chi tiết chọn lọc như dáng đi *lọng khọng*, đôi mắt kèm nhèm và *tiếng húng hắng ho* cùng hình ảnh về ngôi nhà nghèo nàn xơ xác, người đọc đã đủ hình dung về số phận của một người mẹ nông dân nghèo khổ, cơ cực đã bị cái đói đe dọa, truy đuổi trong suốt cả cuộc đời dài dằng dặc. Ngay từ những ấn tượng ban đầu, Kim Lân đã gợi nên rất nhiều sự thương cảm, xót xa từ hình ảnh bà cụ Tứ.

- Diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ trong đoạn trích:

+ Ngay sau sự **ngạc nhiên**, bà cụ Tứ có **tâm trạng xót thương** cho con mình. Khi nghe lời giải thích đồng thời cũng là lời giới thiệu ngắn gọn nhưng đầy ý nhị của Tràng: *“Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ!”*, ở bà cụ Tứ đã có một phản ứng không lời nhưng lại chất chứa đầy cảm xúc phức tạp: *“Bà lão hiểu rồi, lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình”*. Như vậy, trong cái nín lặng của bà cụ Tứ là sự nén chặt, sự dồn tụ rất nhiều cảm xúc: vừa là niềm hạnh phúc khi thằng con mình có một người bạn đời để sẻ chia buồn vui, vừa là sự xót xa vì việc trọng đại với đứa con trai lại diễn ra chóng vánh, bất ngờ đến thế, vừa là sự tủi phận của người mẹ cảm thấy mình đã không làm tròn trách nhiệm, không lo lắng được cho hạnh phúc của con cái. Phải rất tinh tế Kim Lân mới bắt được khoảnh khắc tâm lý tưởng như rất tĩnh tại nhưng thực chất lại đầy phức tạp, uẩn khúc này của bà cụ Tứ.

+ Sau phút *cúi đầu nín lặng* với nhiều cảm xúc trái chiều phức tạp, bà cụ đã trở về với thực tại, nhìn vào thực tế đời sống nghiệt ngã để trong lòng trào lên **sự lo lắng, thương xót** cho hai đứa con: *“Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không”*. Những dòng nước mắt lặng lẽ chảy của bà cụ đã khiến cho tất cả người đọc đều phải lặng đi, xúc động bởi ở đó tình mẫu tử, tình thương con đã được thể hiện sâu sắc.

+ Và rất tự nhiên từ tình thương, từ sự lo lắng dành cho đứa con trai, bà cụ chuyển sang nhìn người con dâu cũng bằng ánh mắt đầy **xót xa, thương cảm**. Dù Tràng không hề đề cập đến việc nhạt vợ ở đầu đường, xô chợ qua loa và chóng vánh như thế nào, nhưng bằng kinh nghiệm sống của một người đã đi gần hết cả cuộc đời, bà cụ có thể hoàn toàn hiểu được sự thật trần trụi, đắng chát của cuộc hôn nhân đó. Nhưng bà không hề nhìn cô con dâu bằng sự phán xét khắt khe đầy nghiêm trọng thường thấy của một bà mẹ chồng, mà bằng con mắt đầy bao dung và cảm thông. Bà như tự bào chữa cho chính đứa con dâu: *“Người ta có gặp bước khó khăn, đời khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có được vợ”*. Với chi tiết này, bà cụ Tứ hiện lên không chỉ là hình ảnh của tình mẫu tử thiêng liêng cao cả mà còn là biểu hiện của tình người ấm áp, bao dung. Bằng sự nhân hậu, vị tha, bà đã sẵn sàng mở rộng lòng và dang đôi bàn tay để cứu mang, che chở, nâng đỡ những kiếp người khốn khổ hơn mình. Ở đó, truyền thống đạo lý tốt đẹp của người Việt Nam: *“Lá lành đùm lá rách”* được thể hiện rất rõ.

+ Nhưng điều đáng lưu ý và cũng đáng trân trọng nhất ở bà cụ Tứ là dù có xót xa, đau đớn và lo lắng nhưng tất cả đều được bà mẹ

này giữ kín trong cõi riêng của mình còn những điều bà nói ra đều là **sự vui mừng**, tốt đẹp. Câu nói mà bà nói với nàng dâu mới: “*ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng*” tuy giản dị nhưng cũng đầy ý nghĩa. Nó vừa giúp cả ba người thoát khỏi tình thế ngượng nghịu, khó xử, vừa là sự chào đón ấm áp, đôn hậu với nàng dâu mới. Cùng với các khái niệm thiêng liêng: “*duyên, kiếp*”, bà cụ đã cho thấy dưới đôi mắt của người mẹ thương con thì người con dâu không phải là người đàn bà *chao chát, chống lớn, trơ trẽn* mà là người đáng được trân trọng. Còn cuộc hôn nhân chóng vánh, vội vàng của Tràng cũng trở nên thiêng liêng, trọng đại như các cuộc hôn nhân mâm cao cỗ đầy khác. Như vậy, với tấm lòng cao cả, giàu đức hy sinh, bà lão đã nén chặt trong lòng những buồn tủi để nâng đỡ, vun vén cho hạnh phúc của hai đứa con mình.

+Để tiếp tục gieo vào lòng hai đứa con niềm tin, hy vọng cũng như sự lạc quan vào cuộc sống, bà đã dùng đến kinh nghiệm dân gian được đúc kết từ ngàn đời. Câu tục ngữ: “*Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời*” mà bà nói ra chính là cách động viên ấm áp nhất để Tràng và người vợ nhặt có thể tin vào sự thay đổi tốt đẹp hơn.

+Nén lòng để tạo tâm lý thoải mái cũng như sự khởi đầu tốt đẹp nhất cho hai đứa con nhưng bà lão không thể quên đi những ám ảnh về đói rét, chết chóc. Có thể nói đây là một nét tâm lý rất phức tạp và sâu kín của bà cụ Tứ. Khi trở về với cõi riêng của mình, lòng người mẹ nghèo lại quặn thắt với những **đau đớn, xót xa**. Điều đó được thể hiện rất rõ qua chi tiết: “*Bà lão dăm dăm nhìn ra ngoài. Bóng tối trùm lấy hai con mắt. Ngoài xa dòng sông sáng trắng uốn khúc trong cánh đồng tối....Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà lão nghĩ đến cuộc đời cực khổ dài dằng dặc của mình.*” Kim Lân đã thấu suốt vào cái nhìn của bà cụ Tứ để nhận thấy trong đó sắc màu chủ đạo là màu đen đặc của bóng tối. Cái bóng tối ở đây không chỉ là bóng tối của đêm mà còn là bóng tối của đói nghèo, cực khổ đã bao trùm lên toàn bộ cuộc đời bà, là bóng tối của sự chết chóc, ám ảnh qua nỗi nhớ về những người thân đã khuất là chồng và đứa con gái út. Bóng tối này đã đè nặng lên ánh nhìn, đè nặng lên tấm lòng của người mẹ nghèo để trong lòng bà tràn lên một nỗi xót xa cho số phận mình, nhưng lớn hơn là sự lo lắng đến xót một cho sự tồn tại, cho tương lai các con. Bởi vậy, sau phút trợn vện với những cảm xúc của riêng mình, khi trở về với thực tại bà không còn nén nỗi cảm xúc như trước đó mà những lời nói ra đã nghẹn ngào trong nước mắt: “*Năm nay thì đói to đấy. Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá*”. Những lời nghẹn ngào, xót xa của bà cụ Tứ đã tạo nên sự xúc động cao độ của câu chuyện về vẻ đẹp của tình mẫu tử, lớn hơn là tình người.

b.2. Về nghệ thuật

Thành công của việc xây dựng hình tượng bà cụ Tứ đó là tác giả đã dựng nên tình huống truyện độc đáo; nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc, đối thoại sinh động, hấp dẫn; ngôn ngữ mộc mạc giản dị, gần với khẩu ngữ nhưng được chắt lọc kỹ lưỡng, tạo sức gợi đáng kể; miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, sắc sảo...; trần thuật hấp dẫn.

c. Rút ra nhận xét tấm lòng của nhà văn Kim Lân dành cho người nông dân.

- Tấm lòng của nhà văn Kim Lân dành cho người nông dân được

	thể hiện ở tình thương, nỗi xót xa và đồng cảm với số phận của một người mẹ nghèo khổ trong nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu 1945. Tác giả gửi gắm tình cảm trân trọng, ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của người mẹ: tuy nghèo nhưng rất thương con, nhân hậu, bao dung và giàu lòng vị tha, đặc biệt bà là người rất lạc quan, có niềm tin vào tương lai, hạnh phúc tươi sáng. Tấm lòng đó còn thể hiện qua nghệ thuật diễn tả tâm trạng của nhân vật với chiều sâu bên trong tâm hồn vừa phức tạp, vừa sâu sắc, hiểu và cảm được tận cùng nỗi niềm của người mẹ nghèo; - Tấm lòng của nhà văn Kim Lân đã làm cho truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> có giá trị phản ánh chân thực hiện thực xã hội Việt Nam, thấm đẫm tinh thần nhân đạo, đem lại niềm tin vào sự đổi đời của người nông dân và sự hướng về cách mạng của họ. 3.3.Kết bài: 0.25 - Kết luận về nội dung, nghệ thuật thể hiện tâm trạng của bà cụ Tứ; - Nêu cảm nghĩ đóng góp về tư tưởng và nghệ thuật của nhà văn Kim Lân.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25

ĐỀ THI THỬ CHUẨN CẤU KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021
TRÚC MINH HỌA
ĐỀ SỐ 08
(Đề thi có 02 trang)

Bài thi: Ngữ Văn

Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian phát đề

A. ĐỊNH HƯỚNG RA ĐỀ

1. Cấu trúc đề văn gồm hai phần, đó là phần Đọc hiểu (3 điểm) và Làm văn (7 điểm).

- Trong đó, câu hỏi Đọc hiểu gồm ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa cùng 4 câu hỏi đọc hiểu theo các mức độ: Nhận biết/ thông hiểu/ vận dụng. Đó là những dạng câu hỏi quen thuộc với học trò từ nhiều năm nay.

- Trong phần Làm văn, câu Nghị luận xã hội (2 điểm) với yêu cầu viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nội dung nghị luận là vấn đề có quan hệ hữu cơ với nội dung trong ngữ liệu đọc hiểu.

2. Nội dung:

- Đề đảm bảo kiến thức cơ bản, và không có kiến thức trong nội dung tinh giản mà Bộ mới công bố ngày 31.3.2020. Đề không khó, vừa sức với học sinh, học sinh trung bình không khó để đạt mức điểm 5 - 6; học sinh khá đạt 7 - 8. Tuy nhiên để đạt mức điểm 9-10 đòi hỏi học sinh phải phát huy được tư duy phản biện, các trình bày vấn đề nghị luận sắc bén, thể hiện quan điểm cá nhân mang tính sáng tạo.

- Phần Đọc hiểu trong đề thi sử dụng ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa, gồm một đoạn trích dẫn cho trước và 4 câu hỏi. Để trả lời được 4 câu hỏi này, đòi hỏi học sinh phải nắm chắc kiến thức về Tiếng Việt, đọc hiểu nội dung và suy ngẫm, đánh giá. Đặc biệt ở câu 3, câu 4 đòi hỏi người làm bài phải hiểu sâu sắc đoạn trích, câu trích dẫn thì bài làm mới hay, hiểu đúng vấn đề.

- Trong phần Làm văn:

+ Đề thi yêu cầu học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội: Câu này vẫn giữ nguyên tác ra đề truyền thống, yêu cầu học sinh viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về một vấn đề được rút ra từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.

+ Ở câu nghị luận văn học, nội dung câu hỏi nằm ở phần kiến thức chương trình học kì I lớp 12, không ra ngoài nội dung tinh giản của Bộ GDĐT, mức độ phù hợp giống với câu nghị luận học trong đề thi chính thức năm 2019. Và đây là đơn vị kiến thức nhỏ (không phải toàn bộ tác phẩm), phù hợp với dung lượng bài văn 5 điểm trong thời lượng đề thi 120 phút.

B. MA TRẬN ĐỀ THI

MA TRẬN

PHẦN	CÂU	CẤP ĐỘ NHẬN THỨC			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
ĐỌC HIỂU	1	x			
	2	x			
	3		x		
	4			x	
LÀM VĂN	1			x	
	2				

C – BIÊN SOẠN ĐỀ THI

I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc văn bản sau:

Cựu tổng thống Pakistan Ayub Khan từng nói: “Niềm tin cũng giống như sợi dây mảnh, đã đứt là khó nối”. Khi cha mẹ bắt đầu đối xử với đứa con bằng thái độ thiếu tin tưởng, dưới định kiến này của cha mẹ, trẻ nảy sinh tâm lí dễ nổi loạn, thậm chí làm những việc khiến cha mẹ thêm bất tín.

Khi thiên tài Edison 8 tuổi, ông từng đặt ra câu hỏi với giáo viên: vì sao $2 + 2 = 4$? Vì câu hỏi này, ông bị giáo viên cho là chậm chạp, năng lực thấp. Tuy nhiên, mẹ Edison, người luôn tin tưởng con trai mình, đã luôn kiên nhẫn dạy dỗ cậu bé. Dưới sự dìu dắt của mẹ, Edison say mê đọc sách - thói quen này trở thành nền tảng cho những phát minh lớn trong tương lai của cậu. Nếu người mẹ tin vào lời giáo viên, tin rằng con trai mình là một đứa trẻ kém cỏi, thế giới sẽ không có vua của những phát minh sau này.

Một đứa trẻ tình nguyện giúp mẹ lau nhà, nhưng mẹ thay vì khuyến khích, lại nói: “Đừng kéo lê cái khăn nữa, con làm ướt nhẹp cả sàn”. Hoặc khi trẻ muốn rửa bát, bố quát: “Con đi đi, đừng động vào và làm vỡ bát”. Khi trẻ muốn thử nghiệm những thứ mới mẻ, bố mẹ đã tạt gáo nước lạnh: “Chưa đến tuổi làm việc đó, đừng phí thời gian”. Rõ ràng, cha mẹ đã kìm hãm sự tự tin của đứa trẻ, không tin tưởng vào năng lực của bé, làm hạn chế ham muốn học tập của bé. Theo thời gian, trẻ dần rơi vào cảm giác bất lực khi không thể được trải nghiệm, do sự kiểm soát bên ngoài. Khi gặp phải bất cứ việc gì, chúng sẽ tự khắc rút lại, biến mình trở thành đáng thương, đúng như những lời bố mẹ chúng thốt ra.

Thế nên, sự tin tưởng con, để con được cảm nhận thực sự thấy tình yêu, sự tự do sẽ quan trọng hơn rất nhiều so với sự hài lòng về vật chất. Trong quá trình đó, cần chú ý ba điểm quan trọng: cho trẻ cơ hội tự giác, hiểu nguyên nhân, cho trẻ cơ hội được tin tưởng, luôn tin con là tốt nhất.

(Thùy Linh, Tác hại nhãn tiền khi thiếu tin tưởng con, dẫn theo [https:// vnexpress.net](https://vnexpress.net)).

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (NB). Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2 (NB). Theo tác giả, thành công của thiên tài Edison đến từ những nguyên nhân nào?

Câu 3 (TH). Vì sao tác giả cho rằng: “*Sự tin tưởng con, để con được cảm nhận thực sự thấy tình yêu, sự tự do sẽ quan trọng hơn rất nhiều so với sự hài lòng về vật chất*”?

Câu 4 (VD). Anh/Chị có đồng ý với quan điểm “*Niềm tin cũng giống như sợi dây mảnh, đã đứt là khó nối*” được nhắc đến trong văn bản hay không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về *một số việc thanh niên cần thực hiện để tạo lòng tin cho người lớn*.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho. Trẻ em đi hái bí đỏ, tinh nghịch, đã đốt những lều quanh nương để sưởi lửa. Ở Hồng Ngải, người ta thành lệ cứ ăn Tết thì gặt hái vừa xong, không kể ngày, tháng nào. Ăn Tết như thế cho kịp mưa xuân xuống thì đi vỡ nương mới. Hồng Ngải năm ấy ăn Tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét rất dữ dội.

Nhưng trong các làng Mèo Đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mồm đá xòe như con bướm sặc sỡ. (...) Đám trẻ đợi Tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà. Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi. Mọi người nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha bồi hồi. Mọi người ngẫm thâm bài hát của người đang thổi.

*"Mày có con trai con gái rồi
Mày đi làm nương
Ta không có con trai con gái
Ta đi tìm người yêu".*

Tiếng chó sủa xa xa. Những đêm tình mùa xuân đã tới.

Ở mỗi đầu làng đều có một mồm đất phẳng làm sân chơi chung ngày tết. Trai gái, trẻ con ra sân ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi kèn và nhảy.

Cả nhà thông lý ăn xong bữa cơm tết cùng ma. Xung quanh chiêng đánh ầm ỉ, người ộp ộp đồng vẫn nhảy lên xuống, run bần bật. Vừa hết bữa cơm tiếp ngay cuộc rượu bên bếp lửa.

Ngày tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước. Tại Mị vẫn văng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mị.

(Trích **Vợ chồng A Phủ**- Tô Hoài, *Ngữ văn 12*, tập hai, Nxb GD, 2008, tr 6,7)

Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt và nhân vật Mị ở đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét chất thơ trong sáng tác của nhà văn Tô Hoài.

-----**HẾT**-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Độc hiểu	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.	0,5
	2	Theo bài viết, thành công của thiên tài Edison đến từ những nguyên nhân sau: - Thói quen say mê đọc sách. - Lòng tin tưởng và sự kiên nhẫn dạy dỗ của người mẹ.	0,5
	3	Tác giả bài viết cho rằng: “Sự tin tưởng con, để con được cảm nhận thực sự thấy tình yêu, sự tự do sẽ quan trọng hơn rất nhiều so với sự hài lòng về vật chất” vì: - Mong muốn thực sự của con cái đối với bố mẹ không gì hơn tình yêu thương, sự tin tưởng thực sự và cho trẻ sự tự do cần có để phát triển. - Hạnh phúc của một con người đến từ sự hài lòng về vật chất và sự thoải mái về tinh thần. Do vậy, nếu bố mẹ chỉ cho trẻ sự hài lòng về vật chất mà thiếu đi sự tin tưởng con, chưa cho con được cảm nhận thực sự tình yêu, sự tự do thì sẽ không đảm bảo được hạnh phúc cho trẻ.	1,0
	4	* Thí sinh được tự do nêu ý kiến của mình: Đồng ý hoặc không đồng ý với quan điểm “Niềm tin cũng giống như sợi dây mảnh, đã đứt là khó nối” được nhắc đến trong văn bản. * Học sinh giải thích ý kiến của mình miễn hợp lí, thuyết phục. Có thể tham khảo gợi ý sau: - Đánh giá: Ý kiến trên rất chính xác. - Giải thích: + Niềm tin giữa người và người cần một quá trình lâu dài và rất khó khăn để hình thành nhưng rất dễ đánh mất. + Niềm tin là một yếu tố gắn với cảm xúc, khi niềm tin mất thì cảm xúc cũng không còn, những ấn tượng tốt đẹp sẽ phai nhạt dần rồi mất đi, khó có thể tìm lại được. + Mất niềm tin vào một đối tượng nào đó kéo theo sự tan vỡ quan hệ, thậm chí sụp đổ thân tượng; điều này rất khó có thể cứu vãn được. (Lưu ý: Nếu chỉ nêu lý do mà không nêu ý kiến thì không cho điểm)	1,0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về <i>một số việc thanh niên cần thực hiện để tạo lòng tin cho người lớn.</i>	2,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25

		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: một số việc thanh niên cần thực hiện để tạo lòng tin cho người lớn.</i>	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận: Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ một số việc thanh niên cần thực hiện để tạo lòng tin cho người lớn.</i> Có thể triển khai theo hướng sau: Trình bày suy nghĩ của bản thân về một số việc thanh niên cần thực hiện để tạo lòng tin cho người lớn: - Có thể tự lập ở một số việc: chăm sóc bản thân, đến trường, học bài, làm bài.... - Chủ động phụ giúp bố mẹ làm việc nhà, hoàn thành tốt những việc ấy một cách nhanh chóng, hiệu quả. - Năng động trong những môi trường ngoài gia đình để bố mẹ đón nhận phản hồi tích cực về mình từ mọi người xung quanh.	1.0
		d. <i>Sáng tạo</i> Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.</i>	0,25
	2	Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp của đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét chất thơ trong sáng tác của nhà văn Tô Hoài.	5,0
		1. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi (có ý phụ)</i> Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Về đẹp thiên nhiên, cảnh sinh hoạt và sức sống tiềm tàng của Mị ; chất thơ trong sáng tác của Tô Hoài.	(0,25)
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1. Mở bài – Giới thiệu Tô Hoài và truyện <i>Vợ chồng A Phủ</i> + Tô Hoài là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của nền văn học hiện đại Việt Nam, là nhà văn có biệt tài nắm bắt rất nhanh nhạy những nét riêng trong phong tục, tập quán của những miền đất mà ông đã đi qua. Ông có giọng văn kể chuyện hóm hỉnh, rất có duyên và đầy sức hấp dẫn; có vốn ngôn ngữ bình dân phong phú và sử dụng rất linh hoạt, đặc địa. + Một trong những thành công nhất của nhà văn khi viết về đề tài miền núi Tây Bắc là truyện <i>Vợ chồng A Phủ</i>. – Nêu vấn đề cần nghị luận: Về đẹp thiên nhiên, cảnh sinh hoạt và sức sống tiềm tàng của Mị trong đoạn trích; chất thơ trong sáng tác của Tô Hoài.	0,25
		3.2. Thân bài a. Khái quát tác phẩm: Truyện “Vợ chồng A Phủ” được nhà văn Tô Hoài sáng tác năm 1952, in trong tập “Truyện Tây Bắc”. Tác phẩm gồm hai phần: phần đầu kể về cuộc sống tù nhục	0,25

	của Mị và A Phủ ở Hồng Ngải, là nô lệ nhà thống lí Pá Tra; cuối phần một là cảnh Mị cứu và chạy theo A Phủ. Phần sau kể về Mị và A Phủ ở Phiềng Sa. Họ trở thành vợ chồng, được giác ngộ cách mạng. b. Tổng quát nhân vật Mị - Trước khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra: + Mị là cô gái người Mông trẻ trung, hồn nhiên, có tài thổi sáo “<i>thổi lá cũng hay như thổi sáo, có biết bao nhiêu người mê</i>”; + Mị đã từng yêu, từng được yêu, luôn khao khát đi theo tiếng gọi của tình yêu. + Hiếu thảo, chăm chỉ, ý thức được giá trị cuộc sống tự do nên sẵn sàng làm nương ngô trả nợ thay cho bố. - Khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra: bị “cúng trình ma” nhà thống lí, làm con dâu gạt nợ, bị bóc lột sức lao động, “không bằng con trâu con ngựa”, “đàn bà trong cái nhà này chỉ biết vui đầu vào công việc”, bị đày đọa nơi địa ngục trần gian, bị đánh, bị phạt, bị trói, ... - Dù chịu nhiều bất hạnh, đau khổ nhưng Mị là người có phẩm chất tốt đẹp, có sức sống tiềm tàng, khao khát tự do, nhất là trong đêm tình mùa xuân... c. Phân tích nội dung, nghệ thuật về đẹp của đoạn trích: c.1. Về nội dung: Về đẹp trong <i>đêm tình mùa xuân</i> - Những bức tranh thiên nhiên có vẻ đẹp riêng của miền núi Tây Bắc, đặc biệt là cảnh mùa xuân trên vùng núi cao, được Tô Hoài miêu tả bằng những rung cảm thiết tha của hồi ức. + Tết của đồng bào miền núi Tây Bắc là sự cộng hưởng của vẻ đẹp đất trời và niềm vui thu hoạch mùa màng. “<i>Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho</i>”. + Cái tết ở Hồng Ngải năm ấy đến vào lúc thời tiết khắc nghiệt, gió thổi và rét rất dữ dội nhưng không ngăn nổi những sắc màu rực rỡ của thiên nhiên, không ngăn nổi cái rạo rực của lòng người. Cả bản làng sáng bừng trong sắc vàng, đó là màu vàng của ngô, lúa, của trái bí đỏ, của cỏ gianh cùng với những sắc màu rực rỡ của “những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mỏm đá xòe như con bướm sặc sỡ.” + Ngoài sắc màu, bức tranh xuân vùng miền núi Tây Bắc còn rộn rã với thanh âm. Đó là âm thanh của tiếng khèn, của tiếng nói cười của trẻ con, <i>tiếng chó sủa xa xa</i> và đặc biệt hơn cả là <i>tiếng sáo</i>. Nhà văn Tô Hoài rất dụng công trong mô tả tiếng sáo bởi tiếng sáo mùa xuân được xem như linh hồn của đời sống tinh thần nhân dân vùng Tây Bắc. Tiếng sáo là sự mã hóa vẻ đẹp tâm hồn nhân dân Tây Bắc, là phương tiện giao tiếp của đồng bào nơi đây “<i>Anh ném pao, em không bắt. Em không yêu, quả pao rơi rồi</i>”. - Vẻ đẹp của bức tranh sinh hoạt, phong tục miền núi, đặc biệt là cảnh ngày tết của người Mèo, qua ngòi bút của Tô Hoài, thực sự có sức say lòng người. + Đoạn trích giúp chúng ta ít nhiều có thể hình dung về phong tục đón Tết của người Mèo (H'Mông): người Mèo đón Tết khi vụ mùa gặt hái đã xong; mọi người thường tập trung ở một không gian thoáng, rộng, thường là mỏm đất phẳng ở đầu làng để thổi khèn, thổi sáo, đánh quay, ném còn. + Ngoài <i>đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi</i>. Từ <i>láy lạp ló</i> gợi âm thanh tiếng sáo lúc ẩn lúc hiện. Thanh âm ấy	2,0
--	---	-----

		tạo không gian mênh mông, được nhà văn miêu tả từ xa đến gần, là biểu hiện của sinh hoạt mang nét đặc trưng của con người Tây Bắc. Đây cũng là dịp để các chàng trai cô gái trẻ kiếm tìm người yêu, người tâm đầu ý hợp với mình. Mùa xuân là mùa của hò hẹn, mùa của tình yêu, của hạnh phúc. Giữa khung cảnh thiên nhiên thơ mộng, quyến rũ và say mê, nổi bật con người Tây Bắc đa tình, nghệ sĩ. + Nhà văn tập trung tả lễ hội diễn ra ở Hồng Ngài vào mùa xuân, trong đó phần Hội được nhấn mạnh hơn cả. Trong đêm tình mùa xuân, ông tả Hội trước: <i>Ở mỗi đầu làng đều có một mỏm đất phẳng làm cái sân chơi chung ngày Tết. Trai gái, trẻ con ra sân chơi ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi khèn và nháy.</i> Về dung lượng, chỉ có ba câu văn tả trực tiếp Lễ cúng ma ngày Tết diễn ra trong không gian nhà thống lý: <i>Cả nhà thống lý Pá Tra vừa ăn xong bữa cơm Tết cúng ma. Xung quanh, chiêm đánh âm ỉ, người ốp đồng vẫn còn nhảy lên xuống, run bần bật. Vừa hết bữa cơm lại tiếp ngay bữa rượu bên bếp lửa.</i> Hai đoạn văn gần nhau, tự nó toát lên cái nhìn so sánh của tác giả và khơi gợi ý so sánh ở người đọc. Nhìn ở góc độ vật chất, đó là thế giới của nghèo và giàu; nhìn ở góc độ địa vị, đó là thế giới của dân dã và chức sắc; nhìn ở góc độ phong tục, đó là thế giới của bên vui chơi và bên thờ cúng; nhìn từ góc độ tuổi tác, bên thường gắn với trẻ, bên gắn với già; nhìn từ tính chất của hoạt động thì một bên trần tục và một bên linh thiêng. Nhìn từ thân phận Mị, thế giới trần tục ở ngoài kia trở thành thế giới của tự do - thế giới Mị khao khát, thế giới linh thiêng ở trong này biến thành thế giới của giam cầm - thế giới Mị muốn chối bỏ. - Về đẹp tâm hồn và sức sống mãnh liệt của nhân vật Mị được miêu tả tinh tế, xúc động. + Trước cảnh tung bừng ấy, cứ tưởng Mị <i>nào có biết xuân là gì?</i> Nhưng thật bất ngờ, những <i>đêm tình mùa xuân</i> ở Hồng Ngài đã làm cho tâm hồn Mị hồi sinh trở lại. Có thể nói, tâm trạng và hành động của Mị đã được Tô Hoài thể hiện một cách tinh tế và xúc động. + Tâm hồn Mị tha thiết <i>bối hồi</i> khi nghe tiếng sáo từ đầu núi vọng lại. Mị đã ngồi <i>nhắm thắm</i> bài hát của người đang thổi sáo. Sau bao nhiêu ngày câm lặng, có lẽ đây là lần đầu tiên người con dâu gạt nợ này đã khê hát, dù chỉ là <i>nhắm thắm</i>. Mị <i>nhắm thắm</i> (không phải là “hát thắm”), tức là khê khàng nhắc lại theo sự hồi tưởng, thậm chí không liên mạch, lúc nhớ lúc quên lời bài hát của người đang thổi. Có lẽ trước đây Mị cũng đã từng thổi sáo hoặc hát bài này rồi. Giờ nghe tiếng sáo ngoài đầu núi vọng lại, lúc ẩn lúc hiện, trong Mị đã thức dậy điều gì đó quen thuộc, lâu nay bị lãng quên. + Mị lén lấy hũ rượu <i>uống ực</i> từng bát. Cách uống khiến người đọc cảm nhận dường như không phải Mị đang uống rượu mà là uống từng bát cay đắng, uất hận vào lòng. Những cay đắng, uất hận đó chất chồng và cứ bị dồn đẩy, nghẹn đắng trong lòng Mị. + Men rượu đã làm cô hồi tưởng về ngày trước. Tiếng sáo gọi bạn tình văng vẳng trong tai Mị. Bao nhiêu kỉ niệm đẹp thời con gái đã sống dậy trong lòng Mị: cô thổi sáo giỏi và có bao nhiêu người mê, ngày đêm thổi sáo đi theo. Hồi tưởng lại mùa xuân tươi đẹp thời con gái, điều đó cho thấy Mị đã được thức tỉnh.	
--	--	---	--

	Khát vọng sống như ngọn lửa đã bùng sáng tâm hồn Mị. c.2. Về nghệ thuật: - Các từ ngữ địa phương gợi những hình ảnh gần gũi đặc trưng cho miền núi Tây Bắc: nương ngô, nương lúa, vỡ nương, lều canh nương, cùng những sinh hoạt độc đáo: hái bí đỏ chơi quay, thổi sáo. - Từ ngữ miêu tả chi tiết đẹp và giàu sức sống: cỏ gianh vàng ửng, những chiếc váy đem ra phơi trên mỏm đá xòe ra như những con bướm sặc sỡ, tiếng sáo lấp ló ngoài đầu núi. - Đoạn miêu tả giàu tính nhạc thơ, trữ tình gợi cảm. Âm điệu câu văn êm ả, ngắn và đậm phong vị Tây Bắc (kiểu cách nói năng của người miền núi: nương ngô, nương lúa đã gặt xong, lúa ngô...) - Đi sâu vào khai thác diễn biến tâm lí nhân vật Mị rất tự nhiên, chân thực và sâu sắc thông qua hành động và tâm trạng, chủ yếu thể hiện nội tâm tinh tế, xúc động. d. Nhận xét chất thơ trong sáng tác của Tô Hoài. - Biểu hiện: + Chất thơ trong sáng tác của Tô Hoài hiện lên trước hết qua hình ảnh thiên nhiên với vợi vợi những núi non, nương rẫy, sương giăng... không thể lẫn được với một nơi nào trên đất nước ta. Những chi tiết miêu tả thiên nhiên đan xen, hoà quyện trong lời kể của câu chuyện. + Đoạn trích cũng miêu tả rất tinh tế một phong tục rất đẹp, rất thơ của đồng bào vùng cao là lễ hội mùa xuân tràn ngập màu sắc và âm thanh, ấn tượng nhất về màu sắc là vẻ đẹp của <i>váy hoa</i>, của âm thanh là <i>tiếng sáo</i>. + Nét đặc sắc nhất của chất thơ biểu hiện ở tâm hồn nhân vật Mị. Ẩn sâu trong tâm hồn Mị, một cô gái tưởng chừng như héo hắt, sống một cuộc đời lầm lũi “đến bao giờ chết thì thôi” ấy, có ai ngờ, vẫn le lói những đốm lửa của khát vọng tự do, của tình yêu cuộc sống. + Ngôn ngữ nghệ thuật của nhà văn với hàng loạt các âm thanh, các hình ảnh gợi hình, gợi cảm rất nên thơ và đậm màu sắc. + Chất thơ trong văn xuôi của Tô Hoài được tạo nên bởi sự kết hợp nhuần nhuyễn cái khí sắc lãng mạn với bút pháp trữ tình cùng cái duyên mượt mà của một văn phong điêu luyện. + Bên cạnh nghệ thuật sử dụng ngôn từ, Tô Hoài còn để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc bởi khả năng diễn đạt tài tình những rung động sâu xa, tinh tế trong thế giới đa cung bậc và muôn vàn sắc thái của tình cảm. - Ý nghĩa: Chất thơ trong đoạn trích không những bộc lộ tài năng nghệ thuật của nhà văn Tô Hoài mà còn thể hiện tình yêu thiên nhiên và tấm lòng nhân đạo của ông với con người Tây Bắc, góp phần làm sáng tỏ cảm hứng lãng mạn cách mạng của văn xuôi Việt Nam 1945-1975. 3.3. Kết bài - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp của đoạn trích - Nêu cảm nghĩ về tình yêu thiên nhiên, con người và tài năng nghệ thuật của nhà văn.	1,0
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25

		Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	
--	--	--	--

ĐỀ THI THỬ CHUẨN CẤU KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021
TRÚC MINH HỌA
ĐỀ SỐ 09
(Đề thi có 02 trang)

Bài thi: Ngữ Văn

Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian phát đề

A. ĐỊNH HƯỚNG RA ĐỀ

1. Cấu trúc đề văn gồm hai phần, đó là phần Đọc hiểu (3 điểm) và Làm văn (7 điểm).

- Trong đó, câu hỏi Đọc hiểu gồm ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa cùng 4 câu hỏi đọc hiểu theo các mức độ: Nhận biết/ thông hiểu/ vận dụng. Đó là những dạng câu hỏi quen thuộc với học trò từ nhiều năm nay.

- Trong phần Làm văn, câu Nghị luận xã hội (2 điểm) với yêu cầu viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nội dung nghị luận là vấn đề có quan hệ hữu cơ với nội dung trong ngữ liệu đọc hiểu.

2. Nội dung:

- Đề đảm bảo kiến thức cơ bản, và không có kiến thức trong nội dung tinh giản mà Bộ mới công bố ngày 31.3.2020. Đề không khó, vừa sức với học sinh, học sinh trung bình không khó để đạt mức điểm 5 - 6; học sinh khá đạt 7 - 8. Tuy nhiên để đạt mức điểm 9-10 đòi hỏi học sinh phải phát huy được tư duy phản biện, các trình bày vấn đề nghị luận sắc bén, thể hiện quan điểm cá nhân mang tính sáng tạo.

- Phần Đọc hiểu trong đề thi sử dụng ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa, gồm một đoạn trích dẫn cho trước và 4 câu hỏi. Để trả lời được 4 câu hỏi này, đòi hỏi học sinh phải nắm chắc kiến thức về Tiếng Việt, đọc hiểu nội dung và suy ngẫm, đánh giá. Đặc biệt ở câu 3, câu 4 đòi hỏi người làm bài phải hiểu sâu sắc đoạn trích, câu trích dẫn thì bài làm mới hay, hiểu đúng vấn đề.

- Trong phần Làm văn:

+ Đề thi yêu cầu học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội: Câu này vẫn giữ nguyên tác ra đề truyền thống, yêu cầu học sinh viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về một vấn đề được rút ra từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.

+ Ở câu nghị luận văn học, nội dung câu hỏi nằm ở phần kiến thức chương trình học kì I lớp 12, không ra ngoài nội dung tinh giản của Bộ GDĐT, mức độ phù hợp giống với câu nghị luận học trong đề thi chính thức năm 2019. Và đây là đơn vị kiến thức nhỏ (không phải toàn bộ tác phẩm), phù hợp với dung lượng bài văn 5 điểm trong thời lượng đề thi 120 phút.

B. MA TRẬN ĐỀ THI

MA TRẬN

PHẦN	CÂU	CẤP ĐỘ NHẬN THỨC			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
ĐỌC HIỂU	1	x			
	2	x			
	3		x		
	4			x	
LÀM VĂN	1			x	
	2				

C – BIÊN SOẠN ĐỀ THI

I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc văn bản sau:

Từ trong tay mẹ con đi
Ba lô, khẩu súng... có gì nữa đâu
Đạn bom táp bạc mái đầu
Bao năm mẹ ngóng... giàn trầu héo cong
Bảy chìm, ba nổi long đong
Dòng đời gió bụi đục trong khôn lường
Tan trong băng giá, tuyết sương...
Đón cơn muôn vạn nẻo đường - Khát yêu!
Giữa thị thành, vẫn cô liêu
Bát cơm, manh áo sớm chiều bon chen
Rớt mình trong cảnh sang hèn
Rủi may, vinh nhục, đỏ đen khóc cười
Xót xa quãng quật nửa đời
Về ngôi nhà mẹ tìm nơi yên bình!

(Nguồn <https://baohaiduong.vn>, *Bình yên bên mẹ*, Vũ Thành Chung)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (NB). Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2 (TH). Nêu tác dụng việc vận dụng sáng tạo thành ngữ trong dòng thơ *Bảy chìm, ba nổi long đong*.

Câu 3 (TH). Anh/chị hiểu các dòng thơ sau như thế nào?

*Giữa thị thành, vẫn cô liêu
Bát cơm, manh áo sớm chiều bon chen
Rớt mình trong cảnh sang hèn
Rủi may, vinh nhục, đỏ đen khóc cười*

Câu 4 (VD). Hai dòng thơ cuối của bài thơ gợi anh/chị suy nghĩ gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung bài thơ ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ ý nghĩa của những khát khao yêu thương trong cuộc sống con người.

Câu 2. (5,0 điểm)

Từ chỗ chiếc xe tăng mà tôi đang đứng với chiếc máy ảnh, đi quá mười bước sâu vào phía trong có một chiếc xe rà phá mìn của công binh Mỹ, chiếc xe sơn màu vàng tươi và to lớn gấp đôi một chiếc xe tăng. Hai người đi qua trước mặt tôi. Họ đi đến bên chiếc xe rà phá mìn. Người đàn bà đứng lại, ngược mắt nhìn ra ngoài mặt phá nước chỗ chiếc thuyền đậu một thoáng, rồi đưa một cánh tay lên có lẽ định gỡ hay sửa lại mái tóc nhưng rồi lại buông thõng xuống, đưa cặp mắt nhìn xuống chân.

Lão đàn ông lập tức trở lên hùng hổ, mặt đỏ gay, lão rút trong người ra một chiếc thắt lưng của lính ngụy ngày xưa, có vẻ như những điều phải nói với nhau họ đã nói hết, chẳng nói chẳng rằng lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyền rủa bằng cái giọng rên rỉ đau đớn: “Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ!”.

Người đàn bà với một vẻ cam chịu đầy nhẫn nhục không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách trốn chạy.

Tất cả mọi việc xảy đến khiến tôi kinh ngạc đến mức, trong mấy phút đầu, tôi cứ đứng há mồm ra mà nhìn. Thế rồi chẳng biết từ bao giờ, tôi đã rút chiếc máy ảnh xuống đất chạy nhào tới.

Bóng một đứa con nít lao qua trước mặt tôi. Tôi vừa kịp nhận ra thằng Phác – thằng bé trên rừng xuống vừa nằm ngủ với tôi từ lúc nửa đêm. Thằng bé cứ chạy một mạch, sự giận dữ căng thẳng làm nó khi chạy qua không nhìn thấy tôi. Như một viên đạn trên đường lao tới đích đã nhắm, mặc cho tôi gọi nó vẫn không hề ngoảnh lại, nó chạy tiếp một quãng ngắn giữa những chiếc xe tăng rồi lập tức nhảy xổ vào cái lão đàn ông.

Cũng y hệt người đàn bà, thằng bé của tôi cũng như một người câm, và đến lúc này tôi biết là nó khỏe đến thế!

Khi tôi chạy đến nơi thì chiếc thắt lưng da đã nằm trong tay thằng bé, không biết làm thế nào nó đã giằng được chiếc thắt lưng, liền dướn thẳng người vung chiếc khóa sắt quật vào giữa khuôn ngực trần vạm vỡ cháy nắng có những đám lông đen như hắc ín, loăn xoăn từ rốn mọc ngược lên. Lão đàn ông định giằng lại chiếc thắt lưng nhưng chẳng được nữa, liền dang thẳng cánh cho thằng bé hai cái tát khiến thằng nhỏ lão đảo ngã dúi xuống cát.

(Chiếc thuyền ngoài xa, Nguyễn Minh Châu, SGK Ngữ văn 12, NXBGD 2008, tr 72-73)

Phân tích phát hiện của nghệ sĩ Phùng được thể hiện ở đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét tình huống nhận thức trong tác phẩm.

-----HẾT-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Thể thơ: Lục bát	0.5
	2	Việc vận dụng sáng tạo thành ngữ trong dòng thơ <i>Bảy chìm, ba nổi long đong</i> có tác dụng: - Giúp cho sự diễn đạt trở nên gần gũi, dễ hiểu vì đây là sự sáng tạo của tác giả từ văn hoá dân gian; - Nhấn mạnh số phận bấp bênh, lênhênh, phải đối mặt với những gian nguy mà con phải trải qua.	0.5
	3	Cách hiểu các dòng thơ sau: <i>Giữa thị thành, vẫn cô liêu</i> <i>Bát cơm, manh áo sớm chiều bon chen</i> <i>Rót mình trong cảnh sang hèn</i> <i>Rủi may, vinh nhục, đỏ đen khóc cười</i> - Những trăn trở lo toan của con người về cuộc sống chạy theo “giá trị ảo” giữa bộn bề cuộc mưu sinh trong thời bình. - Bộc lộ tâm trạng xót xa, lo lắng của người con khi va chạm cuộc đời đầy cạm bẫy.	1.0
	4	Hai dòng thơ cuối của bài thơ gợi suy nghĩ: - Nội dung hai dòng thơ: vào cái tuổi “nửa đời”, khi đã trải qua bao gian truân, thử thách, con mới nhận ra ngôi nhà của mẹ là nơi bình yên nhất. - Nêu suy nghĩ của bản thân: Mẹ chính là nơi trú ngụ của tình yêu, nơi trả lại tất cả những chân giá trị đích thực như vốn có của cuộc sống. Nơi bình yên, nơi hạnh phúc nhất của cuộc đời, không phải tìm đâu xa, đó chính là vạt áo mẹ, vòng tay mẹ, nơi ru ta, nuôi ta để ta ra đi và đón ta trở lại.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ ý nghĩa của những khát khao yêu thương trong cuộc sống con người.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: ý nghĩa của những khát khao yêu thương trong cuộc sống con người.	0.25
		c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý nghĩa của những khát khao yêu thương trong cuộc sống con người. Có thể triển khai theo hướng sau: -Ý nghĩa của những khát khao yêu thương trong cuộc sống con người.: - Khát khao yêu thương là ước muốn, khát vọng nhận được sự quan tâm, che chở, bảo vệ từ trong trái tim mỗi người dành cho nhau.	1.00

		- Khát khao yêu thương có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với mỗi người chúng ta: + Đối với bản thân, gia đình, khi được yêu thương, chúng ta sẽ sống vui vẻ, hạnh phúc, có tinh thần lạc quan; + Đối với xã hội, khao khát được yêu thương từ mọi người sẽ giúp con người hướng tới suy nghĩ tích cực, tạo sức mạnh tinh thần để vượt qua những thử thách, khó khăn. - Bài học nhận thức và hành động. + Mỗi người cần có nhận thức đúng đắn về giá trị của tình thương, luôn vun đắp đời sống tâm hồn của chính mình; + Mỗi người cần có hành động đúng đắn: biết sống đẹp, sống có ích, không sống vô cảm, ích kỉ, vụ lợi cá nhân...	
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Phân tích phát hiện của nghệ sĩ Phùng được thể hiện ở đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét tình huống nhận thức trong tác phẩm.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn văn xuôi (có ý phụ) Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Phát hiện của nghệ sĩ Phùng được thể hiện ở đoạn trích; tình huống nhận thức trong tác phẩm.	(0,25)
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1. Mở bài - Nguyễn Minh Châu là nhà văn kho báu người lính- người lính viết văn. Ông rất thành công với nhiều tác phẩm mang cảm hứng lãng mạn và khuynh hướng sử thi trước 1975; sau 1975 lại tiếp tục sáng tác với nhiều trăn trở về cách khám phá hiện thực cũng như phương thức thể hiện. Nhờ những nỗ lực không ngừng của một người lao động nghệ thuật dũng cảm và đầy bản lĩnh, Nguyễn Minh Châu đã có mặt trong hàng ngũ những nhà văn tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học. - <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> xuất hiện vào đầu những năm 80 của thế kỷ XX. Truyện ngắn là thành công mới trong phong cách tự sự triết lý. - Đoạn trích <i>Từ chỗ chiếc xe tăng mà tôi đang đứng(...)</i> là đoạn văn nghệ thuật dựng cảnh và đầy bản lĩnh, Nguyễn Minh Châu đã có mặt trong hàng ngũ những nhà văn tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học. 3.2. Thân bài a. Khái quát về truyện ngắn, đoạn trích - <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> (1983) rút ra từ tập truyện ngắn cùng tên	0,25

	(in 1987). Đây là một trong những truyện ngắn xuất sắc của Nguyễn Minh Châu mang đậm phong cách tự sự - triết lí của nhà văn. - Với ngôn từ dung dị, đời thường, truyện kể lại chuyến đi thực tế của một nghệ sĩ nhiếp ảnh và những chiêm nghiệm sâu sắc của người nghệ sĩ đó về nghệ thuật - cuộc đời. - Đoạn trích thuộc phần đầu của truyện, kể lại bức tranh đời sống mà nhiếp ảnh Phùng trực tiếp chứng kiến khi chiếc thuyền vào đến bờ. b. Phân tích phát hiện của nhân vật Phùng trong đoạn trích b.1. Về nội dung: - Giới thiệu sơ lược về tình huống truyện và phát hiện thứ nhất của nghệ sĩ Phùng + Tình huống được xây dựng trong truyện là tình huống nhận thức. + Phát hiện thứ nhất của nghệ sĩ Phùng là phát hiện về nghệ thuật đầy thơ mộng, lãng mạn. - Phân tích phát hiện (thứ hai) của nghệ sĩ Phùng trong văn bản: + Ngược lại với phát hiện trước đó, khi khoảng cách giữa Phùng và chiếc thuyền đã thu hẹp lại, Phùng lần lượt chứng kiến những cảnh tượng vô cùng đau lòng: Cảnh gã đàn ông hàng chài ra sức đánh người vợ khốn khổ một cách tàn bạo, dã man và cảnh thằng Phác - con trai gã đàn ông - chạy tới giật chiếc thắt lưng từ tay cha nó, vung chiếc khóa sắt quật vào giữa khuôn ngực trần của cha để che chở cho người mẹ đáng thương. + Những cảnh tượng đó khiến cảm giác, cảm xúc trong Phùng hoàn toàn thay đổi: Không còn thấy hạnh phúc tràn ngập tâm hồn nữa mà kinh ngạc, đau lòng, nhận ra ngay sau cảnh đẹp của chiếc thuyền ngoài xa là sự bạo hành của cái xấu, cái ác. + Phát hiện thứ hai của nghệ sĩ nhiếp ảnh đầy nghịch lí. Nó bất ngờ và trở trêu như trò đùa quái ác của cuộc sống. Đó chính là phát hiện về cuộc đời - một- cuộc đời thực trần trụi, đau đớn. - Đánh giá: Với phát hiện (thứ hai) này, Nguyễn Minh Châu muốn gửi gắm một thông điệp: Nghệ thuật đích thực không thể xa rời cuộc đời, dù cuộc đời đó có đau đớn, trần trụi và mỗi người, đặc biệt là người nghệ sĩ không nên nhìn nhận cuộc sống từ một phía mà phải nhìn từ nhiều phía, nhiều góc độ để cảm nhận được nhiều hơn về nó. - Về nghệ thuật: Thông điệp đó được thể hiện sâu sắc qua tình huống truyện độc đáo, có ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống và lời văn giản dị mà sâu sắc, đa nghĩa. c. Nhận xét tình huống nhận thức trong tác phẩm. - Biểu hiện: Đó là tình huống nhân vật Phùng đang trong những giây phút thăng hoa của cảm xúc, bất ngờ chứng kiến cảnh người đàn ông đánh vợ một cách vô lí, dã man. Từ đây, nhận thức, suy nghĩ về con người, về cuộc sống của Phùng có những thay đổi: từ chỗ khám phá cái đẹp của bức tranh thiên nhiên qua cảnh chiếc thuyền ngoài xa, anh đã phát hiện ra những nghịch lí của cuộc đời, để rồi cuối cùng nhận	2,0 1,0 0,5
--	---	----------------------------------

	thức được nhiều điều: những vấn đề đầy nghịch lí, nghịch lí giữa cái đẹp của nghệ thuật với sự trần trụi, bi đát của cuộc sống hiện thực. Nghịch lí giữa người vợ tốt bị hành hạ nhưng vẫn không bỏ chồng, nghịch lí giữa sự vũ phu tàn bạo của anh hàng chài với vợ nhưng không bỏ vợ. - Ý nghĩa: Với tình huống của truyện, nhà văn đã đặt ra một vấn đề rất quan trọng để người đọc suy nghĩ, đó là mối quan hệ giữa văn chương, nghệ thuật với cuộc sống. Nghệ thuật là một cái gì xa vời như chiếc thuyền ngoài xa trong màng sương sớm mờ ảo, còn cuộc sống thì rất cần như con thuyền khi đã vào tới bờ. Hay nói một cách khác, Nguyễn Minh Châu cho rằng nghệ thuật trước hết phải gắn liền với cuộc sống, phải phản ánh chân thật cuộc sống và góp phần cải tạo cuộc sống, làm cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn. 3.3. Kết bài - Kết luận về sự thật cuộc đời qua cảnh nhân vật Phùng chứng kiến trực tiếp khi chiếc thuyền vào bờ ở cự li rất gần; - Nêu cảm nghĩ trách nhiệm của nghệ sĩ trước cuộc sống con người.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25

A. ĐỊNH HƯỚNG RA ĐỀ

1. Cấu trúc đề văn gồm hai phần, đó là phần Đọc hiểu (3 điểm) và Làm văn (7 điểm).
 - Trong đó, câu hỏi Đọc hiểu gồm ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa cùng 4 câu hỏi đọc hiểu theo các mức độ: Nhận biết/ thông hiểu/ vận dụng. Đó là những dạng câu hỏi quen thuộc với học trò từ nhiều năm nay.
 - Trong phần Làm văn, câu Nghị luận xã hội (2 điểm) với yêu cầu viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nội dung nghị luận là vấn đề có quan hệ hữu cơ với nội dung trong ngữ liệu đọc hiểu.
2. Nội dung:
 - Đề đảm bảo kiến thức cơ bản, và không có kiến thức trong nội dung tinh giản mà Bộ mới công bố ngày 31.3.2020. Đề không khó, vừa sức với học sinh, học sinh trung bình không khó để đạt mức điểm 5 - 6; học sinh khá đạt 7 - 8. Tuy nhiên để đạt mức điểm 9-10 đòi hỏi học sinh phải phát huy được tư duy phản biện, các trình bày vấn đề nghị luận sắc bén, thể hiện quan điểm cá nhân mang tính sáng tạo.
 - Phần Đọc hiểu trong đề thi sử dụng ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa, gồm một đoạn trích dẫn cho trước và 4 câu hỏi. Để trả lời được 4 câu hỏi này, đòi hỏi học sinh phải nắm chắc kiến thức về Tiếng Việt, đọc hiểu nội dung và suy ngẫm, đánh giá. Đặc biệt ở câu 3, câu 4 đòi hỏi người làm bài phải hiểu sâu sắc đoạn trích, câu trích dẫn thì bài làm mới hay, hiểu đúng vấn đề.
 - Trong phần Làm văn:
 - + Đề thi yêu cầu học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội: Câu này vẫn giữ nguyên tác ra đề truyền thống, yêu cầu học sinh viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về một vấn đề được rút ra từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.
 - + Ở câu nghị luận văn học, nội dung câu hỏi nằm ở phần kiến thức chương trình học kì I lớp 12, không ra ngoài nội dung tinh giản của Bộ GDĐT, mức độ phù hợp giống với câu nghị luận học trong đề thi chính thức năm 2019. Và đây là đơn vị kiến thức nhỏ (không phải toàn bộ tác phẩm), phù hợp với dung lượng bài văn 5 điểm trong thời lượng đề thi 120 phút.

B. MA TRẬN ĐỀ THI

MA TRẬN

PHẦN	CÂU	CẤP ĐỘ NHẬN THỨC			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
ĐỌC HIỂU	1	x			
	2	x			
	3		x		
	4			x	
LÀM VĂN	1			x	
	2				

C – BIÊN SOẠN ĐỀ THI

I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích:

Bất kỳ một quan điểm nào cũng có thể thay đổi, điều quan trọng là bạn có “muốn” thay đổi hay không mà thôi. Mọi thứ không bỗng dưng mà có, thái độ cũng vậy. Để có một thái độ sống

đúng đắn, trước tiên ta cần hình thành nó, rồi dần dần phát triển lên, biến nó thành tài sản quý giá cho bản thân. Một số người từ chối việc thay đổi, họ cho rằng “Tôi đã quen sống như này từ nhỏ, thay đổi chỉ làm cuộc sống thêm rắc rối mà thôi!” hoặc “Cha mẹ sinh mình ra thế nào thì cứ thế ấy, thay đổi làm gì cho mệt!”. Bạn cần biết rằng, không bao giờ là quá trễ cho một sự thay đổi. Nhờ thay đổi, con người mới có những bước tiến vượt bậc. Không chấp nhận thay đổi, cuộc sống của bạn sẽ trở nên nghèo nàn, thậm chí bạn sẽ gặp những rắc rối lớn. Bạn gọi một cái cây không đâm chồi nảy lộc, không ra hoa kết trái là gì? Đó chẳng phải là “cây chết” hay sao? Con người chúng ta cũng vậy. Cuộc sống sẽ luôn được vận hành tốt nếu ta không ngừng hoàn thiện bản thân.

Những ai không chịu thay đổi cho phù hợp với cuộc đời sẽ chẳng thể nào thích nghi được với hoàn cảnh. Có thể họ vẫn hiện hữu nhưng trong cuộc sống của họ sẽ bị tách biệt, không bắt nhịp được với đồng loại của mình.

(Wayne Cordeiro, Thái độ quyết định thành công, NXB Tổng hợp TP. HCM, 2016, tr.34)

Câu 1 (NB). Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2 (NB). Theo tác giả, tại sao một số người từ chối việc thay đổi?

Câu 3 (TH). Anh/Chị hiểu như thế nào về ý của câu: Không chấp nhận thay đổi, cuộc sống của bạn sẽ trở nên nghèo nàn, thậm chí bạn sẽ gặp những rắc rối lớn?

Câu 4 (VD). Thông điệp nào từ đoạn trích có ý nghĩa nhất với anh/chị? (trình bày khoảng 5 đến 7 dòng)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về những điều cần thay đổi ở thanh niên Việt Nam hiện nay trong việc trở thành công dân toàn cầu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Đế Thích: Ông Trương Ba... (đắn đo rất lâu rồi quyết định) Vì lòng quý mến ông, tôi sẽ làm cu Tị sống lại, dù có bị phạt nặng... Nhưng còn ông... rốt cuộc ông muốn nhập vào thân thể ai?

Hồn Trương Ba: (sau một hồi lâu): Tôi đã nghĩ kĩ... (nói chậm và khẽ) Tôi không nhập vào hình thù ai nữa! Tôi đã chết rồi, hãy để tôi chết hẳn!

Đế Thích: Không thể được! Việc ông phải chết chỉ là một lầm lẫn của quan thiên đình. Cái sai ấy đã được sửa bằng cách làm cho hồn ông được sống.

Hồn Trương Ba: Có những cái sai không thể sửa được. Chấp vả gượng ép chỉ càng làm sai thêm. Chỉ có cách là dừng bao giờ sai nữa, hoặc phải bù lại bằng một việc đúng khác. Việc đúng còn làm kịp bây giờ là làm cu Tị sống lại. Còn tôi, cứ để tôi chết hẳn...

Đế Thích: Không! Ông phải sống, dù với bất cứ giá nào...

Hồn Trương Ba: Không thể sống với bất cứ giá nào được, ông Đế Thích ạ! Có những cái giá đắt quá, không thể trả được... Lạ thật, từ lúc tôi có đủ can đảm đi đến quyết định này, tôi bỗng cảm thấy mình lại là Trương Ba thật, tâm hồn tôi lại trở lại thanh thản, trong sáng như xưa...

Đế Thích: Ông có biết ông quyết định điều gì không? Ông sẽ không còn lại một chút gì nữa, không được tham dự vào bất cứ nỗi vui buồn gì! Rồi đây, ngay cả sự ân hận về quyết định này, ông cũng không có được nữa.

Hồn Trương Ba: Tôi hiểu. Ông tưởng tôi không ham sống hay sao? Nhưng sống thế này, còn khổ hơn là cái chết. Mà không phải chỉ một mình tôi khổ! Những người thân của tôi sẽ còn phải khổ vì tôi! Còn lấy lý lẽ gì khuyên thẳng con tôi đi vào con đường ngay thẳng được? Cuộc sống giả

tạo này có lợi cho ai? Họ chẳng chỉ có lão lí trưởng và đám trưong tuần hỉ hủ thu lợi lộc! Đúng, chỉ bọn khốn kiếp là lợi lộc.

(Luu Quang Vũ, *Hồn Trương Ba,da hàng thịt*,Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục - 2008, tr.151-152)

Cảm nhận của anh/chị về nhân vật hồn Trương Ba trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét chiều sâu triết lí về con người của nhà văn Lưu Quang Vũ.

-----**HẾT**-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Thể thơ: Lục bát	0.5
	2	Theo tác giả, một số người từ chối việc thay đổi vì họ cho rằng: + “Tôi đã quen sống như thế này từ nhỏ, thay đổi chỉ làm cho cuộc sống thêm rắc rối mà thôi” + “Cha mẹ sinh mình ra thế nào thì cứ để thế ấy, thay đổi làm gì cho mệt!”.	0.5
	3	Không chấp nhận thay đổi, cuộc sống của bạn sẽ trở nên nghèo nàn, thậm chí bạn sẽ gặp những rắc rối lớn nghĩa là: - Tụt hậu so với người khác, thiếu hụt về kiến thức, kĩ năng do không chịu học hỏi và trau dồi. - Những khó khăn, phiền phức mà con người gặp phải trong cuộc sống	1.0
	4	Học sinh nêu thông điệp có ý nghĩa nhất với bản thân nhưng cần lí giải hợp lí, thuyết phục, không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về những điều cần thay đổi ở thanh niên Việt Nam hiện nay trong việc trở thành công dân toàn cầu.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội những điều cần thay đổi ở thanh niên Việt Nam hiện nay trong việc trở thành công dân toàn cầu.	0.25
		c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ những điều cần thay đổi ở thanh niên Việt Nam hiện nay trong việc trở thành công dân toàn cầu. Có thể triển khai theo hướng sau: - Giải thích: + Sự thay đổi là những biến chuyển về suy nghĩ, nhận thức, hành động, tình cảm...trong mỗi cá nhân. + Công dân toàn cầu là những người có thể sống và làm việc ở một hay nhiều quốc gia khác nhau, trong môi trường đa ngôn ngữ, đa văn hóa.	1.00

	-Hồn Trương Ba, da hàng thịt là vở kịch được Lưu Quang Vũ viết năm 1981, công diễn lần đầu tiên năm 1984, sau đó được diễn lại nhiều lần trong và ngoài nước. Từ cốt truyện dân gian, Lưu Quang Vũ đã xây dựng lại thành một vở kịch nói hiện đại và lồng vào đó nhiều triết lí nhân văn về cuộc đời và con người. - Vị trí, nội dung đoạn trích: thuộc đoạn cuối của cảnh VII b. Cảm nhận nhân vật hồn Trương Ba trong đoạn trích b.1. Về nội dung: - Hoàn cảnh xuất hiện cuộc đối thoại: Trong tác phẩm, Trương Ba là một ông lão gần sáu mươi, thích trồng vườn, yêu cái đẹp, tâm hồn thanh nhã, giỏi đánh cờ. Chỉ vì sự tặc trách của Nam Tào gạch nhầm tên mà Trương Ba chết oan. Theo lời khuyên của "tiên cò" Đế Thích, Nam Tào, Bắc Đẩu "sửa sai" bằng cách cho hồn Trương Ba được tiếp tục sống trong thân xác của anh hàng thịt mới chết gần nhà. Nhưng điều đó lại đưa Trương Ba và một nghịch cảnh khi linh hồn mình phải trú nhờ vào người khác. Do phải sống tạm bợ, lệ thuộc, Trương Ba dần bị xác hàng thịt làm mất đi bản chất trong sạch, ngay thẳng của mình, bị người thân từ chối. Ý thức được điều đó, Trương Ba dần vật, đau khổ và quyết định chống lại bằng cách tách ra khỏi xác thịt, không chấp nhận để Đế Thích cho nhập vào xác cu Tị. - Nhân vật hồn Trương Ba phê phán sai lầm của Đế Thích: +Đế Thích gợi ý để hồn rời xác anh hàng thịt sang xác cu Tị. Nhưng hồn Trương Ba, sau một “quãng đời” vô cùng thấm thía đã qua, hình dung ra những “nghịch cảnh” khác khi phải sống trong thân xác một đứa bé đã quyết định xin cho cu Tị được sống và mình được chết hẳn. +Thần thánh cũng sai lầm, qua lời của Đế Thích: “Việc ông phải chết chỉ là một sai lầm của quan thiên đình. Cái sai ấy đã được sửa bằng cách làm cho hồn ông được sống”. Nghe Đế Thích trần tình như thế, Hồn Trương Ba đã đáp lại: “Có những cái sai không thể sửa được. Chấp vạ và gượng ép chỉ làm sai thêm. Chỉ có cách là đừng bao giờ sai nữa, hoặc phải bù lại bằng một việc đúng khác”. Hồn Trương Ba đã lí luận đúng, ngay từ sự việc của Trương Ba. Trương Ba phải chết vì sự sai lầm của các thần quan trên thiên đình. Từ sai lầm ấy, và vì tính háo danh, muốn “người trên trời, dưới đất mới biết tới cao cò như thế nào” nên Đế Thích mới chấp vạ và gượng ép” cho hồn Trương Ba nhập vào xác hàng thịt tạo nên nỗi khổ không chỉ cho Trương Ba mà còn với cả những người thân. Cũng vì ích kỉ, háo danh mà Đế Thích quyết phạm một sai lầm khác là cho Hồn Trương Ba nhập vào cu Tị, nếu Hồn Trương Ba không kịch liệt phản đối; - Nhân vật hồn Trương Ba có quan niệm sống đúng đắn: sống là chính mình, sống vị tha, cao thượng, nhân hậu: +Dù rất ham sống (“Ông tưởng tôi không ham sống hay sao?”) nhưng Hồn Trương Ba lại quyết định “không muốn nhập vào hình thù ai nữa” vì hơn ai hết ông thấu hiểu nỗi khổ của bản thân mình khi phải nương nhờ vào thân xác của người khác. Ông cũng không muốn những người thân của mình phải khổ, phải liên lụy vì mình. +Với quyết định này, Trương Ba đã tự viết nên cái kết có hậu cho cuộc đời mình và cho những người xung quanh. Mặc dù sự sống của Trương Ba đã sắp đi đến hồi kết thúc nhưng Trương Ba đã tìm thấy lại được con người thật của chính bản thân mình: “<i>Lạ thật, từ lúc tôi có đủ can đảm đi đến quyết định này, tôi bỗng cảm thấy mình lại là Trương Ba thật, tâm hồn tôi lại trở lại thanh thản, trong sáng như xưa...</i>”. Không chỉ phục sinh lại những giá trị tốt đẹp của bản thân,	2,0
--	---	-----

	Trương Ba còn trở nên bất tử trong suy nghĩ của tất cả những người thân bằng tình cảm nhớ thương, yêu quý. + Hồn Trương Ba lại phải giải thích rằng cũng ham sống lắm, nhưng sống mà mình không còn là mình, bắt người thân phải khổ vì mình thì đó là cái giá không thể trả được. Và Hồn Trương Ba đã đặt ngược lại vấn đề rồi đi đến kết luận: “<i>Cuộc sống giả tạo này có lợi cho ai? Họ chẳng chỉ có lão lý tưởng và đám trượng tuấn hi hủ thu lợi lộc! Đúng, chỉ bọn khốn kiếp là lợi lộc</i>”. +Cách giải quyết của Hồn Trương Ba là duy nhất đúng và toàn vẹn nhất dù cách đó có thể khiến Hồn Trương Ba vĩnh viễn rời xa cuộc đời này, thậm chí “cả sự ân hận về quyết định này, ông cũng không có được nữa”. Vì chỉ khi “chết hẳn”, Hồn Trương Ba mới tìm lại được sự thanh thản, trong sáng; những người thân của Trương Ba cũng sẽ không còn phải khổ vì ông; thằng con của Trương Ba sẽ có cơ hội trở lại con đường ngay thẳng. Cho đến phút cuối cùng, Hồn Trương Ba vẫn rất nhân hậu, vị tha. - Khái quát: Những lời thoại của Hồn Trương Ba với Đế Thích chứng tỏ nhân vật đã ý thức rõ về tình cảnh trớ trêu, đầy tính chất bi hài của mình, thấm thía nỗi đau khổ về tình trạng ngày càng chênh lệch giữa hồn và xác, đồng thời càng chứng tỏ quyết tâm giải thoát nung nấu của nhân vật. Qua màn đối thoại, có thể thấy tác giả gửi gắm nhiều thông điệp vừa trực tiếp vừa gián tiếp, vừa mạnh mẽ, quyết liệt vừa kín đáo và sâu sắc về thời đại chúng ta đang sống, đồng thời ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của những người lao động trong cuộc đấu tranh chống lại sự dung tục, giả tạo để bảo vệ quyền được sống toàn vẹn, hợp với lẽ tự nhiên cùng sự hoàn thiện nhân cách. - Về nghệ thuật: +Sáng tạo lại cốt truyện dân gian. +Nghệ thuật dựng cảnh, dựng đối thoại, độc thoại nội tâm. Hành động của nhân vật phù hợp với hoàn cảnh, tính cách, góp phần phát triển tình huống kịch. + Có chiều sâu triết lý khách quan. c. Nhận xét nhận xét chiều sâu triết lý về con người của nhà văn Lưu Quang Vũ. -Màn thoại giữa Trương Ba và Đế Thích một lần nữa khắc sâu vấn đề trung tâm nhất, cốt lõi nhất của toàn bộ tác phẩm, đó là việc người sống vẫn có sự hài hòa giữa linh hồn và thể xác, giữa bên trong và bên ngoài. Việc một người vẫn còn đầy khao khát sống như Trương Ba sau quá trình trần trở, lựa chọn đã chối từ cả hai cơ hội được sống để nhận về mình cái chết đã cho thấy để sống cho ra một người không hề dễ dàng. Người ta không thể sống bằng bất cứ giá nào, người chỉ thực sự được là mình khi có sự thống nhất, hòa hợp giữa hoạt động bên ngoài với tâm trạng, cảm xúc bên trong. - Tác giả không chỉ đặt ra vấn đề để người đọc trần trở suy nghĩ mà đã đi đến trả lời cho câu hỏi: sống như thế nào là sống có ý nghĩa? Trương Ba <i>chết hẳn</i> để đổi lại sự sống cho anh hàng thịt, cho cu Tị, để đổi lấy tiếng cười và niềm hạnh phúc cho tất cả những người xung quanh thì câu hỏi: sống như thế nào là có ý nghĩa đã được trả lời một cách rõ ràng: một sự sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi người không chỉ biết sống vì mình mà còn biết sống, biết vun đắp, thậm chí biết hi sinh cho hạnh phúc của những người xung quanh. Rõ ràng ở đây nhà văn đã đề cao lối sống vị tha, cao thượng. Đó cũng chính là lý do cho sự thay đổi đầy dụng ý của tác giả khi biến một người nông dân chung chung trong truyện cổ dân gian thành một người làm vườn	0,5 1,0
--	--	-----------------------

	trong tác phẩm của mình. Hình tượng người làm vườn chính là đại diện cho những người biết vun xới, chăm lo cho hạnh phúc của người khác. Ở khía cạnh này chúng ta thấy tư tưởng của nhà văn dù tiến bộ và mới mẻ đến đâu vẫn có sự bất rề sâu và hoàn toàn thống nhất với truyền thống, đạo lý tốt đẹp của dân tộc. 3.3.Kết bài - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẽ đẹp nhân vật hồn Trương Ba qua đoạn trích; - Nêu cảm nghĩ về quan niệm về lẽ sống đẹp dành cho con người.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25

ĐỀ THI THỬ CHUẨN CẤU KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021
TRÚC MINH HỌA
ĐỀ SỐ 11
(Đề thi có 02 trang)

Bài thi: Ngữ Văn

Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian phát đề

A. ĐỊNH HƯỚNG RA ĐỀ

1. Cấu trúc đề văn gồm hai phần, đó là phần Đọc hiểu (3 điểm) và Làm văn (7 điểm).

- Trong đó, câu hỏi Đọc hiểu gồm ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa cùng 4 câu hỏi đọc hiểu theo các mức độ: Nhận biết/ thông hiểu/ vận dụng. Đó là những dạng câu hỏi quen thuộc với học trò từ nhiều năm nay.

- Trong phần Làm văn, câu Nghị luận xã hội (2 điểm) với yêu cầu viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nội dung nghị luận là vấn đề có quan hệ hữu cơ với nội dung trong ngữ liệu đọc hiểu.

2. Nội dung:

- Đề đảm bảo kiến thức cơ bản, và không có kiến thức trong nội dung tinh giản mà Bộ mới công bố ngày 31.3.2020. Đề không khó, vừa sức với học sinh, học sinh trung bình không khó để đạt mức điểm 5 - 6; học sinh khá đạt 7 - 8. Tuy nhiên để đạt mức điểm 9-10 đòi hỏi học sinh phải phát huy được tư duy phản biện, các trình bày vấn đề nghị luận sắc bén, thể hiện quan điểm cá nhân mang tính sáng tạo.

- Phần Đọc hiểu trong đề thi sử dụng ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa, gồm một đoạn trích dẫn cho trước và 4 câu hỏi. Để trả lời được 4 câu hỏi này, đòi hỏi học sinh phải nắm chắc kiến thức về Tiếng Việt, đọc hiểu nội dung và suy ngẫm, đánh giá. Đặc biệt ở câu 3, câu 4 đòi hỏi người làm bài phải hiểu sâu sắc đoạn trích, câu trích dẫn thì bài làm mới hay, hiểu đúng vấn đề.

- Trong phần Làm văn:

+ Đề thi yêu cầu học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội: Câu này vẫn giữ nguyên tác ra đề truyền thống, yêu cầu học sinh viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về một vấn đề được rút ra từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.

+ Ở câu nghị luận văn học, nội dung câu hỏi nằm ở phần kiến thức chương trình học kì I lớp 12, không ra ngoài nội dung tinh giản của Bộ GDĐT, mức độ phù hợp giống với câu nghị luận học trong đề thi chính thức năm 2019. Và đây là đơn vị kiến thức nhỏ (không phải toàn bộ tác phẩm), phù hợp với dung lượng bài văn 5 điểm trong thời lượng đề thi 120 phút.

B. MA TRẬN ĐỀ THI

MA TRẬN

PHẦN	CÂU	CẤP ĐỘ NHẬN THỨC			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
ĐỌC HIỂU	1	x			
	2	x			
	3		x		
	4			x	
LÀM VĂN	1			x	
	2				

C – BIÊN SOẠN ĐỀ THI

I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích:

Khó có thể nói có ai đó là hoàn hảo, mặt nào cũng tốt, khi nào cũng tốt và ai đó là hoàn toàn ngược lại, không có gì đáng giá cả, cuộc đời họ là một màu đen tuyền.

Ngay cả người được coi là xấu nhất, nếu chịu khó nhìn kỹ, theo dõi kỹ, ta vẫn cảm nhận được không ít điều hay lẽ phải với những nét hấp dẫn mà chưa chắc người bình thường đã có. Còn người tốt thì cũng đừng có nghĩ rằng không có lúc nào họ xấu hoặc có những mặt những tính chất khác người khó chịu, làm nhiều người phiền muộn.

Vấn đề ta thường thấy ở đây là có người tốt nhiều, người tốt ít, người xấu nhiều, người xấu ít hoặc người này bản chất là tốt hay người kia bản chất là xấu.

Nhà văn hóa M. Twain (Mỹ) có dùng một hình ảnh khá chí lý: "Ai cũng có một vầng trăng và một đám mây đen". Câu nói đó có ý nghĩa tích cực là khuyên răn con người hãy luôn làm cho ánh hào quang của vầng trăng thêm rực rỡ và xóa dần màu xám xịt của đám mây đen. Người tốt cũng đừng chủ quan là mình sẽ không biến chất và người xấu cũng không phải không giáo dục được, không tự tu dưỡng điều chỉnh mình được.

*Đời người là một sự phấn đấu không ngừng, một sự điều chỉnh bổ sung liên tục.
(Phong cách sống của người đời, Nhà báo Trường Giang, <https://www.chungta.com>)*

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. Theo tác giả, *Vấn đề ta thường thấy* là vấn đề gì?

Câu 3. Theo anh/chị việc *xóa dần màu xám xịt của đám mây đen* thể hiện trong văn bản có tác dụng gì?

Câu 4. Lời khuyên về *người tốt và người xấu* của tác giả gợi anh/chị suy nghĩ gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ **ý nghĩa sự phấn đấu không ngừng của con người trong cuộc sống.**

Câu 2. (5,0 điểm)

...Sóng thác đã đánh đến miếng đòn hiểm độc nhất, cả cái luồng nước vô sở bất chí ấy bóp chặt lấy hạ bộ người lái đò [...]. Mặt sông trong tích tắc lóa sáng lên như một cửa bể đom đóm rừng ủa xuống mà châm lửa vào đầu sóng. Nhưng ông đò vẫn cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái, mặt méo bệch đi như cái luồng sóng đánh hồi lùng, đánh đòn tía, đánh đòn âm vào chỗ hiểm. Tăng thêm mãi lên tiếng hỗn chiến của nước của đá thác. Nhưng trên cái thuyền sáu bơi chèo, vẫn nghe rõ tiếng chỉ huy ngắn gọn tinh táo của người cầm lái. Vây là phá xong cái trùng vi thạch trận vòng thứ nhất. Không một phút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và đổi luôn chiến thuật. Ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này. Vòng đầu vừa rồi, nó mở ra năm cửa trận, có bốn cửa tử một cửa sinh, cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn sông. Vòng thứ hai này tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào, và cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn. Cười lên thác sông Đà, phải cười đến cùng như là cười hổ. Dòng thác hùng beo đang hồng hộc té mạnh trên sông đá. Nắm chặt lấy được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông đò ghì cương lái, bám chặt lấy cái luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy. Bốn năm bọn thủy quân cửa ải nước bên bờ trái liền xô ra định níu thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử. Ông đò vẫn nhớ mặt bọn này, đưa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đưa thì ông đề sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến. Những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền. Chỉ còn văng reo tiếng hò của sóng thác luồng sinh. Chúng vẫn không ngớt khiêu khích, mặc dầu cái thằng đá tướng đứng chiến ở cửa

vào đã tiêu nghỉu cái mặt xanh lè thất vọng thua cái thuyền đã đánh trúng vào cửa sinh nó trấn lấy. Còn một trùng vây thứ ba nữa. Ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cả. Cái luồng sống ở chạng ba này lại ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác. Cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền vút qua cổng đá cánh mở cánh khép. Vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượn được. Thế là hết thác....

(Trích **Người lái đò sông Đà** - Nguyễn Tuân, *Ngữ văn 12*, tập một)

Cảm nhận của anh/chị về nhân vật ông lái đò trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cái nhìn mang tính phát hiện về con người của nhà văn Nguyễn Tuân.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI CHI TIẾT

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.	0,5
	2	Theo tác giả, vấn đề ta thường thấy là: <i>có người tốt nhiều, người tốt ít, người xấu nhiều, người xấu ít hoặc người này bản chất là tốt hay người kia bản chất là xấu.</i>	0,5
	3	Việc <i>xóa dần màu xám xịt của đám mây đen</i> có tác dụng: - Giúp con người tìm thấy điểm yếu của bản thân và cải thiện chúng nhằm đem lại cho mình sức mạnh thay đổi nhiều khía cạnh của cuộc sống; giải quyết các vấn đề một cách dễ dàng hơn và con người sẽ nhận ra rằng, dù khó khăn thế nào thì vẫn sẽ có cách để thành công. - Giúp con người vượt ra khỏi vùng an toàn của bản thân để làm những điều chưa bao giờ dám nghĩ. Thay vì luôn e sợ và quẩn quanh với những điều quen thuộc thì giờ đây, con người có thể suy nghĩ đến những cảnh tượng mới mẻ hơn và tốt đẹp hơn.	1,0
	4	Lời khuyên về <i>người tốt và người xấu</i> của tác giả gợi suy nghĩ: - Học sinh tóm lược lại lời khuyên về <i>người tốt và người xấu</i> của tác giả thể hiện trong văn bản: <i>Người tốt cũng có lúc mắc sai lầm biến thành người xấu; còn người xấu nếu tìm hiểu kĩ, họ vẫn có không ít điều hay lẽ phải với những nét hấp dẫn;</i> - Nêu suy nghĩ bản thân: Khi đã thành người tốt, càng phải giữ vững và phát huy những điều tốt đẹp, không rơi vào tự cao, tự mãn. Khi lỡ làm điều sai lầm, rơi vào cái xấu, cần phải tìm cách sửa chữa cái sai kịp thời, đừng nên tự ti, mặc cảm tội lỗi.	1,0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ ý nghĩa sự phấn đấu không ngừng của con người trong cuộc sống.	2,0
	a.	Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25
	b.	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: ý nghĩa sự phấn đấu không ngừng của con người trong cuộc sống.	0,25
	c.	Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý nghĩa sự phấn đấu không ngừng của con người trong cuộc sống. Có thể triển khai theo	1,0

		hướng sau: - Ý nghĩa sự phấn đấu không ngừng của con người trong cuộc sống: + <i>Sự phấn đấu không ngừng</i> tạo cho con người sự bền bỉ, gắng sức nhằm đạt tới mục đích cao đẹp; + <i>Sự phấn đấu không ngừng</i> giúp con người trở nên năng nổ, cần cù, không chỉ có thể có được thành tựu trong công việc mà còn có thể tạo cho họ nhiều cơ hội. + <i>Sự phấn đấu không ngừng</i> tạo nên sức mạnh tinh thần để chiến thắng chính mình, xoá tan đám mây đen để hiện ra vầng trăng sáng ngời, thay cái xấu thành cái tốt. - Bài học nhận thức và hành động. + Mỗi người cần có nhận thức đúng đắn để thấy rằng sự phấn đấu không ngừng là rất cần thiết, nhằm khẳng định vị trí của mình trong xã hội; + Mỗi người cần có hành động đúng đắn: sống là hành động, phấn đấu không ngừng nghỉ để biến ước mơ, hoài bão thành hiện thực.	
		d. Sáng tạo	0,25
		Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Cảm nhận của anh/chị về nhân vật ông lái đò trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cái nhìn về con người mang tính phát hiện của nhà văn Nguyễn Tuân.	5,0
		1. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn thơ (có ý phụ)</i> Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
		2. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Về nhân vật ông lái đò trong đoạn trích; nhận xét cách nhìn mang tính phát hiện về con người của nhà văn Nguyễn Tuân.	0,25
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1. Mở bài - Nguyễn Tuân là nhà văn tiêu biểu của văn xuôi hiện đại Việt Nam. - Tùy bút <i>Người lái đò sông Đà</i> là tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân sau Cách mạng tháng Tám 1945. - Nhân vật ông lái đò thể hiện rõ cách nhìn mang tính phát hiện của ông về con người lao động Việt Nam. 3.2. Thân bài: 3.50	0,25
		a. Khái quát về tùy bút, đoạn trích - Về hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, nội dung, nghệ thuật của tác phẩm; - Vị trí, nội dung đoạn trích.	0,25

	b. Cảm nhận về đẹp của ông đồ trong đoạn trích - Về nội dung: + Vẻ đẹp tài hoa, nghệ sĩ ở hình ảnh ông lái đò: ++ Ông lái đò được đặt trong tình huống thử thách đặc biệt: chiến đấu với thác dữ sông Đà, vượt qua ba trùng vi thạch trận bằng tài nghệ “<i>tay lái ra hoa</i>”. ++ “<i>nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá</i>” và ung dung chủ động trong hình ảnh “<i>trên thác hiên ngang người lái đò sông Đà có tự do, vì người lái đò ấy đã nắm được cái quy luật tất yếu của dòng nước Sông Đà</i>” ++ Rất nghệ sĩ trong hình ảnh “<i>nắm chắc lấy cái bờm sóng đứng luồng, ông đồ ghì cương lái, bám chắc lấy luồng nước đứng mà phóng nhanh vào cửa sinh...</i>”; với lũ đá nơi ải nước, “<i>đưa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đưa thì ông đề sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến</i>”, con thuyền trong sự điều khiển của ông lái: “<i>như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được, lượn được.</i>”... ++ Nhận xét: Việc đưa con thuyền tìm đúng luồng nước, vượt qua bao cạm bẫy của thạch trận sông Đà quả thực là một nghệ thuật cao cường từ một tay lái điêu luyện. + Vẻ đẹp trí dũng ở hình ảnh ông lái đò: ++ Một mình một thuyền, ông lái giao chiến với sóng thác dữ dội như một viên dũng tướng luôn bình tĩnh đối đầu với bao nguy hiểm: “<i>ông lái đò cố nén vết thương...hai chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái...</i>”, mặc dù “<i>mặt méo bệch đi</i>” vì những luồng sóng “<i>đánh đòn âm, đánh đòn tia</i>”, “<i>nhưng trên cái thuyền sáu bơi chèo, vẫn nghe tiếng chỉ huy ngắn gọn tỉnh táo của người cầm lái</i>” ... ++ Đối mặt với thác dữ sông Đà, ông đò có một lòng dũng cảm vô song: “<i>Cười lên thác sông Đà, phải cười đến cùng như là cười hổ</i>” ... ++ Ông lái đò khôn ngoan vượt qua mọi cạm bẫy của thác ghềnh, đưa con thuyền vượt thác an toàn khi “<i>những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền</i>”, còn lũ đá thì “<i>thất vọng thua cái thuyền</i>”... Cuộc đọ sức giữa con người với thiên nhiên thật ghê gớm, căng thẳng, đầy sáng tạo và con người đã chiến thắng. ++ Nhận xét: Vẻ đẹp người lái đò Sông Đà là vẻ đẹp của người anh hùng lao động trong công cuộc dựng xây cuộc sống mới của đất nước. - Về nghệ thuật: + Tạo tình huống đầy thử thách cho nhân vật; chú ý tô đậm nét tài hoa, nghệ sĩ; sử dụng ngôn ngữ phong phú, sáng tạo, tài hoa; + Kết hợp kể với tả nhuần nhuyễn và đặc sắc, bút pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa, liên tưởng độc đáo, thú vị; + Vận dụng tri thức của nhiều ngành văn hóa, nghệ thuật góp phần miêu tả cuộc chiến hào hùng và khẳng định vẻ đẹp tâm hồn nhân vật. c. Nhận xét cách nhìn mang tính phát hiện về con người của nhà văn Nguyễn Tuân	2,0 0,5
--	--	-----------------------

	- Qua nhân vật ông lái đò, Nguyễn Tuân có cách nhìn mang tính phát hiện về người lao động mới. Ông đò tiêu biểu là người anh hùng, cũng là nghệ sĩ trong môi trường làm việc và trong công việc của mình khi dám đương đầu với thử thách và đạt tới trình độ điêu luyện trong công việc. Nhà văn đã phát hiện ra “chất vàng mười đã qua thử lửa” của ông đò bằng phong cách nghệ thuật tài hoa, uyên bác với thể tùy bút vừa giàu tính hiện thực, vừa tràn ngập cái tôi phóng túng đầy cảm hứng, say mê... - Qua cách nhìn nhân vật ông đò, nhà văn bày tỏ tình cảm yêu mến, trân trọng, tự hào về con người lao động Việt Nam. Nếu trước đây, ông thường khắc họa người anh hùng trong chiến đấu, người nghệ sĩ trong nghệ thuật và thuộc về quá khứ “vang bóng một thời” thì đến tác phẩm này, ông tìm thấy anh hùng và nghệ sĩ ngay trong con người lao động thường ngày, trong công việc bình thường và trong nghề nghiệp cũng bình thường. Nguyễn Tuân còn khẳng định với chúng ta rằng chủ nghĩa anh hùng cách mạng đâu phải chỉ dành riêng cho cuộc chiến đấu chống ngoại xâm mà còn thể hiện sâu sắc trong việc xây dựng đất nước và chinh phục thiên nhiên. 3.3.Kết bài - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẽ đẹp hình tượng ông đò; - Nêu cảm nghĩ về người lao động làm nên cái đẹp cho cuộc đời.	1,0
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25

ĐỀ THI THỬ CHUẨN CẤU KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021
TRÚC MINH HỌA

ĐỀ SỐ 12

(Đề thi có 02 trang)

Bài thi: Ngữ Văn

Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian phát đề

Đề bài

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

*Con đi biển biệt tháng ngày
Lúc dừng chân đã mây bay trắng đầu!
Bơ vơ, tội nghiệp giàn trầu
Tủi thân biết mấy thân cau trước nhà.
Con về gần, mẹ đã xa,
Câu thơ lỏng chỏng giữa nhà mồ côi!
Mai sau dù có già rồi,
Con vẫn cần mẹ như thời trẻ thơ!*

(Trích “*Vẫn cần có mẹ*”, Nguyễn Văn Thu)

Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng 01 biện pháp tu từ trong 2 dòng thơ sau:

*Bơ vơ, tội nghiệp giàn trầu
Tủi thân biết mấy thân cau trước nhà.*

Câu 3. Anh/chị hiểu nội dung các dòng thơ sau như thế nào?

*Con về gần, mẹ đã xa,
Câu thơ lỏng chỏng giữa nhà mồ côi!*

Câu 4. Anh/ Chị hãy nhận xét về tình cảm của tác giả đối với mẹ được thể hiện trong đoạn trích.

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của lòng hiếu thảo trong cuộc sống con người.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho. Trẻ em đi hái bí đỏ, tình nghịch, đã đốt những lều quanh nương để sưởi lửa. Ở Hồng Ngải, người ta thành lệ cứ ăn Tết thì gặt hái vừa xong, không kể ngày, tháng nào. Ăn Tết như thế cho kịp mưa xuân xuống thì đi vỡ nương mới. Hồng Ngải năm ấy ăn Tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét rất dữ dội.

Nhưng trong các làng Mèo Đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mòm đá xòe như con bướm sặc sỡ. (...) Đám trẻ đợi Tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà. Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi. Mị nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha bồi hồi. Mị ngồi nhắm thắm bài hát của người đang thổi.

*"Mày có con trai con gái rồi
Mày đi làm nương
Ta không có con trai con gái
Ta đi tìm người yêu".*

Tiếng chó sủa xa xa. Những đêm tình mùa xuân đã tới.

Ở mỗi đầu làng đều có một mòm đất phẳng làm sân chơi chung ngày tết. Trai gái, trẻ con ra sân ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi kèn và nhảy.

Cả nhà thống lý ăn xong bữa cơm tết cúng ma. Xung quanh chiêm đánh âm ỉ, người ộp đồng vẫn nhảy lên xuống, run bần bật. Vừa hết bữa cơm tiếp ngay cuộc rượu bên bếp lửa.

Ngày tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước. Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiều người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mị.

(Trích **Vợ chồng A Phủ**- Tô Hoài, *Ngữ văn 12*, tập hai, Nxb GD,2008, tr 6,7)

Phân tích vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt và nhân vật Mị ở đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét chất thơ trong sáng tác của nhà văn Tô Hoài.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Thể thơ: lục bát	0.5
	2	HS chọn 1 trong 3 biện pháp tu từ sau: -Phép đảo: đưa các từ <i>bơ vơ</i>, <i>tội nghiệp</i> và <i>tủi thân</i> lên đầu các dòng thơ. -Nhân hóa (giàn trầu <i>bơ vơ</i>, <i>tội nghiệp</i>, thân cau -<i>tủi thân</i>); -Ẩn dụ: giàn trầu, thân cau (chỉ người mẹ) Tác dụng: Phép đảo để nhấn mạnh tâm trạng; biện pháp tu từ nhân hóa, ẩn dụ làm cho hình ảnh giàn trầu, thân cau trở nên gần gũi, như một sinh thể có cảm xúc riêng. Qua đó, ta thấy được nhà thơ đã mượn hình ảnh sự vật để bộc lộ nỗi buồn của người con khi xa và nhớ mẹ hiền- một người mẹ ngày đêm sống trong nỗi cô đơn để chờ đợi con trở về.	0.5
	3	Nội dung các dòng thơ: -Ngày con trở về thì mẹ đã không còn bên con nữa, mẹ đã qua đời, để lại con <i>bơ vơ</i>, mọi thứ đều trở nên trống vắng.	1.0
	4	- Tác giả bộc lộ niềm thương cảm, buồn tủi, xót xa khi nhớ về mẹ. - Tác giả hối hận và tự trách mình đã đi xa mẹ quá lâu và khi trở về nhà thì mẹ đã không còn. - Tác giả luôn kính yêu mẹ, cần có mẹ, mặc dù mẹ đã đi xa nhưng trong tâm hồn của tác giả hình bóng mẹ luôn sống mãi.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về <i>ý nghĩa của lòng hiếu thảo</i>.	2.0
	a.	Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0.25
	b.	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: suy nghĩ về <i>ý nghĩa của lòng hiếu thảo</i>.	0.25
	c.	Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ suy nghĩ về ý nghĩa của lòng hiếu thảo. Có thể triển khai theo hướng sau: - Lòng hiếu thảo có nghĩa là đối xử tốt với cha mẹ; chăm sóc cha mẹ của mình. Hiếu thảo còn là hành động yêu thương, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà, cha mẹ khi già yếu và thờ phụng sau khi họ qua đời. - Người có lòng hiếu thảo sẽ làm cho cha mẹ được vui vẻ, tinh thần được bình an, thư thái. - Hiếu thảo là một lối sống tốt đẹp đã trở thành chuẩn mực trong truyền thống văn hóa Việt Nam. - Sống có lòng hiếu thảo là cách sống cao đẹp, biết quý trọng	1.00

		công ơn dưỡng dục của ông bà cha mẹ, thể hiện niềm tri ân sâu sắc đối với các bậc sinh thành. Lòng hiếu thảo thể hiện sự bao dung, sống có trách nhiệm. - Người có lòng hiếu thảo luôn được mọi người yêu mến, trân trọng. - Hiếu thảo với cha mẹ khiến con cái trưởng thành hơn. Lòng hiếu thảo trở thành bài học giáo dục sâu sắc cho mọi thế hệ. - Hiếu thảo với cha mẹ không chỉ là cách trả ơn báo đáp những bậc sinh thành mà bản thân con cái cũng góp phần hình thành những phẩm chất đạo đức tốt đẹp. - Lòng hiếu thảo giúp gắn kết các thế hệ trong gia đình, sống trong môi trường tràn ngập lòng yêu thương, sự kính trọng lòng biết ơn. Lòng hiếu thảo xóa bỏ sự đố kỵ, ích kỷ cá nhân và lối sống thờ ơ, vô cảm. - Lòng hiếu thảo luôn luôn được tôn vinh, ngưỡng mộ, ta coi đó là tiêu chuẩn luân lý đạo đức là nét đẹp văn hóa dân tộc sáng ngời. - Hiếu thảo cha mẹ ngày nay thì ngày sau ta mới nhận được lòng hiếu thảo từ con cái bởi đó là quy luật nhân quả trong cuộc sống. - Phê phán những người chưa có lòng hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ. - Bài học nhận thức và hành động: Biết kính trọng ông bà, cha mẹ; biết chăm sóc, phụng dưỡng ông bà cha mẹ khi tuổi già sức yếu; thực hiện tốt các nhiệm vụ và công việc làm để có thể bảo đảm vật chất hỗ trợ các bậc cha mẹ cũng như để thờ phụng tổ tiên.	
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Phân tích vẻ đẹp thiên nhiên, cảnh sinh hoạt và sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị . Từ đó, nhận xét chất thơ trong sáng tác của nhà văn Tô Hoài. 1. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi</i> Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. 2. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Về vẻ đẹp thiên nhiên, cảnh sinh hoạt và sức sống tiềm tàng của Mị ; chất thơ trong sáng tác của Tô Hoài. 3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 – Giới thiệu Tô Hoài và truyện <i>Vợ chồng A Phủ</i>	5,0 (0,25) (0,25) (4.00)

		+ Tô Hoài là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của nền văn học hiện đại Việt Nam. Ông có vốn hiểu biết phong phú, sâu sắc phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau của đất nước. Là nhà văn lớn, sáng tác nhiều thể loại, số lượng tác phẩm của ông đạt kỉ lục trong nền VHVN. Tô Hoài có giọng văn kể chuyện hóm hỉnh, rất có duyên và đầy sức hấp dẫn. + Một trong những thành công nhất của nhà văn khi viết về đề tài miền núi Tây Bắc là truyện <i>Vợ chồng A Phủ</i>. – Nêu vấn đề cần nghị luận: Vẻ đẹp thiên nhiên, cảnh sinh hoạt và sức sống tiềm tàng của Mị trong đoạn trích; chất thơ trong sáng tác của Tô Hoài. 3.2. Thân bài: 3.50 a. Khái quát tác phẩm: Truyện “Vợ chồng A Phủ” được nhà văn Tô Hoài sáng tác năm 1952, in trong tập “Truyện Tây Bắc”. Tác phẩm gồm hai phần: phần đầu kể về cuộc sống tủ nhục của Mị và A Phủ ở Hồng Ngài, là nô lệ nhà thống lí Pá Tra; cuối phần một là cảnh Mị cứu và chạy theo A Phủ. Phần sau kể về Mị và A Phủ ở Phiêng Sa. Họ trở thành vợ chồng, được giác ngộ cách mạng. b. Tổng quát nhân vật Mị. - Trước khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra: + Mị là cô gái người Mông trẻ trung, hồn nhiên, có tài thổi sáo “<i>thổi lá cũng hay như thổi sáo, có biết bao nhiêu người mê</i>”; + Mị đã từng yêu, từng được yêu, luôn khao khát đi theo tiếng gọi của tình yêu. + Hiếu thảo, chăm chỉ, ý thức được giá trị cuộc sống tự do nên sẵn sàng làm nương ngô trả nợ thay cho bố. - Khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra: bị “cúng trình ma” nhà thống lí, làm con dâu gạt nợ, bị bóc lột sức lao động, “không bằng con trâu con ngựa”, “đàn bà trong cái nhà này chỉ biết vùi đầu vào công việc”, bị đẩy đọa nơi địa ngục trần gian, bị đánh, bị phạt, bị trói, ... - Dù chịu nhiều bất hạnh, đau khổ nhưng Mị là người có phẩm chất tốt đẹp, có sức sống tiềm tàng, khao khát tự do, nhất là trong đêm tình mùa xuân... c. Phân tích nội dung, nghệ thuật về đẹp của đoạn trích: c.1. Về nội dung: Vẻ đẹp trong <i>đêm tình mùa xuân</i> - Những bức tranh thiên nhiên có vẻ đẹp riêng của miền núi Tây Bắc, đặc biệt là cảnh mùa xuân trên vùng núi cao, được Tô Hoài miêu tả bằng những rung cảm thiết tha của hồi ức. + Tết của đồng bào miền núi Tây Bắc là sự cộng hưởng của vẻ đẹp đất trời và niềm vui thu hoạch mùa màng. “<i>Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho</i>”. + Cái tết ở Hồng Ngài năm ấy đến vào lúc thời tiết khắc nghiệt, gió thổi và rét rất dữ dội nhưng không ngăn nổi những sắc màu rực rỡ của thiên nhiên, không ngăn nổi cái rạo rực của lòng	
--	--	--	--

		người. Cả bản làng sáng bừng trong sắc vàng, đó là màu vàng của ngô, lúa, của trái bí đỏ, của cỏ gianh cùng với những sắc màu rực rỡ của “những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mồm đá xòe như con bướm sặc sỡ.” +Ngoài sắc màu, bức tranh xuân vùng miền núi Tây Bắc còn rộn rã với thanh âm. Đó là âm thanh của tiếng khèn, của tiếng nói cười của trẻ con, <i>tiếng chó sủa xa xa</i> và đặc biệt hơn cả là <i>tiếng sáo</i>. Nhà văn Tô Hoài rất dụng công trong mô tả tiếng sáo bởi tiếng sáo mùa xuân được xem như linh hồn của đời sống tinh thần nhân dân vùng Tây Bắc. Tiếng sáo là sự mã hóa vẻ đẹp tâm hồn nhân dân Tây Bắc, là phương tiện giao tiếp của đồng bào nơi đây “<i>Anh ném pao, em không bắt. Em không yêu, quả pao rơi rồi</i>”. - Vẻ đẹp của bức tranh sinh hoạt, phong tục miền núi, đặc biệt là cảnh ngày Tết của người Mèo, qua ngòi bút của Tô Hoài, thực sự có sức say lòng người. +Đoạn trích giúp chúng ta ít nhiều có thể hình dung về phong tục đón Tết của người Mèo (H'Mông): người Mèo đón Tết khi vụ mùa gặt hái đã xong; mọi người thường tập trung ở một không gian thoáng, rộng, thường là mồm đất phẳng ở đầu làng để thổi khèn, thổi sáo, đánh quay, ném còn. + <i>Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi.</i> Từ láy <i>lấp ló</i> gợi âm thanh tiếng sáo lúc ẩn lúc hiện. Thanh âm ấy tạo không gian mênh mông, được nhà văn miêu tả từ xa đến gần, là biểu hiện của sinh hoạt mang nét đặc trưng của con người Tây Bắc. Đây cũng là dịp để các chàng trai cô gái trẻ kiếm tìm người yêu, người tâm đầu ý hợp với mình. Mùa xuân là mùa của hò hẹn, mùa của tình yêu, của hạnh phúc. Giữa khung cảnh thiên nhiên thơ mộng, quyến rũ và say mê, nổi bật con người Tây Bắc đa tình, nghệ sĩ. + Nhà văn tập trung tả lễ hội diễn ra ở Hồng Ngài vào mùa xuân, trong đó phần Hội được nhấn mạnh hơn cả. Trong đêm tình mùa xuân, ông tả Hội trước: <i>Ở mỗi đầu làng đều có một mồm đất phẳng làm cái sân chơi chung ngày Tết. Trai gái, trẻ con ra sân chơi ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi khèn và nhảy.</i> Về dung lượng, chỉ có ba câu văn tả trực tiếp Lễ cúng ma ngày Tết diễn ra trong không gian nhà thống lý: <i>Cả nhà thống lý Pá Tra vừa ăn xong bữa cơm Tết cúng ma. Xung quanh, chiêng đánh ầm ỹ, người ộp đồng vẫn còn nhảy lên xuống, run bần bật. Vừa hết bữa cơm lại tiếp ngay bữa rượu bên bếp lửa.</i> Hai đoạn văn gần nhau, tự nó toát lên cái nhìn so sánh của tác giả và khơi gợi ý so sánh ở người đọc. Nhìn ở góc độ vật chất, đó là thế giới của nghèo và giàu; nhìn ở góc độ địa vị, đó là thế giới của dân dã và chức sắc; nhìn ở góc độ phong tục, đó là thế giới của bên vui chơi và bên thờ cúng; nhìn từ góc độ tuổi tác, bên thường gắn với trẻ, bên gắn với già; nhìn từ tính chất của hoạt động thì một bên trần tục và một bên linh thiêng. Nhìn từ thân phận Mị, thế giới trần tục ở ngoài kia trở	
--	--	---	--

		thành thế giới của tự do - thế giới Mị khao khát, thế giới linh thiêng ở trong này biến thành thế giới của giam cầm - thế giới Mị muốn chối bỏ. - Về đẹp tâm hồn và sức sống mãnh liệt của nhân vật Mị được miêu tả tinh tế, xúc động. + Trước cảnh tung bừng ấy, cứ tưởng Mị <i> nào có biết xuân là gì?</i> Nhưng thật bất ngờ, những <i>đêm tình mùa xuân</i> ở Hồng Ngài đã làm cho tâm hồn Mị hồi sinh trở lại. Có thể nói, tâm trạng và hành động của Mị đã được Tô Hoài thể hiện một cách tinh tế và xúc động. + Tâm hồn Mị tha thiết <i>bổi hổi</i> khi nghe tiếng sáo từ đầu núi vọng lại. Mị đã ngồi <i>nhắm thắm</i> bài hát của người đang thổi sáo. Sau bao nhiêu ngày cảm lạnh, có lẽ đây là lần đầu tiên người con dâu gạt nợ này đã khê hát, dù chỉ là <i>nhắm thắm</i>. Mị <i>nhắm thắm</i> (không phải là “hát thắm”), tức là khê khàng nhắc lại theo sự hồi tưởng, thậm chí không liên mạch, lúc nhớ lúc quên lời bài hát của người đang thổi. Có lẽ trước đây Mị cũng đã từng thổi sáo hoặc hát bài này rồi. Giờ nghe tiếng sáo ngoài đầu núi vọng lại, lúc ẩn lúc hiện, trong Mị đã thức dậy điều gì đó quen thuộc, lâu nay bị lãng quên. + Mị lén lấy hũ rượu <i>uống ực</i> từng bát. Cách uống khiến người đọc cảm nhận dường như không phải Mị đang uống rượu mà là uống từng bát cay đắng, uất hận vào lòng. Những cay đắng, uất hận đó chất chồng và cứ bị dồn đẩy, nghẹn đắng trong lòng Mị. + Men rượu đã làm cô hồi tưởng về ngày trước. Tiếng sáo gọi bạn tình văng vẳng trong tai Mị. Bao nhiêu kỉ niệm đẹp thời con gái đã sống dậy trong lòng Mị: cô thổi sáo giỏi và có bao nhiêu người mê, ngày đêm thổi sáo đi theo. Hồi tưởng lại mùa xuân tươi đẹp thời con gái, điều đó cho thấy Mị đã được thức tỉnh. Khát vọng sống như ngọn lửa đã bùng sáng tâm hồn Mị. c.2. Về nghệ thuật: - Các từ ngữ địa phương gợi những hình ảnh gần gũi đặc trưng cho miền núi Tây Bắc: nương ngô, nương lúa, vỡ nương, lều canh nương, cùng những sinh hoạt độc đáo: hái bí đỏ chơi quay, thổi sáo. - Từ ngữ miêu tả chi tiết đẹp và giàu sức sống: cỏ gianh vàng ửng, những chiếc váy đem ra phơi trên mỏm đá xòe ra như những con bướm sặc sỡ, tiếng sáo lấp ló ngoài đầu núi. - Đoạn miêu tả giàu tính nhạc thơ, trữ tình gợi cảm. Âm điệu câu văn êm ả, ngắn và đậm phong vị Tây Bắc (kiểu cách nói năng của người miền núi: nương ngô, nương lúa đã gặt xong, lúa ngô...) - Đi sâu vào khai thác diễn biến tâm lí nhân vật Mị rất tự nhiên, chân thực và sâu sắc thông qua hành động và tâm trạng, chủ yếu thể hiện nội tâm tinh tế, xúc động. d. Nhận xét chất thơ trong sáng tác của Tô Hoài. -Biểu hiện:	
--	--	--	--

	+Chất thơ trong sáng tác của Tô Hoài hiện lên trước hết qua hình ảnh thiên nhiên vời vọi với những núi non, nương rẫy, sương giăng... không thể lẫn được với một nơi nào trên đất nước ta. Những chi tiết miêu tả thiên nhiên đan xen, hoà quyện trong lời kể của câu chuyện. + Đoạn trích cũng miêu tả rất tinh tế một phong tục rất đẹp, rất thơ của đồng bào vùng cao là lễ hội mùa xuân tràn ngập màu sắc và âm thanh, ấn tượng nhất về màu sắc là vẻ đẹp của <i>váy hoa</i>, của âm thanh là <i>tiếng sáo</i>. +Nét đặc sắc nhất của chất thơ biểu hiện ở tâm hồn nhân vật Mị. Ẩn sâu trong tâm hồn Mị, một cô gái tưởng chừng như héo hắt, sống một cuộc đời lầm lũi “đến bao giờ chết thì thôi” ấy, có ai ngờ, vẫn le lói những đốm lửa của khát vọng tự do, của tình yêu cuộc sống. +Ngôn ngữ nghệ thuật của nhà văn với hàng loạt các âm thanh, các hình ảnh gợi hình, gợi cảm rất nên thơ và đậm màu sắc. +Chất thơ trong văn xuôi của Tô Hoài được tạo nên bởi sự kết hợp nhuần nhuyễn cái khí sắc lãng mạn với bút pháp trữ tình cùng cái duyên mượt mà của một văn phong điêu luyện. +Bên cạnh nghệ thuật sử dụng ngôn từ, Tô Hoài còn để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc bởi khả năng diễn đạt tài tình những rung động sâu xa, tinh tế trong thế giới đa cung bậc và muôn vàn sắc thái của tình cảm. - Ý nghĩa: Chất thơ trong đoạn trích không những bộc lộ tài năng nghệ thuật của nhà văn Tô Hoài mà còn thể hiện tình yêu thiên nhiên và tấm lòng nhân đạo của ông với con người Tây Bắc, góp phần làm sáng tỏ cảm hứng lãng mạn cách mạng của văn xuôi Việt Nam 1945-1975. 3.3.Kết bài: 0.25 - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp của đoạn trích - Nêu cảm nghĩ về tình yêu thiên nhiên, con người và tài năng nghệ thuật của nhà văn.	
	4. <i>Sáng tạo</i> Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ THI THỬ CHUẨN CẤU KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021
TRÚC MINH HỌA

ĐỀ SỐ 13

(Đề thi có 02 trang)

Bài thi: Ngữ Văn

Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian phát đề

Đề bài

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đã có lần con khóc giữa chiêm bao
Khi hình mẹ hiện về năm khốn khó
Đồng sau lụt, bờ đê sụt lở
Mẹ gánh gồng xộc xệch hoàng hôn.
Anh em con chịu đói suốt ngày tròn
Trong chạng vạng ngồi co ro bậu cửa
Có gì nấu đâu mà nhóm lửa
Ngó hay khoai còn ở phía mẹ về...

Chiêm bao tan nước mắt dầm dề
Con gọi mẹ một mình trong đêm vắng
Dù tiếng lòng con chẳng thể nào vang vọng
Tới vương đất mẹ nằm lưng núi quê hương.

(Trích “Khóc giữa chiêm bao”, Vương Trọng)

Đọc đoạn trích trên và thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Những từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện năm khốn khó trong đoạn trích?

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng 01 biện pháp tu từ trong 2 dòng thơ sau:

Dù tiếng lòng con chẳng thể nào vang vọng
Tới vương đất mẹ nằm lưng núi quê hương.

Câu 3. Anh/chị hiểu dòng thơ sau như thế nào ?

Mẹ gánh gồng xộc xệch hoàng hôn

Câu 4. Anh/chị hãy nhận xét tình cảm của tác giả dành cho mẹ trong đoạn trích.

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về giải pháp để vượt qua thử thách trong cuộc sống đời thường của mỗi con người.

Câu 2. (5,0 điểm)

Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hắn có vợ đến hôm nay hắn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.

Hắn chấp hai tay sau lưng lững thững bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng loá xói vào hai con mắt còn cay sè của hắn. Hắn chớp chớp liên hồi mấy cái, và bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươm mười niên ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới góc ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung bành ngay lối đi đã hót sạch.

Ngoài vườn người mẹ đang lúi húi giẫy những bụi cỏ mọc nham nhở. Vợ hắn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sần sật trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường nhưng đối với hắn lại rất thấm thía cảm động. Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.

Bà cụ Tứ chợt thấy con giai đã dậy, bà lão nhẹ nhàng bảo nàng dâu:

- Anh ấy dậy rồi đấy. Con đi dọn cơm ăn chẳng muộn.

- Vâng.

Người đàn bà lẳng lặng đi vào trong bếp. Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không còn vẻ gì chao chát chỏng lỏn như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh. Không biết có phải vì mới làm dâu mà thị tu chí làm ăn không? Bà mẹ Tràng cũng nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, cái mặt búng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Bà lão xăm xắn thu dọn, quét tước nhà cửa. Hình như ai nấy đều có ý nghĩ rằng thu xếp cửa nhà cho quang quẻ, nền nếp thì cuộc đời họ có thể khác đi, làm ăn có cơ khấm khá hơn.

(Trích *Vợ nhặt*, Kim Lân, *Ngữ văn 12*, tập hai, Nxb GD, 2008, tr 30)

Anh/Chị phân tích vẻ đẹp người nông dân trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cái nhìn mới mẻ về con người của nhà văn Kim Lân.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Độc hiểu	3.0
	1	Những từ ngữ, hình ảnh thể hiện <i>năm khổn khó</i> trong đoạn trích là : đồng sau lụt, bờ đê lụt lở, gánh gồng xộc xệch, chịu đói suốt ngày tròn , ngồi co ro; ngô hay khoai.	0.5
	2	Biện pháp tu từ: Ẩn dụ (<i>vuông đất</i> - chỉ nắm mồ của mẹ)/Nói tránh -Tác dụng: gợi hình ảnh cụ thể, làm giảm sự đau xót khi nhớ về người mẹ đã qua đời.	0.5
	3	Cách hiểu dòng thơ: “Mẹ gánh gồng xộc xệch hoàng hôn” - Hình ảnh người mẹ nghèo khổ suốt đời lam lũ, tần tảo, chịu thương chịu khó trong cuộc mưu sinh để nuôi con nên người.	1.0
	4	Tình cảm của tác giả: ngay cả trong giấc mơ cũng vẫn luôn trân trọng kính yêu mẹ, luôn xúc động, thương xót mẹ và ghi nhớ công ơn của mẹ, hiểu những khó khăn vất vả mà mẹ phải chịu đựng và gánh vác trong cuộc sống.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày <i>suy nghĩ về giải pháp để vượt qua thử thách trong cuộc sống đời thường của mỗi con người.</i>	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: <i>suy nghĩ về giải pháp để vượt qua thử thách trong cuộc sống đời thường của mỗi con người.</i>	0.25
		c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ <i>suy nghĩ về giải pháp để vượt qua thử thách trong cuộc sống đời thường của mỗi con người.</i> Có thể triển khai theo hướng sau: - Thử thách là những tình huống, việc làm khó khăn, gian khổ mà con người gặp phải trong cuộc sống đòi hỏi con người có nghị lực, khả năng mới có thể vượt qua. - Giải pháp để vượt qua thử thách trong cuộc sống đời thường của con người. + Bản thân phải lòng can đảm và dũng cảm để có sức mạnh tinh thần vượt qua những khó khăn, thử thách + Bản thân phải có thái độ bình tĩnh để suy xét vấn đề. Có thể, ta mới thật sự sáng suốt xử lí mọi tình huống bất trắc mà mình gặp phải. + Bản thân phải học cách chấp nhận khó khăn, thách thức. Chấp nhận không có nghĩa là buông xuôi, mà học cách chấp	1.00

		nhận để vượt qua những trở ngại và chông gai. + Con người luôn có những suy nghĩ và hành động tích cực dù rơi vào bất cứ hoàn cảnh nào: luôn tạo sự lạc quan và niềm tin vào chính mình, cố gắng nỗ lực vượt qua mọi khó khăn và thử thách, nhanh chóng tìm cách giải quyết những vấn đề còn tồn tại của mình vì cuộc sống vui vẻ, tươi đẹp và nhiều ý nghĩa vẫn luôn đang chờ đón ta ở phía trước. + Phê phán những người không có đủ can đảm và nghị lực để vượt qua những khó khăn thử thách đã hành động thiếu suy nghĩ dẫn đến hậu quả đáng tiếc. - Bài học nhận thức và hành động: tiếp tục học tập, rèn luyện bản thân có lập trường, tư tưởng vững vàng, dám chấp nhận và đương đầu với mọi khó khăn, thử thách, thắng không kiêu, bại không nản...	
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Phân tích vẻ đẹp người nông dân trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cái nhìn mới mẻ về con người của nhà văn Kim Lân.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Phân tích vẻ đẹp người nông dân trong đoạn trích, nhận xét cái nhìn mới mẻ về con người của nhà văn Kim Lân.	(0,25)
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1. Mở bài: 0.25 – Giới thiệu Kim Lân và truyện ngắn “Vợ nhặt”. Kim Lân là nhà văn của nông thôn. Truyện ngắn của Kim Lân viết về cuộc sống và con người của làng quê Việt Nam tuy nghèo khổ, thiếu thốn nhưng vẫn yêu đời, thật thà, chất phác mà thông minh, tài hoa. Truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> của ông thể hiện sự am hiểu sâu sắc cảnh ngộ và tâm lí những người ở thôn quê: dù cuộc sống có tăm tối đến đâu họ vẫn khao khát sống, yêu thương đùm bọc nhau, vẫn hi vọng vào tương lai. – Nêu vấn đề cần nghị luận: phân tích vẻ đẹp người nông dân trong đoạn trích <i>Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào (...)</i> làm ăn có cơ khấm khá hơn thể hiện cái nhìn mới	(4.00)

	mề về con người của nhà văn Kim Lân. 3.2. Thân bài: 3.50 3.2.1. Khái quát về tác phẩm, đoạn trích: - Về hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, sơ lược cốt truyện...; <i>Vợ nhặt</i> được xem là truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân có tiền thân là tiểu thuyết Xóm ngụ cư được viết ngay sau cách mạng tháng Tám thành công, lấy bối cảnh nạn đói năm Ất Dậu (1945) nhưng bị bỏ dở và mất bản thảo. Mãi đến sau khi hòa bình lập lại (1954), Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ và viết truyện ngắn này. - Vị trí, nội dung đoạn trích: thuộc phần cuối của truyện, diễn tả tâm trạng của 3 nhân vật trong gia đình bà cụ Tứ vào buổi sáng sau đêm <i>tân hôn</i>. 3.2.2. Phân tích nội dung, nghệ thuật vẽ đẹp người nông dân trong đoạn trích: a. Về nội dung: a.1. Vẽ đẹp của Tràng trong buổi sáng đầu tiên khi anh có vợ được Kim Lân miêu tả thật tinh tế mà chân thực: - Một cảm giác lạ chưa từng thấy tràn ngập trong lòng anh. Anh thấy trong người <i>êm ái, lơ lửng như người vừa ở trong giấc mơ đi ra</i>, việc có vợ vẫn hình như là không phải. Tràng chợt nhận ra xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới lạ: Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươm mười niên ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới gốc cây ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Còn bà cụ Tứ lúi húi giã cỏ, nằng dàu quét tước, nấu nướng. Tất cả những cảnh tượng đó thật bình thường, là sự thay đổi đơn giản nhưng cũng đủ làm cho anh rất cảm động vì nó đều khác hẳn, chưa bao giờ Tràng thấy thế. - Trước mặt Tràng, người vợ mới của hắn khác hẳn - đó là một người đàn bà mẫu mực, chăm chỉ. Thị rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không có vẻ gì chao chát chông lòn như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh. Thị thu dọn nhà cửa, phơi phóng quần áo, quét sân, gánh nước và chuẩn bị bữa ăn ngày mới. - Trong buổi sáng đầu tiên khi có vợ, Tràng thấy cuộc đời mình bỗng nhiên thay đổi hẳn: +Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bởi vì Tràng đã có một gia đình, và trong cái buổi sáng đầu tiên ấy, anh đã được tắm mình trong không khí ấm áp, hạnh phúc của tổ ấm gia đình.	
--	--	--

		+Tràng vẫn chưa quen với việc hạnh phúc đến quá bất ngờ. Nhà văn Kim Lân đã khắc họa được những cảm xúc dấy lên trong lòng Tràng. Từ con người thô lỗ, cộc cằn thì Tràng đã trở thành người chồng thực sự. Vậy là trong khung cảnh đói khát chết chóc thê thảm của đất nước năm 1945 ấy, người nông dân khốn khổ như Tràng đã biết vượt lên hoàn cảnh, tìm đến hạnh phúc trong niềm vui nương tựa đùm bọc lẫn nhau. Chỉ có tấm tình chân thực mới giúp họ có sức mạnh vượt qua sự thật nghiệt ngã của cuộc đời. Và không có gì ngăn nổi niềm tin, niềm hi vọng của họ vào tương lai. Đó chính là giá trị nhân văn đầy cảm động của truyện ngắn này. a.2.Về đẹp của nhân vật người vợ: - Chỉ qua một ngày, một đêm sau khi đã thành vợ của Tràng, thành nàng dâu mới của bà cụ Tứ, ta thấy nhân vật này có những biểu hiện, những tình cảm tốt đẹp như bao người phụ nữ khác. Dù kề bên cái chết, cô gái này vẫn khao khát hạnh phúc, muốn được sống trong mái ấm hạnh phúc của gia đình, một mái ấm tình thương, có chồng có con như những người đàn bà may mắn khác. - Thị dậy sớm cùng mẹ chồng quét tước, thu dọn nhà cửa sạch sẽ gọn gàng, xây đắp tổ hạnh phúc. Tiếng chổi quét sân của thị kêu sần sật trên mặt đất tưởng như niềm vui đang xôn xao trong lòng thị. - Thị lặng lẽ đi vào bếp dọn bữa ăn sáng. Tràng cảm thấy vợ mình hiền hậu đúng mực rất đáng yêu. Bà cụ Tứ đã có nàng dâu mới, Tràng đã có vợ. Nhà thêm người, thêm bát đũa, thêm một nhân lực. Mẹ chồng và nàng dâu cùng làm việc, nói chuyện với nhau như thân quen tự bao giờ. Có lẽ cũng do cùng cảnh ngộ nên họ nhanh chóng trở thành thân thiết. - Cách cư xử trong bữa ăn của thị cũng thật tế nhị, khôn khéo. Nhìn bát cháo cám người mẹ vui vẻ đưa cho, mắt thị <i>tối lại</i> nhưng vẫn <i>điềm nhiên và vào miệng</i>. Thị đã giấu kín nỗi thất vọng chua chát là để khỏi làm phật ý mẹ, giữ gìn không khí vui vẻ trong gia đình. - Hạnh phúc đã làm cho thị thay đổi từ một người phụ nữ cong cớn, đánh đá bỗng trở thành người đàn bà đúng nghĩa, đã nghĩ cho sự sống, đã lo cho gia đình. Qua đây, Kim Lân dường như muốn khẳng định một niềm tin đầy giá trị nhân văn: mái ấm gia đình có đủ sức mạnh để làm thay đổi, để cảm hóa một con người. a.3.Về đẹp của nhân vật bà cụ Tứ: -Khái quát: sáng hôm sau, bà cụ Tứ được Kim Lân khai thác ở chiều sâu tâm lý mà màu sắc chủ đạo là sự lạc quan, tin tưởng, phấn chấn vào cuộc sống. -Cùng với người con dâu, sáng hôm sau bà cụ Tứ đã dậy	
--	--	--	--

	sớm, xăm xăm quét dọn, thu vén nhà cửa để ngôi nhà trở nên gọn gàng, sáng sủa, mang không khí của một tổ ấm hạnh phúc thật sự. Niềm hạnh phúc của con đã khiến người mẹ nhân từ, bao dung dường như cũng hạnh phúc theo. Không còn dáng vẻ của một bà lão gần đất xa trời, khốn khổ, Tràng đã nhận thấy rất rõ sự thay đổi trong dáng vẻ, thần thái của mẹ mình. -Bà cụ Tứ trở nên tươi tỉnh, nhẹ nhõm khác ngày thường, khuôn mặt búng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Sự thay đổi ở diện mạo, thần thái của bà cụ Tứ cùng với những việc làm nhỏ bé, giản dị của bà đã thể hiện rất rõ sự chăm lo cho hạnh phúc của đứa con. Tất cả đều giản dị song lại vô cùng cảm động vì bà cụ đã hành động bằng tất cả tâm lòng mình để góp phần xây dựng một tổ ấm hạnh phúc. b. Về nghệ thuật: -Xây dựng tình huống truyện độc đáo. -Cách dựng truyện của Kim Lân rất tự nhiên, hấp dẫn, có duyên, đơn giản nhưng chặt chẽ. -Miêu tả tâm lí nhân vật một cách tinh tế, sâu sắc. -Ngôn ngữ đậm chất nông dân và có sự gia công sáng tạo của nhà văn. c. Nhận xét cái nhìn mới mẻ về con người của nhà văn Kim Lân. - Nhà văn có cái nhìn xót xa, thương cảm và tin yêu về con người Việt Nam dưới ách thống trị của giai cấp phong kiến và bọn thực dân phát xít trong nạn đói khủng khiếp Ất Dậu 1945. Tuy sống trong thân phận rẻ rúng, hết sức bị đát, bị cái đói, cái chết bủa vây nhưng họ vẫn khao khát sống, khao khát yêu thương và có niềm tin bất diệt vào tương lai sẽ được đổi đời. Kim Lân còn tìm thấy sức mạnh của tình yêu trong thẳm sâu những con người bé nhỏ. Tràng lấy vợ, một câu chuyện dở khóc dở cười nhưng sau sự kiện bi hài ấy, con người và thế giới của riêng Tràng thay đổi: vợ hiền thảo hơn, Tràng đã trưởng thành <i>nên người</i>. Bà mẹ lần đầu tiên trên trán bớt đi đám mây u ám. Tình yêu thương đã khiến cho ba con người nhỏ bé và mái ấm gia đình của họ không bị vùi xuống vực thẳm của sự chết chóc. Trong thời khắc quyết định số phận, họ đã nương tựa, cuu mang, sưởi ấm cho nhau bằng tình yêu. - Các nhìn mới mẻ, lạc quan tin tưởng về con người cho thấy tài năng quan sát, miêu tả, dựng cảnh, đi sâu khai thác diễn biến tâm trạng nhân vật rất hợp lí, chân thực, đặc biệt tạo tình huống truyện độc đáo, bất ngờ, éo le và cảm động của nhà văn Kim Lân, góp phần làm bùng sáng giá trị nhân văn trong sáng tác của nhà văn nông thôn được đánh giá xuất sắc nhất trong văn học Việt Nam hiện đại 1945-1975.	
--	---	--

		3.3.Kết bài: 0.25 -Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẽ đẹp người nông dân trong đoạn trích. - Nêu bài học cuộc sống từ 3 nhân vật trong đoạn trích: khát vọng sống, tình yêu và hạnh phúc; đề cao vai trò của gia đình trong đời sống con người.	
		4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
		5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ THI THỬ CHUẨN CẤU KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021
TRÚC MINH HỌA

ĐỀ SỐ 14

(Đề thi có 02 trang)

Bài thi: Ngữ Văn

Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian phát đề

Đề bài

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

*Ôi thiên nhiên, cảm ơn người nhân hậu
Những so le, người kéo lại cho bằng
Ít nhất cũng là khi nằm xuống
Trong mảnh gỗ rừng, dưới một vành trăng...*

*Những bia mộ thẳng hàng im lặng quá
Ai hay đâu mang hồn của bao người
Với bời bời nỗi niềm tâm sự
Đến bây giờ có lẽ cũng chưa nguôi...*

*Trời rộng vô cùng, đất cũng rộng vô cùng
Bời khoảng trống mỗi con người bỏ lại
Cái khoảng trống nhỏ nhoi bằng chính vóc họ thôi
Mà cả dãy Hoàng Liên không sao che lấp...*

*Tôi đi giữa nỗi chìm bao số phận
Lòng lắng nghe muôn tiếng nói xa gần
Tôi không tin con người là ảo ảnh
Và cuộc đời là một thoáng giữa sân ga.*
(Trần Đăng Khoa)

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Tìm những từ láy có trong đoạn thơ.

Câu 3. Anh/chị có đồng tình với quan điểm của tác giả cho rằng: Tôi không tin con người là ảo ảnh?

Câu 4. Anh/chị hiểu như thế nào về quan niệm cuộc đời mà tác giả đề cập đến trong đoạn thơ?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của lối sống đẹp.

Câu 2. (5,0 điểm)

Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nháy đồng, người hát, nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước. Tại Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mị.

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết. Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường. Mị từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phơ phớt trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm, Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lơ lửng bay ngoài đường.

*Anh ném pao, em không bắt
Em không yêu, quả pao rơi rồi...*

(Trích **Vợ chồng A Phủ**- Tô Hoài, *Ngữ văn 12*, tập hai, Nxb GD, 2008, tr 7,8)

Phân tích hình tượng nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét sự tinh tế khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật của nhà văn Tô Hoài./.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Thể thơ: tự do	0.5
	2	Các từ láy là : bồi bồi, nhỏ nhoi Lưu ý: từ ảo ảnh không phải từ láy.	0.5
	3	HS có thể trả lời theo cách hiểu và quan điểm của mình. Đối với câu hỏi này, học sinh không bó buộc phải đồng tình hay không đồng tình với ý kiến được đưa ra, quan trọng là phải lí giải một cách thích hợp trên cơ sở lập luận chặt chẽ, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Dưới đây là gợi ý: Tác giả đưa ra quan điểm: mỗi người trong cuộc đời này, sinh ra rồi mất đi tuy có thể có những điều để lại, mất đi khác nhau nhưng đều là những điều có ý nghĩa, không phải ảo ảnh giữa cuộc đời này. Đó là quan niệm mỗi người đều là những điều quan trọng trong xã hội này, ai cũng xứng đáng được trân trọng. Quan niệm đó đúng đắn và đáng được ca ngợi về cách nhìn nhận con người.	1.0
	4	Trong đoạn trích, tác giả quan niệm mỗi người trong cuộc đời đều cần phải sống sao cho xứng đáng để khi mất đi không cảm thấy hối tiếc. Mỗi con người ra đời và mất đi đều nhỏ bé, như vóc dáng của họ cũng chỉ chiếm một góc nhỏ ở nghĩa trang, nhưng những giá trị tinh thần mà con người để lại, những khoảng trống tinh thần mà người đó để lại khi ra đi lại là những giá trị cao quý mà không gì có thể bù đắp nổi. Đó là một tư tưởng nhân văn về niềm tin ở con người cũng như phương châm hướng đến một lối sống đẹp, cao thượng, vị tha, cần được ca ngợi.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ ý nghĩa của lối sống đẹp	2.0
	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ	Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0.25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: ý nghĩa của lối sống đẹp.		0.25
	c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý nghĩa của lối sống đẹp . Có thể triển khai theo hướng sau: + Sống đẹp là sống có ích, có lí tưởng, có mục đích cao cả trong cuộc đời. + Người có lối sống đẹp luôn cống hiến cho xã hội và làm việc tốt giúp đỡ mọi người xung quanh. + Người có lối sống đẹp thường tâm hồn rộng mở, tình cảm chân		1.00

		thành, trong sáng, lương thiện và luôn được mọi người yêu mến, quý trọng. + Lối sống đẹp giúp thu hẹp các khoảng cách, làm cho mọi người yêu thương và đoàn kết cùng nhau vượt qua chông gai và khó khăn phía trước. + Lối sống đẹp thường lan tỏa những điều yêu thương và hành động tích cực đến mọi người để người khác học tập và làm theo. + Lối sống đẹp luôn tạo ra cuộc đời con người những ý nghĩa tốt đẹp. - Phê phán lối sống không đẹp, ích kỉ, vụ lợi, hẹp hòi, vô trách nhiệm, thiếu ý chí, nghị lực, trả thù đời bằng cách đi gieo rắc đau khổ cho người khác. - Bài học nhận thức và hành động. + Học sinh, thanh niên cần có nhận thức đúng đắn về lối sống đẹp, sống có ích, tiếp tục trau dồi kiến thức, kỹ năng, sức khỏe, trình độ công nghệ thông tin, ngoại ngữ để tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ học tập, sống cống hiến cho xã hội và giúp đỡ mọi người xung quanh. + Mỗi người cần có hành động đúng đắn: sống để yêu thương, gần gũi với người thân trong gia đình, với bạn bè, với cộng đồng để xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.	
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Phân tích hình tượng nhân vật Mị trong đoạn trích. Từ đó, nhận xét sự tinh tế khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật của nhà văn Tô Hoài.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Vẻ đẹp của nhân vật Mị trong đoạn trích, nhận xét sự tinh tế khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật của nhà văn Tô Hoài.	(0,25)
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1. Mở bài: - Tô Hoài là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của nền văn học Việt Nam hiện đại. Ông là nhà văn viết theo xu hướng hiện thực từ khi bắt đầu cầm bút, những sáng tác của ông phần lớn thiên về diễn tả sự thật của đời thường: Viết văn là một quá trình đấu tranh để nói ra sự thật. Đã là sự thật thì không tầm thường, cho	(4.00)

		dù phải đập vỡ những thần tượng trong lòng người đọc. Ông cũng là nhà văn hấp dẫn độc giả ở lối trần thuật của một người từng trải, hóm hỉnh, đôi lúc tinh quái nhưng luôn sinh động nhờ vốn từ vựng giàu có. Đồng thời, Tô Hoài cũng có một vốn sống đa dạng, vốn hiểu biết phong phú và sâu sắc về nhiều lĩnh vực đời sống, đặc biệt là những nét mới lạ trong phong tục, tập quán ở nhiều vùng khác nhau của đất nước và trên thế giới. Điều đó được thể hiện sâu sắc trong truyện <i>Vợ chồng A Phủ</i>; - Nêu vấn đề cần nghị luận: Đoạn trích thể hiện vẻ đẹp sức sống tiềm tàng, khát vọng tình yêu, hạnh phúc của nhân vật Mị, đồng thời nổi bật sự tỉnh táo khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật của nhà văn Tô Hoài. 3.2. Thân bài: 3.2.1. Khái quát tác phẩm: Truyện “Vợ chồng A Phủ” được nhà văn Tô Hoài sáng tác năm 1952, in trong tập “Truyện Tây Bắc”. Tác phẩm gồm hai phần: phần đầu kể về cuộc sống tủi nhục của Mị và A Phủ ở Hồng Ngài, là nô lệ nhà thống lí Pá Tra; cuối phần một là cảnh Mị cứu và chạy theo A Phủ. Phần sau kể về Mị và A Phủ ở Phiềng Sa. Họ trở thành vợ chồng, được giác ngộ cách mạng. - Vị trí đoạn trích: Thuộc phần đầu của truyện, diễn tả tâm trạng và hành động của Mị nhờ tác động của <i>đêm tình mùa xuân</i> ở Hồng Ngài 3.2.2. Phân tích vẻ đẹp của nhân vật Mị trong đoạn trích: a. Về nội dung: - Giới thiệu về nhân vật Mị và cuộc sống của Mị khi làm dâu trong nhà thống lí Pá Tra. + Cô gái có nhan sắc và phẩm chất tốt đẹp để xứng đáng được hưởng tình yêu hạnh phúc. + Mị bị bắt về làm dâu nhà Pá Tra vì món nợ truyền kiếp và bị đày đọa cả thể xác lẫn tinh thần. + Sự trỗi dậy sức sống tiềm tàng của Mị trong đêm tình mùa xuân bởi sự tác động của các yếu tố chủ quan và khách quan, nó biểu hiện ra thành những suy nghĩ nhận thức và hành động. - Vẻ đẹp của nhân vật Mị trong đoạn trích + Những yếu tố ngoại cảnh tác động tới sự hồi sinh của Mị: Cảnh Hồng Ngài bắt đầu vào xuân- cỏ gianh vàng ửng, gió rét dịu dỗi...; Cảnh các làng Mèo đỏ với những chiếc váy hoa đem phơi ở các mỏm đá, tiếng trẻ con nô đùa trước sân. Đặc biệt là âm thanh tiếng sáo ở đầu núi rủ bạn đi chơi... + Tiếng sáo đã dẫn đến hành động Mị “nổi loạn”. Mị <i>lén</i> lấy hũ rượu <i>uống ực từng bát</i> một, uống như nuốt cay đắng, phần uất vào lòng. Cách uống rượu của Mị chứa đựng sự phản kháng, Mị uống rượu như nuốt hờn, nuốt tủi, nén giận vào lòng, Mị uống rượu như muốn dồn men say của rượu để đi những buổi tiệc khát khao, đau khổ, phần uất. Mị uống rượu mà như uống những cay đắng của	
--	--	--	--

		phần đời đã qua và những khát khao của phần đời chưa tới. Men rượu và hơi xuân khiến người đàn bà không còn liên hệ gì với cuộc sống, không còn liên hệ gì với quá khứ nay bỗng “<i>lịm mặt ngồi đây... nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước</i>”. Song, có tác dụng nhiều nhất trong việc điu hồn Mị bỗng bèn về với nỗi khát khao của hạnh phúc, yêu thương có lẽ vẫn là tiếng sáo. Mị nghe tiếng sáo gọi bạn yêu ngoài đường, tiếng sáo vọng lại thiết tha bồi hồi. Người đàn bà lâu nay dửng dưng, âm thầm giờ đây đã thoát khỏi trạng thái vô cảm, thờ ơ. Mị không chỉ nghe tiếng sáo, Mị còn hình dung ra: “<i>Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi</i>”. Mị cảm nhận được sắc thái thiết tha, bồi hồi của tiếng sáo, nhận ra sự rạo rực, đắm say của người thổi sáo, thậm chí Mị còn ngồi nhắm thắm bài hát của người đang thổi, bằng cách ấy Mị đã trở về với quá khứ. Tiếng sáo đã làm thức tỉnh con người tâm linh trong Mị. Mị nhớ lại kỉ niệm đẹp ngày xưa, uống rượu bên bếp và thổi sáo, Mị thấy phơi phới trở lại, đột nhiên vui sướng như những đêm tết ngày trước. +Tiềm thức nhắc nhở Mị vẫn là một con người, Mị vẫn có quyền sống của một con người. Mị ý thức được <i>Mị vẫn trẻ lắm, Mị vẫn còn trẻ, Mị muốn đi chơi</i>. Tiếng sáo đã đưa Mị từ cõi quên về cõi nhớ, đã diu hồn Mị trở về với nỗi khao khát, yêu thương. +Thế nhưng, sự vượt khỏi hoàn cảnh của Mị diễn ra không hề đơn điệu, dễ dàng. Tô Hoài đã rất tinh khi đặt nhân vật Mị vào sự giao tranh giữa một bên là sức sống tiềm tàng, một bên là ý thức về thân phận. Ngôi bút của nhà văn như hóa thân vào nhân vật, để nâng niu, để trân trọng những giấc mơ tình tứ của con người, đồng thời lại rất tỉnh táo, khách quan khi phân tích, mổ xẻ những góc ngách sâu kín của tâm linh con người. Cho nên, bên cạnh cái năng nổ, khát khao, náo nức về sự tái sinh thì ở Mị vẫn còn lo lắng, day dứt, tủi hờn về thân phận: lòng phơi phới mà vẫn theo quán tính, Mị bước vào buồng, ngồi xuống giường, trông ra cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trắng trắng. Hình ảnh cái buồng kín chỉ có một cửa sổ, <i>một lỗ vuông bằng bàn tay</i> cứ trở đi trở lại trong tác phẩm. Nó trở thành một nỗi ám ảnh, day dứt người đọc. Khát vọng sống như ngọn lửa bùng cháy bao nhiêu thì Mị lại phần uất bấy nhiêu. Phần uất và đau khổ cho thân phận và số phận trở trêu đầy bi kịch. <i>Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử và Mị lại không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau</i>. Không thể cam chịu mãi kiếp nô lệ, kiếp làm dâu gặt nợ nên Mị đã muốn ăn lá ngón cho chết ngay. Mị muốn chết để không phải đối diện với thực tại, không phải nhớ lại quá khứ cùng với những ước mơ khao khát của mình. Sau bao nhiêu năm ở lâu trong cái khổ, Mị đã quen khổ rồi. Nay Mị đã thoát ra khỏi tình trạng lâm lũy, vô cảm để cảm nhận nỗi đau đớn, tủi cực của mình. Nhận thức ấy chưa xót đến mức Mị không thể tiếp tục kiếp sống đau đớn, nô lệ, thậm chí cô lại muốn chết để thoát khỏi cuộc sống đầy đọa, đau khổ ở nhà thống lí Pá	
--	--	--	--

		Tra. Hiện tại Mị đau đớn ê chề, tủi nhục, Mị muốn chết “<i>Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay chứ không buồn nhớ lại nữa</i>”. Mị muốn phản kháng lại hoàn cảnh, không chấp nhận cuộc sống trâu ngựa này nữa. Đó là khi sức sống tiềm tàng đã được đánh thức. + Ý thức về cái chết lại xuất hiện, nhưng lần này nó có ý nghĩa khác. Uất ức, nước mắt Mị ứa ra khi tiếng sáo gọi bạn tình vẫn <i>lừng lơ</i> bay ngoài đường. Tiếng sáo của tình yêu tuổi trẻ lại thôi thúc Mị, diu hồn Mị theo những đám chơi. Khát vọng sống mãnh liệt được đẩy lên đến cao độ bởi sự trỗi dậy của sức sống tiềm tàng. Tâm hồn Mị diễn biến rất phức tạp trong quá trình thức tỉnh, nổi loạn. Mị đang sống trong nghịch lí giữa thân phận con dâu gạt nợ và niềm vui phơi phới muốn đi chơi Tết. + Đánh giá: Đoạn văn miêu tả tâm trạng và hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân thể hiện sức sống tiềm ẩn trong Mị và tài năng miêu tả tâm lí nhân vật của Tô Hoài. Thông qua đây, nhà văn khám phá, trân trọng, ngợi ca những khao khát tình yêu, hạnh phúc của con người, thể hiện niềm tin vào sức sống của con người không bị hủy diệt. Đồng thời lên án những thế lực tàn bạo chà đạp lên cuộc sống con người. Chính điều đó đã đem đến cho <i>Vợ chồng A Phủ</i> của Tô Hoài những giá trị nhân đạo sâu sắc. b. Về nghệ thuật: Diễn biến tâm lí và hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân của Mị được nhà văn khéo léo thể hiện bằng nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, tự nhiên, ngôn ngữ biểu cảm, đặc biệt; là nghệ thuật miêu tả, phân tích tâm lí nhân vật... Tất cả đã làm nổi bật vẻ đẹp của sức sống tiềm tàng mãnh liệt của Mị. 3.2.3. Nhận xét sự tỉnh táo khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật Mị của nhà văn Tô Hoài. - Sự hồi sinh của tâm hồn nhân vật Mị được tác giả miêu tả tỉnh táo, phù hợp với tính cách của cô. Nhà văn sử dụng khá nhiều những yếu tố bên ngoài tác động vào nhân vật, được miêu tả rất tự nhiên như mùa xuân, tiếng sáo gọi bạn tình, bữa tiệc đón năm mới... tất cả đã hoá thành những tiếng gọi đánh thức nỗi căm ghét bất công và tàn bạo cùng ý thức phản kháng lại cường quyền, đánh thức cả niềm khao khát một cuộc sống tự do, hoang dã và hồn nhiên vẫn được bảo lưu đâu đó trong dòng máu truyền lại từ lối sống của tổ tiên du mục xa xưa, làm sống dậy sức sống ẩn tàng trong cơ thể trẻ trung và tâm hồn vốn ham sống của Mị. Người đọc không thể không dừng lại, suy ngẫm và chia sẻ cảm xúc với những hành động của nhân vật Mị xuất phát từ những thôi thúc của nội tâm như các chi tiết: “<i>Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát</i>” trong một trạng thái thật khác thường. Rượu làm cơ thể và đầu óc Mị say, nhưng tâm hồn cô thì từ phút ấy, đã tỉnh lại sau bao tháng ngày câm nín, mù mịt vì sự đày đoạ. Cái cách uống rượu một hơi, một ực như thế, khiến người ta nghĩ: người uống rượu ấy đang thực sự phẫn nộ. Và người ta cũng có thể nghĩ: cô ấy uống như thể đang	
--	--	---	--

	uống đắng cay của cái phần đời đã qua, như thể đang uống cái khao khát của phần đời chưa tới. Mị với cối lòng đã phơi phới trở lại và cái ý nghĩ lạ lùng mà rất chân thực : <i>“Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa.”</i> Nghịch lí trên cho thấy: khi niềm khao khát sống hồi sinh, tự nó bỗng trở thành một mãnh lực không ngờ, xung đột gay gắt, quyết một mất một còn với cái trạng thái vô nghĩa lí của thực tại. Sở trường phân tích tâm lí cho phép ngòi bút tác giả lách sâu vào những bí mật của đời sống nội tâm, phát hiện nét đẹp và nét riêng của tính cách. - Với trang văn trong đoạn trích đây ấp chất thơ và tấm lòng nhân hậu, một tài năng phân tích tâm lí nhân vật bậc thầy, Tô Hoài đã khám phá diễn tả chiều sâu tâm hồn cùng những biến thái thăng trầm gấp khúc tuần tự và đột biến trong tâm trạng Mị. Chính sức sống tiềm tàng và mãnh liệt của người con gái Mèo xinh đẹp đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc và góp phần không nhỏ vào sự thành công của tác phẩm. 3.3. Kết bài: 0.25 - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp của nhân vật Mị; - Nêu cảm nghĩ về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của nhà văn Tô Hoài qua đoạn trích.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ THI THỬ CHUẨN CẤU KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021
TRÚC MINH HỌA

ĐỀ SỐ 15

(Đề thi có 02 trang)

Bài thi: Ngữ Văn

Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian phát đề

Đề bài

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

*Quê hương tôi có con sông xanh biếc
Nước gương trong soi tóc những hàng tre
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè
Tỏa nắng xuống dòng sông lấp lánh.*

(Nhớ con sông quê hương – Tế Hanh)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của đoạn văn bản.

Câu 2. Chỉ ra các từ ngữ, hình ảnh nói về quê hương bình dị, gần gũi trong kí ức của nhà thơ.

Câu 3. Tìm và phân tích hiệu quả của phép tu từ trong hai câu thơ sau:

*Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè
Tỏa nắng xuống dòng sông lấp lánh.*

Câu 4. Anh chị hãy nhận xét về tình cảm của nhà thơ đối với quê hương trong đoạn trích.

Phần I. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. Từ nội dung của phần đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về tình yêu quê hương đất nước.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong truyện ngắn **Vợ nhặt** của Kim Lân có đoạn:

...Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con để cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không.

Bà lão khẽ thở dài ngẩng lên, dăm dăm nhìn người đàn bà. Thị cúi mặt xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt. Bà lão nhìn thị và bà nghĩ: Người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được... Thôi thì bổn phận bà là mẹ, bà đã chẳng lo lắng được cho con... May ra mà qua khỏi được cái tao đoạn này thì thằng con bà cũng có vợ, nó yên bề nó, chẳng may ra ông giờ bắt chết cũng phải chịu chứ biết thế nào mà lo cho hết được ?

Bà lão khẽ dựng hắng một tiếng, nhẹ nhàng nói với “nàng dâu mới” :

- Ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng...

Tràng thờ đánh phào một cái (...) Bà cụ Tứ vẫn từ tốn tiếp lời:

- Nhà ta thì nghèo con ạ. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi ra may mà ông giời cho khá... Biết thế nào hờ con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời? Có ra thì rồi con cái chúng mày về sau”.

Bà lão dăm dăm nhìn ra ngoài. Bóng tối trùm lấy hai con mắt. Ngoài xa dòng sông sáng trắng uốn khúc trong cánh đồng tối. Mùi đốt đồng râm ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt. Bà lão thở nhẹ ra một hơi dài. Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà lão nghĩ đến cuộc đời cực khổ dài dằng dặc của mình. Vợ chồng chúng nó lấy nhau, cuộc đời chúng nó liệu có hơn bố mẹ trước kia không?...

(Trích Vợ nhặt, Kim Lân, Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục, 2013, tr 28-29)

Cảm nhận của anh/chị về tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ trong đoạn trích trên. Từ đó, rút ra nhận xét tâm lòng của nhà văn Kim Lân dành cho người nông dân.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: biểu cảm	0.5
	2	Các từ ngữ, hình ảnh về quê hương bình dị, gần gũi trong kí ức của nhà thơ: con sông xanh biếc, hàng tre, buổi trưa hè, nước gương trong, nắng...	0.5
	3	Phép tu từ trong hai câu thơ: So sánh tâm hồn tôi như buổi trưa hè Cái nắng của buổi trưa hè là nắng gắt, như tâm hồn tràn đầy nhựa sống và tình yêu tha thiết với quê hương của tác giả vậy. Nó mở ra một khung cảnh trữ tình đầy duyên dáng. Nắng không “chiếu”, không “soi” mà là “tỏa”, có lẽ chỉ từ tỏa mới có thể diễn tả được hết cái tấm lòng bao la muốn tỏa sáng trọn vẹn dòng sông quê. Sức nóng của mùa hè – sức sống của tác giả, điều đó đã nuôi dưỡng tâm hồn ông, truyền cho ông ngọn lửa sống.	1.0
	4	- Tác giả trân trọng và yêu tha thiết quê hương, những không gian kỉ niệm gần gũi luôn hiện lên trong ngân qua dòng hồi tưởng của tác giả mỗi khi nhớ về quê hương. - Quê hương nuôi dưỡng tâm hồn tác giả, vun đắp cho ông những khát vọng tươi đẹp trong cuộc đời. Quê hương luôn hiện diện trong sâu thẳm tâm hồn và trong trái tim tác giả.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ vai trò của khát vọng trong cuộc sống...	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: vai trò của khát vọng trong cuộc sống.	0.25
		c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ vai trò của khát vọng trong cuộc sống. Có thể triển khai theo hướng sau: - Khát vọng là mong muốn những điều lớn lao, tốt đẹp trong cuộc sống. Nó thôi thúc con người ta sống, nỗ lực để đạt đến điều đó. Khát vọng biểu tượng cho những gì lớn lao tốt đẹp mà con người ta hướng đến cho bản thân mình và cho cộng đồng.	1.00

		- Vai trò của khát vọng: + Khát vọng là biểu hiện mang tính tích cực của tâm lý, tốt đẹp của con người. + Khát vọng xuất phát từ những mong ước làm nên cuộc đời hạnh phúc, không chỉ cho bản thân người đó mà cho những người xung quanh. + Những con người có khát vọng luôn nhận thức mình là ai và có thể làm gì để giúp đỡ mọi người. + Những người có khát vọng sống có trái tim say mê, luôn sống hết mình và hơn ai hết họ nhận thức được lợi hại. Và trong thực tế cuộc sống họ luôn tỉnh táo tránh được những rủi ro không đáng có. + Khát vọng mang đến cho người ta sự lạc quan nhất định và hướng đến những điều tốt đẹp nhất cho nhân loại. + Có những khát vọng lớn lao khó thực hiện đòi hỏi con người phải ý chí nỗ lực, bền bỉ và cố gắng mỗi ngày. + Người không có khát vọng, hoài bão cuộc sống sẽ trở nên tầm thường và tẻ nhạt. - Bài học: + Về nhận thức: phải hiểu giá trị của khát vọng trong cuộc sống; + Về hành động: tuổi trẻ phải biết sống đẹp, sống có ích, có ước mơ, lí tưởng, sống có hoài bão và quyết tâm để thực hiện những hoài bão cao đẹp ấy.	
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Phân tích tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ trong đoạn trích ... Từ đó, rút ra nhận xét tấm lòng của nhà văn Kim Lân dành cho người nông dân.	5,0
		1. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi</i> Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ trong đoạn trích; tấm lòng của nhà văn Kim Lân dành cho người nông dân.	(0,25)
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể:	(4.00)

	3.1.Mở bài: 0.25 - Giới thiệu tác giả, tác phẩm: +Kim Lân là nhà văn của người nông dân, là cây bút của đồng ruộng, ngòi bút chân thật khi viết về cảnh sắc, đời sống nông dân Bắc Bộ. +Truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> của ông thể hiện sự am hiểu sâu sắc cảnh ngộ và tâm lí những người ở thôn quê: dù cuộc sống có tăm tối đến đâu họ vẫn khao khát sống, yêu thương đùm bọc nhau, vẫn hi vọng vào tương lai. -Nêu vấn đề cần nghị luận: Đoạn trích: ...<i>Bà lão cúi đầu nín lặng(...)cuộc đời chúng nó liệu có hơn bố mẹ trước kia không?</i>...diễn tả sâu sắc tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ, đồng thời thể hiện tấm lòng của nhà văn dành cho người nông dân nghèo khổ. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát về truyện ngắn, đoạn trích -<i>Vợ nhặt</i> được coi là tác phẩm tiêu biểu nhất trong sự nghiệp sáng tác của Kim Lân, cũng là một truyện ngắn xuất sắc của văn xuôi Việt Nam hiện đại. Tiền thân của truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> là một chương trong tiểu thuyết <i>Xóm ngụ cư</i> viết ngay sau 1945. Tới 1954, Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết <i>Vợ nhặt</i>. Do đó, tác phẩm không chỉ là kết quả một quá trình suy ngẫm, gọt giũa về cả nội dung và nghệ thuật mà còn mang âm hưởng lạc quan của thời đại mới trong thời điểm đất nước được giải phóng sau năm 1954. - Đoạn trích thuộc phần cuối của truyện, diễn tả tâm trạng của bà cụ Tứ khi Tràng dẫn vợ về và khi bà nói chuyện với nàng dâu mới. b. Phân tích nội dung, nghệ thuật thể hiện tâm trạng nhân vật bà cụ Tứ: 2.5đ b.1.Về nội dung: -Sự xuất hiện của nhân vật: Tác giả chỉ giới thiệu sơ lược về diện mạo, ngoại hình, gia cảnh để từ đó khái quát số phận bà cụ Tứ. Nhưng chỉ thông qua một vài chi tiết chọn lọc như dáng đi <i>lọng khọng</i>, đôi mắt kèm nhèm và <i>tiếng húng hắng ho</i> cùng hình ảnh về ngôi nhà nghèo nàn xơ xác, người đọc đã đủ hình dung về số phận của một người mẹ nông dân nghèo khổ, cơ cực đã bị cái đói đeo bám, truy đuổi trong suốt cả cuộc đời dài dằng dặc. Ngay từ những ấn tượng ban đầu, Kim Lân đã gợi nên rất nhiều sự thương cảm, xót xa từ hình ảnh bà cụ Tứ. - Diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ trong đoạn trích:	
--	---	--

		+Ngay sau sự ngạc nhiên, bà cụ Tứ có tâm trạng xót thương cho con mình. Khi nghe lời giải thích đồng thời cũng là lời giới thiệu ngắn gọn nhưng đầy ý nhị của Tràng: “<i>Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ!</i>”, ở bà cụ Tứ đã có một phản ứng không lời nhưng lại chất chứa đầy cảm xúc phức tạp: “<i>Bà lão hiểu rồi, lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình</i>”. Như vậy, trong cái nín lặng của bà cụ Tứ là sự nén chặt, sự dồn tụ rất nhiều cảm xúc: vừa là niềm hạnh phúc khi thằng con mình có một người bạn đời để sẻ chia buồn vui, vừa là sự xót xa vì việc trọng đại với đứa con trai lại diễn ra chóng vánh, bất ngờ đến thế, vừa là sự tủi phận của người mẹ cảm thấy mình đã không làm tròn trách nhiệm, không lo lắng được cho hạnh phúc của con cái. Phải rất tinh tế Kim Lân mới bắt được khoảnh khắc tâm lý tưởng như rất tĩnh tại nhưng thực chất lại đầy phức tạp, uẩn khúc này của bà cụ Tứ. +Sau phút <i>cúi đầu nín lặng</i> với nhiều cảm xúc trái chiều phức tạp, bà cụ đã trở về với thực tại, nhìn vào thực tế đời khổ nghiệt ngã để trong lòng trào lên sự lo lắng, thương xót cho hai đứa con: “<i>Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không</i>”. Những dòng nước mắt lặng lẽ chảy của bà cụ đã khiến cho tất cả người đọc đều phải lặng đi, xúc động bởi ở đó tình mẫu tử, tình thương con đã được thể hiện sâu sắc. +Và rất tự nhiên từ tình thương, từ sự lo lắng dành cho đứa con trai, bà cụ chuyển sang nhìn người con dâu cũng bằng ánh mắt đầy xót xa, thương cảm. Dù Tràng không hề đề cập đến việc nhật vợ ở đầu đường, xó chợ qua loa và chóng vánh như thế nào, nhưng bằng kinh nghiệm sống của một người đã đi gần hết cả cuộc đời, bà cụ có thể hoàn toàn hiểu được sự thật trần trụi, đắng chát của cuộc hôn nhân đó. Nhưng bà không hề nhìn cô con dâu bằng sự phán xét khắt khe đầy nghiến thương thấy của một bà mẹ chồng, mà bằng con mắt đầy bao dung và cảm thông. Bà như tự bào chữa cho chính đứa con dâu: “<i>Người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có được vợ</i>”. Với chi tiết này, bà cụ Tứ hiện lên không chỉ là hình ảnh của tình mẫu tử thiêng liêng cao cả mà còn là biểu hiện của tình người ấm áp, bao dung. Bằng sự nhân hậu, vị tha, bà đã sẵn sàng mở rộng lòng và dang đôi bàn tay để cứu mang, che chở, nâng đỡ những kiếp người khốn khổ hơn mình. Ở đó, truyền	
--	--	---	--

		thống đạo lý tốt đẹp của người Việt Nam: “Lá lành đùm lá rách” được thể hiện rất rõ. +Nhưng điều đáng lưu ý và cũng đáng trân trọng nhất ở bà cụ Tứ là dù có xót xa, đau đớn và lo lắng nhưng tất cả đều được bà mẹ này giữ kín trong cõi riêng của mình còn những điều bà nói ra đều là sự vui mừng, tốt đẹp. Câu nói mà bà nói với nàng dâu mới: “<i>ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng</i>” tuy giản dị nhưng cũng đầy ý nghĩa. Nó vừa giúp cả ba người thoát khỏi tình thế ngượng nghịu, khó xử, vừa là sự chào đón ấm áp, đôn hậu với nàng dâu mới. Cùng với các khái niệm thiêng liêng: “<i>duyên, kiếp</i>”, bà cụ đã cho thấy dưới đôi mắt của người mẹ thương con thì người con dâu không phải là người đàn bà <i>chao chát, chống lớn, trơ trẽn</i> mà là người đáng được trân trọng. Còn cuộc hôn nhân chóng vánh, vội vàng của Tràng cũng trở nên thiêng liêng, trọng đại như các cuộc hôn nhân mâm cao cỗ đầy khác. Như vậy, với tấm lòng cao cả, giàu đức hy sinh, bà lão đã nén chặt trong lòng những buồn tủi để nâng đỡ, vun vén cho hạnh phúc của hai đứa con mình. +Để tiếp tục gieo vào lòng hai đứa con niềm tin, hy vọng cũng như sự lạc quan vào cuộc sống, bà đã dùng đến kinh nghiệm dân gian được đúc kết từ ngàn đời. Câu tục ngữ: “<i>Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời</i>” mà bà nói ra chính là cách động viên ấm áp nhất để Tràng và người vợ nhặt có thể tin vào sự thay đổi tốt đẹp hơn. +Nén lòng để tạo tâm lý thoải mái cũng như sự khởi đầu tốt đẹp nhất cho hai đứa con nhưng bà lão không thể quên đi những ám ảnh về đói rét, chết chóc. Có thể nói đây là một nét tâm lý rất phức tạp và sâu kín của bà cụ Tứ. Khi trở về với cõi riêng của mình, lòng người mẹ nghèo lại quặn thắt với những đau đớn, xót xa. Điều đó được thể hiện rất rõ qua chi tiết: “<i>Bà lão dăm dăm nhìn ra ngoài. Bóng tối trùm lấy hai con mắt. Ngoài xa dòng sông sáng trắng uốn khúc trong cánh đồng tối....Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà lão nghĩ đến cuộc đời cực khổ dài dằng dặc của <u>mình</u>.</i>” Kim Lân đã thấu suốt vào cái nhìn của bà cụ Tứ để nhận thấy trong đó sắc màu chủ đạo là màu đen đặc của bóng tối. Cái bóng tối ở đây không chỉ là bóng tối của đêm mà còn là bóng tối của đói nghèo, cực khổ đã bao trùm lên toàn bộ cuộc đời bà, là bóng tối của sự chết chóc, ám ảnh qua nỗi nhớ về những người thân đã khuất là chồng và đứa con gái út. Bóng tối này đã đè nặng	
--	--	---	--

	lên ánh nhìn, đè nặng lên tấm lòng của người mẹ nghèo để trong lòng bà tràn lên một nỗi xót xa cho số phận mình, nhưng lớn hơn là sự lo lắng đến xót một cho sự tồn tại, cho tương lai các con. Bởi vậy, sau phút trợn vện với những cảm xúc của riêng mình, khi trở về với thực tại bà không còn nén nỗi cảm xúc như trước đó mà những lời nói ra đã nghẹn ngào trong nước mắt: “<i>Năm nay thì đói to đấy. Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá</i>”. Những lời nghẹn ngào, xót xa của bà cụ Tứ đã tạo nên sự xúc động cao độ của câu chuyện về vẻ đẹp của tình mẫu tử, lớn hơn là tình người. - Đánh giá: Như vậy, chỉ trong một khoảng thời gian ngắn là buổi tối khi Tràng đưa vợ nhặt về nhà, Kim Lân đã xoáy sâu, đã nhập thân gần như làm một với nhân vật bà cụ Tứ để đi vào những ngõ ngách sâu kín, những uẩn khúc khổ nắm bắt trong tâm lý nhân vật này. Một loạt những phản ứng tâm lý phức tạp nhưng vẫn hết sức tự nhiên, hợp lý đã được Kim Lân khai thác thành công để làm nổi bật tấm lòng ở một bà mẹ giàu tình thương con và ở một người nông dân chan chứa tình người nơi bà cụ Tứ. b.2. Về nghệ thuật: Thành công của việc xây dựng hình tượng bà cụ Tứ đó là tác giả đã dựng nên tình huống truyện độc đáo; nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc, đối thoại sinh động, hấp dẫn; ngôn ngữ mộc mạc giản dị, gần với khẩu ngữ nhưng được chắt lọc kỹ lưỡng, tạo sức gợi đáng kể; miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế, sắc sảo...; trần thuật hấp dẫn. c. Rút ra nhận xét tấm lòng của nhà văn Kim Lân dành cho người nông dân. - Tấm lòng của nhà văn Kim Lân dành cho người nông dân được thể hiện ở tình thương, nỗi xót xa và đồng cảm với số phận của một người mẹ nghèo khổ trong nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu 1945. Tác giả gửi gắm tình cảm trân trọng, ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của người mẹ: tuy nghèo nhưng rất thương con, nhân hậu, bao dung và giàu lòng vị tha, đặc biệt bà là người rất lạc quan, có niềm tin vào tương lai, hạnh phúc tươi sáng. Tấm lòng đó còn thể hiện qua nghệ thuật diễn tả tâm trạng của nhân vật với chiều sâu bên trong tâm hồn vừa phức tạp, vừa sâu sắc, hiểu và cảm được tận cùng nỗi niềm của người mẹ nghèo; - Tấm lòng của nhà văn Kim Lân đã làm cho truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> có giá trị phản ánh chân thực hiện thực xã hội Việt Nam, thấm đẫm tinh thần nhân đạo, đem lại niềm tin	
--	---	--

		vào sự đòi hỏi của người nông dân và sự hướng về cách mạng của họ. 3.3.Kết bài: 0.25 - Kết luận về nội dung, nghệ thuật thể hiện tâm trạng của bà cụ Tứ; - Nêu cảm nghĩ đóng góp về tư tưởng và nghệ thuật của nhà văn Kim Lân.	
		4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
		5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ THI THỬ CHUẨN CẤU KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021

TRÚC MINH HỌA

Bài thi: Ngữ Văn

ĐỀ SỐ 16

Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian phát đề

(Đề thi có 02 trang)

Đề bài

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau

*...Có gì đâu, có gì đâu
Mỡ màu ít chất đồn lâu hóa nghèo
Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù
Vươn mình trong gió tre đu
Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành
Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh
Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm
Bão bùng thân bọc lấy thân
Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm
Thương nhau tre không ở riêng
Lũy thành từ đó mà nên hỡi người
Chẳng may thân gãy cành rơi
Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng
Nòi tre đâu chịu mọc cong
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường
Lưng trần phơi nắng phơi sương
Có manh áo cộc tre nhường cho con..”*
(Tre Việt Nam, Nguyễn Duy)

Câu 1. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt của văn bản?

Câu 2. Đoạn thơ trên đã nói đến loài cây gì?

Câu 3. Chỉ ra và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau

*Bão bùng thân bọc lấy thân
Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm*

Câu 4. Qua hình ảnh cây tre, anh chị thấy những phẩm chất cao quý nào của con người Việt Nam?

Phần I. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung bài thơ ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ ý nghĩa của những khát khao yêu thương trong cuộc sống con người.

Câu 2. (5,0 điểm)

Từ chỗ chiếc xe tăng mà tôi đang đứng với chiếc máy ảnh, đi quá mười bước sâu vào phía trong có một chiếc xe rà phá mìn của công binh Mỹ, chiếc xe sơn màu vàng tươi và to lớn gấp đôi một chiếc xe tăng. Hai người đi qua trước mặt tôi. Họ đi đến bên chiếc xe rà phá mìn. Người đàn bà đứng lại, ngược mắt nhìn ra ngoài mặt phá nước chỗ chiếc thuyền đậu một thoáng, rồi đưa một cánh tay lên có lẽ định gỡ hay sửa lại mái tóc nhưng rồi lại buông thõng xuống, đưa cặp mắt nhìn xuống chân.

Lão đàn ông lập tức trở lên hùng hổ, mặt đỏ gay, lão rút trong người ra một chiếc thắt lưng của lính ngụy ngày xưa, có vẻ như những điều phải nói với nhau họ đã nói hết, chẳng nói chẳng rằng lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyên rủa bằng cái giọng rên rỉ đau đớn: “Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ!”.

Người đàn bà với một vẻ cam chịu đầy nhân nhục không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách trốn chạy.

Tất cả mọi việc xảy đến khiến tôi kinh ngạc đến mức, trong mấy phút đầu, tôi cứ đứng há mồm ra mà nhìn. Thế rồi chẳng biết từ bao giờ, tôi đã vứt chiếc máy ảnh xuống đất chạy nhào tới.

Bóng một đứa con nít lao qua trước mặt tôi. Tôi vừa kịp nhận ra thằng Phác – thằng bé trên rừng xuống vừa nằm ngủ với tôi từ lúc nửa đêm. Thằng bé cứ chạy một mạch, sự giận dữ căng thẳng làm nó khi chạy qua không nhìn thấy tôi. Như một viên đạn trên đường lao tới đích đã nhắm, mặc cho tôi gọi nó vẫn không hề ngoảnh lại, nó chạy tiếp một quãng ngắn giữa những chiếc xe tăng rồi lập tức nhảy xổ vào cái lão đàn ông.

Cũng y hệt người đàn bà, thằng bé của tôi cũng như một người câm, và đến lúc này tôi biết là nó khỏe đến thế!

Khi tôi chạy đến nơi thì chiếc thắt lưng da đã nằm trong tay thằng bé, không biết làm thế nào nó đã giằng được chiếc thắt lưng, liền dướn thẳng người vung chiếc khóa sắt quật vào giữa khuôn ngực trần vạm vỡ cháy nắng có những đám lông đen như hắc ín, loăn xoăn từ rốn mọc ngược lên. Lão đàn ông định giằng lại chiếc thắt lưng nhưng chẳng được nữa, liền dang thẳng cánh cho thằng bé hai cái tát khiến thằng nhỏ lảo đảo ngã dúi xuống cát.

(Chiếc thuyền ngoài xa, Nguyễn Minh Châu, SGK Ngữ văn 12, NXBGD 2008, tr 72-73)

Phân tích phát hiện của nghệ sĩ Phùng được thể hiện ở đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét tình huống nhận thức trong tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Thể thơ: tự do Phương thức biểu đạt: biểu cảm	0.5
	2	Đoạn thơ trên đã nói đến loài cây: tre Việt Nam	0.5
	3	Biện pháp tu từ trong hai câu thơ trên: nhân hóa (tre- tay) :Tre ở đây như được nhân hóa có tay có tình cảm của con người ẩn dụ (tre – con người Việt Nam) Tre không đứng một mình, không ở riêng mà sống thành lũy thành khóm. Và khi tre có gãy cành rụng lá thì vẫn để lại cái gốc cho măng mọc lên tiếp tục sinh trưởng phát triển mạnh mẽ. Tác dụng: Làm câu thơ gợi hình, gợi cảm, gây ấn tượng và thêm sinh động. Những cây tre ôm lấy nhau núp lấy nhau vượt qua giông tố của cuộc đời.. Thể hiện sự đoàn kết gắn bó yêu thương của con người.	1.0
	4	Hình ảnh so sánh tre như chông thể hiện sự sắc nhọn và thẳng tắp của cây tre. Hình ảnh những lá bao bọc măng của tre được ẩn dụ thành manh áo cộc thể hiện cây tre ấy như một người mẹ yêu thương con; giống như người mẹ Việt Nam có cái gì cũng nhường nhịn và dành hết cho con. Phẩm chất ngay thẳng, truyền thống nối nghiệp cha ông, duy trì nòi giống “ tre già măng mọc” của nhân dân ta được thể hiện rõ. Qua hình ảnh cây tre ta thấy được sự đoàn kết của nhân dân Việt Nam, chúng ta sống thành những quần thể (gia đình lớn), không hề ở riêng lẻ, trước những giông tố và sóng gió cuộc đời thì luôn cuu mang và bao bọc lấy nhau “ lá lành đùm lá rách”. Tác giả ca ngợi phẩm chất của con người Việt Nam: luôn vượt qua khó khăn, gian khổ bằng sức sống bền bỉ, bằng tinh thần đoàn kết dẻo dai mãnh liệt.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ ý nghĩa của những khát khao yêu thương trong cuộc sống con người.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: ý nghĩa của những khát khao yêu thương trong cuộc sống con người.	0.25
		c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý	1.00

		nghĩa của những khát khao yêu thương trong cuộc sống con người. Có thể triển khai theo hướng sau: - Ý nghĩa của những khát khao yêu thương trong cuộc sống con người.: - Khát khao yêu thương là ước muốn, khát vọng nhận được sự quan tâm, che chở, bảo vệ từ trong trái tim mỗi người dành cho nhau. - Khát khao yêu thương có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với mỗi người chúng ta: + Đối với bản thân, gia đình, khi được yêu thương, chúng ta sẽ sống vui vẻ, hạnh phúc, có tinh thần lạc quan và niềm tin vào cuộc sống. + Đối với xã hội, khao khát được yêu thương từ mọi người sẽ giúp con người hướng tới suy nghĩ tích cực, tạo sức mạnh tinh thần để vượt qua những thử thách, khó khăn trong cuộc đời. + Khát khao yêu thương sẽ giúp mọi người sống đoàn kết, nhân ái, vị tha và lương thiện. + Người có khát khao yêu thương là người có trái tim ấm áp luôn được mọi người yêu quý và gần gũi. - Phê phán con người trong cuộc sống không có khát khao yêu thương, sống ích kỉ, hẹp hòi, vụ lợi cá nhân. - Bài học nhận thức và hành động. + Mỗi người cần có nhận thức đúng đắn về giá trị của tình thương, luôn vun đắp đời sống tâm hồn của chính mình, sống đẹp, sống có ích, mở rộng tấm lòng yêu thương con người.	
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Phân tích phát hiện của nghệ sĩ Phùng được thể hiện ở đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét tình huống nhận thức trong tác phẩm.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn văn xuôi Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Phát hiện của nghệ sĩ Phùng được thể hiện ở đoạn trích; tình huống nhận thức trong tác phẩm của nhà văn Nguyễn Minh Châu.	(0,25)
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1. Mở bài: 0.25 - Nguyễn Minh Châu là nhà văn khoác người lính- người lính viết văn. Ông rất thành công với nhiều tác phẩm mang cảm hứng lãng mạn và khuynh hướng sử thi trước 1975; sau	(4.00)

	1975 lại tiếp tục sáng tác với nhiều trăn trở về cách khám phá hiện thực cũng như phương thức thể hiện. Nhờ những nỗ lực không ngừng của một người lao động nghệ thuật dũng cảm và đầy bản lĩnh, Nguyễn Minh Châu đã có mặt trong hàng ngũ những nhà văn tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học. - <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> xuất hiện vào đầu những năm 80 của thế kỷ XX. Truyện ngắn là thành công mới trong phong cách tự sự triết lý. - Đoạn trích <i>Từ chỗ chiếc xe tăng mà tôi đang đứng(...)</i>lảo đảo ngã dúi xuống cát diễn tả phát hiện của nhân vật Phùng, làm nên thành công nghệ thuật tạo tình huống nhận thức của Nguyễn Minh Châu. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát về truyện ngắn, đoạn trích: - <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> (1983) rút ra từ tập truyện ngắn cùng tên (in 1987). Đây là một trong những truyện ngắn xuất sắc của Nguyễn Minh Châu mang đậm phong cách tự sự - triết lý của nhà văn. - Với ngôn từ dung dị, đời thường, truyện kể lại chuyến đi thực tế của một nghệ sĩ nhiếp ảnh và những chiêm nghiệm sâu sắc của người nghệ sĩ đó về nghệ thuật - cuộc đời. - Đoạn trích thuộc phần đầu của truyện, kể lại bức tranh đời sống mà nhiếp ảnh Phùng trực tiếp chứng khi chiếc thuyền vào đến bờ. b. Phân tích phát hiện của nhân vật Phùng trong đoạn trích b.1. Về nội dung: - Giới thiệu sơ lược về tình huống truyện và phát hiện thứ nhất của nghệ sĩ Phùng +Tình huống được xây dựng trong truyện là tình huống nhận thức. +Phát hiện thứ nhất của nghệ sĩ Phùng là phát hiện về nghệ thuật đầy thơ mộng, lãng mạn. - Phân tích phát hiện (thứ hai) của nghệ sĩ Phùng trong văn bản: +Ngược lại với phát hiện trước đó, khi khoảng cách giữa Phùng và chiếc thuyền đã thu hẹp lại, Phùng lần lượt chứng kiến những cảnh tượng vô cùng đau lòng: Cảnh gã đàn ông hàng chài ra sức đánh người vợ khốn khổ một cách tàn bạo, dã man và cảnh thằng Phác - con trai gã đàn ông - chạy tới giật chiếc thắt lưng từ tay cha nó, vung chiếc khóa sắt quật vào giữa khuôn ngực trần của cha để che chở cho người mẹ đáng thương. +Những cảnh tượng đó khiến cảm giác, cảm xúc trong Phùng hoàn toàn thay đổi: Không còn thấy hạnh phúc tràn ngập tâm hồn nữa mà kinh ngạc, đau lòng, nhận ra ngay sau cảnh đẹp của chiếc thuyền ngoài xa là sự bạo hành của cái xấu, cái ác. +Phát hiện thứ hai của nghệ sĩ nhiếp ảnh đầy nghịch lý. Nó bất ngờ và trở trêu như trò đùa quái ác của cuộc sông. Đó	
--	---	--

	chính là phát hiện về cuộc đời - một- cuộc đời thực trần trụi, đau đớn. - Đánh giá: Với phát hiện (thứ hai) này, Nguyễn Minh Châu muốn gửi gắm một thông điệp: Nghệ thuật đích thực không thể xa rời cuộc đời, dù cuộc đời đó có đau đớn, trần trụi và mỗi người, đặc biệt là người nghệ sĩ không nên nhìn nhận cuộc sống từ một phía mà phải nhìn từ nhiều phía, nhiều góc độ để cảm nhận được nhiều hơn về nó. - Về nghệ thuật: Thông điệp đó được thể hiện sâu sắc qua tình huống truyện độc đáo, có ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống và lời văn giản dị mà sâu sắc, đa nghĩa. c. Nhận xét tình huống nhận thức trong tác phẩm. - Biểu hiện: Đó là tình huống nhân vật Phùng đang trong những giây phút thăng hoa của cảm xúc, bất ngờ chứng kiến cảnh người đàn ông đánh vợ một cách vô lí, dã man. Từ đây, nhận thức, suy nghĩ về con người, về cuộc sống của Phùng có những thay đổi: từ chỗ khám phá cái đẹp của bức tranh thiên nhiên qua cảnh chiếc thuyền ngoài xa, anh đã phát hiện ra những nghịch lí của cuộc đời, để rồi cuối cùng nhận thức được nhiều điều: những vấn đề đầy nghịch lí, nghịch lí giữa cái đẹp của nghệ thuật với sự trần trụi, bi đát của cuộc sống hiện thực. Nghịch lí giữa người vợ tốt bị hành hạ nhưng vẫn không bỏ chồng, nghịch lí giữa sự vũ phu tàn bạo của anh hàng chài với vợ nhưng không bỏ vợ. - Ý nghĩa: Với tình huống của truyện, nhà văn đã đặt ra một vấn đề rất quan trọng để người đọc suy nghĩ, đó là mối quan hệ giữa văn chương, nghệ thuật với cuộc sống. Nghệ thuật là một cái gì xa vời <u>như</u> chiếc thuyền ngoài xa trong màng sương sớm mờ ảo, còn cuộc sống thì rất gần như con thuyền khi đã vào tới bờ. Hay nói một cách khác, Nguyễn Minh Châu cho rằng nghệ thuật trước hết phải gắn liền với cuộc sống, phải phản ánh chân thật cuộc sống và góp phần cải tạo cuộc sống, làm cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn. 3.3.Kết bài: 0.25 - Kết luận về sự thật cuộc đời qua cảnh nhân vật Phùng chứng kiến trực tiếp khi chiếc thuyền vào bờ ở cự li rất gần; - Nêu cảm nghĩ trách nhiệm của nghệ sĩ trước cuộc sống con người.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ THI THỬ CHUẨN CẤU KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021

TRÚC MINH HỌA

Bài thi: Ngữ Văn

ĐỀ SỐ 17

Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian phát đề

(Đề thi có 02 trang)

Đề bài

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Tất cả chúng ta ai cũng mong muốn có một cuộc sống tốt đẹp, và chúng ta biết phải làm gì để đạt được điều đó. Nhưng trước khi bắt tay vào việc, ta lại quyết định rằng mình cần có một kì nghỉ nho nhỏ ở vùng đất kì ảo mang tên: đảo Một - Ngày - Nào – Đó. Chúng ta nói rằng: Một ngày nào đó, mình sẽ đọc quyển sách này. Một ngày nào đó, mình sẽ bắt đầu chương trình tập luyện kia. Một ngày nào đó, mình sẽ nâng cao kĩ năng và kiếm tiền nhiều hơn... Một ngày nào đó, mình sẽ thực hiện hết những việc cần làm để đạt được mục tiêu. Một ngày nào đó... Có khoảng 80% dân số dành phần lớn thời gian sống trên đảo Một - Ngày - Nào – Đó. Họ nghĩ ngợi, mơ mộng và tưởng tượng những thứ họ sẽ thực hiện vào “một ngày nào đó”... Họ đều mắc phải căn bệnh “viện có”, thứ âm thầm giết chết thành công. Tất cả họ đều có những dự định tốt đẹp, nhưng... nói thì phải làm, nếu không chỉ là lời nói gió bay mà thôi.

Nguyên tắc thành công đầu tiên rất đơn giản: Hãy cuốn gói khỏi đảo Một - Ngày - Nào – Đó! Ngừng viện có! Làm hoặc không làm – chứ đừng viện có. Đừng nghĩ ra lí lẽ hay lời biện minh vòng vo cho việc mình không chịu hành động. Hãy bắt tay vào thực hiện. Làm bất cứ việc gì. Hãy hành động! Lặp đi lặp lại điều này: Nếu điều đó xảy ra, thì tôi phải là người làm cho nó xảy ra!

Nếu người ta dốc sức để chinh phục mục tiêu cũng như khi người ta biện hộ cho sự thất bại, thì họ sẽ bắt ngờ về chính mình. Nhưng trước hết, bạn phải thoát khỏi đảo Một - Ngày - Nào – Đó đã.

(Trích Ngừng viện có, Brian Tracy, TGM Books dịch, NXB Phụ nữ, tr.2)

Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Dựa vào đoạn trích, hãy cho biết đâu là nguyên tắc đầu tiên của sự thành công.

Câu 3. Anh/ chị hiểu như thế nào về ý nghĩa của câu: “ nếu điều đó xảy ra, thì tôi phải là người làm cho nó xảy ra!”

Câu 4. Lời khuyên “ Nhưng trước hết, bạn phải thoát khỏi đảo Một - Ngày - Nào – Đó” có ý nghĩa gì đối với anh chị.

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về sự trì hoãn công việc trong cuộc sống con người.

Câu 2. (5,0 điểm)

Hùng vĩ của sông Đà không phải chỉ có thác đá. Mà nó còn là những cảnh đá bờ sông, dựng vách thành, mặt sông chỗ ấy lúc chỉ đứng ngo mới có mặt trời. Có vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu. Đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách. Có quãng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia. Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện.

Lại như quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ suất bất cứ người lái đò Sông Đà nào tóm được qua đấy. Quãng này mà khinh suất tay lái thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền ra.

Lại như quãng Tà Mòng Vát phía dưới Sơn La. Trên sông bỗng có những cái hút nước giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu. Nước ở đây thở và kêu như cửa sổ cái bị sặc. Trên mặt cái hút xoáy tít đáy, cũng đang quay lừ lừ những cánh quạt đàn. Không thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy, thuyền nào qua cũng chèo nhanh để lướt quãng sông, y như ô tô sang số ẩn ga cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực. Chèo nhanh và tay lái cho vững mà phòng qua cái giếng sâu, những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như rót dầu sôi vào. Những bè gỗ rừng đi nghênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tụt xuống. Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mươi phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới. Tôi sợ hãi mà nghĩ đến một anh bạn quay phim táo tợn nào muốn truyền cảm giác lạ cho khán giả, đã dùng cảm ngội vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy hút Sông Đà-từ đây cái hút nhìn ngược lên vách thành hút mặt sông chênh nhau tới một cột nước cao đến vài sải. Thế rồi thu ảnh. Cái thuyền xoay tít, những thước phim màu cũng quay tít, cái máy lia ngược contre-plongée lên một cái mặt giếng mà thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan ụp vào cả máy cả người quay phim cả người đang xem. Cái phim ảnh thu được trong lòng giếng xoát tít đáy, truyền cảm lại cho người xem phim kí sự thấy mình đang lấy gân ngời giữ chặt ghế như ghì lấy mép một chiếc lá rừng bị vút vào một cốc pha lê nước khổng lồ vừa rút lên cái gậy đánh phèn.

(Người lái đò sông Đà, Nguyễn Tuân)

Anh/ chị phân tích hình tượng sông Đà ở đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cách nhìn mang tính phát hiện về dòng sông Đà của nhà văn Nguyễn Tuân.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0.5
	2	Nguyên tắc đầu tiên của sự thành công là : “ Hãy cuốn gói khỏi đảo <i>Một - Ngày - Nào – Đó!</i> Ngừng viện cớ! Làm hoặc không làm – chứ đừng viện cớ. Đừng nghĩ ra lí lẽ hay lời biện minh vòng vo cho việc mình không chịu hành động. Hãy bắt tay vào thực hiện. Làm bất cứ việc gì. Hãy hành động!”.	0.5
	3	Câu văn: “ nếu điều đó xảy ra, thì tôi phải là người làm cho nó xảy ra!” có thể hiểu: - Con người phải có ý thức về việc làm chủ cuộc sống của mình. - Bằng việc bắt tay vào hành động, chúng ta sẽ chủ động tạo ra những thay đổi mà mình mong muốn.	1.0
	4	Thí sinh rút ra được ý nghĩa của lời khuyên đối với bản thân và lí giải một cách hợp lí thuyết phục. Gợi ý: -Lời khuyên giúp nhận ra tác hại của thói quen trì hoãn và viện cớ. - Lời khuyên thúc giục mỗi người hãy ngay lập tức từ bỏ thói quen trì hoãn, bắt tay vào hành động để đạt được thành công, xây dựng một cuộc sống tốt đẹp.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày <i>suy nghĩ về sự trì hoãn công việc</i> trong cuộc sống con người	2.0
	a.	Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0.25
	b.	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: <i>suy nghĩ về sự trì hoãn công việc</i> trong cuộc sống con người	0.25
	c.	Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ <i>suy nghĩ về sự trì hoãn công việc</i> trong cuộc sống con người. Có thể triển khai theo hướng sau: - Trì hoãn trong công việc: là chần chừ, lè mề, rề rà, chưa muốn bắt tay vào làm ngay một công việc nào đó hoặc có tâm lí chờ và để một thời gian mới làm và giải quyết.	1.00

		- Sống mãi trên hòn đảo mang tên <i>Một - Ngày - Nào – Đó</i> có nghĩa là chúng ta vẫn luôn trì hoãn công việc, vẫn luôn viện cớ cho sự trì hoãn đó. - Thói quen trì hoãn và viện cớ sẽ khiến chúng ta giẫm chân tại chỗ, không nỗ lực bắt tay vào hành động, do đó không đạt được những gì mình mong ước. - Thói quen trì hoãn và viện cớ khiến con người ngày càng tụt hậu so với những người khác, dẫn đến thái độ sống tiêu cực. - Thói quen trì hoãn và viện cớ khiến cho giá trị của bản thân ta trong mắt người khác bị hạ thấp, đánh mất niềm tin và gây sứt mẻ, đổ vỡ những mối quan hệ. - Thói quen trì hoãn và viện cớ cũng làm cho con người trở nên hèn nhát, ích kỷ, bởi thay vì nhận trách nhiệm và bắt tay vào hành động thì chúng ta lại đi đổ lỗi xho hoàn cảnh, cho người khác. - Bài học nhận thức và hành động: + Tuổi trẻ cần học tập, tu dưỡng, rèn luyện kỹ năng, tiếp thu lĩnh hội kiến thức mới mẻ để không trì hoãn công việc mỗi khi thấy khó. + Nỗ lực học hỏi, sáng tạo, giải quyết nhanh công việc, không để tồn đọng công việc sẽ gây ảnh hưởng đến người khác.	
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Phân tích vẻ đẹp hình tượng sông Đà ở đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cách nhìn mang tính phát hiện về dòng sông Đà của nhà văn Nguyễn Tuân. 1. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi</i> Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. 2. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Vẻ đẹp hình tượng sông Đà ở đoạn trích; nhận xét cách nhìn mang tính phát hiện về dòng sông Đà của nhà văn Nguyễn Tuân. 3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Nguyễn Tuân là một nghệ sĩ chân chính suốt đời đi tìm cái đẹp. Ông có một vị trí quan trọng và đóng góp không nhỏ cho văn học Việt Nam hiện đại: thúc đẩy thể tùy bút, bút kí văn học đạt tới trình độ nghệ thuật cao; làm phong phú thêm ngôn ngữ văn học	5,0 (0,25) (0,25) (4.00)

	dân tộc; đem đến cho nền văn xuôi hiện đại Việt Nam một phong cách tài hoa, độc đáo. - Tùy bút <i>Người lái đò sông Đà</i> là tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân sau Cách mạng tháng Tám 1945. - Về đẹp dòng sông Đà thể hiện rõ cách nhìn mang tính phát hiện về dòng sông Đà của nhà văn Nguyễn Tuân sau cách mạng. 3.2. Thân bài: 3.50 a. Khái quát về tùy bút, đoạn trích: 0.25 đ - Về hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, nội dung, nghệ thuật của tác phẩm; Người lái đò Sông Đà rút trong tập tùy bút Sông Đà, là kết quả chuyến đi thực tế lên Tây Bắc của Nguyễn Tuân; đó là chuyến đi để tìm kiếm “chất vàng mười trong tâm hồn Tây Bắc” từ những người lao động bình dị, vô danh. - Vị trí, nội dung đoạn trích. Tùy bút Người lái đò Sông Đà – một trong những tác phẩm xuất sắc của văn xuôi hiện đại Việt Nam, Nguyễn Tuân đã in dấu tâm hồn mình, để lại những trang tuyệt bút về con sông hùng vĩ, linh thiêng của miền Tây Bắc đặc biệt được thể hiện qua đoạn trích ...“hùng vĩ... <i>cốc pha lê nước không lồ vừa rút lên cái gậy đánh phèn</i>.” b. Phân tích vẻ đẹp của sông Đà trong đoạn trích: 2.5đ b.1. Về nội dung: <i>Vẻ hung bạo, dữ dằn của sông Đà qua đoạn trích</i> (2.0đ) -Cảnh đá bờ sông “dựng vách thành” + Hình ảnh “vách thành” đã phần nào thể hiện sự vững chãi thâm nghiêm và những sức mạnh bí ẩn đầy đe dọa của vách núi như thành cao, vực thẳm, như hào sâu. + Tác giả đã dùng những chi tiết tưởng như băng quơ, ngẫu nhiên nhưng lại có giá trị gợi tả gián tiếp độ hẹp của dòng sông, độ cao của vách đá, như <i>mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt trời</i>. Đến việc <i>đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách</i>. + Cách so sánh <i>vách đá thành chẹt lòng sông Đà như một cái yết hầu</i> – động từ “chẹt” và hình ảnh so sánh với cái “yết hầu” đã đem đến ấn tượng mãnh liệt cho người đọc về độ hẹp của lòng sông khi bị vách đá chèn ép tới nghẹt thở. + Miêu tả thế giới sự vật thông qua cảm giác rất quen thuộc của Nguyễn Tuân đã được thể hiện độc đáo khi nhà văn tạo ra ấn tượng tương phản của xúc giác với chi tiết <i>ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh</i>, tạo ra ấn tượng của thị giác khi lấy hè phổ để miêu tả mặt sông, lấy nhà cao gợi tả vách đá, truyền cho người đọc những hình dung về cái	
--	--	--

	tăm tối lạnh lẽo đột ngột khi con thuyền đi từ ngoài vào khúc sông có đá hun hút dựng vách thành qua hình ảnh so sánh về <i>một khung cửa sổ nào trên cái tầng thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện</i>. - Mặt “ghềnh Hát Loóng”: + <i>Lại như quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm...</i> Câu văn miêu tả có nhịp ngắn, nhanh, dồn dập kết hợp với các thanh sắc, những từ ngữ điệp nối tiếp thể chỗ nhau trong các cụm từ ngữ đã tái hiện sinh động quần thể những sức mạnh thiên nhiên dữ dội nhất của nước, sóng, gió, và đá sông Đà, trong đó cuồn cuộn những con sóng dữ vút lên, chồm lên nhau, trùng điệp ghê rợn trên mặt ghềnh. + Từ láy “gùn ghè” và hình ảnh so sánh mang đậm sắc thái nhân hóa về việc sóng gió trên mặt ghềnh Hát Loóng <i>lúc nào cũng đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò sông Đà nào tóm được qua đấy</i> đã thể hiện sinh động sự hung hãn lì lợm và cuồng bạo của dòng sông. Qua từ “<i>nợ xuýt</i>”, nhà văn đóng góp thêm vào Từ điển tiếng Việt một từ mới mẻ, độc đáo (nợ không có vãn đòi, không đòi bằng tiền, bằng tình mà đòi bằng mạng sống của con người) - Những “cái hút nước” trên sông Đà + Một loạt những so sánh sống động, đặc sắc khiến hút nước hiện ra trong hình ảnh như một <i>cái giếng bê tông</i> xoáy tít, trong âm thanh của một <i>cửa cống cái bị sặc</i>, trong cả hình ảnh và âm thanh như mặt nước bị <i>rót dầu sôi</i>. + Từ láy tượng hình “lừ lừ”, từ láy tượng thanh tăng nghĩa “<i>ặc ặc</i>” cùng những chi tiết so sánh mang sắc thái nhân hóa khi miêu tả nước <i>thở và kêu như cửa cống cái bị sặc</i>, tất cả góp phần làm hiện ra cả hình ảnh và âm thanh của hút nước như một quái vật đang giận dữ tới ghê người. + Hình ảnh liên tưởng đến <i>quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực</i> đã giúp người đọc dễ dàng hình dung ra cảm giác hãi hùng nếu phải đi thuyền men gần hút nước đáng sợ. Nhà văn còn phát huy trí tưởng tượng phong phú khi hình dung ra những bè gỗ to lớn nghênh ngang bị “<i>lôi tuột xuống</i>” đáy hút nước, hay chiếc thuyền bị hút <i>trồng cây chuối ngược rồi vụt biến đi... tan xác ở khuỷnh sông dưới</i>. + Không dừng lại trong những hình dung tưởng tượng về cái bè gỗ hay một con thuyền bất hạnh nào đó phải làm mồi cho hút nước, Nguyễn Tuân còn tạo ra một giả tưởng li kì dẫn dụ người đọc vào trò chơi cảm giác, kéo họ xuống tận đáy hút nước xoáy tít, sâu hoắm cùng một anh bạn quay phim táo tợn. Hút	
--	---	--

	nước vì thế đã được miêu tả bằng thủ pháp điện ảnh, hắt ngược từ dưới lên một cách sống động, truyền cảm từ hình khối của <i>một thành giếng xây toàn bằng nước</i> cho đến màu sắc của dòng sông “nước xanh ve”, và thậm chí cho đến cả cảm giác sợ hãi rất chân thực của con người khi phải đứng trong lòng một <i>khối pha lê xanh như sắp vỡ tan</i>, bất cứ lúc nào cũng như sắp đổ ụp vào người. -Nhận xét: Tả sự hung bạo của sông Đà, tác giả không chỉ dừng lại ở hình ảnh một dòng sông ở miền đất Tây Bắc hoang sơ hùng vĩ mà nhằm làm nổi bật sông Đà như một biểu tượng về sức mạnh dữ dội và vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên, đất nước. b.2. Về nghệ thuật: (0.5) -Những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ và rất thú vị; -Từ ngữ phong phú, sống động, tinh tế, giàu hình ảnh và có sức gợi cảm cao; -Câu văn đa dạng, nhiều tầng, giàu nhịp điệu, lúc thì hối hả, gân guốc, khi thì chậm rãi, trữ tình... - Ngôn ngữ giàu tính tương phản, đối lập. c. Nhận xét cách nhìn mang tính phát hiện về dòng sông Đà của nhà văn Nguyễn Tuân. 0.75đ - Biểu hiện: Nhà văn nhìn Sông Đà không còn là con sông vô tri, vô giác mà là con sông có linh hồn, có cá tính như con người: hung bạo, dữ dằn, hùng vĩ; khám phá vẻ đẹp của dòng sông ở góc độ địa lí nhưng đậm chất văn chương, kết hợp với nhiều ngành nghệ thuật khác như âm nhạc, hội họa, điện ảnh đầy ấn tượng. - Ý nghĩa: Qua hình tượng Sông Đà, Nguyễn Tuân thể hiện tình yêu mến tha thiết đối với thiên nhiên đất nước. Với ông, thiên nhiên cũng là một tác phẩm nghệ thuật vô song của tạo hóa. Cảm nhận và miêu tả Sông Đà, Nguyễn Tuân đã chứng tỏ sự tài hoa, uyên bác, lịch lãm và độc đáo ở phong cách, tri thức sâu sắc và phong phú, tâm hồn phóng khoáng yêu tự do và thiên nhiên đất nước, luôn nhìn thấy ở thiên nhiên những vẻ đẹp chưa từng có và tiếp cận thiên nhiên ở những góc nhìn độc đáo. Hình tượng Sông Đà là phong nền cho sự xuất hiện và tôn vinh vẻ đẹp của người lao động Tây Bắc trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội. 3.3.Kết bài: 0.25 - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp hình tượng con sông Đà; - Nêu cảm nghĩ về vẻ đẹp thiên nhiên và đóng góp của nhà văn sau cách mạng.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới	(0,25)

		mở về vấn đề nghị luận.	
		5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ THI THỬ CHUẨN CẤU KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021
TRÚC MINH HỌA

ĐỀ SỐ 18

(Đề thi có 02 trang)

Bài thi: Ngữ Văn

Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian phát đề

Đề bài

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Khó có thể nói có ai đó là hoàn hảo, mặt nào cũng tốt, khi nào cũng tốt và ai đó là hoàn toàn ngược lại, không có gì đáng giá cả, cuộc đời họ là một màu đen tuyền.

Ngay cả người được coi là xấu nhất, nếu chịu khó nhìn kỹ, theo dõi kỹ, ta vẫn cảm nhận được không ít điều hay lẽ phải với những nét hấp dẫn mà chưa chắc người bình thường đã có. Còn người tốt thì cũng đừng có nghĩ rằng không có lúc nào họ xấu hoặc có những mặt những tính chất khác người khó chịu, làm nhiều người phiền muộn.

Vấn đề ta thường thấy ở đây là có người tốt nhiều, người tốt ít, người xấu nhiều, người xấu ít hoặc người này bản chất là tốt hay người kia bản chất là xấu.

Nhà văn hóa M. Twain (Mỹ) có dùng một hình ảnh khá chí lý: "Ai cũng có một vầng trăng và một đám mây đen". Câu nói đó có ý nghĩa tích cực là khuyên răn con người hãy luôn làm cho ánh hào quang của vầng trăng thêm rực rỡ và xóa dần màu xám xịt của đám mây đen. Người tốt cũng đừng chủ quan là mình sẽ không biến chất và người xấu cũng không phải không giáo dục được, không tự tu dưỡng điều chỉnh mình được.

Đời người là một sự phấn đấu không ngừng, một sự điều chỉnh bổ sung liên tục.

(Phong cách sống của người đời, Nhà báo Trường Giang,

<https://www.chungta.com>)

Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Theo tác giả, *Vấn đề ta thường thấy* là vấn đề gì?

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng 01 biện pháp tu từ trong câu: *"Ai cũng có một vầng trăng và một đám mây đen"*.

Câu 3. Theo anh/chị, việc *xóa dần màu xám xịt của đám mây đen* thể hiện trong văn bản có tác dụng gì?

Câu 4. Lời khuyên về *người tốt và người xấu* của tác giả gợi anh/chị suy nghĩ gì?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ ý **nghĩa sự phấn đấu không ngừng** của con người trong cuộc sống.

Câu 2. (5,0 điểm)

... Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại, réo to mãi lên. Tiếng thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng

lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng. Tới cái thác rồi. Ngoặt khúc sông lượn, thấy sóng bọt đã trắng xóa cả một chân trời đá. Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quãng ầm ầm mà quạnh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhồm cả dậy để vỗ lấy thuyền. Mặt hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này. Mặt sông rung tí lên như tuyết-bìn thủy điện nơi đáy hầm đập. Mặt sông trắng xóa càng làm bật rõ lên những hòn những tảng mới trông tưởng như nó đứng nó ngồi nó nằm tùy theo sở thích tự động của đá to đá bé. Nhưng hình như sông Đà đã giao việc cho mỗi hòn. Mới thấy rằng đây là nó bày thạch trận trên sông. Đám tảng đám hòn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông đòi ăn chết cái thuyền, một cái thuyền đơn độc không còn biết lùi đi đâu để tránh một cuộc giáp lá cà có đá dàn trận địa sẵn. Hàng tiền vệ, có hai hòn canh một cửa đá trông như là sơ hở, nhưng chính là hai đứa giữ vai trò dụ cái thuyền đối phương đi vào sâu nữa, vào tận tuyến giữa rồi nước sóng luông mới đánh khuỷp quật vu hồi lại. Nếu lọt vào đây rồi mà cái thuyền du kích ấy vẫn chọc thủng được tuyến hai, thì nhiệm vụ của những boong-ke chìm và pháo đài đá nổi ở tuyến ba là phải đánh tan cái thuyền lọt lưới đá tuyến trên, phải tiêu diệt thuyền trưởng cùng tất cả thủy thủ ngay ở chân thác. Thạch trận dàn bày vừa xong thì cái thuyền vụt tới. Phối hợp với đá, nước thác reo hò làm thanh viện cho đá, những hòn đá bệ vệ oai phong lẫm liệt. Một hòn ấy trông nghiêng thì y như là đang hất hàm hỏi cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến. Một hòn khác lùi lại một chút và thách thức cái thuyền có giỏi thì tiến gần vào. ...

(Người lái đò sông Đà, Nguyễn Tuân)

Anh/ chị phân tích hình tượng sông Đà ở đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Theo tác giả, vấn đề ta thường thấy là: <i>có người tốt nhiều, người tốt ít, người xấu nhiều, người xấu ít hoặc người này bản chất là tốt hay người kia bản chất là xấu.</i>	0.5
	2	- Học sinh chỉ ra và nêu tác dụng 01 trong 02 biện pháp tu từ trong câu: <i>"Ai cũng có một vầng trăng và một đám mây đen"</i>. a. Biện pháp tu từ: ẩn dụ: “vàng trắng”- mặt tốt của con người, “mây đen”- mặt xấu của con người. b. Phép đối: “vàng trắng” đối lập với “mây đen”. - Tác dụng: giúp cho lời diễn đạt trở nên sinh động, gợi hình, gợi cảm, cụ thể, ấn tượng hơn. Đồng thời nhấn mạnh vào tính tốt xấu của con người, qua đó thể hiện cái nhìn toàn diện khi đánh giá con người của người viết.	0.5
	3	Việc <i>xóa dần màu xám xịt của đám mây đen</i> có tác dụng : - Giúp con người tìm thấy điểm yếu của bản thân và cải thiện chúng nhằm đem lại cho mình sức mạnh thay đổi nhiều khía cạnh của cuộc sống; giải quyết các vấn đề một cách dễ dàng hơn và con người sẽ nhận ra rằng, dù khó khăn thế nào thì vẫn sẽ có cách để thành công. - Giúp con người vượt ra khỏi vùng an toàn của bản thân để làm những điều chưa bao giờ dám nghĩ. Thay vì luôn e sợ và quần quanh với những điều quen thuộc thì giờ đây, con người có thể suy nghĩ đến những cảnh tượng mới mẻ hơn và tốt đẹp hơn.	1.0
	4	Lời khuyên về <i>người tốt</i> và <i>người xấu</i> của tác giả gợi suy nghĩ : - Học sinh tóm lược lại lời khuyên về <i>người tốt</i> và <i>người xấu</i> của tác giả thể hiện trong văn bản: <i>Người tốt</i> cũng có lúc mắc sai lầm biến thành người xấu; còn <i>người xấu</i> nếu tìm hiểu kĩ, họ vẫn có <i>không ít điều hay lẽ phải</i> với <i>những nét hấp dẫn</i>; - Nêu suy nghĩ bản thân: Khi đã thành người tốt, càng phải giữ vững và phát huy những điều tốt đẹp, không rơi vào tự cao, tự mãn. Khi lỡ làm điều sai lầm, rơi vào cái xấu, cần phải tìm cách sửa chữa cái sai kịp thời, đừng nên tự ti, mặc cảm tội lỗi.	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ ý nghĩa <i>sự phấn đấu không ngừng</i> của con người trong cuộc sống.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0.25

		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: ý nghĩa sự phấn đấu không ngừng của con người trong cuộc sống.	0.25
		c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý nghĩa sự phấn đấu không ngừng của con người trong cuộc sống. Có thể triển khai theo hướng sau: - Ý nghĩa sự phấn đấu không ngừng của con người trong cuộc sống: + <i>Sự phấn đấu không ngừng</i> tạo cho con người sự bền bỉ, gắng sức nhằm đạt tới mục đích cao đẹp; + <i>Sự phấn đấu không ngừng</i> giúp con người trở nên năng nổ, cần cù, không chỉ có thể có được thành tựu trong công việc mà còn có thể tạo cho họ nhiều cơ hội. + <i>Sự phấn đấu không ngừng</i> tạo nên sức mạnh tinh thần để chiến thắng chính mình, xoá tan đám mây đen để hiện ra vầng trăng sáng ngời, thay cái xấu thành cái tốt. - Bài học nhận thức và hành động. + Mỗi người cần có nhận thức đúng đắn để thấy rằng sự phấn đấu không ngừng là rất cần thiết, nhằm khẳng định vị trí của mình trong xã hội; + Mỗi người cần có hành động đúng đắn: sống là hành động, phấn đấu không ngừng nghỉ để biến ước mơ, hoài bão thành hiện thực.	1.00
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Phân tích hình tượng sông Đà ở đoạn trích. Từ đó, nhận xét phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn văn xuôi Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Hình tượng sông Đà ở đoạn trích; phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân.	(0,25)
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1. Mở bài: 0.25 - Nguyễn Tuân là nhà văn tiêu biểu của văn xuôi hiện đại Việt	(4.00)

		Nam. - Tuỳ bút Người lái đò sông Đà là tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân sau Cách mạng tháng Tám 1945. - Vẻ đẹp dòng sông Đà thể hiện rõ phong cách tài hoa uyên bác của Nguyễn Tuân. 3.2. Thân bài: 3.50 a. Khái quát về tuỳ bút, đoạn trích: 0.25 đ - Về hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, nội dung, nghệ thuật của tác phẩm; - Vị trí, nội dung đoạn trích. b. Cảm nhận về đẹp của sông Đà trong đoạn trích: 2.5đ - Về nội dung: (2.0đ) + Nước thác trên Sông Đà: Nguyễn Tuân đã buộc sự dữ dội, nham hiểm của sông Đà phải hiện lên thành hình và gào thét bằng trăm ngàn âm thanh. Sự liên tưởng của tác giả độc đáo ở chỗ: âm thanh của tự nhiên (tiếng thác) được đổi thành tiếng gầm đau đớn, lòng lộn của hàng ngàn con trâu mộng da cháy bùng bùng; và còn tài tình ở chỗ tác giả đã đem thủy (thác nước) so sánh với hỏa (rừng lửa). Sức mạnh hoang dã của tự nhiên qua tài đối sánh, qua trí tưởng tượng phong phú, độc lạ của Nguyễn Tuân đã gây ấn tượng trong người đọc về sự dữ dội, y như một trận động rừng hay cháy rừng khủng khiếp của nước thác trên sông Đà. + Thạch trận trên Sông Đà: ++Đội quân thạch giang trên Sông Đà khá hùng hậu, cả một chân trời đá, ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông. ++Dưới ngòi bút tài hoa của Nguyễn Tuân, mỗi hòn đá như có một gương mặt riêng: hòn thì ngổ ngáo, hiếu chiến (mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhổm cả dậy để vồ lấy thuyền), hòn thì ngổ ngược, hòn thì nhẩn nhúm méo mó; mỗi hòn một dáng (nó đứng nó ngồi nó nằm tùy theo sở thích tự động của đá to đá bé); mỗi hòn một nhiệm vụ (đám tảng đám hòn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông; hai hòn canh một cửa đá trông như là sơ hở, (...)) giữ vai trò dụ cái thuyền đối phương đi vào sâu nữa; những boong-ke chìm và pháo đài đá nổi (...) phải đánh tan cái thuyền lọt lưới đá tuyến trên, phải tiêu diệt tất cả thuyền trưởng thủy thủ ngay ở chân thác.). ++Để khắc họa từng gương mặt riêng của đá thác Sông Đà, tưởng như Nguyễn Tuân đã phải lao động cật lực, khổ công quan sát và tung ra trường từ vựng hết sức giàu có, phong phú về hành động (nhổm cả dậy, vồ lấy, chặn ngang, dụ, đánh khuấy quật vu hồi, đánh tan, tiêu diệt), tính cách (ngổ ngược),	
--	--	--	--

		hình sắc (nhấn nhúm, méo mó, to, bé), tư thế (đứng, ngồi, nằm). +Sự phối hợp rất chặt chẽ giữa nước thác và đá thác trên sông: ++Từ xa, tiếng nước thác réo gần mãi lại réo to mãi lên, rồi rống lên vừa như phô trương sức mạnh vừa như uy hiếp, đe dọa con thuyền sắp qua thác nước Sông Đà. ++Sau đó, đến thác, một chân trời đá hiện hình và bày thạch trận trên sông. Đội quân thạch giang đủ loại lớn bé, đủ tư thế ngồi, nằm, đứng nhưng hòn nào cũng nhấn nhúm méo mó và hiểm chiến. Mỗi hòn đá đều nhận đúng vị trí: Đám đá tảng thì chia làm ba hàng chặn ngang trên sông; hàng tiền vệ có hai hòn canh cửa; ở tuyến ba là những boong-ke chìm và pháo đài đá nổi. Với mỗi vị trí là một nhiệm vụ: Đám đá tảng sẽ ăn chết cái thuyền đơn độc; hai hòn đá canh ở hàng tiền vệ sẽ dụ cái thuyền đi vào sâu nữa; những boong-ke chìm và pháo đài đá nổi phải đánh tan cái thuyền lọt lưới đá tuyến trên, phải tiêu diệt tất cả thuyền trưởng thủy thủ ngay ở chân thác. Nhiệm vụ nào của đám thạch giang trên Sông Đà cũng hung hãn, quyết liệt, cũng thể hiện một quyết tâm tiêu diệt con thuyền đối phương đến cùng để giành chiến thắng. + Nhận xét: Đoạn trích là khúc ca ca ngợi vẻ đẹp hung bạo, hùng vĩ của sông Đà. Đó chính là sức mạnh của thiên nhiên mà con người cần chinh phục. Đó cũng chính là niềm tự hào của tác giả về Tổ quốc hùng vĩ, giàu đẹp. - Về nghệ thuật: (0.5) +Nguyễn Tuân đã dùng hết bút lực để đường như thi tài với tạo hoá. Ông dùng những câu góc cạnh, giàu tính tạo hình, những câu nhiều động từ mạnh nối tiếp nhau, dồn dập; +Nhà văn sử dụng lối nói ví von, ẩn dụ, tượng trưng, liên tưởng đầy bất ngờ, chính xác, thú vị. +Nhà văn đã vận dụng hiểu biết của nhiều ngành khác nhau: địa lý, lịch sử, hội họa, văn chương và những tri thức về tự nhiên để khắc họa vẻ đẹp của sông Đà. c. Nhận xét phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân. 0.75đ - Biểu hiện phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân: Ông không chấp nhận sự sáo mòn. Ông luôn tìm kiếm những cách thức thể hiện, những đối tượng mới mẻ. Nhà văn luôn tiếp cận sự vật ở phương diện văn hóa thẩm mỹ, có ấn tượng với những sự vật gây cảm giác mạnh (Sông Đà là một sinh thể như vậy). Tác giả bộc lộ sự tinh vi trong mỹ cảm với trường liên tưởng phong phú, ngôn ngữ vừa phong phú vừa	
--	--	--	--

	tình tế. Một cái tôi uyên bác khi huy động mọi kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để khắc họa hình tượng sông Đà. - Ý nghĩa: Qua phong cách tài hoa, uyên bác, Nguyễn Tuân là nhà văn có ý thức tự khẳng định cá tính độc đáo của mình. Chứng tỏ ông là người có một lòng yêu quê hương đất nước tha thiết, một cuộc đời lao động nghệ thuật khổ hạnh, một trí thức tâm huyết với nghề. Người đọc yêu hơn, trân trọng hơn phẩm chất, cốt cách của con người đáng quý này. 3.3. Kết bài: 0.25 - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẽ đẹp hình tượng con sông Đà; - Nêu cảm nghĩ về vẻ đẹp thiên nhiên và đóng góp của nhà văn cách mạng Nguyễn Tuân	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ THI THỬ CHUẨN CẤU KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021
TRÚC MINH HỌA

ĐỀ SỐ 19

(Đề thi có 02 trang)

Bài thi: Ngữ Văn

Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian phát đề

Đề bài

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

*Ở quanh con, người tử tế vẫn nhiều
Vẫn còn có bao điều tốt đẹp
Xa danh lợi hãy chịu nhiều thua thiệt
Hãy vì người, nếu mong họ vì con.*

*Rách cho thơm, dầu dãi thì phải sạch
Tình thương yêu không mua được bằng tiền
Cần gỗ tốt, nước sơn còn phải tốt
Oán bên lòng, ơn khắc dạ đừng quên.*

*Nếu vấp ngã, con tự mình đứng dậy
Muốn tập bơi, cứ nhảy xuống giữa dòng
Thà mất cả, cố giữ gìn danh dự
Sống thẳng mình, mặc kệ thế gian cong.*

(**Nói với con**, Nguyễn Huy Hoàng, Nguồn <http://baophunuthudo.vn/article>)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản?

Câu 2. Chỉ ra những câu tục ngữ dân gian mà tác giả sử dụng trong đoạn thơ thứ hai? Việc vận dụng tục ngữ dân gian đó có tác dụng gì?

Câu 3. Anh, chị hiểu nội dung các dòng thơ sau như thế nào?

*Ở quanh con, người tử tế vẫn nhiều
Vẫn còn có bao điều tốt đẹp
Xa danh lợi hãy chịu nhiều thua thiệt
Hãy vì người, nếu mong họ vì con.*

Câu 4. Những lời tâm sự “nói với con” của nhà thơ được thể hiện trong đoạn trích gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc “Sống thẳng mình” của con người trong cuộc sống hôm nay.

Câu 2. (5,0 điểm)

...Sóng thác đã đánh đến miếng đòn hiểm độc nhất, cả cái luồng nước vô sở bất chí ấy bóp chặt lấy hạ bộ người lái đò [...]. Mặt sông trong tích tắc lòa sáng lên như một cửa bể đom đóm rùng ủa xuống mà châm lửa vào đầu sóng. Nhưng ông đò vẫn cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái, mặt méo bệch đi như cái luồng sóng đánh hồi lung, đánh đòn tía, đánh đòn âm vào chỗ hiểm. Tăng thêm mãi lên tiếng hỗn chiến của nước của đá thác. Nhưng trên cái thuyền sáu bơi chèo, vẫn nghe rõ tiếng chỉ huy ngắn gọn tỉnh táo của người cầm lái. Vậy là phá xong cái trùng vi thạch trận vòng thứ nhất. Không một phút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và đôi luôn chiến thuật. Ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này. Vòng đầu vừa rồi, nó mở ra năm cửa trận, có bốn cửa tử một cửa sinh, cửa sinh nằm lập lòe phía tả ngạn sông. Vòng thứ hai này tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào, và cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn. Cười lên thác sông Đà, phải cười đến cùng như là cười hổ. Dòng thác hùng beo đang hồng hộc té mạnh trên sông đá. Nắm chặt lấy được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông đò ghì cương lái, bám chắc lấy cái luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy. Bốn năm bọn thủy quân cửa ải nước bên bờ trái liền xô ra định níu thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử. Ông đò vẫn nhớ mặt bọn này, đưa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đưa thì ông đề sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến. Những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền. Chỉ còn văng reo tiếng hò của sóng thác luồng sinh. Chúng vẫn không ngớt khiêu khích, mặc dầu cái thằng đá tướng đứng chiến ở cửa vào đã tiu ngiêu cái mặt xanh lè thất vọng thua cái thuyền đã đánh trúng vào cửa sinh nó trấn lấy. Còn một trùng vây thứ ba nữa. Ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cả. Cái luồng sống ở chặng ba này lại ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác. Cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền vút qua cổng đá cánh mở cánh khép. Vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượn được. Thế là hết thác....

(Trích *Người lái đò sông Đà* - Nguyễn Tuân, Ngữ văn 12, tập một)

Anh/chị hãy phân tích hình tượng nhân vật ông lái đò trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cái nhìn mang tính phát hiện về con người của nhà văn Nguyễn Tuân.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Thể thơ tự do	0.5
	2	- Những câu thơ có vận dụng tục ngữ dân gian: + Rách cho thơm, dẫu đời thì phải sạch (Tục ngữ: Đói cho sạch, rách cho thơm) + Cần gỗ tốt, nước sơn cần phải tốt (Tục ngữ: Tốt gỗ hơn tốt nước sơn) -Việc vận dụng tục ngữ dân gian trong đoạn thơ thứ hai có tác dụng: +Thể hiện sự am hiểu sâu sắc vốn văn hoá dân gian của nhà thơ; tạo nên ý thơ cô đọng, hàm súc; +Giúp cho người đọc hiểu được dù cuộc sống có khó khăn nhưng con người vẫn phải giữ cho tâm hồn được trong sạch, phải tự tìm lấy hạnh phúc chứ không phải mua hạnh phúc bằng tiền.	0.75
	3	Hiệu nội dung của các dòng thơ : - Thể hiện niềm tin với mọi người, với cuộc sống; - Gợi lẽ sống cao đẹp: sống vì tha, hãy vì mọi người mà biết chấp nhận thiệt thòi về mình, đừng để danh lợi cám dỗ - Bộc lộ tình thương, sự quan tâm và trách nhiệm của người cha	0.75
	4	- Qua đoạn trích trên, có thể thấy rằng người cha đã nói với con nhiều điều: hãy sống vì mọi người mà chấp nhận thiệt thòi, đừng để bị cám dỗ bởi đồng tiền, vượt qua những khó khăn, thử thách của cuộc sống... - Suy nghĩ của bản thân: Thế giới này luôn tồn tại nhiều mặt trái, thế nhưng lòng tốt vẫn chiếm số đông. Mặt khác, con người cần sống tỉnh táo bởi lòng người phức tạp khó lường, sau những mất mát vẫn phải biết hy vọng nhìn về tương lai, cơ hội đến với con người thật hiếm hoi và phải tỉnh táo mới nhận ra và quan trọng	1.0

		hơn là phải biết nắm bắt lấy cơ hội đó. Phải có niềm tin vào con người.	
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc “Sống thẳng mình” của con người trong cuộc sống hôm nay.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: ý nghĩa của việc “Sống thẳng mình” của con người trong cuộc sống hôm nay.	0.25
		c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý nghĩa của việc “Sống thẳng mình” của con người trong cuộc sống hôm nay. Có thể triển khai theo hướng sau: - “Sống thẳng mình” là phải biết đối diện với sự thật, sống theo sự thật, không gian dối, lừa gạt. - Ý nghĩa của việc “Sống thẳng mình”: + Việc <i>sống thẳng mình</i> tạo cho con người có bản lĩnh vững vàng, không bị dao động, lung lay ý chí, không cúi đầu trước bạo lực, bất công, không bị cám dỗ bởi tiền tài, địa vị, danh lợi; + Việc <i>sống thẳng mình</i> đem lại uy tín của bản thân trước tập thể, tạo được niềm tin với mọi người; + Việc <i>sống thẳng mình</i> làm cho tâm hồn cảm thấy bình an, thanh thản, nhẹ nhàng. + Người có đức tính ngay thẳng sẽ góp phần làm cho xã hội phát triển, lành mạnh, đem lại công bằng bình đẳng giữa con người với nhau. + Sống thẳng mình không có nghĩa là làm việc gì cũng nguyên tắc và cứng nhắc mà không có sự linh hoạt mềm dẻo trong học tập và công tác. - Bài học nhận thức và hành động: + Mỗi người, nhất là tuổi trẻ phải nhận thức được sống thẳng mình là lối sống đẹp, đem lại nhiều giá trị cho cộng đồng.	1.00

		+ Mỗi người cần có hành động cụ thể: rèn cho mình tính sống thẳng mình, biết giữ gìn đạo đức, nhân cách, đấu tranh chống lại lối sống thực dụng, ích kỉ, vụ lợi, tham nhũng.	
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Phân tích hình tượng nhân vật ông lái đò trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cái nhìn về con người mang tính phát hiện của nhà văn Nguyễn Tuân.	5,0
		1. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn văn xuôi</i> Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Hình tượng nhân vật ông lái đò trong đoạn trích; nhận xét cách nhìn mang tính phát hiện về con người của nhà văn Nguyễn Tuân.	(0,25)
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Nguyễn Tuân là nhà văn tiêu biểu của văn xuôi hiện đại Việt Nam. - Tuỳ bút <i>Người lái đò sông Đà</i> là tác phẩm tiêu biểu thể hiện rõ sự vận động trong tư tưởng và phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân sau Cách mạng tháng Tám 1945. - Nhân vật ông lái đò thể hiện rõ cách nhìn mang tính phát hiện của ông về con người lao động Việt Nam, người lái đò vô danh – chất vàng mười của tâm hồn Tây Bắc, nhân vật điển hình cho những người lao động bình dị đã và đang sống, lao động làm giàu cho Tổ quốc. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát về nhân vật , đoạn trích: 0.25 đ - Về hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, nội dung, nghệ thuật của tác phẩm;	(4.00)

	- Vị trí, nội dung đoạn trích. b. Cảm nhận về đẹp của ông đồ trong đoạn trích: 2.5đ - Về nội dung: (2.0đ) + Vẻ đẹp tài hoa, nghệ sĩ ở hình ảnh ông lái đò: ++ Ông lái đò được đặt trong tình huống thử thách đặc biệt: chiến đấu với thác dữ sông Đà, vượt qua ba trùng vi thạch trận bằng tài nghệ “<i>tay lái ra hoa</i>”. ++ “<i>nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá</i>” và ung dung chủ động trong hình ảnh “<i>trên thác hiên ngang người lái đò sông Đà có tự do, vì người lái đò ấy đã nắm được cái quy luật tất yếu của dòng nước Sông Đà</i>” ++ Rất nghệ sĩ trong hình ảnh “<i>nắm chắc lấy cái bờm sóng đúng luồng, ông đò ghì cương lái, bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh...</i>”; với lũ đá nơi ải nước, “<i>đưa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đưa thì ông đè sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến</i>”, con thuyền trong sự điều khiển của ông lái: “<i>như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được, lượn được.</i>”... ++ Nhận xét: Việc đưa con thuyền tìm đúng luồng nước, vượt qua bao cạm bẫy của thạch trận sông Đà quả thực là một nghệ thuật cao cường từ một tay lái điêu luyện. +Vẻ đẹp trí dũng ở hình ảnh ông lái đò: ++ Một mình một thuyền, ông lái giao chiến với sóng thác dữ dội như một viên dũng tướng luôn bình tĩnh đối đầu với bao nguy hiểm: “<i>ông lái đò cố nén vết thương...hai chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái...</i>”, mặc dù “<i>mặt méo bệch đi</i>” vì những luồng sóng “<i>đánh đòn âm, đánh đòn tia</i>”, “<i>nhưng trên cái thuyền sáu bơi chèo, vẫn nghe tiếng chỉ huy ngắn gọn tỉnh táo của người cầm lái</i>” ... ++ Đối mặt với thác dữ sông Đà, ông đò có một lòng dũng cảm vô song: “<i>Cười lên thác sông Đà, phải cười đến cùng như là cười hổ</i>” ... ++ Ông lái đò khôn ngoan vượt qua mọi cạm bẫy của thác ghềnh, đưa con thuyền vượt thác an toàn khi “<i>những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền</i>”, còn lũ đá thì “<i>thất vọng thua cái thuyền</i>”... Cuộc đọ sức giữa con	
--	--	--

	người với thiên nhiên thật ghê gớm, căng thẳng, đầy sáng tạo và con người đã chiến thắng. ++ Nhận xét: Vẻ đẹp người lái đò Sông Đà là vẻ đẹp của người anh hùng lao động trong công cuộc dựng xây cuộc sống mới của đất nước. - Về nghệ thuật: (0.5) +Tạo tình huống đầy thử thách cho nhân vật; chú ý tô đậm nét tài hoa, nghệ sĩ; sử dụng ngôn ngữ phong phú, sáng tạo, tài hoa; +Kết hợp kể với tả nhuần nhuyễn và đặc sắc, bút pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa, liên tưởng độc đáo, thú vị; +Vận dụng tri thức của nhiều ngành văn hóa, nghệ thuật góp phần miêu tả cuộc chiến hào hùng và khẳng định vẻ đẹp tâm hồn nhân vật. c. Nhận xét cách nhìn mang tính phát hiện về con người của nhà văn Nguyễn Tuân. 0.75đ - Qua nhân vật ông lái đò, Nguyễn Tuân có cách nhìn mang tính phát hiện về người lao động mới. Ông đồ tiêu biểu là người anh hùng, cũng là nghệ sĩ trong môi trường làm việc và trong công việc của mình khi dám đương đầu với thử thách và đạt tới trình độ điêu luyện trong công việc. Nhà văn đã phát hiện ra “chất vàng mười đã qua thử lửa” của ông đò bằng phong cách nghệ thuật tài hoa, uyên bác với thể tùy bút vừa giàu tính hiện thực, vừa tràn ngập cái tôi phóng túng đầy cảm hứng, say mê... - Qua cách nhìn nhân vật ông đò, nhà văn bày tỏ tình cảm yêu mến, trân trọng, tự hào về con người lao động Việt Nam. Nếu trước đây, ông thường khắc họa người anh hùng trong chiến đấu, người nghệ sĩ trong nghệ thuật và thuộc về quá khứ “vang bóng một thời” thì đến tác phẩm này, ông tìm thấy anh hùng và nghệ sĩ ngay trong con người lao động thường ngày, trong công việc bình thường và trong nghề nghiệp cũng bình thường. Nguyễn Tuân còn khẳng định với chúng ta rằng chủ nghĩa anh hùng cách mạng đâu phải chỉ dành riêng cho cuộc chiến đấu chống ngoại xâm mà còn thể hiện sâu sắc trong việc xây dựng đất nước và chinh phục thiên nhiên. 3.3.Kết bài: 0.25 - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp hình tượng	
--	---	--

		ông đồ; - Nêu cảm nghĩ về người lao động làm nên cái đẹp cho cuộc đời.	
		4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
		5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

**ĐỀ PHÁT TRIỂN
TỪ ĐỀ MINH HỌA 2021
CHUẨN CẤU TRÚC**

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2021
Môn thi thành phần: Ngữ Văn
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

ĐỀ SỐ 20

A. ĐỊNH HƯỚNG RA ĐỀ

1. Cấu trúc đề vẫn gồm hai phần, đó là phần Đọc hiểu (3 điểm) và Làm văn (7 điểm).

- Trong đó, câu hỏi Đọc hiểu gồm ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa cùng 4 câu hỏi đọc hiểu theo các mức độ: Nhận biết/ thông hiểu/ vận dụng. Đó là những dạng câu hỏi quen thuộc với học trò từ nhiều năm nay.

- Trong phần Làm văn, câu Nghị luận xã hội (2 điểm) với yêu cầu viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nội dung nghị luận là vấn đề có quan hệ hữu cơ với nội dung trong ngữ liệu đọc hiểu.

2. Nội dung:

- Đề đảm bảo kiến thức cơ bản, và không có kiến thức trong nội dung tinh giản mà Bộ mới công bố ngày 31.3.2020. Đề không khó, vừa sức với học sinh, học sinh trung bình không khó để đạt mức điểm 5 - 6; học sinh khá đạt 7 - 8. Tuy nhiên để đạt mức điểm 9-10 đòi hỏi học sinh phải phát huy được tư duy phản biện, các trình bày vấn đề nghị luận sắc bén, thể hiện quan điểm cá nhân mang tính sáng tạo.

- Phần Đọc hiểu trong đề thi sử dụng ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa, gồm một đoạn trích dẫn cho trước và 4 câu hỏi. Để trả lời được 4 câu hỏi này, đòi hỏi học sinh phải nắm chắc kiến thức về Tiếng Việt, đọc hiểu nội dung và suy ngẫm, đánh giá. Đặc biệt ở câu 3, câu 4 đòi hỏi người làm bài phải hiểu sâu sắc đoạn trích, câu trích dẫn thì bài làm mới hay, hiểu đúng vấn đề.

- Trong phần Làm văn:

+ Đề thi yêu cầu học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội: Câu này vẫn giữ nguyên tắc ra đề truyền thống, yêu cầu học sinh viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về một vấn đề được rút ra từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.

+ Ở câu nghị luận văn học, nội dung câu hỏi nằm ở phần kiến thức chương trình học kì I lớp 12, không ra ngoài nội dung tinh giản của Bộ GD&ĐT, mức độ phù hợp giống với câu nghị luận học trong đề thi chính thức năm 2019. Và đây là đơn vị kiến thức nhỏ (không phải toàn bộ tác phẩm), phù hợp với dung lượng bài văn 5 điểm trong thời lượng đề thi 120 phút.

B. MA TRẬN ĐỀ THI

MA TRẬN

PHẦN	CÂU	CẤP ĐỘ NHẬN THỨC			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
ĐỌC HIỂU	1	x			
	2		x		
	3		x		

	4			x	
LÀM VĂN	1			x	
	2				

C – BIÊN SOẠN ĐỀ THI

I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích:

Warren Buffet từng nói: “Không bao giờ có ai giống bạn”. Một ý tưởng rất thâm thúy. Một con người khôn ngoan. Không bao giờ có ai giống như tôi. Và không bao giờ có ai giống như bạn. Sẽ có người cố gắng bắt chước cách bạn suy tư, nói năng, hành động. Nhưng dù cố gắng hết sức họ cũng chỉ đứng hàng thứ hai mà thôi. Vì bạn là duy nhất. Một bản thể duy nhất tồn tại hôm nay. Giữa hàng tỉ người khác. Hãy dừng lại và suy nghĩ về điều này. Bạn chợt nhận ra rằng mình đặc biệt. Và không thể có ai tranh giành được.

Thế thì hôm nay, bạn làm gì khi bước vào thế giới cần những con người thể hiện vượt trội trong cuộc sống từ trước đến giờ? Bạn đã bộc lộ hết mọi khả năng tiềm ẩn chưa? Bạn có là chính mình? Hãy tự hỏi. Bởi vì không còn lúc nào thể hiện chính mình tốt hơn lúc này. Và nếu không phải bây giờ thì khi nào? Tôi nhớ đến lời của triết gia Herodotus: “Thà chấp nhận rủi ro phải gánh chịu một nửa những chuyện xấu mà ta từng dự đoán trước, còn hơn giữ mãi sự vô danh hèn nhát vì sợ những điều có thể xảy ra”. Một lời nói tuyệt đẹp.

(Trích “Hãy là chính mình” - Robin Sharma)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (NB). Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2 (TH). Anh/chị hiểu câu nói: “Không bao giờ có ai giống bạn” thế nào?

Câu 3 (TH). Nêu hiệu quả nghệ thuật của các câu hỏi tu từ trong các câu sau: *Thế thì hôm nay, bạn làm gì khi bước vào thế giới cần những con người thể hiện vượt trội trong cuộc sống từ trước đến giờ? Bạn đã bộc lộ hết mọi khả năng tiềm ẩn chưa? Bạn có là chính mình?*

Câu 4 (VD). Câu nói: “Thà chấp nhận rủi ro phải gánh chịu một nửa những chuyện xấu mà ta từng dự đoán trước, còn hơn giữ mãi sự vô danh hèn nhát vì sợ những điều có thể xảy ra” gợi cho anh chị suy nghĩ gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ về việc ý thức là chính mình của giới trẻ hiện nay.

Câu 2. (5,0 điểm)

... Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại, réo to mãi lên. Tiếng thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng. Tới cái thác rồi. Ngoặt khúc sông lượn, thấy sóng bọt đã trắng xóa cả một chân giò đá. Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quãng ầm ầm mà quạnh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhồm cả dậy để vỗ lấy thuyền. Mặt hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này. Mặt sông rung tí lên như tuyết-bin thủy điện nơi đáy hầm đập. Mặt sông trắng xóa càng làm bật rõ lên những hòn những tảng mới trông tưởng như nó đứng nó ngồi

nó nằm tùy theo sở thích tự động của đá to đá bé. Nhưng hình như sông Đà đã giao việc cho mỗi hòn. Mới thấy rằng đây là nó bày thạch trận trên sông. Đám tảng đám hòn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông đòi ăn chết cái thuyền, một cái thuyền đơn độc không còn biết lùi đi đâu để tránh một cuộc giáp lá cà có đá dàn trận địa sẵn. Hàng tiền vệ, có hai hòn canh một cửa đá trông như là sơ hở, nhưng chính là hai đứa giữ vai trò dụ cái thuyền đối phương đi vào sâu nữa, vào tận tuyến giữa rồi nước sông luông mới đánh khuấy quạt vu hồi lại. Nếu lọt vào đây rồi mà cái thuyền du kích ấy vẫn chọc thủng được tuyến hai, thì nhiệm vụ của những boong-ke chìm và pháo đài đá nổi ở tuyến ba là phải đánh tan cái thuyền lọt lưới đá tuyến trên, phải tiêu diệt thuyền trưởng cùng tất cả thủy thủ ngay ở chân thác. Thạch trận dàn bày vừa xong thì cái thuyền vụt tới. Phối hợp với đá, nước thác reo hò làm thanh viện cho đá, những hòn đá bệ vệ oai phong lẫm liệt. Một hòn ấy trông nghiêng thì y như là đang hất hàm hỏi cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến. Một hòn khác lùi lại một chút và thách thức cái thuyền có giỏi thì tiến gần vào. ..

(Người lái đò sông Đà, Nguyễn Tuân)

Cảm nhận của anh/ chị về đẹp hình tượng sông Đà ở đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI CHI TIẾT

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.	0,5
	2	- Câu nói: “Không bao giờ có ai giống bạn” được hiểu: + Bản thân chúng ta là một bản thể độc lập và duy nhất, không ai có thể giống như mình, hay bắt chước để giống như mình từ suy nghĩ đến hành động, cách nói năng hay ngoại hình... + Qua đó, tác giả muốn chúng ta phải biết trân trọng bản thân.	0,75
	3	Các câu hỏi tu từ: Bạn làm gì khi bước vào thế giới cần những người thể hiện vượt trội trong cuộc sống từ trước đến giờ? Bạn đã bộc lộ hết mọi khả năng tiềm ẩn chưa? Bạn đã tiết lộ con người chân thật của mình chưa? Bạn có là chính mình? + Hiệu quả của hàng loạt các câu hỏi tu từ được tác giả sử dụng nhằm tạo giọng điệu suy tư, trăn trở về việc chúng ta sống còn giấu mình, chưa bộc lộ, chưa phát huy hết khả năng sẵn có trong con người thực sự của chính mình. + Thông qua đó, tác giả nhắc nhở chúng ta, đặc biệt là giới trẻ sống phải biết phát huy năng lực, cống hiến hết mình, thể hiện bản thân sao cho xứng đáng.	0,75
	4	Câu nói: “Thà chấp nhận rủi ro phải gánh chịu một nửa những chuyện xấu mà ta từng dự đoán trước, còn hơn giữ mãi sự vô danh hèn nhát vì sợ những điều có thể xảy ra”, gợi suy nghĩ:	1,0

		- Khi ta xác định “sống là chính mình” hoặc thay đổi cuộc sống, công việc, mục tiêu hiện tại thì sẽ có những khó khăn, những trở ngại vì phải thích nghi với những điều mới, làm quen với những điều mà ta chưa từng trải qua. Nhưng: + “Thà chấp nhận rủi ro phải gánh chịu một nửa những chuyện xấu mà ta từng dự đoán trước”; có nghĩa là chúng ta chấp nhận những khó khăn, những rủi ro thất bại, những vấp ngã để cho ta kinh nghiệm, để giúp ta trưởng thành còn hơn là đứng yên một chỗ không chịu thay đổi. Những rủi ro, những chuyện xấu mà ta gánh chịu có thể là một nửa hoặc thậm chí thất bại hoàn toàn, thì ít nhất cũng cho ta những bài học, Điều đáng quý hơn cả là ta dám chấp nhận rủi ro mà hành động. + “Giữ mãi sự vô danh hèn nhát vì sợ những điều có thể xảy ra”; “những điều có thể xảy ra” ở đây chính là rủi ro, những khó khăn thất bại, những trở ngại, “Giữ mãi sự tổ danh hèn nhát” là chúng ta không dám thay đổi, không dám vượt qua mặc cảm của bản thân, không dám sống là chính mình, không tự tin phát huy khả năng tiềm ẩn, không dám tiết lộ con người chân thật của mình.	
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ về <i>ý thức là chính mình của giới trẻ hiện nay</i>.	2,0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: về <i>ý thức là chính mình của giới trẻ hiện nay</i>.	0,25
		c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ về <i>ý thức là chính mình của giới trẻ hiện nay</i>. Có thể triển khai theo hướng sau: *Mở đoạn: Khi con người hiểu rõ về bản thân mình, sẽ là một trong những yếu tố quan trọng quyết định thành công có đến với họ hay không. Điều đó như đánh thức suy nghĩ là chính mình trong chúng ta, đặc biệt là giới trẻ ngày nay.	1,0

	*Thân đoạn: 1. Giải thích + “Chính mình” là sống đúng với tính cách, con người, suy nghĩ, sở thích của mình; Sống thật với những gì tự nhiên vốn có, không gò ép, không áp đặt, không sống để làm vui lòng hay chiều theo ý của người khác. + “Ý thức là chính mình” nghĩa là bản thân mình phải hiểu, phải xác định được những gì mình cần, những gì mình thích, những gì mình mong muốn trong cuộc sống. Nếu bạn mạnh mẽ hãy cứ dũng cảm khoắc lên mình những bộ đồ cá tính, đừng vì “không phù hợp” mà tỏ ra dè dặt. (Nếu bạn thích trường Đại học Ngoại thương hãy cứ mạnh dạn đăng ký và quyết tâm để đạt được mục tiêu, đừng vì lời gièm pha của bạn bè mà từ bỏ.) 2. Phân tích, chứng minh: Tại sao cần “ý thức là chính mình”? - Bởi xã hội ngày càng phức tạp, để sống là chính mình không phải chuyện dễ dàng. Chúng ta thường bị đầu hàng trước những nỗi sợ hãi, bị mê hoặc bởi những cám dỗ hay thiếu bản lĩnh, không có quan điểm rõ ràng, thích chạy theo số đông, không muốn làm mất lòng người khác... - Nếu không được sống là chính mình thì chúng ta sẽ chỉ biết sống một cách gượng ép, hôm nay giống người này, ngày mai giống người kia, hôm nay theo ý người này, ngày mai theo ý người khác... Như vậy, ta sẽ mãi không tìm được lối đi riêng. - Đến lúc tuổi trẻ qua đi, hoặc đã quá mệt mỏi khi phải gồng mình lên sống theo ý người khác, chúng ta sẽ thấy mệt mỏi, chán nản và thất vọng, và chắc chắn sẽ phải - sống trong sự tiếc nuối vì đã không sống là chính mình. - Dẫn chứng chứng minh: Hoa hậu hoàn vũ H'Hen Niê. Đẳng quang ngôi vị cao nhất cuộc thi Hoa hậu Hoàn vũ Việt Nam nhưng không được công chúng đón nhận. Tuy nhiên cô gái người Ê-đê mạnh mẽ vẫn luôn tự ý thức được bản thân, ý thức được nhan sắc của mình có thể đáp ứng đầy đủ tiêu chí của cuộc thi “Hoa hậu Hoàn vũ thế giới” mà H'Hen đã không quản ngày đêm rèn luyện kỹ năng, trau dồi kiến thức để mang chuông đi đánh xứ người. Kết quả chung cuộc, H'Hen lọt vào TOP 5 Hoa hậu hoàn vũ thế giới - thành tích cao nhất mà đại diện Việt Nam từ trước đến nay đạt được. Qua đó, H'Hen Niê đã giúp cho giới trẻ hiểu rõ hơn về việc “ý thức là chính mình” để tự tin bước vào đời, bước vào tương lai, cống hiến một phần sức lực nhỏ bé của mình cho sự phát triển của xã hội của đất nước. 3. Bài học nhận thức và hành động + Chúng ta phải xây dựng, học tập, rèn luyện cho mình một cái tâm vững vàng, một trí tuệ sắc sảo, một nền kiến thức vững vàng, tự hình thành cho mình những kỹ năng sống, những quan điểm sống rõ ràng. + Không chạy theo số đông, không mù quáng tin tưởng, không sống theo ý người khác, cũng không nên ích kỉ chỉ vì bản thân. + Phải xác định rõ: bản thân cần gì, mong muốn gì, mục tiêu	
--	--	--

		trong cuộc sống là gì để cố gắng theo đuổi, ra sức học tập để đạt được.	
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Cảm nhận của anh/ chị về đẹp hình tượng sông Đà ở đoạn trích. Từ đó, nhận xét phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân.	5,0
		1. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn thơ (có ý phụ)</i> Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
		2. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Hình tượng sông Đà ở đoạn trích; phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân.	0,25
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài - Nguyễn Tuân là nhà văn tiêu biểu của văn xuôi hiện đại Việt Nam. - Tuỳ bút Người lái đò sông Đà là tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân sau Cách mạng tháng Tám 1945. -Vẻ đẹp dòng sông Đà thể hiện rõ phong cách tài hoa uyên bác của Nguyễn Tuân.	0,25
		3.2.Thân bài: a. Khái quát về tuỳ bút, đoạn trích: - Về hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, nội dung, nghệ thuật của tác phẩm; - Vị trí, nội dung đoạn trích.	0,25
		b. Cảm nhận về đẹp của sông Đà trong đoạn trích: - Về nội dung: + Nước thác trên Sông Đà: Nguyễn Tuân đã buộc sự dữ dội, nham hiểm của sông Đà phải hiện lên thành hình và gào thét bằng trăm ngàn âm thanh. Sự liên tưởng của tác giả độc đáo ở	2,0

chỗ: âm thanh của tự nhiên (tiếng thác) được đổi thành tiếng gầm đau đớn, lồng lộn của hàng ngàn con trâu mộng da cháy bùng bùng; và còn tài tình ở chỗ tác giả đã đem thủy (thác nước) so sánh với hỏa (rừng lửa). Sức mạnh hoang dã của tự nhiên qua tài đối sánh, qua trí tưởng tượng phong phú, độc lạ của Nguyễn Tuân đã gây ấn tượng trong người đọc về sự dữ dội, y như một trận động rừng hay cháy rừng khủng khiếp của nước thác trên sông Đà.

+ Thạch trận trên Sông Đà:

++Đội quân thạch giang trên Sông Đà khá hùng hậu, cả một chân trời đá, ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông.

++Dưới ngòi bút tài hoa của Nguyễn Tuân, mỗi hòn đá như có một gương mặt riêng: hòn thì ngổ ngáo, hiếu chiến (mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhổm cả dây để vồ lấy thuyền), hòn thì ngỗ ngược, hòn thì nhăn nhúm méo mó; mỗi hòn một dáng (nó đứng nó ngồi nó nằm tùy theo sở thích tự động của đá to đá bé); mỗi hòn một nhiệm vụ (đám tảng đám hòn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông; hai hòn canh một cửa đá trông như là sơ hở, (...) giữ vai trò dụ cái thuyền đối phương đi vào sâu nữa; những boong-ke chìm và pháo đài đá nổi (...) phải đánh tan cái thuyền lọt lưới đá tuyến trên, phải tiêu diệt tất cả thuyền trưởng thủy thủ ngay ở chân thác.).

++Để khắc họa từng gương mặt riêng của đá thác Sông Đà, tưởng như Nguyễn Tuân đã phải lao động cật lực, khổ công quan sát và tung ra trường từ vựng hết sức giàu có, phong phú về hành động (nhổm cả dây, vồ lấy, chặn ngang, dụ, đánh khuấy quật vu hồi, đánh tan, tiêu diệt), tính cách (ngỗ ngược), hình sắc (nhăn nhúm, méo mó, to, bé), tư thế (đứng, ngồi, nằm).

+Sự phối hợp rất chặt chẽ giữa nước thác và đá thác trên sông:

++Từ xa, tiếng nước thác réo gần mãi lại réo to mãi lên, rồi rống lên vừa như phô trương sức mạnh vừa như uy hiếp, đe dọa con thuyền sắp qua thác nước Sông Đà.

++Sau đó, đến thác, một chân trời đá hiện hình và bày thạch trận trên sông. Đội quân thạch giang đủ loại lớn bé, đủ tư thế ngồi, nằm, đứng nhưng hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó và hiếu chiến. Mỗi hòn đá đều nhận đúng vị trí: Đám đá tảng thì chia làm ba hàng chặn ngang trên sông; hàng tiền vệ có hai hòn canh cửa; ở tuyến ba là những boong-ke chìm và pháo đài đá nổi. Với mỗi vị trí là một nhiệm vụ: Đám đá tảng sẽ ăn chết cái thuyền đơn độc; hai hòn đá canh ở hàng tiền vệ sẽ dụ cái

	thuyền đi vào sâu nữa; những boong-ke chìm và pháo đài đá nổi phải đánh tan cái thuyền lọt lưới đá tuyền trên, phải tiêu diệt tất cả thuyền trưởng thủy thủ ngay ở chân thác. Nhiệm vụ nào của đám thạch giang trên Sông Đà cũng hung hãn, quyết liệt, cũng thể hiện một quyết tâm tiêu diệt con thuyền đối phương đến cùng để giành chiến thắng. + Nhận xét: Đoạn trích là khúc ca ca ngợi vẻ đẹp hung bạo, hùng vĩ của sông Đà. Đó chính là sức mạnh của thiên nhiên mà con người cần chinh phục. Đó cũng chính là niềm tự hào của tác giả về Tổ quốc hùng vĩ, giàu đẹp. - Về nghệ thuật: +Nguyễn Tuân đã dùng hết bút lực để dường như thi tài với tạo hoá. Ông dùng những câu góc cạnh, giàu tính tạo hình, những câu nhiều động từ mạnh nối tiếp nhau, dồn dập; +Nhà văn sử dụng lối nói ví von, ẩn dụ, tượng trưng, liên tưởng đầy bất ngờ, chính xác, thú vị. +Nhà văn đã vận dụng hiểu biết của nhiều ngành khác nhau: địa lý, lịch sử, hội họa, văn chương và những tri thức về tự nhiên để khắc họa vẻ đẹp của sông Đà. c. Nhận xét nhận xét phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân - Biểu hiện phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân: Ông không chấp nhận sự sáo mòn. Ông luôn tìm kiếm những cách thức thể hiện, những đối tượng mới mẻ. Nhà văn luôn tiếp cận sự vật ở phương diện văn hóa thẩm mỹ, có ấn tượng với những sự vật gây cảm giác mạnh (Sông Đà là một sinh thể như vậy). Tác giả bộc lộ sự tinh vi trong mỹ cảm với trường liên tưởng phong phú, ngôn ngữ vừa phong phú vừa tinh tế. Một cái tôi uyên bác khi huy động mọi kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để khắc họa hình tượng sông Đà. - Ý nghĩa: Qua phong cách tài hoa, uyên bác, Nguyễn Tuân là nhà văn có ý thức tự khẳng định cá tính độc đáo của mình. Chúng ta ông là người có một lòng yêu quê hương đất nước tha thiết, một cuộc đời lao động nghệ thuật khổ hạnh, một trí thức tâm huyết với nghề. Người đọc yêu hơn, trân trọng hơn phẩm chất, cốt cách của con người đáng quý này. 3.3. Kết bài - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp hình tượng con sông Đà; - Nêu cảm nghĩ về vẻ đẹp thiên nhiên và đóng góp của nhà văn cách mạng Nguyễn Tuân	0,5 0,75
--	---	------------------------

		4. <i>Sáng tạo</i> Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		5. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25

ĐỀ PHÁT TRIỂN
TỪ ĐỀ MINH HỌA 2021
CHUẨN CẤU TRÚC

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2021
Môn thi thành phần: Ngữ Văn
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

ĐỀ SỐ 21

A. ĐỊNH HƯỚNG RA ĐỀ

1. Cấu trúc đề vẫn gồm hai phần, đó là phần Đọc hiểu (3 điểm) và Làm văn (7 điểm).

- Trong đó, câu hỏi Đọc hiểu gồm ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa cùng 4 câu hỏi đọc hiểu theo các mức độ: Nhận biết/ thông hiểu/ vận dụng. Đó là những dạng câu hỏi quen thuộc với học trò từ nhiều năm nay.

- Trong phần Làm văn, câu Nghị luận xã hội (2 điểm) với yêu cầu viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nội dung nghị luận là vấn đề có quan hệ hữu cơ với nội dung trong ngữ liệu đọc hiểu.

2. Nội dung:

- Đề đảm bảo kiến thức cơ bản, và không có kiến thức trong nội dung tinh giản mà Bộ mới công bố ngày 31.3.2020. Đề không khó, vừa sức với học sinh, học sinh trung bình không khó để đạt mức điểm 5 - 6; học sinh khá đạt 7 - 8. Tuy nhiên để đạt mức điểm 9-10 đòi hỏi học sinh phải phát huy được tư duy phản biện, các trình bày vấn đề nghị luận sắc bén, thể hiện quan điểm cá nhân mang tính sáng tạo.

- Phần Đọc hiểu trong đề thi sử dụng ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa, gồm một đoạn trích dẫn cho trước và 4 câu hỏi. Để trả lời được 4 câu hỏi này, đòi hỏi học sinh phải nắm chắc kiến thức về Tiếng Việt, đọc hiểu nội dung và suy ngẫm, đánh giá. Đặc biệt ở câu 3, câu 4 đòi hỏi người làm bài phải hiểu sâu sắc đoạn trích, câu trích dẫn thì bài làm mới hay, hiểu đúng vấn đề.

- Trong phần Làm văn:

+ Đề thi yêu cầu học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội: Câu này vẫn giữ nguyên tác ra đề truyền thống, yêu cầu học sinh viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về một vấn đề được rút ra từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.

+ Ở câu nghị luận văn học, nội dung câu hỏi nằm ở phần kiến thức chương trình học kì I lớp 12, không ra ngoài nội dung tinh giản của Bộ GDĐT, mức độ phù hợp giống với câu nghị luận học trong đề thi chính thức năm 2019. Và đây là đơn vị kiến thức nhỏ (không phải toàn bộ tác phẩm), phù hợp với dung lượng bài văn 5 điểm trong thời lượng đề thi 120 phút.

B. MA TRẬN ĐỀ THI

MA TRẬN

PHẦN	CÂU	CẤP ĐỘ NHẬN THỨC			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
ĐỌC HIỂU	1	x			
	2		x		
	3		x		
	4			x	

LÀM VĂN	1			x
	2			

C – BIÊN SOẠN ĐỀ THI

I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích:

Xã hội và đời sống đã có nhiều thay đổi thì dù ít dù nhiều nếp nhà có biến đổi cũng là lẽ đương nhiên. Nhưng, quan trọng nhất là hồn cốt của gia phong vẫn còn được giữ, có giá trị định hình, nuôi dưỡng nhân cách của mỗi thành viên, đặc biệt là con cái.

Nếp nhà là sự gắn bó giữa các thành viên, là những người trong gia đình phải biết yêu thương nhau, nhường nhịn nhau, nhưng đùm bọc không có nghĩa là chấp nhận những việc làm sai trái của những người trong gia đình mình. Bảo bọc nhau bằng cách là bảo ban giữ những điều tốt đẹp và để ứng xử với người trong gia đình, với người ngoài xã hội. Nếp nhà mà giữ không tốt thì đừng nói chuyện giữ cho xã hội tốt đẹp được. Điều đáng nói, giữ nếp nhà là giữ những điều tốt đẹp, chứ không phải tự vun vén cho riêng gia đình mình. Quan trọng để giữ nếp nhà là người lớn phải là tấm gương soi chiếu để cho con cái học theo. Cha mẹ mà không tốt - như bây giờ đang có hiện tượng xã hội xảy ra là cha mẹ có quyền có chức mà cổ vợ vét rồi tham những khi làm quan - thì con cái không thể nên thành được.

...Cho nên, gia đình là cái mốc đầu tiên, gia đình rồi mới tới làng xã, rồi tới môi trường rộng lớn hơn là xã hội. Xã hội có tốt đẹp hay không thì phải xuất phát từ cái gốc quan trọng nhất là gia đình. Văn hóa gia đình mà không lo giữ thì xã hội cũng sẽ loạn.

(Nguyễn Sự - Người lớn phải là tấm gương soi chiếu. Dẫn theo Tuổi trẻ online ngày 25.02.2018)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (NB). Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích.

Câu 2 (NB). Theo tác giả, nếp nhà là gì?

Câu 3 (TH). Anh/Chị hiểu ý kiến: “Giữ nếp nhà là giữ những điều tốt đẹp, chứ không phải tự vun vén cho riêng gia đình mình” như thế nào?

Câu 4 (VD). Anh/Chị có đồng tình với quan điểm “Xã hội có tốt đẹp hay không thì phải xuất phát từ cái gốc quan trọng nhất là gia đình” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ về cách giữ gìn văn hóa gia đình trong xã hội hiện đại.

Câu 2. (5,0 điểm)

Hùng vĩ của sông Đà không phải chỉ có thác đá. Mà nó còn là những cảnh đá bờ sông, dựng vách thành, mặt sông chỗ ấy lúc chỉ đứng ngo mới có mặt trời. Có vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu. Đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách. Có quãng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia. Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè

một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện.

Lại như quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ suất bất cứ người lái đò Sông Đà nào tóm được qua đấy. Quãng này mà khinh suất tay lái thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền ra.

Lại như quãng Tà Mường Vát phía dưới Sơn La. Trên sông bỗng có những cái hút nước giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu. Nước ở đây thở và kêu như cửa sổ cái bị sặc. Trên mặt cái hút xoáy tít đáy, cũng đang quay lừ lừ những cánh quạ đàn. Không thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy, thuyền nào qua cũng chèo nhanh để lướt quãng sông, y như ô tô sang số ẩn ga cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực. Chèo nhanh và tay lái cho vững mà phòng qua cái giếng sâu, những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như rót dầu sôi vào. Những bè gỗ rừng đi nghênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tụt xuống. Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mươi phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới. Tôi sợ hãi mà nghĩ đến một anh bạn quay phim táo tợn nào muốn truyền cảm giác lạ cho khán giả, đã dũng cảm ngồi vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy hút Sông Đà-từ đây cái hút nhìn ngược lên vách thành hút mặt sông chênh nhautới một cột nước cao đến vài sải. Thế rồi thu ảnh. Cái thuyền xoay tít, những thước phim màu cũng quay tít, cái máy lia ngược contre-plongée lên một cái mặt giếng mà thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan up vào cả máy cả người quay phim cả người đang xem. Cái phim ảnh thu được trong lòng giếng xoát tít đáy, truyền cảm lại cho người xem phim kí sự thấy mình đang lấy gân ngồi giữ chặt ghế như ghì lấy mép một chiếc lá rừng bị vút vào một cốc pha lê nước không lồ vừa rút lên cái gậy đánh phèn.

(Người lái đò sông Đà, Nguyễn Tuân)

Cảm nhận của anh/ chị về đẹp hình tượng sông Đà ở đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cách nhìn mang tính phát hiện về dòng sông Đà của nhà văn Nguyễn Tuân.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI CHI TIẾT

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.	0,5
	2	Nếp nhà là sự gắn bó giữa các thành viên, là những người trong gia đình phải biết yêu thương nhau, nhường nhịn nhau, nhưng đùm bọc không có nghĩa là chấp nhận những việc làm sai trái của những người trong gia đình mình.	0, 5
	3	Học sinh tự trình bày quan điểm của cá nhân mình về: giữ nếp nhà là giữ những điều tốt đẹp, chứ không phải tự vun vén cho riêng gia đình mình.	0,75

	4	Học sinh có thể trả lời đồng ý hoặc không đồng ý với quan điểm của tác giả. Giám khảo cho điểm tùy vào việc giải thích hợp lý, thuyết phục của thí sinh. Gợi ý: Đồng tình với quan điểm: “Xã hội có tốt đẹp hay không thì phải xuất phát từ cái gốc quan trọng nhất là gia đình.”. Vì: Mỗi gia đình là một tế bào của xã hội. Gia đình bao gồm các thành viên, mỗi thành viên cũng chính là một công dân. Khi gia đình có nền tảng tốt, có những thành viên ưu tú thì xã hội sẽ phát triển tốt đẹp. Ngược lại, nếu gia đình đi xuống thì xã hội cũng sẽ kém phát triển, tụt lùi.	1,0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ về <i>cách giữ gìn văn hóa gia đình trong xã hội hiện đại</i>.	2,0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: <i>cách giữ gìn văn hóa gia đình trong xã hội hiện đại</i>.	0,25
		c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ <i>cách giữ gìn văn hóa gia đình trong xã hội hiện đại</i>. Có thể triển khai theo hướng sau: - Nếp nhà là gì? Một số quan điểm về nếp nhà + “Nhà phải có gia phong”, đó chính là nếp nhà, mà bây giờ nếp nhà được gọi là văn hóa gia đình. + Nếp nhà là rường cột gia đình. + Nếp nhà lung lay sẽ khiến đạo đức gia đình xuống cấp, đời sống trong gia đình theo đó bất ổn. + Nếp nhà vững thì gia đình mới ổn định và phát triển. - Nếp nhà của người Việt: là những cách ứng xử, là lời ăn tiếng nói, là tình yêu đối với truyền thống văn hóa gia đình. (truyền thống kính trọng người già, tôn sư trọng đạo, nếp hiếu học, là tình yêu với nghề gia truyền, nét văn hoá kinh doanh, trách nhiệm với di sản của thế hệ trước để lại...) - Trong xã hội hiện đại, những tác động từ sự hội nhập phát	1,0

		triển tới gia đình rất mạnh mẽ, bao gồm cả mặt tích cực và tiêu cực. + Tích cực: đời sống gia đình văn minh, tiến bộ, phát triển hơn. + Tiêu cực: • Đó là tình trạng bạo lực gia đình vẫn tồn tại dưới nhiều hình thức, mức độ khác nhau, phụ nữ và trẻ em bị xâm hại, bạo hành gia tăng. • Đời sống hôn nhân bất ổn với tỉ lệ “ly hôn xanh” ngày một nhiều. • Có không ít gia đình đã thay thế việc giao tiếp với nhau bằng công nghệ; trong những bữa cơm, cha mẹ, con cái cứ mỗi người một smartphone, một mối quan tâm riêng. • Ở ngoài xã hội bỏ rất nhiều công sức để chăm sóc nhân viên, chiều chuộng sếp, giữ chân khách hàng nhưng về nhà lại không quan tâm chăm sóc người thân. • Gia đình bị chi phối mạnh mẽ bởi công nghệ ngày một nhiều... - Làm thế nào để giữ gìn nếp nhà trước cuộc sống hiện đại? + Người lớn trong gia đình cần làm gương để con cái noi theo. + Giáo dục, tuyên truyền để mỗi người dân có ý thức giữ gìn, bảo vệ nếp nhà trong sự hội nhập là cấp thiết.	
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Cảm nhận của anh/ chị về đẹp hình tượng sông Đà ở đoạn trích. Từ đó, nhận xét phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn thơ (có ý phụ) Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Về đẹp hình tượng sông Đà ở đoạn trích; nhận xét cách nhìn mang tính phát hiện về dòng sông Đà của nhà văn Nguyễn Tuân.	0,25
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp	

	chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài - Nguyễn Tuân là một nghệ sĩ chân chính suốt đời đi tìm cái đẹp. Ông có một vị trí quan trọng và đóng góp không nhỏ cho văn học Việt Nam hiện đại: thúc đẩy thể tùy bút, bút kí văn học đạt tới trình độ nghệ thuật cao; làm phong phú thêm ngôn ngữ văn học dân tộc; đem đến cho nền văn xuôi hiện đại Việt Nam một phong cách tài hoa, độc đáo. - Tùy bút <i>Người lái đò sông Đà</i> là tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân sau Cách mạng tháng Tám 1945. -Về đẹp dòng sông Đà thể hiện rõ cách nhìn mang tính phát hiện về dòng sông Đà của nhà văn Nguyễn Tuân sau cách mạng. 3.2.Thân bài a. Khái quát về tùy bút, đoạn trích - Về hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, nội dung, nghệ thuật của tác phẩm; - Vị trí, nội dung đoạn trích. b. Cảm nhận về đẹp của sông Đà trong đoạn trích b.1. Về nội dung:<i>Vẻ hung bạo, dữ dằn của sông Đà qua đoạn trích</i> -Cảnh đá bờ sông “dựng vách thành” + Hình ảnh “vách thành” đã phần nào thể hiện sự vững chãi thâm nghiêm và những sức mạnh bí ẩn đầy đe dọa của vách núi như thành cao, vực thẳm, như hào sâu. + Tác giả đã dùng những chi tiết tưởng như băng quơ, ngẫu nhiên nhưng lại có giá trị gợi tả gián tiếp độ hẹp của dòng sông, độ cao của vách đá, như <i>mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt trời</i>. Đến việc <i>đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách</i>. + Cách so sánh <i>vách đá thành chẹt lòng sông Đà như một cái yết hầu</i> – động từ “chẹt” và hình ảnh so sánh với cái “yết hầu” đã đem đến ấn tượng mãnh liệt cho người đọc về độ hẹp của lòng sông khi bị vách đá chèn ép tới nghẹt thở. + Miêu tả thế giới sự vật thông qua cảm giác rất quen thuộc của Nguyễn Tuân đã được thể hiện độc đáo khi nhà văn	0,25 0,25 2,0
--	--	------------------------------------

tạo ra ấn tượng tương phản của xúc giác với chi tiết *ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh*, tạo ra ấn tượng của thị giác khi lấy hè phổ để miêu tả mặt sông, lấy nhà cao gợi tả vách đá, truyền cho người đọc những hình dung về cái tắm tới lạnh lẽo đột ngột khi con thuyền đi từ ngoài vào khúc sông có đá hun hút dựng vách thành qua hình ảnh so sánh về *một khung cửa sổ nào trên cái tầng thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện*.

- Mặt “ghềnh Hát Loóng”:

+ *Lại như quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm...* Câu văn miêu tả có nhịp ngắn, nhanh, dồn dập kết hợp với các thanh sắc, những từ ngữ điệp nối tiếp thế chỗ nhau trong các cụm từ ngữ đã tái hiện sinh động quần thể những sức mạnh thiên nhiên dữ dội nhất của nước, sóng, gió, và đá sông Đà, trong đó cuồn cuộn những con sóng dữ vút lên, chồm lên nhau, trùng điệp ghê rợn trên mặt ghềnh.

+Từ láy “gùn ghè” và hình ảnh so sánh mang đậm sắc thái nhân hóa về việc sóng gió trên mặt ghềnh Hát Loóng *lúc nào cũng đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò sông Đà nào tóm được qua đấy* đã thể hiện sinh động sự hung hãn lì lợm và cuồng bạo của dòng sông. Qua từ “*nợ xuýt*”, nhà văn đóng góp thêm vào Từ điển tiếng Việt một từ mới mẻ, độc đáo (nợ không có vẫn đòi, không đòi bằng tiền, bằng tình mà đòi bằng mạng sống của con người)

-Những “cái hút nước” trên sông Đà

+Một loạt những so sánh sống động, đặc sắc khiến hút nước thiện ra trong hình ảnh như một *cái giếng bê tông xoáy tít*, trong âm thanh của một *cửa cống cái bị sặc*, trong cả hình ảnh và âm thanh như mặt nước bị *rót dầu sôi*.

+Từ láy tượng hình “lừ lừ”, từ láy tượng thanh tăng nghĩa “*ặc ặc*” cùng những chi tiết so sánh mang sắc thái nhân hóa khi miêu tả nước *thở và kêu như cửa cống cái bị sặc*, tất cả góp phần làm hiện ra cả hình ảnh và âm thanh của hút nước như một quái vật đang giận dữ tới ghê người.

+Hình ảnh liên tưởng đến *quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực* đã giúp người đọc dễ dàng hình dung ra cảm giác hãi hùng nếu phải đi thuyền men gần hút nước đáng sợ. Nhà văn còn phát huy trí tưởng tượng phong phú khi hình dung ra những bè gỗ to lớn nghênh ngang bị “*lôi tuột xuống*” đáy hút

	nước, hay chiếc thuyền bị hút <i>trồng cây chuối ngược rồi vụt biến đi... tan xác ở khuỷnh sông dưới</i>. +Không dừng lại trong những hình dung tưởng tượng về cái bè gỗ hay một con thuyền bất hạnh nào đó phải làm mồi cho hút nước, Nguyễn Tuân còn tạo ra một giả tưởng li kì dẫn dụ người đọc vào trò chơi cảm giác, kéo họ xuống tận đáy hút nước xoáy tít, sâu hoắm cùng một anh bạn quay phim táo tợn. Hút nước vì thế đã được miêu tả bằng thủ pháp điện ảnh, hát ngược từ dưới lên một cách sống động, truyền cảm từ hình khối của <i>một thành giếng xây toàn bằng nước</i> cho đến màu sắc của dòng sông “nước xanh ve”, và thậm chí cho đến cả cảm giác sợ hãi rất chân thực của con người khi phải đứng trong lòng một <i>khối pha lê xanh như sắp vỡ tan</i>, bất cứ lúc nào cũng như sắp đổ ụp vào người. -Nhận xét: Tả sự hung bạo của sông Đà, tác giả không chỉ dừng lại ở hình ảnh một dòng sông ở miền đất Tây Bắc hoang sơ hùng vĩ mà nhằm làm nổi bật sông Đà như một biểu tượng về sức mạnh dữ dội và vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên, đất nước. b.2. Về nghệ thuật -Những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ và rất thú vị; -Từ ngữ phong phú, sống động, giàu hình ảnh và có sức gợi cảm cao; -Câu văn đa dạng, nhiều tầng, giàu nhịp điệu, lúc thì hối hả, gân guốc, khi thì chậm rãi, trữ tình... c. Nhận xét cách nhìn mang tính phát hiện về dòng sông Đà của nhà văn Nguyễn Tuân - Biểu hiện: Nhà văn nhìn Sông Đà không còn là con sông vô tri, vô giác mà là con sông có linh hồn, có cá tính như con người: hung bạo, dữ dằn, hùng vĩ; khám phá vẻ đẹp của dòng sông ở góc độ địa lí nhưng đậm chất văn chương, kết hợp với nhiều ngành nghệ thuật khác như âm nhạc, hội họa, điện ảnh, đầy ấn tượng. - Ý nghĩa: Qua hình tượng Sông Đà, Nguyễn Tuân thể hiện tình yêu mến tha thiết đối với thiên nhiên đất nước. Với ông, thiên nhiên cũng là một tác phẩm nghệ thuật vô song của tạo hóa. Cảm nhận và miêu tả Sông Đà, Nguyễn Tuân đã chứng tỏ sự tài hoa, uyên bác và lịch lãm. Hình tượng Sông Đà là phong nền cho sự xuất hiện và tôn vinh vẻ đẹp của người lao động trong	0,5
--	--	-----

	chế độ mới. 3.3.Kết bài - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẽ đẹp hình tượng con sông Đà; - Nêu cảm nghĩ về vẻ đẹp thiên nhiên và đóng góp của nhà văn sau cách mạng.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25

**ĐỀ PHÁT TRIỂN
TỪ ĐỀ MINH HỌA 2021
CHUẨN CẤU TRÚC**

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2021
Môn thi thành phần: Ngữ Văn
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

ĐỀ SỐ 22

A. ĐỊNH HƯỚNG RA ĐỀ

1. Cấu trúc đề vẫn gồm hai phần, đó là phần Đọc hiểu (3 điểm) và Làm văn (7 điểm).

- Trong đó, câu hỏi Đọc hiểu gồm ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa cùng 4 câu hỏi đọc hiểu theo các mức độ: Nhận biết/ thông hiểu/ vận dụng. Đó là những dạng câu hỏi quen thuộc với học trò từ nhiều năm nay.

- Trong phần Làm văn, câu Nghị luận xã hội (2 điểm) với yêu cầu viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nội dung nghị luận là vấn đề có quan hệ hữu cơ với nội dung trong ngữ liệu đọc hiểu.

2. Nội dung:

- Đề đảm bảo kiến thức cơ bản, và không có kiến thức trong nội dung tinh giản mà Bộ mới công bố ngày 31.3.2020. Đề không khó, vừa sức với học sinh, học sinh trung bình không khó để đạt mức điểm 5 - 6; học sinh khá đạt 7 - 8. Tuy nhiên để đạt mức điểm 9-10 đòi hỏi học sinh phải phát huy được tư duy phản biện, các trình bày vấn đề nghị luận sắc bén, thể hiện quan điểm cá nhân mang tính sáng tạo.

- Phần Đọc hiểu trong đề thi sử dụng ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa, gồm một đoạn trích dẫn cho trước và 4 câu hỏi. Để trả lời được 4 câu hỏi này, đòi hỏi học sinh phải nắm chắc kiến thức về Tiếng Việt, đọc hiểu nội dung và suy ngẫm, đánh giá. Đặc biệt ở câu 3, câu 4 đòi hỏi người làm bài phải hiểu sâu sắc đoạn trích, câu trích dẫn thì bài làm mới hay, hiểu đúng vấn đề.

- Trong phần Làm văn:

+ Đề thi yêu cầu học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội: Câu này vẫn giữ nguyên tắc ra đề truyền thống, yêu cầu học sinh viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về một vấn đề được rút ra từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.

+ Ở câu nghị luận văn học, nội dung câu hỏi nằm ở phần kiến thức chương trình học kì I lớp 12, không ra ngoài nội dung tinh giản của Bộ GD&ĐT, mức độ phù hợp giống với câu nghị luận học trong đề thi chính thức năm 2019. Và đây là đơn vị kiến thức nhỏ (không phải toàn bộ tác phẩm), phù hợp với dung lượng bài văn 5 điểm trong thời lượng đề thi 120 phút.

B. MA TRẬN ĐỀ THI

MA TRẬN

PHẦN	CÂU	CẤP ĐỘ NHẬN THỨC			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
ĐỌC HIỂU	1	x			
	2		x		
	3		x		

	4			x	
LÀM VĂN	1			x	
	2				

C – BIÊN SOẠN ĐỀ THI

I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích:

Sự trưởng thành của con người luôn song hành cùng những vấp ngã và sai lầm. Vì thế, hãy chấp nhận điều đó như một lẽ tự nhiên. Khi trẻ học nói, học đi hay bất cứ điều gì, chúng đều phải nếm trải những va vấp. Chúng ta cũng vậy, có thể đằng sau những tư tưởng vừa linh hoạt, hoặc sau sự chín chắn rèn giũa được là một thất bại, hay một bước lùi nào đó. Tuy nhiên, đừng đánh đồng những sai lầm ấy với việc ta không thể trưởng thành. Hãy hiểu rằng, như một lẽ tự nhiên, sau một bước tiến xa luôn tồn tại một bước lùi gần và hãy tin tưởng rằng mọi trải nghiệm đều đem lại cho ta những bài học quý giá nếu ta biết trân trọng nó.

Chính vì vậy, đừng giữ thái độ cầu toàn trong mọi sự. Dĩ nhiên, để đạt được điều mình mong muốn, ta phải không ngừng nỗ lực. Nhưng đừng yêu cầu cuộc đời phải viên mãn thì ta mới hài lòng và cũng đừng đòi hỏi mọi mối quan hệ phải hoàn hảo thì ta mới nâng niu trân trọng. Hoàn hảo là một điều không tưởng. Trên đời, chẳng có gì là hoàn thiện, hoàn mỹ cả. [...]

Khi kiếm tìm sự hoàn hảo, người ta dễ trở nên hà khắc, hay phán xét bản thân và mọi người. Bởi vậy, trên con đường trưởng thành của mình, mỗi người cần phải học cách chấp nhận người khác và chấp nhận bản thân như vốn có.

(Theo Quên hôm qua sống cho ngày mai - Tian Dayton, Ph. D, biên dịch: Thu Trang – Minh Tươi, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2014, tr.68 - 69)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (NB). Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2 (NB). Theo tác giả, vì sao đừng giữ thái độ cầu toàn trong mọi sự?

Câu 3 (TH). Anh/Chị hiểu như thế nào về ý kiến: *như một lẽ tự nhiên, sau một bước tiến xa luôn tồn tại một bước lùi gần?*

Câu 4 (VD). Anh/Chị có đồng tình với quan niệm: *trên con đường trưởng thành của mình, mỗi người cần phải học cách chấp nhận người khác và chấp nhận bản thân như vốn có?* Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ về ý nghĩa sự trải nghiệm trong cuộc sống.

Câu 2. (5,0 điểm)

Làng ở trong tầm đại bác của đồn giặc. Chúng nó bắn, đã thành lệ, mỗi ngày hai lần, hoặc buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và sẩm tối, hoặc nửa đêm và trở gà gáy. Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu cạnh con nước lớn. Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn.

Trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khoẻ như vậy. Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Cũng có ít loại cây ham ánh sáng mặt trời đến thế. Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, lỏng lách vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra, thơm mỡ màng. Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết. Nhưng cũng có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum sê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. Đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng. Chúng vượt lên rất nhanh, thay thế những cây đã ngã... Cứ thế hai ba năm nay rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng...

Đứng trên đồi xà nu ấy trông ra xa, đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp tới chân trời.

(Trích **Rừng xà nu** – Nguyễn Trung Thành, *Ngữ văn 12*, Tập hai, tr 38, NXB Giáo dục Việt Nam, 2008)

Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp hình tượng cây xà nu trong đoạn trích trên trên. Từ đó, nhận xét bút pháp miêu tả thiên nhiên của nhà văn Nguyễn Trung Thành.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI CHI TIẾT

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.	0,5
	2	Theo tác giả, <i>đừng giữ thái độ cầu toàn trong mọi sự</i> vì: - Sự trưởng thành của con người luôn song hành cùng những vấp ngã và sai lầm. - Hoàn hảo là một điều không tưởng. Trên đời chẳng có gì là hoàn thiện, hoàn mĩ cả. - Khi kiếm tìm sự hoàn hảo, người ta dễ trở nên hà khắc, hay phán xét bản thân và mọi người.	0, 5
	3	<i>Như một lẽ tự nhiên, sau một bước tiến xa luôn tồn tại một bước lùi gần</i> có thể được hiểu như sau: sau mỗi thành công đạt được, con người luôn phải có những phút chiêm nghiệm, tự rút kinh nghiệm cho bản thân. Sau mỗi “bước tiến xa” để đi về phía trước, luôn tồn tại và cần thiết phải có những bước lùi lại, nhìn nhận những gì mình đã làm để rút ra bài học, trên cơ sở đó mới mong đạt được những bước tiến xa hơn nữa, thành công hơn nữa.	1,0
	4	- Đồng ý với quan điểm trên con đường trưởng thành của mình,	1,0

		mỗi người cần phải học cách chấp nhận người khác và chấp nhận bản thân như vốn có. - Vì: + Con người là tổng thể của các mối quan hệ xã hội, phải biết chấp nhận mình cùng người khác thì mới cùng chung sống được. + Chấp nhận mình và người khác như bản thân vốn có để có những đánh giá đúng về bản thân mình và những người xung quanh. + Biết được khả năng của bản thân mình và người khác sẽ có phương hướng phát huy những ưu điểm của mình, hạn chế những khuyết điểm mà mình mắc phải. Đồng thời, biết học tập những điểm mạnh của người khác cũng như không trở nên quá hà khắc, hay phán xét bản thân và mọi người. + Chấp nhận mình và chấp nhận người khác như bản thân vốn có không phải là thỏa mãn với những gì mình có mà là một cách để trân trọng hiện tại, hướng tới ngày mai tốt đẹp hơn.	
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ về ý nghĩa sự trải nghiệm trong cuộc sống.	2,0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: ý nghĩa sự trải nghiệm trong cuộc sống.	0,25
		1. Giải thích - Sự trải nghiệm: quá trình tham gia, tìm hiểu, dần thân thực hành các công việc khác nhau trong những vấn đề thuộc bất kì lĩnh vực nào của cuộc sống. - Ý nghĩa của sự trải nghiệm là mang đến cho chúng ta những bài học kinh nghiệm cần thiết cho những hoạt động, việc làm, những bước tiến tiếp theo. 2. Bàn luận, chứng minh a. Vì sao cần phải có sự trải nghiệm - Sự trưởng thành của con người luôn song hành cùng những vấp ngã và sai lầm, không ai có thể thành công	1,0

	ngay từ lần đầu tiên, chính trải nghiệm giúp ta tự nhận ra ưu và khuyết điểm của mình. - Trên đời, không có gì là hoàn hảo, hoàn mỹ nên sau mỗi lần trải nghiệm, chúng ta sẽ tự hoàn thiện bản thân để vươn tới những điều tốt đẹp hơn. - Ai cũng cần những trải nghiệm thì mới nên người, khi nhận thức được điều đó, việc đánh giá mình và người khác cũng trở nên bớt hà khắc, tránh gây những tổn thương không đáng có cho mọi người xung quanh. b. Ý nghĩa của trải nghiệm - Mang đến cho chúng ta những bài học mới, nhận ra những nhược điểm, ưu điểm của bản thân cũng như những người bên cạnh, từ đó có hướng khắc phục đúng đắn để sẵn sàng đón nhận những cơ hội mới. Sự trải nghiệm giúp con người trưởng thành theo thời gian. Dẫn chứng: + Những kì giao lưu, cọ sát, thi thử giúp học sinh củng cố tinh thần, biết bổ sung những kiến thức còn thiếu hụt + Qua bao nhiêu trải nghiệm, thất bại rồi thành công, đội tuyển U23 Việt Nam mới vững vàng như ngày hôm nay để ghi tên mình trên bản đồ bóng đá châu lục. - Trải nghiệm giúp chúng ta có cái nhìn khoan dung hơn với bản thân mình và những người xung quanh, từ đó không khiến cho chính mình và mọi người áp lực. Khi học tập và làm việc với tinh thần thoải mái, tỉ lệ thành công càng cao hơn. Dẫn chứng: + Những danh nhân nổi tiếng, những doanh nhân, những người truyền cảm hứng không ít lần thất bại và sau trải nghiệm đó họ lại có thêm động lực để nghiên cứu, tìm tòi và dẫn tới thành công: Bill Gates, Steve Jobs, c. Phản đề - Sự trải nghiệm luôn luôn là điều cần thiết để con người tự tích lũy, tự học tập nhưng có những thứ không cần trải nghiệm, ví dụ như sử dụng những chất cấm, làm những điều trái pháp luật... - Phải cần có trải nghiệm mới nên người, do đó nên có cái nhìn bao dung với những lỗi lầm nhưng cũng cần ghi nhớ, có những lỗi lầm không thể tha thứ được, có những may mắn chẳng bao giờ đến lần thứ hai, nên cũng phải biết nắm bắt cơ hội để bứt phá.	
	d. Sáng tạo	0,25

		Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Cảm nhận của anh/ chị về đẹp hình tượng sông Đà ở đoạn trích. Từ đó, nhận xét phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn thơ (có ý phụ) Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Về đẹp hình tượng cây xà nu, nhận xét bút pháp miêu tả thiên nhiên của nhà văn Nguyễn Trung Thành.	0,25
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài - Nguyễn Trung Thành là nhà văn có sở trường viết về Tây Nguyên qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. <i>Rừng xà nu</i> -truyện ngắn đỉnh cao và xuất sắc nhất của văn xuôi đánh Mỹ. Tác phẩm phản ánh cuộc đấu tranh anh dũng bất khuất, kiên cường của đồng bào Tây Nguyên. Một trong những thành công nổi bật của Nguyễn Trung Thành là xây dựng hình tượng <i>Rừng xà nu</i> thể hiện chiều sâu của tác phẩm, tạo nên tính cô đúc, hàm súc mang sắc màu anh hùng ca của tác phẩm của văn xuôi đánh Mỹ. - Nêu vấn đề cần nghị luận: Tác phẩm tập trung ca ngợi vẻ đẹp hình tượng cây xà nu, qua đó thể hiện bút pháp miêu tả thiên nhiên của nhà văn Nguyễn Trung Thành.	0,25
		3.2.Thân bài a. Khái quát về truyện ngắn, đoạn trích -Truyện ngắn “Rừng xà nu” viết năm 1965, in trong tập “Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc”; -Truyện miêu tả rừng xà nu và kể chuyện về Tnú sau ba năm đi “lực lượng” được về thăm làng. Đêm đó, cụ Mết kể lại câu chuyện cuộc đời Tnú và cuộc nổi dậy của dân làng Xô Man. Kết truyện, cụ Mết và Dít tiễn Tnú trở về đơn vị. -Đây là đoạn mở đầu thiên truyện về một làng Xô Man	0,25

	nhỏ bé nhưng kiên cường, bất khuất. -Đoạn trích là một bức tranh, trong đó tác giả tái hiện hình ảnh rừng xà nu hiên ngang, đầy sức sống trước sự huỷ diệt của kẻ thù. Nó là hình ảnh thu nhỏ của làng Xô Man, như là biểu tượng của người dân Tây Nguyên anh dũng, khát khao độc lập, tự do. b. Cảm nhận nội dung, nghệ thuật vẽ đẹp hình tượng cây xà nu b.1. Về nội dung - Cây xà nu, rừng xà nu đau thương trong bom đạn: +Năm 1965, đế quốc Mỹ đưa quân vào miền Nam, chúng mở rộng cuộc chiến tranh và đập tắt các phong trào đấu tranh cách mạng trên mảnh đất Tây Nguyên. Hình ảnh cây xà nu, rừng xà nu cùng chịu chung số phận từ bom đạn của kẻ thù với hình ảnh <i>“Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn”</i>. Với đoạn văn miêu tả thật sống động, nhà văn đã thổi vào cây xà nu, rừng xà nu như một sinh thể có hồn, mang dáng vẻ của một con người, một tập thể đang chịu đựng trước sự tàn phá do bom đạn của đế quốc. Đặc biệt, với nghệ thuật tăng cấp <i>“cả rừng xà nu không có cây nào không bị thương”</i> chứng tỏ, bom đạn của đế quốc, chúng ra sức huỷ diệt sức sống của thiên nhiên, môi trường sống của con người với chính sách <i>“đốt sạch, quét sạch, giết sạch”</i>. Và hình ảnh <i>“nhựa ứa ra, tràn trề ... và đặc quện thành từng cục máu lớn”</i>, một hình ảnh nhân hóa độc đáo, chứng tỏ nhựa xà nu chính là hơi thở, mạch sống là máu thịt của con người Tây Nguyên đang chịu đựng sự đau thương tàn khốc trước bom đạn của Đế quốc, càng khơi dậy lòng căm thù sâu sắc của người dân Tây Nguyên đối với quân giặc thật vô cùng. +Hình ảnh cây xà nu tiếp tục khắc họa với nét bút độc đáo của Nguyễn Trung Thành, tác giả đã thổi vào cây xà nu mang dáng vẻ như con người đang hứng chịu trước bom đạn tàn khốc của đế quốc qua hình ảnh thật xúc động: <i>“Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đạn đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết”</i>. Với ngôn ngữ tạo hình độc đáo, tác giả khắc họa hình ảnh cây xà nu con đang vươn mình tràn đầy sức sống nhưng bom đạn của kẻ thù ra sức huỷ diệt, những cây con	2,0
--	--	-----

không đủ sức đề kháng, vết thương cứ loét mãi ra rồi cây chết, càng gọi cho người đọc thấy rõ sức sống thiên nhiên bị hủy diệt cũng là sự hủy diệt cả hơi thở của người dân Tây Nguyên, càng cho chúng ta thấy rõ bom đạn tội ác của đế quốc trong chiến tranh Việt Nam thật vô cùng tàn bạo.

-Cây xà nu, rừng xà nu vươn mình trở dậy:

+Rừng xà nu nằm cạnh con nước lớn ngang tầm đạn đại bác của giặc, mỗi ngày đều chịu sự tàn phá khốc liệt do bom đạn của kẻ thù, nhưng cây xà nu vẫn vươn mình trở dậy, đón nhận ánh sáng của mặt trời, toát lên một sức sống mãnh liệt, hiên ngang, bất khuất như tinh thần bất khuất của người dân Tây Nguyên trước kẻ thù, với hình ảnh: *“Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời”*. Bằng nghệ thuật tăng cấp, kết hợp biện pháp nhân hóa, so sánh cho chúng ta hình dung, trước sự tàn phá do bom đạn của đế quốc nhưng không thể nào hủy diệt sức sống của cây xà nu, khi một cây ngã gục lại nhiều cây khác trỗi dậy, nhú lên “ngọn xanh rờn”, chứng tỏ sức sống tiềm tàng của cây xà nu thật mãnh liệt và hình ảnh “hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời” có khác gì như mũi tên của những chàng dũng sĩ Tây Nguyên đang hướng về phía kẻ thù để chiến đấu nhằm tiêu diệt cũng là vẻ đẹp về tinh thần bất khuất của người dân Xô Man thời chống Mỹ.

+Sức sống của cây xà nu vẫn hiên ngang, ngạo nghễ thách thức trước bom đạn kẻ thù với hình ảnh nhân hóa độc đáo, sáng tạo qua ngòi bút của Nguyễn Trung Thành: *“Có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum sê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. Đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng”*. Qua đoạn văn miêu tả vừa hiện thực vừa lãng mạn, tác giả khắc họa hình ảnh cây xà nu mang một sức sống tiềm tàng, bất diệt. Nó có sức đề kháng rất mãnh liệt trước bom đạn tối tân của đế quốc, toát lên một dáng vẻ mạnh mẽ cường tráng, ngạo nghễ, cho chúng ta liên tưởng tinh thần bất khuất của người dân Xô Man dù đối diện trước bom đạn cùng hành động tàn bạo, khủng bố, dã man của kẻ thù, nhưng không thể nào dập tắt ngọn lửa đấu tranh của họ. Họ vẫn bất khuất kiên cường dưới ngọn cờ cách mạng. Đúng như lời nói cụ Mết: *“Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo!..., Đảng còn, núi nước này còn”*.

- Cây xà nu, rừng xà nu sừng sững tiếp nối bất diệt.

+ Nói đến, bom đạn của đế quốc là vũ khí tối tân, mà rừng xà nu lại nằm ngay trong tầm đạn đại bác của giặc. Trước sự tàn phá của kẻ thù nhằm hủy diệt sức sống thiên nhiên và

	cuộc sống con người Tây Nguyên, chúng ra sức tàn phá, đàn áp, khủng bố nhằm dập tắt cuộc đấu tranh của nhân dân Tây Nguyên tiêu biểu là dân làng Xô Man. Nhưng lạ thay, đã bao năm qua, cây xà nu, rừng xà nu vẫn sinh sôi nảy lộc, vươn mình khoe sắc dưới ánh sáng mặt trời, rừng Xà nu vẫn “<i>ưỡn tấm ngực lớn của mình ra che chở cho làng</i>”. Một hình ảnh so sánh nhân hóa độc đáo, toát lên vẻ đẹp giữa thiên nhiên và con người Tây Nguyên thật kiên cường bất khuất. +Nhà văn tiếp tục khám phá sức sống của cây xà nu, rừng xà nu thật mãnh liệt bền vững đó là hình ảnh: “<i>Đứng trên đồi xà nu ấy trông ra xa, đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp tới chân trời</i>”. Với nghệ thuật nhân hóa, tăng cấp, tác giả thổi vào cây xà nu có một sức sống bất diệt, nó vượt lên sự khắc nghiệt do bom đạn của đế quốc. Nó vẫn đứng sừng sững kiên cường giữa vùng đất Tây Nguyên anh dũng là vẻ đẹp về tinh thần đấu tranh bất khuất bền bỉ của người dân Tây Nguyên thời chống Mỹ. - Mở rộng cảm nhận: Không chỉ ở đoạn văn mở đầu mà càng đi sâu vào nội dung của tác phẩm, người đọc lại càng tìm thấy sức sống bất diệt của cây xà nu, một loài cây đáng quý dù bom đạn tàn phá, cày nát đồi xà nu, rừng xà nu nhưng qua lời nói khẳng định của cụ Mết: “<i>Không có cây gì mạnh bằng cây xà nu đất ta. Cây mẹ ngã, cây con mọc lên. Đố nó giết hết rừng xà nu này</i>”. Lời nói dứt khoát khẳng định của cụ Mết càng cho ta thấy rõ sức sống mãnh liệt bền vững của cây xà nu thật vô cùng, cũng là sức sống kiên cường, bất khuất của người dân Tây Nguyên qua hai thời kì đấu tranh chống Pháp và chống Mỹ. b.2.Về nghệ thuật: Hình tượng cây xà nu được xây dựng bằng nghệ thuật độc đáo: - Kết hợp miêu tả bao quát lẫn cụ thể, khi dựng lên hình ảnh cả khu rừng, khi đặc tả cận cảnh một số cây. - Phối hợp cảm nhận của nhiều giác quan trong việc miêu tả những cây xà nu với vóc dáng đầy sức lực, tràn trề mùi nhựa thơm, ngời xanh dưới ánh nắng... - Miêu tả cây xà nu trong sự so sánh, đối chiếu thường xuyên với con người. Các hình thức nhân hóa, ẩn dụ, tượng trưng đều được vận dụng nhằm thể hiện sống động vẻ hùng vĩ, khoáng đạt của thiên nhiên đồng thời gợi nhiều suy tưởng sâu xa về con người, về đời sống. - Giọng văn đầy biểu cảm với những cụm từ được lặp đi lặp lại gây cảm tưởng đoạn văn giống như một đoạn thơ trữ tình. c. Nhận xét bút pháp miêu tả thiên nhiên của nhà văn Nguyễn Trung Thành: Tác giả đã sử dụng bút pháp miêu tả	0,5 1,0
--	---	-----------------------

	giàu chất sử thi và cũng rất lãng mạn, bay bổng: - Đối lập giữa sự tàn khốc của chiến tranh với sức sống của cây xà nu; - Tạo dựng được một bức tranh hoành tráng và đầy lãng mạn về cây xà nu, rừng xà nu (không gian ngút ngàn và hình tượng cây xà nu khoẻ khoắn, mạnh mẽ, ham ánh sáng, khí trời, tràn đầy sinh lực, căng đầy nhựa sống,...). - Ngôn ngữ miêu tả trong đoạn trích khi mạnh mẽ, hùng tráng khi tha thiết, tự hào; vừa lãng mạn bay bổng vừa trữ tình sâu lắng... Mạnh mẽ, hùng tráng khi miêu tả, nhấn mạnh sự khốc liệt của chiến tranh; tha thiết, tự hào khi miêu tả sức sống kì diệu của cây xà nu. - Điểm nhìn mang tính sử thi và cảm hứng lãng mạn: đó là một cái nhìn thể hiện sự khâm phục, trân trọng và ngưỡng vọng đối với cái cao cả; đó là cảm hứng ngợi ca, tôn vinh cái hùng, cái đẹp của thiên nhiên và con người. 3.3. Kết bài - Đoạn trích mở đầu truyện ngắn <i>Rừng xà nu</i> mang đầy ý nghĩa biểu trưng, là âm hưởng chủ đạo tạo phong nền cho diễn biến của toàn bộ thiên truyện. Hình tượng cây xà nu và rừng xà nu tiêu biểu cho sức sống của người dân Tây Nguyên. Mỗi cây xà nu là một con người, các thế hệ xà nu là các thế hệ người dân làng Xô Man, cả rừng xà nu là hình ảnh làng Xô Man kiên cường, bất khuất. - Nêu cảm nghĩ về tư tưởng và nghệ thuật của nhà văn qua đoạn trích nói riêng, tác phẩm nói chung.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25

**ĐỀ PHÁT TRIỂN
TỪ ĐỀ MINH HỌA 2021
CHUẨN CẤU TRÚC**

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2021
Môn thi thành phần: Ngữ Văn
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

ĐỀ SỐ 23

A. ĐỊNH HƯỚNG RA ĐỀ

1. Cấu trúc đề vẫn gồm hai phần, đó là phần Đọc hiểu (3 điểm) và Làm văn (7 điểm).
- Trong đó, câu hỏi Đọc hiểu gồm ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa cùng 4 câu hỏi đọc hiểu theo các mức độ: Nhận biết/ thông hiểu/ vận dụng. Đó là những dạng câu hỏi quen thuộc với học trò từ nhiều năm nay.

- Trong phần Làm văn, câu Nghị luận xã hội (2 điểm) với yêu cầu viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nội dung nghị luận là vấn đề có quan hệ hữu cơ với nội dung trong ngữ liệu đọc hiểu.

2. Nội dung:

- Đề đảm bảo kiến thức cơ bản, và không có kiến thức trong nội dung tinh giản mà Bộ mới công bố ngày 31.3.2020. Đề không khó, vừa sức với học sinh, học sinh trung bình không khó để đạt mức điểm 5 - 6; học sinh khá đạt 7 - 8. Tuy nhiên để đạt mức điểm 9-10 đòi hỏi học sinh phải phát huy được tư duy phản biện, các trình bày vấn đề nghị luận sắc bén, thể hiện quan điểm cá nhân mang tính sáng tạo.

- Phần Đọc hiểu trong đề thi sử dụng ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa, gồm một đoạn trích dẫn cho trước và 4 câu hỏi. Để trả lời được 4 câu hỏi này, đòi hỏi học sinh phải nắm chắc kiến thức về Tiếng Việt, đọc hiểu nội dung và suy ngẫm, đánh giá. Đặc biệt ở câu 3, câu 4 đòi hỏi người làm bài phải hiểu sâu sắc đoạn trích, câu trích dẫn thì bài làm mới hay, hiểu đúng vấn đề.

- Trong phần Làm văn:

+ Đề thi yêu cầu học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội: Câu này vẫn giữ nguyên tắc ra đề truyền thống, yêu cầu học sinh viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về một vấn đề được rút ra từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.

+ Ở câu nghị luận văn học, nội dung câu hỏi nằm ở phần kiến thức chương trình học kì I lớp 12, không ra ngoài nội dung tinh giản của Bộ GD&ĐT, mức độ phù hợp giống với câu nghị luận học trong đề thi chính thức năm 2019. Và đây là đơn vị kiến thức nhỏ (không phải toàn bộ tác phẩm), phù hợp với dung lượng bài văn 5 điểm trong thời lượng đề thi 120 phút.

B. MA TRẬN ĐỀ THI

MA TRẬN

PHẦN	CÂU	CẤP ĐỘ NHẬN THỨC			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
ĐỌC HIỂU	1	x			
	2	x			
	3		x		

	4			x	
LÀM VĂN	1			x	
	2				

C – BIÊN SOẠN ĐỀ THI

I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích:

Bài học về việc đón nhận thành công luôn thật dễ hiểu và dễ thực hiện. Nhưng đối mặt với thất bại, nhất là thất bại đầu đời, lại là điều không hề dễ dàng. Với tất cả mọi người, thất bại - nhất là thất bại trong các mối quan hệ - thường vẫn tạo ra những tổn thương sâu sắc. Điều này càng trở nên nặng nề đối với các bạn trẻ. Nhưng bạn có biết rằng tất cả chúng ta đều có quyền được khóc? Vậy nên nếu bạn đang cảm thấy cô đơn, tuyệt vọng thì hãy cho phép mình được khóc. Hãy để những giọt nước mắt ấm nồng xoa dịu trái tim đang thổn thức của bạn. Và hãy tin rằng ở đâu đó, có một người nào đó vẫn đang sẵn lòng kề vai cho bạn tựa, muốn được ôm bạn vào lòng và lau khô những giọt nước mắt của bạn... Muốn nhìn thấy cầu vồng, ta phải đi qua cơn mưa... Vì thế, hãy tin ngày mai nắng sẽ lên, và cuộc đời lại sẽ thơm hồng những ước mơ của bạn, một khi bạn còn giữ trong lòng ánh sáng của niềm tin.

(Theo Hạt giống tâm hồn dành cho tuổi teen, Tập 2 -Nhiều tác giả, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2012, trang 02)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (NB). Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2 (NB). Theo tác giả, điều gì có thể giúp con người đứng lên sau thất bại?

Câu 3 (TH). Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu: “*Muốn nhìn thấy cầu vồng, ta phải đi qua cơn mưa...*”

Câu 4 (VD). Anh/chị có đồng ý với ý kiến: “*Hãy tin ngày mai nắng sẽ lên, và cuộc đời lại sẽ thơm hồng những ước mơ của bạn, một khi bạn còn giữ trong lòng ánh sáng của niềm tin*”? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ về cách ứng xử của bản thân khi gặp thất bại.

Câu 2. (5,0 điểm)

*Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.*

(Trích Tây Tiến – Quang Dũng, Ngữ Văn 12, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.88)

Cảm nhận của anh chị về đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét cảm hứng lãng mạn của hồn thơ Quang Dũng.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI CHI TIẾT

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.	0,5
	2	Theo tác giả, niềm tin vào ngày mai, vào những điều tốt đẹp sẽ giúp con người đứng lên sau thất bại	0, 5
	3	- Biện pháp tu từ: ẩn dụ: Cầu vồng (thành công), cơn mưa (khó khăn, thất bại) - Tác dụng: làm cho cách diễn đạt trở nên gợi hình, gợi cảm. Nó cũng giúp chúng ta liên tưởng một điều: Muốn có được thành công, chúng ta phải trải qua những thử thách, gian khổ.	1,0
	4	- Thí sinh thể hiện rõ quan điểm: có thể đồng tình/không đồng tình/ đồng tình một phần. - Thí sinh lí giải được quan điểm của mình một cách hợp lí	1,0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ chia sẻ <i>cách ứng xử của bản thân khi gặp thất bại.</i>	2,0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: <i>cách ứng xử của bản thân khi gặp thất bại.</i>	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận Học sinh có thể triển khai theo cách sau: - Tìm hiểu nguyên nhân thất bại	1,0

		- Phải đối diện với thất bại và thừa nhận nó. - Có thái độ phù hợp: tích cực, không bi quan - Từ thất bại rút ra bài học kinh nghiệm, học hỏi thêm để hoàn thiện bản thân - Đừng ngồi yên quá lâu, đứng dậy tiếp tục lập kế hoạch và hành động...	
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Cảm nhận của anh/ chị về đẹp hình tượng sông Đà ở đoạn trích. Từ đó, nhận xét phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn thơ (có ý phụ) Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. <i>(Nếu cảm nhận đoạn thơ mà không làm rõ ý phụ phần nhận xét thì không tính điểm cấu trúc)</i>	0,25
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Nổi nhớ thể hiện trong đoạn thơ trên; nhận xét cảm hứng lãng mạn của hồn thơ Quang Dũng.	0,25
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: – Giới thiệu Quang Dũng và bài thơ “Tây Tiến” – Nêu vấn đề cần nghị luận 3.2.Thân bài: a. Khái quát về bài thơ, đoạn thơ - Về hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, cảm hứng chung của tác phẩm; - Vị trí, nội dung đoạn thơ. b. Cảm nhận nội dung, nghệ thuật đoạn thơ	0,25 0,25

	- Về nội dung: + <i>Bốn dòng thơ đầu</i>: Bức tranh thiên nhiên núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội, bí hiểm mà thơ mộng, trữ tình: <i>Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm</i> <i>Heo hút cồn mây súng ngửi trời</i> <i>Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống</i> <i>Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi</i> Khổ thơ này là một bằng chứng trong thơ có hoạ (thi trung hữu hoạ). Chỉ bằng bốn câu thơ, Quang Dũng đã vẽ ra một bức tranh hoành tráng diễn tả rất đạt sự hiểm trở và dữ dội, hoang vu và heo hút của núi rừng miền Tây Bắc: ++ Những từ ngữ giàu giá trị tạo hình “khúc khuỷu, thăm thẳm, cồn mây, súng ngửi trời” đã diễn tả thật đắt sự hiểm trở, trùng điệp và độ cao ngất trời của núi đèo miền Tây. ++ Hai chữ “ngửi trời” rất hồn nhiên và cũng rất táo bạo, vừa ngộ nghĩnh, vừa tinh nghịch. Núi cao tưởng chừng chạm mây, mây nổi thành cồn “heo hút”. Người lính trèo lên những ngọn núi cao dường như đang đi trên mây, mũi súng chạm tới đỉnh trời. ++ Câu thứ ba như bẻ đôi, diễn tả dốc núi vút lên, đổ xuống gần như thẳng đứng, nhìn lên cao chót vót, nhìn xuống sâu thăm thẳm. ++ Qua câu thứ tư, có thể hình dung một không gian mịt mù sương rừng, mưa núi, thấp thoáng những ngôi nhà như đang bồng bềnh trôi giữa biển khơi. Bốn câu thơ phối hợp với nhau, tạo nên một âm hưởng đặc biệt. Sau ba câu thơ nhiều thanh trắc đầy những nét gân guốc, câu thứ tư toàn thanh bằng là một nét vẽ rất mềm mại. + Hai câu tiếp: Cái vẻ hoang dại, dữ dội, chứa đầy bí mật ghê gớm của núi rừng miền Tây không chỉ được mở ra theo chiều <i>không gian</i> mà còn được khám phá ở cái chiều <i>thời gian</i>, luôn luôn là mối đe dọa khủng khiếp đối với con người: <i>Chiều chiều oai linh thác gầm thét</i> <i>Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người</i> Cảnh núi rừng miền Tây hoang sơ và hiểm trở, qua ngòi	2,0
--	---	-----

	bút Quang Dũng, hiện lên với đủ cả núi cao, vực sâu, dốc thẳm, mưa rừng, sương núi, thác gầm, cọp dữ,... Những tên đất lạ “Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch”, những hình ảnh giàu giá trị tạo hình, làm nên thế giới khác thường vừa đa dạng, vừa độc đáo của núi rừng. + Hai câu tiếp: Hình ảnh người lính trên chặng đường hành quân đầy gian nan, nguy hiểm; tuy vất vả, hy sinh nhưng vẫn ngang tàng, trẻ trung, lãng mạn: ++ Những cuộc hành quân gian khổ triền miên qua núi cao, vực sâu, rừng thiêng nước độc đã khiến các chiến sĩ phải vắt kiệt sức lực và không ít người đã ngã xuống trên con đường hành quân. Cảm hứng lãng mạn của Quang Dũng không hề bỏ qua sự khốc liệt ấy: <i>Anh bạn dãi dàu không bước nữa</i> <i>Gục lên súng mũ bỏ quên đời!</i> ++Hình thức nói giảm nhắc đến người lính Tây Tiến với chết thảm lắng trên bước đường hành quân gian khổ, khắc sâu tính chất gian nan vô định của cuộc hành trình. - Đoạn thơ kết thúc đột ngột bằng hai câu thơ gợi nhớ cuộc sống hình dị và tình người ấm áp của người dân miền Tây nơi người lính dừng chân: <i>Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói</i> <i>Mai Châu mùa em thơm nếp xôi</i> ++ Cảnh tượng thật đầm ấm. Sau bao nhiêu gian khổ băng rừng, vượt núi, lội suối, trèo đèo, những người lính tạm dừng chân, được nghỉ ngơi ở một bản làng nào đó, quây quần bên nhau trong những bữa ăn tỏa hương thơm lúa nếp ngày mùa. Tất cả tạo cảm giác êm dịu, ấm áp. ++ Lời thơ vừa trang nhã, vừa hùng mạnh, hình ảnh nhẹ nhàng, nét bút mềm mại, giọng thơ tha thiết + Sơ kết: Đoạn thơ có hai hình ảnh đan cài: vùng đất xa xôi, hùng vĩ, dữ dội, khắc nghiệt nhưng vô cùng thơ mộng, trữ tình; hình ảnh người lính trên chặng đường hành quân: gian khổ, hi sinh mà tâm hồn vẫn trẻ trung lãng mạn. - Về nghệ thuật: +Kết hợp hài hòa giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn + Ngôn ngữ giàu giá trị tạo hình (Trong thơ có hoạ). Có sự	0,5
--	---	-------------------

	đan xen giữa hình ảnh dữ dội, khốc liệt và hình ảnh lãng mạn gợi vẻ đẹp của thiên nhiên miền Tây; +Giàu nhạc điệu: kết hợp đặc sắc âm điệu và vần điệu, phối thanh bằng – trắc, vần <i>oi</i> ở hai dòng thơ đầu tạo âm hưởng đặc biệt tạo sự đa dạng trong giọng điệu thơ. +Biện pháp tu từ đặc sắc ++ Liệt kê: tên gọi các địa danh được chọn lựa và phối hợp, tạo hiệu ứng âm thanh như từng đợt “sóng” bồi đầy nỗi nhớ vào lòng người. ++ Câu cảm thán làm nỗi nhớ trở nên da diết hơn. ++Ngôn ngữ suy tưởng: “ <i>mùa em thơm nếp xôi</i>” tạo nên nhiều tầng nghĩa. c. Nhận xét cảm hứng lãng mạn của hồn thơ Quang Dũng. Bút pháp lãng mạn của QD trong đoạn thơ của <i>Tây Tiến</i> được biểu hiện cụ thể trong lối viết không hướng về cái bi, có gợi thương, gợi sự đồng cảm nhưng không xoáy sâu vào cảm xúc bi thương. Xuyên suốt khổ thơ, nhà thơ luôn hướng tới những hình ảnh kỳ vĩ “đèo cao”, “vực sâu” “ dốc thăm thẳm” hay “súng ngửi trời”,...cùng những hình ảnh thơ mộng “nhà ai”, “mưa xa khơi”, hình ảnh chân thật gầu gụi đầy tình người “com lên khói”, “nếp xôi”, ngoài ra còn kết hợp với thể thơ thất ngôn trường thiên giàu nhạc điệu hào hùng, mạnh mẽ. QD sử dụng nhuần nhuyễn các biện pháp tu từ: từ láy, nhân hóa, điệp từ, điệp cấu trúc ngữ pháp và nhiều hình ảnh giàu sức gợi. Tất cả tạo nên một tổng thể hài hòa, chặt chẽ, tạo nên một <i>Tây Tiến</i> đầy cảm xúc. QD đã vận dụng thành công bút pháp lãng mạn lên bức tranh thiên nhiên hùng vĩ đầy những hiểm nguy và những mất mát hy sinh mà đời lính phải trải qua.QD mở rộng tâm hồn đón nhận cuộc sống chiến đấu của <i>Tây Tiến</i> từ mọi phía, không theo bất kì khuôn mẫu nào.Tác phẩm là đóng góp lớn của ông trong sự nghiệp thơ ca thời kháng chiến chống Pháp . 3.3.Kết bài - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp của đoạn thơ trong <i>Tây Tiến</i>; - Nêu cảm nghĩ về nhà thơ, thiên nhiên và hình tượng người lính <i>Tây Tiến</i>.	1,0 0,5
	4. Sáng tạo	0,25

		Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
		5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25

**ĐỀ PHÁT TRIỂN
TỪ ĐỀ MINH HỌA 2021
CHUẨN CẤU TRÚC**

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2021
Môn thi thành phần: Ngữ Văn
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

ĐỀ SỐ 24

A. ĐỊNH HƯỚNG RA ĐỀ

1. Cấu trúc đề vẫn gồm hai phần, đó là phần Đọc hiểu (3 điểm) và Làm văn (7 điểm).
- Trong đó, câu hỏi Đọc hiểu gồm ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa cùng 4 câu hỏi đọc hiểu theo các mức độ: Nhận biết/ thông hiểu/ vận dụng. Đó là những dạng câu hỏi quen thuộc với học trò từ nhiều năm nay.

- Trong phần Làm văn, câu Nghị luận xã hội (2 điểm) với yêu cầu viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nội dung nghị luận là vấn đề có quan hệ hữu cơ với nội dung trong ngữ liệu đọc hiểu.

2. Nội dung:

- Đề đảm bảo kiến thức cơ bản, và không có kiến thức trong nội dung tinh giản mà Bộ mới công bố ngày 31.3.2020. Đề không khó, vừa sức với học sinh, học sinh trung bình không khó để đạt mức điểm 5 - 6; học sinh khá đạt 7 - 8. Tuy nhiên để đạt mức điểm 9-10 đòi hỏi học sinh phải phát huy được tư duy phản biện, các trình bày vấn đề nghị luận sắc bén, thể hiện quan điểm cá nhân mang tính sáng tạo.

- Phần Đọc hiểu trong đề thi sử dụng ngữ liệu nằm ngoài sách giáo khoa, gồm một đoạn trích dẫn cho trước và 4 câu hỏi. Để trả lời được 4 câu hỏi này, đòi hỏi học sinh phải nắm chắc kiến thức về Tiếng Việt, đọc hiểu nội dung và suy ngẫm, đánh giá. Đặc biệt ở câu 3, câu 4 đòi hỏi người làm bài phải hiểu sâu sắc đoạn trích, câu trích dẫn thì bài làm mới hay, hiểu đúng vấn đề.

- Trong phần Làm văn:

+ Đề thi yêu cầu học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội: Câu này vẫn giữ nguyên tắc ra đề truyền thống, yêu cầu học sinh viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về một vấn đề được rút ra từ ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.

+ Ở câu nghị luận văn học, nội dung câu hỏi nằm ở phần kiến thức chương trình học kì I lớp 12, không ra ngoài nội dung tinh giản của Bộ GD&ĐT, mức độ phù hợp giống với câu nghị luận học trong đề thi chính thức năm 2019. Và đây là đơn vị kiến thức nhỏ (không phải toàn bộ tác phẩm), phù hợp với dung lượng bài văn 5 điểm trong thời lượng đề thi 120 phút.

B. MA TRẬN ĐỀ THI

MA TRẬN

PHẦN	CÂU	CẤP ĐỘ NHẬN THỨC			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
ĐỌC HIỂU	1	x			
	2		x		
	3		x		

	4			x	
LÀM VĂN	1			x	
	2				

C – BIÊN SOẠN ĐỀ THI

I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích:

Trong mỗi chú bé đều âm ỉ giấc mơ bay lên. Tôi cũng thế. Em chắc vẫn còn nuôi giấc mơ đó. Nhưng khi lớn lên, đôi khi những tầng mây thâm thấp thôi cũng khiến ta như bị che khuất tầm nhìn. Tệ hơn, những tầng mây sũng nước thậm chí có thể che khuất cả những giấc mơ, đè nén khát vọng của mỗi người. Một ngày mây mù có thể khiến ta yếu ớt và bị lụy. Một chút thất bại cũng giống như mây mù kéo đến, có thể làm em rút vào tổ kén bi quan. Ai đó nói rằng cách tốt nhất để hóa giải khó khăn là đi xuyên qua nó. Đi xuyên qua mây mù bằng giấc mơ phi công giữ gìn từ thơ bé. Đi xuyên qua gian khó bằng lòng lạc quan. Đi xuyên qua u mê bằng khao khát hướng đến trí tuệ, thông sáng. Đi xuyên qua thất bại bằng sự điềm đạm trưởng thành.

Vì triệu năm đã là như thế, cuộc đời có hôm nắng đẹp, có ngày mưa dầm, có tuần mây đen như đè nặng, có khoảnh khắc u ám tối dạ, rỗng đầu, nhưng mặt trời vẫn mọc mỗi sớm mai. Không phải ai cũng trở thành phi công lái Airbus hay Boeing đúng y như giấc mơ tuổi nhỏ. Nhưng ai cũng có thể học cách giữ cho mình giấc mơ bay xuyên qua những tầng mây, đón nắng rọi sáng tâm hồn khiến nụ cười luôn nở trên môi.

(Dẫn theo Hà Nhân, *Bay xuyên những tầng mây*, NXB Văn học. 2016, tr. 98)

Câu 1(NB). Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích.

Câu 2 (NB). Theo tác giả, làm thế nào để hóa giải những khó khăn trong cuộc sống?

Câu 3 (TH). Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp liệt kê trong câu: “*Vì triệu năm đã là như thế, cuộc đời có hôm nắng đẹp, có ngày mưa dầm, có tuần mây đen như đè nặng, có khoảnh khắc u ám tối dạ, rỗng đầu, nhưng mặt trời vẫn mọc mỗi sớm mai*”.

Câu 4 (VD). Anh/ chị có đồng ý với ý kiến: “*Ai cũng có thể học cách giữ cho mình giấc mơ bay xuyên qua những tầng mây, đón nắng rọi sáng tâm hồn khiến nụ cười luôn nở trên môi*”.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của mình về *sức mạnh của giấc mơ trong đời sống hiện thực của con người*.

Câu 2. (5,0 điểm)

*“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Rải rác biên cương, mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất*

Sông Mã gầm lên khúc độc hành”

(“Tây Tiến” – Quang Dũng, Ngữ văn 12, tập1, NXB Giáo dục, 2008)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trên. Từ đó, rút ra nhận xét âm hưởng bi tráng về hình tượng người lính trong thơ Quang Dũng.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI CHI TIẾT

Phần	Câu/Y	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.	0,5
	2	Theo tác giả, để hóa giải những khó khăn là đi xuyên qua nó. Đi xuyên qua mây mù bằng giấc mơ phi công giữ gìn từ thơ bé. Đi xuyên qua gian khó bằng lòng lạc quan. Đi xuyên qua u mê bằng khao khát hướng đến trí tuệ, thông sáng. Đi xuyên qua thất bại bằng sự điềm đạm trưởng thành.	0, 5
	3	Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp liệt kê trong câu: “ <i>Vì triệu năm đã là như thế, cuộc đời có hôm nắng đẹp, có ngày mưa dầm, có tuần mây đen như đè nặng, có khoảnh khắc u ám tối dạ, rỗng đầu, nhưng mặt trời vẫn mọc mỗi sớm mai</i> ”. - Nhấn mạnh trong cuộc đời của mỗi người có đầy đủ các cung bậc cảm xúc vui khi thành công (<i>hôm nắng đẹp</i>), buồn khi công việc không như ý (<i>ngày mưa dầm, mây đen đè nặng...</i>). Nhưng dù thành công hay thất bại thì bạn hãy luôn lạc quan, hãy luôn tin rằng ngày mai trời lại sáng.	1,0
	4	- Đồng ý với câu nói: “ <i>Ai cũng có thể học cách giữ cho mình giấc mơ bay xuyên qua những tầng mây, đón nắng rọi sáng tâm hồn khiến nụ cười luôn nở trên môi</i> ”. - Vì: Mỗi người dù trong hoàn cảnh khó khăn nào cũng đều có thể vượt qua và hướng đến ước mơ, khát vọng của mình mình bằng cách chấp nhận, đối diện với khó khăn, thất bại; giữ vững tinh thần lạc quan, niềm tin cuộc sống...	1,0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của mình về <i>sức mạnh của giấc mơ trong đời sống hiện thực của con người</i> .	2,0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch,	0,25

		quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích. b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: <i>ý nghĩa sự trải nghiệm trong cuộc sống.</i>	0,25
		1. Giải thích Ước mơ chính là những kế hoạch, những dự định, hoài bão mà con người mong muốn bản thân mình đạt được. Đó có thể là ước mơ gần, cũng có thể là ước mơ xa hơn nhưng tất cả đều hướng con người tới những hành động để đạt được chúng. 2. Bàn luận - Ước mơ chính là động lực thúc đẩy con người hành động, vượt qua những khó khăn thử thách, vượt qua những giới hạn của bản thân để từng bước, từng bước hoàn thành ước mơ đó. Ta có thể ví ước mơ như ngọn hải đăng chiếu sáng, chỉ đường cho mỗi người. - Nếu cuộc sống con người thiếu đi những ước mơ, hoài bão thì sẽ ra sao? Cuộc sống của con người lúc đó sẽ chìm vào màn đêm u tối. Bản thân con người thiếu đi ước mơ cũng sẽ như những con thuyền đi đêm mà thiếu ngọn hải đăng dẫn đường. Mất phương hướng, chênh vênh, chao đảo trước sóng gió cuộc đời. 3. Bài học nhận thức và hành động - Ước mơ là điều đáng có và đáng trân trọng. - Tuy nhiên, mỗi người cần xác định cho mình những ước mơ đúng đắn để không ngừng theo đuổi nó, để ước mơ của mình giúp hoàn thiện bản thân mình hơn, giúp ích cho xã hội. - Đừng biến ước mơ của mình thành ảo vọng, những tham vọng mù quáng để rồi tự nhấn chìm mình trong những ảo mộng đó mãi không thể thoát ra. Đó không phải là ước mơ chân chính.	1,0
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	2	Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trên. Từ đó, rút ra nhận xét âm hưởng bi tráng về hình tượng người lính trong thơ Quang Dũng.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn thơ (có ý phụ) Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25

	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Hình tượng người lính trong đoạn thơ và xét âm hưởng bi tráng về hình tượng người lính trong thơ Quang Dũng.	0,25
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài – Giới thiệu Quang Dũng và bài thơ <i>Tây Tiến</i>. – Nêu vấn đề cần nghị luận 3.2.Thân bài a. Khái quát về bài thơ, đoạn thơ trong bài thơ <i>Tây Tiến</i> - Về đoàn quân Tây Tiến, hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, cảm hứng chung của bài thơ; - Vị trí, nội dung đoạn thơ. b. Cảm nhận nội dung, nghệ thuật đoạn thơ b.1.Về nội dung <i>b.1.1. Diện mạo oai phong, dữ dội: (Hai câu đầu)</i> <i>“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc</i> <i>Quân xanh màu lá dữ oai hùm”</i> - Quang Dũng không hề che giấu những gian khổ, khó khăn, những căn bệnh hiểm nghèo và sự hi sinh lớn lao của người lính. Chỉ có điều, tất cả những điều đó, qua ngòi bút của ông, không được miêu tả một cách trần trụi mà qua một cái nhìn đậm màu sắc lãng mạn. Những chặng đường hành quân trên dốc cao, vực thẳm, cuộc sống thiếu thốn, những cơn sốt rét rừng đã tàn phá hình hài của người lính, khiến họ trở thành những anh “vệ trọc”. Nhưng họ vẫn giữ được dáng vẻ oai phong, phảng phất nét anh hùng của người tráng sĩ xa xưa. Cảm hứng lãng mạn, anh hùng đã giúp cho nhà thơ phát hiện và khắc họa được vẻ đẹp kiêu dũng của người lính, thể hiện ở sự vượt lên, xem thường mọi khổ ải, thiếu thốn. - Hai câu thơ có âm hưởng mạnh mẽ nhờ sử dụng từ ngữ mạnh bạo, độc đáo. “<i>Đoàn binh</i>” có âm vang và mạnh hơn chữ “đoàn quân”. Cụm từ “<i>không mọc tóc</i>” thì gợi ra nét ngang tàng, độc đáo. Câu thơ “<i>Quân xanh màu lá dữ oai hùm</i>” càng tô đậm thêm vẻ hiên ngang dữ dội. “<i>Xanh màu lá</i>” là nước da	0,25 0,25 0,25 2,0

	xanh xao do sốt rét, thiếu thốn, gian khổ. Nhưng qua cảm hứng anh hùng và bút pháp lãng mạn, thì màu xanh ấy lại mang vẻ dữ dội của núi rừng chứ không hề gợi lên vẻ tiêu tụy, ốm yếu. <i>b.1.2. Tâm hồn hào hoa, lãng mạn (Hai câu tiếp)</i> - Người lính trong nỗi nhớ của Quang Dũng là những người chiến sĩ trẻ, không chỉ dũng cảm mà còn là những người có tâm hồn lãng mạn. <i>“Mắt trừng gửi mộng qua biên giới</i> <i>Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”</i> - Hai câu thơ diễn tả một cách tinh tế, chân thực tâm lí của những chiến sĩ trẻ quê ở thủ đô. Một thoáng kỉ niệm êm đềm về những người con gái quê hương như tiếp sức cho họ trong cuộc chiến đấu gian nan. - Những người lính Tây Tiến, qua ngòi bút của Quang Dũng, không phải là những người khổng lồ không tim. Cái nhìn nhiều chiều của Quang Dũng đã giúp ông nhìn thấy xuyên qua cái vẻ oai hùng, dữ dằn bề ngoài của họ là những trái tim rạo rực, khát khao yêu đương <i>“Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”</i>. Quang Dũng đã tạc nên bức tượng đài tập thể những người lính Tây Tiến không chỉ bằng những đường nét khắc hoạ dáng vẻ bên ngoài mà còn thể hiện được cả thế giới tâm hồn bên trong đầy mộng mơ của họ. <i>b.1.3. Ý chí, quyết tâm và sự hi sinh anh dũng: (Bốn câu sau)</i> <i>“Rải rác biên cương mồ viễn xứ</i> <i>Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh</i> <i>Áo bào thay chiếu anh về đất</i> <i>Sông Mã gầm lên khúc độc hành”</i> - Ngòi bút của Quang Dũng khi dựng lên hình tượng tập thể những người lính Tây Tiến không hề nhấn chìm người đọc vào cái bi thương, bi lụy. Cảm hứng của ông mỗi khi chìm vào bi thương lại được nâng đỡ bằng đôi cánh của tinh thần lãng mạn. Chính vì vậy mà cái bi thương được gợi lên qua hình ảnh những nấm mồ chiến sĩ rải rác nơi rừng hoang biên giới lạnh lẽo, xa xôi, một mặt, đã được giảm nhẹ đi nhiều nhờ những từ Hán Việt cổ kính, trang trọng: <i>“Rải rác bên cương mồ viễn xứ”</i>; mặt khác, cái bi thương ấy cũng lại bị mờ đi trước lí tưởng quên mình, xả thân vì Tổ quốc của những người lính Tây Tiến:	
--	---	--

	“Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”. - Họ có vẻ tiêu tụy, tàn tạ trong hình hài nhưng lại chói ngời vẻ đẹp lí tưởng, mang dáng dấp của những tráng sĩ thuở xưa, coi cái chết nhẹ như lông hồng. Sự thật bi thảm: những người lính Tây Tiến ngã xuống nơi chiến trường, không có đến cả manh chiếu để che thân, qua cái nhìn của Quang Dũng, lại được bọc trong những tấm “áo bào” sang trọng. Cái bi thương ấy vui đi nhờ cách nói giảm: “anh về đất”, và rồi bị át hẳn đi trong tiếng gầm thét dữ dội của dòng sông Mã. Trong âm hưởng vừa dữ dội, vừa hào hùng của thiên nhiên ấy, sự hi sinh của người lính Tây Tiến không bị lụy mà thấm đẫm tinh thần bi tráng. -Giọng điệu chủ đạo của đoạn thơ trang trọng, thể hiện tình cảm đau thương vô hạn và sự trân trọng, kính cẩn của nhà thơ trước sự hi sinh của đồng đội. b.2. Về nghệ thuật: Bút pháp lãng mạn, ngôn ngữ tài hoa và xúc cảm mãnh liệt; hình ảnh thơ sáng tạo, kết hợp từ Hán Việt và thuần Việt; nhiều biện pháp tu từ đã làm nên sức sống của hình tượng nghệ thuật, rung động người đọc. (0.5) c. Rút ra nhận xét âm hưởng bi tráng về hình tượng người lính trong thơ Quang Dũng. 0.75đ - Âm hưởng bi tráng hội tụ trong mình nó yếu tố <i>Bi</i> và yếu tố <i>Tráng</i>; có mất mát, đau thương song không bi lụy; gian khổ, hi sinh song vẫn rất hào hùng, tráng lệ. Âm hưởng bi tráng có cội nguồn từ chiến trường Tây Tiến ác liệt, từ tinh thần quả cảm và tâm hồn lạc quan của những chàng trai Hà thành, từ tấm lòng đồng cảm và trân trọng đồng chí đồng đội của nhà thơ; (0.25) - Giọng thơ cổ kính cùng việc nhấn mạnh nét trượng phu của người lính cũng góp phần làm tăng tính chất bi tráng của tác phẩm. (0.25) - Âm hưởng bi tráng cùng với cảm hứng lãng mạn làm nên vẻ đẹp độc đáo của hình tượng người lính Tây Tiến; có ý nghĩa giáo dục nhận thức và bồi đắp tình cảm, trách nhiệm cho thế hệ hôm nay và mai sau. (0.25) 3.3.Kết bài - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp của đoạn thơ trong bài thơ; - Nêu cảm nghĩ về hình tượng người lính Tây Tiến.	0,5 1,0
--	--	-------------------------------------

		4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25

I. ĐỌC – HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản:

Hãy sống như đời sống để biết yêu nguồn cội
Hãy sống như đời núi vượn tới những tầm cao
Hãy sống như biển trào, như biển trào để thấy bờ bến rộng
Hãy sống như ước vọng để thấy đời mệnh mông

Và sao không là gió, là mây để thấy trời bao la
Và sao không là phù sa rót mỡ màu cho hoa
Sao không là bài ca của tình yêu đôi lứa
Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư

Và sao không là bão, là giông, là ánh lửa đêm đông
Và sao không là hạt giống xanh đất mẹ bao dung
Sao không là đàn chim gọi bình minh thức giấc
Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư
(Lời bài hát *Khát Vọng* – Phạm Minh Tuấn)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2. Nêu tác dụng của phép điệp trong văn bản trên.

Câu 3. Lời bài hát đem đến cho anh/chị cảm xúc gì?

Câu 4. Những câu nào trong lời bài hát để lại cho anh (chị) ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao ?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Dựa vào phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một bài văn ngắn phát biểu suy nghĩ của mình về lối sống của tuổi trẻ học đường ngày nay?

Câu 2 (5,0 điểm)

“Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi.
Thương nhau, chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng.
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô.
Nhớ sao lớp học i tờ
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan

Nhớ sao ngày tháng cơ quan
 Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo
 Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
 Chày đêm nện cối đều đều suối xa” ...
 (Trích *Việt Bắc*, Tố Hữu, Ngữ văn 12,
 Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr 110)

Cảm nhận của anh/ chị về đoạn thơ trên. Từ tấm lòng của Tố Hữu với Việt Bắc, anh/ chị có suy nghĩ gì về tình yêu quê hương của thế hệ trẻ ngày nay.

-----HẾT-----

(Thí sinh không sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

CÁN BỘ COI THI 1
 (Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ COI THI 2
 (Ký và ghi rõ họ tên)

MA TRẬN ĐỀ THAM KHẢO

Nội dung \ Mức độ		NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	VẬN DỤNG CAO	CỘNG
I. ĐỌC HIỂU	- Ngữ liệu: Lời bài hát <i>Khát Vọng</i> – Phạm Minh Tuấn	- Phong cách ngôn ngữ	- Tác dụng của biện pháp tu từ - Hiểu cảm xúc của lời bài hát	- Bày tỏ quan điểm, ý kiến về các vấn đề tương tự trong đời sống đặt ra trong văn bản		
Tổng	Số câu	1	2	1		4
	Số điểm	0,5	1,5	1,0		3.0
	Tỉ lệ	5%	15%	10%		30%
II. TẠO LẬP VĂN BẢN	Nghị luận xã hội	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	Lối sống của tuổi trẻ học đường hiện nay	- Biết viết đoạn văn nghị luận xã hội rõ ràng, mạch lạc	- Lập luận chặt chẽ, sáng tạo	
	Nghị luận văn học : Việt Bắc của Tố Hữu	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Nối nhớ Việt Bắc của Tố Hữu	- Viết được các đoạn văn triển khai rõ ràng,	- Thông điệp Tố Hữu muốn gửi gắm.	

				mạch lạc - Sử dụng được các thao tác lập l luận hợp lí	- Liên kết được bài văn chặt chẽ, có sự liên hệ, sáng tạo.	
Tổng	Số câu	2				2
	Số điểm	1.0	1.0	3.0	2.0	7,0
	Tỉ lệ	10%	10%	30%	20%	70%
Tổng cộng	Số câu					6
	Số điểm	1,5	2,5	4,0	2	10
	Tỉ lệ	15%	25%	40%	20%	100%

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn

(Đáp án và Hướng dẫn chấm gồm 04 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phong cách ngôn ngữ :nghệ thuật Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng : không cho điểm.	0,5
	2	Điệp ngữ: Hãy sống như, và sao không là... Phép điệp tạo âm hưởng du dương, nhẹ nhàng, bay bổng cho bài hát, nhấn mạnh về ý, biểu đạt cảm xúc Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời 1-3 ý: 0,5 điểm	0,75
	3	HS có thể trả lời theo định hướng: Lời bài hát đem đến cho mọi người cảm xúc phong phú, cảm phục, tự hào về tình yêu cuộc đời tha thiết mà tác giả gửi gắm. Đó là khát vọng hóa thân để cống hiến và dựng xây cuộc đời. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 2 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 trong 2 ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm	0,75
	4	Những câu trong lời bài hát để lại ấn tượng sâu sắc nhất: (HS có thể nêu một trong những câu sau, vấn đề là phải lý giải thuyết phục) – Hãy sống như đời sống để biết yêu nguồn cội – Sao không là đàn chim gọi bình minh thức giấc – Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư. Vì Lời bài hát đều rất xúc động bởi ý nghĩa sâu xa. Ba câu thơ trên cho ta bài học về đạo lí sống tốt đẹp <i>uống nước nhớ nguồn</i> . Hơn thế, còn định hướng cho ta sống có ích như mặt trời đối với vạn vật trên trái đất. Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được câu thơ, lí giải được: 1,0 điểm - Học sinh lí giải được: 0,5 điểm	1,0
II		LÀM VĂN	
	1	Trình bày suy nghĩ của bản thân về lối sống của tuổi trẻ học đường ngày nay	2,0

	a) <i>Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Suy nghĩ của bản thân về lối sống của tuổi trẻ học đường ngày nay	0,25
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ: lối sống của tuổi trẻ hiện nay. Có thể theo hướng sau: Tuổi trẻ ngày nay phải sống có ý nghĩa, có ích, sống có ước mơ, hoài bão, phải cống hiến cho đời, giúp ích cho người khác... Bên cạnh đó cần phê phán một số thanh niên hiện nay chưa xác định được mục đích sống, ăn chơi, đua đòi... Hướng dẫn chấm: - <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm)</i> - <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm)</i> - <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm)</i> Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,75
	d) <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Hướng dẫn chấm: - <i>Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i>	0,25
	e) <i>Sáng tạo</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lí; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - <i>Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm</i> - <i>Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm</i>	0,5
2	Cảm nhận về đoạn thơ “ Ta đi, ta nhớ những ngày...suối xa.”trong bài Việt Bắc của Tố Hữu. Từ tấm lòng của Tố Hữu với Việt Bắc, anh/ chị có suy nghĩ gì về tình yêu quê hương của thế hệ trẻ ngày nay.	5,0

	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Nỗi nhớ Việt Bắc của Tố Hữu. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
	* Giới thiệu được tác giả, tác phẩm; giới thiệu nỗi nhớ Việt Bắc của Tố Hữu	0,5
	* Nội dung: + Đoạn thơ là lời của người ra đi với người ở lại. Đoạn thơ đã tái hiện nỗi nhớ của người cán bộ cách mạng về cuộc sống, con người nơi chiến khu Việt Bắc. Nhớ về Việt Bắc là nhớ về cuộc sống thiếu thốn nhưng ấm áp tình người. Nhà thơ đã diễn tả thật xúc động sự đồng cam, cộng khổ, chia sẻ ngọt bùi của nhân dân đối với cách mạng và kháng chiến đã trở thành một biểu tượng đẹp đẽ của tình quân dân thắm thiết một thời. + Đoạn thơ là nỗi nhớ của người cán bộ cách mạng về những con người Việt Bắc: nghèo nhưng ân tình, ân nghĩa, chịu thương, chịu khó. Đẹp nhất là hình ảnh người mẹ dân tộc hiện lên một cách chân thực, xúc động về nỗi vất vả nặng nhọc của người mẹ cách mạng, người mẹ kháng chiến vừa nuôi con khôn lớn thành người lại vừa hăng hái nhiệt tình tham gia cách mạng + Cuộc sống trong kháng chiến tuy có nhiều thiếu thốn nhưng vẫn tràn đầy niềm vui, niềm lạc quan, tin tưởng. Động lại trong tâm trí của người ra đi là kỉ niệm về cuộc sống thanh bình. + Đoạn thơ khắc họa rõ nét vẻ đẹp tâm hồn, tính cách con người Việt Nam luôn sống gắn bó thủy chung, hết lòng yêu cách mạng, yêu quê hương đất nước. * Nghệ thuật: Thể thơ lục bát đậm đà tính dân tộc; tứ thơ đối đáp “mình - ta” truyền thống mà hiện đại; giọng thơ tâm tình ngọt ngào, thương mến; hình ảnh thơ gần gũi, bình dị; các biện pháp tu từ: điệp từ, lặp cấu trúc ngữ pháp Hướng dẫn chấm: - Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm - Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,5 điểm - 1,75 điểm. - Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 1,0 điểm - 1,5 điểm	2,0

	- Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm - 0,75 điểm	
	* Đánh giá: Nỗi nhớ Việt Bắc của nhà thơ Tố Hữu mang nặng ân tình với người dân tộc vùng núi, nhớ về cuội nguồn cách mạng mang đậm tâm tình của người chiến sĩ dám hi sinh, xả thân vì đất nước. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm - Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm	0,5
	* Liên hệ: Thế hệ trẻ vẫn giữ được truyền thống yêu quê hương, đất nước, tình cảm yêu quý những nét đẹp giản dị, đời thường của cuộc sống và con người quanh ta. Từ đó càng thêm tự hào, trân trọng và nỗ lực hết sức cống hiến cho quê hương, đất nước của thế hệ trẻ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày được đúng ý như trên: 0,5 điểm - Học sinh trình bày được 2 ý: 0,25 điểm	0,5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	e. Sáng tạo: Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nỗi nhớ trong đoạn trích; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
Tổng điểm		10,0

.....HẾT.....

ĐỀ MINH HỌA CHUẨN 2021

ĐỀ SỐ 26

(Đề bài gồm 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2021

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn thơ:

*Kim đồng hồ tích tắc, tích tắc
Hai tiếng động nhỏ bé kia
Hơn mọi âm ào gầm thét
Là tiếng động khủng khiếp nhất đối với con người
Đó là thời gian
Nó báo hiệu mỗi giây phút đi qua không trở lại
Nhắc nhở cái gì đang đợi ta ở cuối
Nhưng anh, anh chẳng sợ nó đâu
Thời gian - đó là chiều dài những ngày ta sống bên nhau
Thời gian - đó là chiều dày những trang ta viết
Bây giờ anh mới hiểu hết câu nói trong kịch Sexpia:
“Tồn tại hay không tồn tại”
Không có nghĩa là sống hay không sống
Mà là hành động hay không hành động
Nhận thức hay không nhận thức
Tác động vào cuộc đời hay quay lưng lại nó?
Anh không băn khoăn mình có tài hay kém tài, thành công hay thất bại
Chỉ day dứt một điều: Làm sao với những sự vật bình thường
Những ngày tháng bình thường
Như chiếc hộp con, như tờ lịch trên tường
Ta biến thành con tàu, thành tấm vé
Những ban mai lên đường.*

(Cho Quỳnh những ngày xa - Lưu Quang Vũ, NXB Hội nhà văn, 2010)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Theo đoạn trích, *tiếng động khủng khiếp* đối với con người là gì?

Câu 3. Anh/ chị hiểu nội dung các dòng thơ sau như thế nào?

Ta biến thành con tàu, thành tấm vé
Những ban mai lên đường.

Câu 4. Thông điệp nào của đoạn trích có ý nghĩa nhất với anh/ chị?

II. Làm văn (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày về điều bản thân cần làm để sống hết mình với những điều bình dị trong cuộc sống.

Câu 2 (5.0 điểm)

« Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa... »

(Trích *Tây Tiến* - Quang Dũng, *Ngữ văn 12*,
Tập một, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2019)

Phân tích vẻ đẹp thiên nhiên và con người miền Tây trong đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét về cái nhìn thiên nhiên của nhà thơ Quang Dũng.

-----HẾT-----

(Thí sinh không sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

CÁN BỘ COI THI 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ COI THI 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ma trận đề

Mức độ Nội dung		NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	VẬN DỤNG CAO	CỘNG
I. ĐỌC HIỂU	- Ngữ liệu: “Cho Quỳnh những ngày xa” của Lưu Quang Vũ	- Thể thơ - Hiện tượng được đề cập	Khía cạnh nội dung được đề cập đến trong văn bản	- Đề xuất những ý kiến về các vấn đề tương tự trong đời		

		trong văn bản		sống đặt ra trong văn bản		
Tổng	Số câu	2	1	1		4
	Số điểm	1.0	1.0	1,0		3.0
	Tỉ lệ	10%	10%	10%		30%
II. TẠO LẬP VĂN BẢN	Nghị luận xã hội	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Điều bản thân cần làm để sống hết mình	- Biết viết đoạn văn nghị luận xã hội rõ ràng, mạch lạc	- Lập luận chặt chẽ, sáng tạo	
	Nghị luận văn học : “Tây tiến” của Quang Dũng	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Vẻ đẹp thiên nhiên và con người miền Tây, nghệ thuật đặc sắc của Quang Dũng	- Viết được các đoạn văn triển khai rõ ràng, mạch lạc - Sử dụng được các thao tác lập luận hợp lí	- Thông điệp Quang Dũng muốn gửi gắm. - Liên kết được bài văn chặt chẽ, có sự liên hệ, sáng tạo.	
Tổng	Số câu	2				2
	Số điểm	1.0	1.0	3.0	2.0	7,0
	Tỉ lệ	10%	10%	30%	20%	70%
Tổng cộng	Số câu					6
	Số điểm	2,0	2	4,0	2	10
	Tỉ lệ	20%	20%	40%	20%	100%

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Thể thơ: tự do. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh không trả lời đúng như đáp án: 0 điểm.	0.5
	2	Tiếng động khủng khiếp đối với con người: Kim đồng hồ tích tắc, tích tắc. Đó là thời gian. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Nếu học sinh trích dẫn đoạn thơ có những ý như đáp án: 0,25 điểm.	0.5
	3	- Thể hiện khát vọng lên đường, dấn thân, nhập cuộc, sống hết mình với cuộc đời của nhà thơ. - Mỗi người cần có lối sống tích cực. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời 2 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời 1 ý: 0,5 điểm. - Học sinh trích dẫn các dòng thơ, không trả lời được 2 ý: 0,25 điểm.	1.0
	4	Trình bày được: - Thông điệp ý nghĩa nhất: biết trân trọng thời gian hoặc sống cống hiến...	1,0

		Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời không rút ra được thông điệp, chỉ chép lại một số dòng thơ: 0,25 điểm.	
II		LÀM VĂN	
	1	Trình bày về điều bản thân cần làm để sống hết mình với những điều bình dị trong cuộc sống.	2.0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Điều bản thân cần làm để sống hết mình với những điều bình dị trong cuộc sống.	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ điều bản thân cần làm để sống hết mình với những điều bình dị trong cuộc sống. Có thể theo hướng sau: Nhận thức được tầm quan trọng của những điều nhỏ bé; mở lòng đón nhận, trân trọng những điều bình dị; hãy bắt đầu từ những điều nhỏ bé, bình dị nhưng vẫn hướng đến cái lớn lao, cao cả. Hướng dẫn chấm: - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm). - Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm). - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm). - Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0.75

	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0.25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có nhiều các diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đời sống có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận, có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu trở lên: 0,25 điểm.	0.5
2	Phân tích vẻ đẹp thiên nhiên và con người miền Tây trong đoạn thơ (Trích Tây Tiến của Quang Dũng).	5.0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Phân tích nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0.5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
	* Giới thiệu khái quát về tác giả Quang Dũng (0,25 điểm), bài thơ Tây Tiến và đoạn thơ (0,25 điểm)	0.5
	* Vẻ đẹp thiên nhiên và con người miền Tây: - Thiên nhiên miền Tây:	2.0

	+ Thời gian buổi chiều. + Không gian “chiều sương” Châu Mộc huyền ảo, phảng phất chút tâm linh của núi rừng, hoang sơ trải rộng như biết chia sẻ nỗi niềm với con người. - Hình ảnh con người miền Tây mềm mại, uyển chuyển, khỏe khoắn trên con thuyền độc mộc. - Thiên nhiên và con người miền Tây được thể hiện bằng thể thơ bảy chữ hiện đại, nghệ thuật nhân hóa, phép điệp, đối lập, ngôn ngữ tạo hình, giàu sức gợi, kết hợp giữa chất thơ, chất họa, chất nhạc... Hướng dẫn chấm: - <i>Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm</i> - <i>Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,5 điểm – 17,5 điểm.</i> - <i>Phân tích chung chung, chưa rõ về thiên nhiên và con người miền Tây: 0,75 điểm - 1,25 điểm</i> - <i>Phân tích chung chung, không rõ các biểu hiện : 0,25 điểm - 0,5 điểm</i>	
	* Đánh giá - Đoạn thơ mang đậm chất lãng mạn, là phong nền để bộc lộ tâm hồn lãng mạn của người lính Tây Tiến. - Đoạn thơ thể hiện nỗi nhớ, sự gắn bó với thiên nhiên và con người miền Tây của tác giả. Hướng dẫn chấm: - <i>Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm</i> - <i>Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm</i>	0.5
	*Cái nhìn thiên nhiên của nhà thơ Quang Dũng:Cái nhìn thiên nhiên được thể hiện một cách đầy thơ mộng, trữ tình với một hồn thơ đầy tinh tế, nhạy cảm; tạo cho người đọc một cảm giác băng khuâng, nao lòng trước cảnh đẹp của thiên nhiên núi rừng Tây Bắc. Bằng chính cái tôi lãng mạn hào hoa của mình, nhà thơ muốn thể hiện sự quyến luyến, nhớ nhung khi phải chia tay thiên nhiên và con người Tây Bắc. Hướng dẫn chấm: - <i>Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm</i>	0,5

		- Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0.25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lý luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của thơ Quang Dũng; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0.5
		Tổng điểm	10.0

.....Hết.....

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)**Đọc đoạn trích:**

Jonathan, một người có bộ óc thông minh, nhanh nhạy trong những phân tích về tình hình kinh tế, ông sống và làm việc hết sức chăm chỉ. Hiện Jonathan đang là một tỉ phú. Và Authur cũng là một người có trí óc thông minh không kém, chỉ cần 30 phút để giải ô chữ của tờ NewYork, phân tích tình hình kinh tế Mỹ Latinh trong vòng nửa giờ và tính nhẩm nhanh hơn hầu hết mọi người dù họ có dùng máy tính. Nhưng hiện giờ Authur đang là tài xế của Jonathan. Điều đó giúp Jonathan đường hoàng ngồi ở băng ghế sau của xe limousine còn Authur thì ở phía trước cầm lái? Điều gì phân chia mức độ thành đạt của họ? Điều gì giải thích sự khác biệt giữa thành công và thất bại ?

Câu trả lời nằm trong khuôn khổ một cuộc nghiên cứu của trường đại học Stanford. Những nhà nghiên cứu tập hợp thật đông những trẻ em từ 4 đến 6 tuổi, sau đó đưa chúng vào một căn phòng và mỗi em được phát một viên kẹo. Chúng được giao ước: Có thể ăn kẹo ngay lập tức hoặc chờ thêm mười lăm phút nữa sẽ được thưởng thêm một viên kẹo cho sự chờ đợi. Một vài em ăn kẹo ngay lúc đó. Những em khác thì cố chờ đợi để có phần kẹo nhiều hơn. Nhưng ý nghĩa thực sự của cuộc nghiên cứu chỉ đến mười năm sau đó, qua điều tra và theo dõi sự trưởng thành của các em. Các nhà nghiên cứu nhận thấy rằng những đứa trẻ kiên trì chờ đợi phần thưởng đã trưởng thành và thành đạt hơn so với những đứa trẻ vội ăn ngay viên kẹo.

Điều đó giải thích ra sao? Điểm khác biệt mấu chốt giữa thành công và thất bại không chỉ đơn thuần là việc chăm chỉ hay sở hữu bộ óc của thiên tài mà đó chính là khả năng trì hoãn những mong muốn tức thời. Những người kiềm chế được sự cám dỗ của “ Những viên kẹo ngọt” trên đường đời thường vươn tới đỉnh cao thành công. Ngược lại, những ai vội ăn hết phần kẹo mình đang có thì sớm hay muộn cũng rơi vào cảnh thiếu thốn, cùng kiệt.(...) Có thể nói, cuộc đời như một viên kẹo thơm ngọt, nhưng khi nào thưởng thức và thưởng thức nó như thế nào thì đó là điều chúng ta phải tìm hiểu.

(Trích Không theo lối mòn - Joachim de Posada & Ellen Singer,

NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr. 03)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo tác giả, sự khác biệt cơ bản giữa thành công và thất bại là gì?

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về ý kiến “*những đứa trẻ kiên trì chờ đợi phần thưởng đã trưởng thành và thành đạt hơn so với những đứa trẻ vội ăn ngay viên kẹo*”?

Câu 4. Thông điệp nào của đoạn trích có ý nghĩa nhất với anh/ chị?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về bài học của sự thành công trong cuộc sống.

Câu 2 (5.0 điểm)

*«... Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức... »*

(Trích *Sóng* - Xuân Quỳnh, *Ngữ văn 12*, tập một,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr.155)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trên. Qua đoạn thơ, hãy liên hệ với tình yêu của tuổi trẻ hiện nay.

..... Hết

(Thí sinh không sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

CÁN BỘ COI THI 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ COI THI 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ma trận đề

Nội dung \ Mức độ		NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	VẬN DỤNG CAO	CỘNG
I. ĐỌC HIỂU	- Ngữ liệu: Trích <i>Không theo lối mòn</i> - Joachim de Posada & Ellen Singer – Văn bản ngoài chương trình	- Phương thức biểu đạt. - Dấu hiệu của sự thành công và thất bại	Lẽ sống để đạt được thành công	- Bày tỏ những ý kiến về các vấn đề tương tự trong đời sống đặt ra trong văn bản		
Tổng	Số câu	2	1	1		4
	Số điểm	1,0	1,0	1,0		3.0
	Tỉ lệ	10%	10%	10%		30%
II. TẠO LẬP VĂN BẢN	Nghị luận xã hội	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Bài học về sự thành công trong cuộc sống	- Biết viết đoạn văn nghị luận xã hội rõ ràng, mạch lạc	- Lập luận chặt chẽ, sáng tạo	
	Nghị luận văn học : Sóng của Xuân Quỳnh	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ	- Viết được các đoạn văn triển khai rõ ràng, mạch lạc. - Sử dụng được các thao tác lập luận hợp lí	- Thông điệp Xuân Quỳnh muốn gửi gắm. - Liên kết được bài văn chặt chẽ, có sự liên hệ, sáng tạo.	

Tổng	Số câu	2				2
	Số điểm	1.0	1.0	3.0	2.0	7,0
	Tỉ lệ	10%	10%	30%	20%	70%
Tổng cộng	Số câu					6
	Số điểm	2,0	2,0	4,0	2	10
	Tỉ lệ	20%	20%	40%	20%	100%

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh không trả lời đúng như đáp án: không có điểm.	0.5
	2	Theo tác giả điểm khác biệt mấu chốt giữa thành công và thất bại là: Khả năng trì hoãn những mong muốn tức thời, kiềm chế được những cảm dỗ trên đường đời. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án (hoặc diễn đạt tương đương với đáp án): 0,5 điểm. - Nếu học sinh trích dẫn nguyên câu văn: Điểm khác biệt mấu chốt giữa thành công và thất bại không chỉ đơn thuần là việc chăm chỉ hay sở hữu bộ óc của thiên tài mà đó chính là khả năng trì hoãn những mong muốn tức thời. Những người kiềm chế được sự cảm dỗ của “ Những viên kẹo ngọt ” trên đường đời thường vươn tới đỉnh cao thành công vẫn cho: 0,5 điểm. - Nếu học sinh nêu được một trong hai ý thì vẫn cho : 0,25 điểm.	0.5

	3	Ý kiến những đứa trẻ kiên trì chờ đợi phần thưởng đã trưởng thành và thành đạt hơn so với những đứa trẻ vội ăn ngay viên kẹo có ý nghĩa như sau: - Kiên trì chờ đợi: Là sự bình tĩnh, nhẫn nại trong mọi hoàn cảnh. - Phần thưởng: kết quả tốt đẹp đạt được - Viên kẹo ngọt: tượng trưng cho những món lợi trước mắt có sức cám dỗ rất lớn trong cuộc đời mỗi người Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 3 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 2 ý: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm. (Học sinh diễn đạt tương đương với các ý trên thì vẫn cho điểm theo khung cho điểm như trên)	1,0
	4	Học sinh rút ra một thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân. Có thể theo gợi ý sau: - Cuộc đời rất nhiều cám dỗ ngọt ngào đòi hỏi con người phải tỉnh táo, kiềm chế để vươn tới thành công. - Con người cần có thái độ ứng phó với cám dỗ cũng như trở ngại để vươn tới thành công Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày thuyết phục: 1,0 điểm. - Học sinh trình bày chưa thuyết phục: 0,75 điểm.	1,0
II		Làm văn	7,0
	1.	Viết đoạn văn về bài học thành công trong cuộc sống.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Bài học thành công trong cuộc sống	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ bài học của sự thành công trong cuộc sống. Có thể theo hướng sau: Thành công là đạt được kết quả, tốt đẹp như mình mong muốn. Nói đến thành công người ta hay nói đến danh vọng, vật chất, công ăn việc làm....Mỗi người có quan niệm khác nhau về khái niệm thành công. Trong cuộc sống hiện đại để thành công đôi khi mang theo sự hủy diệt ích kỷ, nóng vội, luôn cố gắng chứng tỏ tài năng mà đánh mất đi giá trị của cuộc sống. Để thành công mỗi người cần phải nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách, kiên trì, nhẫn nại... Hướng dẫn chấm: - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm). - Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm). - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng,	0,75

		không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm). Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đời sống có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận, có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu trở lên: 0,25 điểm.	0,5
	2.	Cảm nhận đoạn thơ trích trong bài thơ “Sóng” nhà thơ Xuân Quỳnh.	5,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Cảm nhận đặc sắc nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ trong bài thơ Sóng của nhà thơ Xuân Quỳnh. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		* Giới thiệu khái quát về tác giả Xuân Quỳnh (0,25 điểm), bài thơ Sóng, đoạn thơ (0,25 điểm).	0,5
		* Cảm nhận về đoạn thơ: - Đoạn thơ tập trung thể hiện nỗi nhớ da diết mãnh liệt của người phụ nữ khi yêu. Đây cũng chính là nhận thức về một biểu hiện rõ nhất trong tình yêu của tác giả Xuân Quỳnh. - Nỗi nhớ bờ của sóng cũng chính là hiện thân cho người phụ nữ khi yêu: vô cùng mãnh liệt, rất nhiều nhớ nhưng tựa như những con sóng liên tiếp đang xô vào bờ. - Sóng dù “dưới lòng sâu” hay con sóng “trên mặt nước” đều có chung một nỗi nhớ đó là “nhớ bờ”. Hình ảnh ẩn dụ sóng và biện pháp tu từ đối lập trong đoạn thơ thể hiện nỗi nhớ mãnh liệt của người phụ nữ khi yêu. Đó là nỗi nhớ bao trùm thời gian, không gian, chiếm lĩnh cả tiềm thức “cả trong mơ còn thức”. - Nghệ thuật: Hình tượng sóng song hành cùng hình tượng em, thể thơ	2,0

	ngữ ngôn ngắt nhịp linh hoạt, ngôn ngữ trong sáng giản dị; hình thức khổ thơ dài hơn các khổ thơ khác trong bài đủ sức ôm chứa nỗi nhớ (biểu hiện rõ nhất trong tình yêu) Hướng dẫn chấm: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 2,0 điểm. - Phân tích chung chung, chưa rõ nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ: 0,75 điểm – 1,25 điểm - Phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện : 0,25 điểm – 0,5 điểm	
	* Đánh giá Đoạn thơ bộc lộ nỗi nhớ, khát vọng mãnh liệt trong tình yêu của nhân vật trữ tình; thể hiện phong cách nghệ thuật thơ Xuân Quỳnh. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm - Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.	0,5
	* Liên hệ tình yêu của tuổi trẻ hiện nay: - Tuổi trẻ vẫn phát huy được vẻ đẹp của tình yêu trong bài thơ: + Sự thủy chung trong tình yêu + Niềm khát khao tin tưởng vào tình yêu đích thực + Chủ động vươn tới tình yêu tốt đẹp - Tuy nhiên có một số bạn trẻ quan niệm sai lầm trong tình yêu: Họ thực dụng trong tình yêu... cần phê phán. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm - Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.	0,5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lý luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc về tình yêu trong thơ Xuân Quỳnh; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5

ĐỀ MINH HỌA CHUẨN 2021

ĐỀ SỐ 28

(Đề bài gồm 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2021

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Có một quy luật gọi là “quy luật mười nghìn giờ”. Các nhà khoa học đã chứng minh rằng trong những điều kiện thông thường, một người bình thường kiên trì làm một loại công việc gì đó, sau nhiều nhất là mười nghìn giờ người ấy sẽ đạt đến trình độ thành thạo như một chuyên gia trong công việc ấy. Nếu các em đạt đến trình độ chuyên gia, các em sẽ có chỗ dừng, không phải nơi này thì là nơi khác, chắc chắn như vậy.

Còn một điều khác quan trọng hơn cả mười nghìn giờ, đó là sự yêu thích công việc của mình. Các em có bao giờ nhìn thấy một người đầu bếp nổi danh và tài hoa nào lại miễn cưỡng nấu bếp như một công việc khổ sai? Có bao giờ thấy một ông thầy lên lớp chốc chốc lại nhìn đồng hồ mong cho hết giờ để ra về lại được học trò yêu quý và nhớ mãi? Chắc chắn là không!

Các em không thể thành công thật sự trong công việc nếu các em không yêu thích công việc ấy. Có rất nhiều người không may buộc phải làm một công việc nhàm chán mà họ không hề thấy hứng thú, chỉ như một kẻ sinh nhai. Thật đáng tiếc vì tám giờ vàng ngọc, tức một phần ba cuộc đời của họ đã trôi qua một cách nhạt nhẽo vô vị và uổng phí.

(Cuộc đời là một sự lựa chọn, TS. Phạm Thị Ly, báo Tuổi trẻ Online, ngày 29/4/2013)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2. Theo đoạn trích, một điều khác quan trọng hơn cả *mười nghìn giờ* là gì?

Câu 3. Nêu hiệu quả của việc sử dụng câu hỏi tu từ trong các câu văn sau: *Các em có bao giờ nhìn thấy một người đầu bếp nổi danh và tài hoa nào lại miễn cưỡng nấu bếp như một công việc khổ sai? Có bao giờ thấy một ông thầy lên lớp chốc chốc lại nhìn đồng hồ mong cho hết giờ để ra về lại được học trò yêu quý và nhớ mãi?*

Câu 4. Anh/Chị có cho rằng: *buộc phải làm một công việc nhàm chán mà họ không hề thấy hứng thú, chỉ như một kẻ sinh nhai* tức là *một phần ba cuộc đời của họ đã trôi qua một cách nhạt nhẽo vô vị và uổng phí* không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của việc lựa chọn đúng công việc

mình yêu thích.

Câu 2 (5,0 điểm)

"Hồn Trương Ba: Ông Đế Thích ạ, tôi không thể tiếp tục mang thân anh hàng thịt được nữa, không thể được!

Đế Thích: Sao thế? Có gì không ổn đâu!

Hồn Trương Ba: Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn.

Đế Thích: Thế ông ngỡ tất cả mọi người đều được là mình toàn vẹn cả ư? Ngay cả tôi đây. Ở bên ngoài, tôi đâu có được sống theo những điều tôi nghĩ bên trong. Mà cả Ngọc Hoàng nữa, chính người lắm khi cũng phải khuôn ép mình cho xứng với danh vị Ngọc Hoàng. Dưới đất, trên trời đều thế cả, nữa là ông. Ông đã bị gạch tên khỏi sổ Nam Tào. Thân thể thật của ông đã tan rữa trong bùn đất, còn chút hình thù gì của ông đâu!

Hồn Trương Ba: Sống nhờ vào đồ đạc, của cải người khác, đã là chuyện không nên, đằng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!"

(Trích Hồn Trương Ba, da hàng thịt, Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2013, tr.149)

Phân tích khát vọng của nhân vật Hồn Trương Ba thể hiện trong đoạn trích trên. Từ đó, hãy nêu giá trị nhân văn cao cả được tác giả gửi gắm qua vở kịch.

..... Hết

(Thí sinh không sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

CÁN BỘ COI THI 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ COI THI 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ma trận đề

Mức độ Nội dung		NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	VẬN DỤNG CAO	CỘNG
I. ĐỌC HIỂU	- Ngữ liệu: <i>Cuộc đời là một sự lựa chọn</i> ,	- Phương thức biểu	Hiệu quả của biện	- Bày tỏ những ý kiến về các		

	TS. Phạm Thị Ly – Văn bản ngoài chương trình	đạt. - Hiện tượng đặt ra trong văn bản	pháp tu từ	vấn đề tương tự trong đời sống đặt ra trong văn bản		
Tổng	Số câu	2	1	1		4
	Số điểm	1.0	1.0	1,0		3.0
	Tỉ lệ	10%	10%	10%		30%
II. TẠO LẬP VĂN BẢN	Nghị luận xã hội	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Ý nghĩa của việc lựa chọn đúng công việc của mình	- Biết viết đoạn văn nghị luận xã hội rõ ràng, mạch lạc	- Lập luận chặt chẽ, sáng tạo	
	Nghị luận văn học : <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i> của Lưu Quang Vũ	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Khát vọng của nhân vật Hồn Trương Ba về cuộc sống là chính mình.	- Viết được các đoạn văn triển khai rõ ràng, mạch lạc - Sử dụng được các thao tác lập luận hợp lí	- Thông điệp Lưu Quang Vũ muốn gửi gắm. - Liên kết được bài văn chặt chẽ, có sự liên hệ, sáng tạo.	
Tổng	Số câu	2				2
	Số điểm	1.0	1.0	3.0	2.0	7,0
	Tỉ lệ	10%	10%	30%	20%	70%
Tổng cộng	Số câu					6
	Số điểm	2,0	2,0	4,0	2	10
	Tỉ lệ	20%	20%	40%	20%	100%

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không có câu trả lời: không cho điểm.	0,5
	2	Hướng dẫn chấm: Theo đoạn trích, một điều khác quan trọng hơn cả <i>mười nghìn giờ</i> là <i>sự yêu thích công việc của mình</i>. - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời có ý chung chung, chưa rõ: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không có câu trả lời: không cho điểm.	0,5
	3	Hiệu quả của việc sử dụng câu hỏi tu từ: - Tạo giọng điệu băn khoăn, tác động đến suy nghĩ của người đọc. - Nhấn mạnh ý kiến: sự yêu thích công việc của mình là điều rất quan trọng. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 2 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời chung chung, chưa rõ các ý: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không có câu trả lời: không cho điểm.	1,0
	4	Thí sinh có thể trả lời: Đồng tình/không đồng tình/đồng tình một phần nhưng phải lí giải hợp lí, thuyết phục.	1,0

		Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày thuyết phục: 1,0 điểm. - Học sinh trình bày chưa thuyết phục: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không có câu trả lời: không cho điểm.	
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết đoạn văn về ý nghĩa của việc lựa chọn đúng công việc mình yêu thích.	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Ý nghĩa của việc lựa chọn đúng công việc mình yêu thích.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý nghĩa của việc lựa chọn đúng công việc mình yêu thích. Có thể theo hướng sau: Yêu thích công việc của mình giúp con người cảm thấy vui sướng hạnh phúc khi làm việc, sẽ làm bằng cả tâm sức của mình, luôn kiên trì, bền bỉ vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành tốt công việc. Từ đó, cuộc sống có ý nghĩa hơn; góp phần xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Hướng dẫn chấm: - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm). - Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm). - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không	0,75

		<i>có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).</i> <i>Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lý; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
	2	Phân tích khát vọng của nhân vật Hồn Trương Ba thể hiện trong đoạn trích.	5,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Khát vọng của nhân vật Hồn Trương Ba thể hiện trong đoạn trích. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và	

	dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
	<i>* Giới thiệu khái quát về tác giả (0,25 điểm), tác phẩm và đoạn trích (0,25 điểm).</i>	0,5
	* Khát vọng của nhân vật Trương Ba: - <i>Khát vọng được thoát ra khỏi nghịch cảnh, không phải sống nhờ trong thân xác anh hàng thịt:</i> + Trương Ba nhận ra mình đang bị tha hoá, nhiều khi phải妥协 với những đòi hỏi xác - thịt, không giữ được bản tính cao khiết như trước đây. + Ông luôn bị dằn vặt, day dứt bởi chính nghịch cảnh phải sống “bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo”. - <i>Khát vọng được sống là chính mình:</i> + Khi đối thoại với Đế Thích, Trương Ba thể hiện ý nguyện của mình: <i>Tôi muốn được là tôi toàn vẹn</i> - thể xác và linh hồn hòa hợp + Lời thoại cho thấy sự thay đổi trong nhận thức của Hồn Trương Ba. Từ chỗ đánh giá phiến diện về thân xác con người, Trương Ba đã có cái nhìn đúng đắn về sự hài hòa giữa thể xác và tâm hồn. + Khao khát mãnh liệt, cháy bỏng “<i>là tôi toàn vẹn</i>” của Hồn Trương Ba còn cho thấy nhân cách cao đẹp của Hồn Trương Ba. Nhân vật đã không còn chấp nhận chung đụng với cái thô lỗ tầm thường, dung tục và để nó sai khiến, mà muốn được trở về sống trọn vẹn với cái lương thiện, trong sáng, tốt đẹp vốn có. * Nghệ thuật: - <i>Nghệ thuật xây dựng mâu thuẫn kịch:</i> chặt chẽ, logic, hợp lý. Các chi tiết, hành động kịch nối tiếp nhau, đẩy mâu thuẫn kịch lên đến đỉnh cao, tạo nên kịch tính vô cùng căng	2,0

	thắng, hấp dẫn. - <i>Nghệ thuật diễn tả tâm lý nhân vật</i>: thông qua ngôn ngữ, hành động kịch, tác giả đã thể hiện tâm trạng phức tạp của nhân vật Hồn Trương Ba. - <i>Ngôn ngữ kịch</i>: giản dị, sáng rõ, đặc biệt rất giàu tính triết lý. Hướng dẫn chấm: - <i>Học sinh phân tích được khát vọng của nhân vật Hồn Trương Ba được thể hiện trong đoạn trích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm.</i> - <i>Học sinh phân tích khát vọng của nhân vật Hồn Trương Ba chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 2,0 điểm.</i> - <i>Phân tích khát vọng của nhân vật Hồn Trương Ba chung chung, chưa rõ: 0,75 điểm - 1,25 điểm.</i> - <i>Phân tích sơ lược, không rõ các khát vọng của nhân vật Hồn Trương Ba: 0,25 điểm - 0,5 điểm.</i>	
	* Đánh giá: - Khát vọng của nhân vật Hồn Trương Ba: Sống là chính mình, không chấp nhận lối sống gửi, sống nhờ. Biết đấu tranh chống lại sự dung tục, tầm thường để giữ gìn nhân cách. Khát vọng đó đã làm sáng lên nhân cách tốt đẹp, cao cả của nhân vật Hồn Trương Ba. - Đoạn trích góp phần thể hiện tài năng và phong cách nghệ thuật của Lưu Quang Vũ. Hướng dẫn chấm: - <i>Học sinh đánh giá được 2 ý: 0,5 điểm.</i> - <i>Học sinh đánh giá được 1 ý: 0,25 điểm.</i>	0,5
	* Giá trị nhân văn cao cả qua vở kịch: Sự sống thật sự có ý nghĩa khi con người được sống tự nhiên, hài hòa giữa thể xác và tâm hồn. Hạnh phúc của con người là chiến thắng được bản thân, chiến thắng sự dung tục, hoàn thiện được nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý.	0,5

	Hướng dẫn chấm: - Học sinh đánh giá được 2 ý: 0,5 điểm. - Học sinh đánh giá được 1 ý: 0,25 điểm.	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của đoạn trích; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ MINH HỌA CHUẨN 2021

ĐỀ SỐ 29

(Đề bài gồm 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2021

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Loài người không được cho sẵn bất cứ cái gì trên mặt đất này. Tất cả những gì anh ta cần – anh ta phải làm ra chúng. Và ở đây loài người đối mặt với sự lựa chọn cơ bản nhất của mình: anh ta chỉ có thể tồn tại được theo một trong hai cách – bằng cách làm việc độc lập với bộ óc của riêng anh ta, hay là trở thành một kẻ ăn bám nhờ bộ óc của những người khác. Người sáng tạo chọn cách thứ nhất. Kẻ ăn bám thì chọn cách thứ hai. Người sáng tạo một mình đối mặt với tự nhiên. Kẻ ăn bám đối mặt với tự nhiên thông qua những trung gian.

Mối quan tâm của người sáng tạo là chinh phục tự nhiên. Còn mối quan tâm của kẻ ăn bám là chinh phục con người.

Người sáng tạo sống với lao động của mình. Anh ta không cần ai khác. Mục đích cơ bản của anh ta là chinh bản thân anh ta. Kẻ ăn bám sống cuộc đời thứ cấp. Anh ta cần những người khác. Những người khác trở thành động lực chính của anh ta.

(Trích tiểu thuyết **Suối nguồn**, Ayn Rand,

NXB Trẻ, TP HCM, 2017, tr.1174)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Cách loài người có thể tồn tại được tác giả nêu ra trong đoạn trích.

Câu 2. Theo tác giả, mối quan tâm của người sáng tạo và kẻ ăn bám là gì ?

Câu 3. Theo anh (chị) việc tác giả khẳng định: “Loài người không được cho sẵn bất cứ cái gì trên mặt đất này. Tất cả những gì anh ta cần – anh ta phải làm ra chúng” có ý nghĩa gì?

Câu 4. Anh (chị) có đồng tình với ý kiến: *Người sáng tạo sống với lao động của mình. Anh ta không cần ai khác.* Vì sao?

LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh (chị) hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về hậu quả của lối sống ăn bám.

Câu 2. (5 điểm)

“Mình về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?

*Tiếng ai tha thiết bên cồn
 Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi
 Áo chàm đưa buổi phân li
 Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...”*

Và:

*“Nhớ gì như nhớ người yêu
 Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
 Nhớ từng bản khói cùng sương
 Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.
 Nhớ từng rừng nứa bờ tre
 Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy.”*

(Trích *Việt Bắc* -Tổ Hữu, Ngữ văn 12, tập một,
 NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr 109)

Cảm nhận của anh/ chị về hai đoạn thơ trên. Qua đoạn thơ, hãy nhận xét về phong cách trữ tình - chính trị trong thơ Tố Hữu.

-----HẾT-----

(Thí sinh không sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

CÁN BỘ COI THI 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ COI THI 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ma trận đề

độ Nội dung		Mức	NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	VẬN DỤNG CAO	CỘNG
I. ĐỌC HIỂU	- Ngữ liệu: Tiểu thuyết <i>Suối nguồn</i> , Ayn Rand – Văn		- Phương thức biểu đạt. - Hiện tượng đặt ra trong	Hiệu quả của biện pháp tu từ	- Bày tỏ những ý kiến về các vấn đề tương tự		

	bản ngoài chương trình	văn bản		trong đời sống đặt ra trong văn bản		
Tổng	Số câu	2	1	1		4
	Số điểm	1.0	1.0	1,0		3.0
	Tỉ lệ	10%	10%	10%		30%
II. TẠO LẬP VĂN BẢN	Nghị luận xã hội	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Hậu quả của lối sống ăn bám	- Biết viết đoạn văn nghị luận xã hội rõ ràng, mạch lạc	- Lập luận chặt chẽ, sáng tạo	
	Nghị luận văn học : <i>Viết Bắc -Tổ Hữu</i>	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Nội dung và nghệ thuật của hai đoạn thơ, phong cách thơ Tố Hữu.	- Viết được các đoạn văn triển khai rõ ràng, mạch lạc - Sử dụng được các thao tác lập luận hợp lí	- Thông điệp Tố Hữu muốn gửi gắm. - Liên kết được bài văn chặt chẽ, có sự liên hệ, sáng tạo.	
Tổng	Số câu	2				2
	Số điểm	1.0	1.0	3.0	2.0	7,0
	Tỉ lệ	10%	10%	30%	20%	70%
Tổng cộng	Số câu					6
	Số điểm	2,0	2,0	4,0	2,0	10
	Tỉ lệ	20%	20%	40%	20%	100%

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Loài người chỉ có thể tồn tại được theo sự lựa chọn một trong hai cách: <i>bằng cách làm việc độc lập với bộ óc của riêng anh ta, hay là trở thành một kẻ ăn bám nhờ bộ óc của những người khác.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng : không cho điểm.	0,5
	2	Theo tác giả: Mỗi quan tâm của người sáng tạo là chinh phục tự nhiên; kẻ ăn bám là chinh phục con người. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời 1 ý: 0,25 điểm	0.5
	3	Việc tác giả khẳng định: “<i>Loài người không được cho sẵn bất cứ cái gì trên mặt đất này. Tất cả những gì anh ta cần – anh ta phải làm ra chúng</i>” có ý nghĩa: - Con người cần phải lao động, sáng tạo để tồn tại. - Nhắc nhở mỗi người không ngừng nỗ lực phát huy bản thân để cuộc sống có ý nghĩa. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 2 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 trong 2 ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm	1.0
	4	Thí sinh có thể đồng tình, không đồng tình, hoặc đồng tình một phần nhưng phải có lí giải hợp lí, thuyết phục. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày thuyết phục: 1,0 điểm. - Học sinh trình bày chưa thuyết phục: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không có câu trả lời: không cho	1.0

		<i>điểm.</i>	
II		LÀM VĂN	7.0
	1	Viết đoạn văn (200 chữ) trình bày suy nghĩ về hậu quả của lối sống ăn bám.	2.0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Hậu quả của lối sống ăn bám	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ: hậu quả của lối sống ăn bám. Có thể theo hướng sau: - Lối sống ăn bám là một thói tật của con người, là khi con người sống dựa dẫm, phụ thuộc, kí sinh, lợi dụng người khác để mưu lợi cho bản thân mình. - Khi sống theo kiểu ăn bám, con người thường có thái độ ỷ lại, thiếu tự lập, không có kĩ năng sống, không đủ sức đề kháng với những thử thách trong cuộc đời. - Khi sống theo kiểu ăn bám, con người hạ thấp giá trị, nhân cách, dễ đánh mất cái tôi của mình. - Một xã hội tồn tại nhiều kẻ ăn bám, xã hội không thể phát triển. Hướng dẫn chấm: - <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (1,0 điểm)</i> - <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,75 điểm)</i> - <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 - 0,5 điểm)</i>	1.0

		<i>Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	
		<i>d) Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
		<i>e) Sáng tạo</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lý; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm	0,25
	2	Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật của hai đoạn thơ trong bài thơ Việt Bắc	5.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Nội dung và nghệ thuật của hai đoạn thơ trong bài thơ Việt Bắc Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		<i>* Giới thiệu tác giả (0,25) tác phẩm và đoạn trích (0,25)</i>	0.5

	<i>Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật hai đoạn thơ:</i> Khái quát sơ lược về tác phẩm và hai đoạn thơ cần cảm nhận: - Việt Bắc là một địa danh – là cái nôi của cách mạng Việt Nam tiền khởi nghĩa, là cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến chống Pháp. - Việt Bắc là nơi lưu giữ nhiều kỉ niệm giữa cán bộ cách mạng và đồng bào nơi đây. Đoạn 1: <i>* Bốn câu đầu là khúc dạo đầu ân tình chung thủy, niềm trân trọng nhớ thương của người Việt Bắc:</i> - Mở đầu là một câu hỏi ngọt ngào băng khuâng khi hướng về thời gian: Minh và ta là những đại từ nhân xưng quen thuộc trong ca dao xưa, là cách xưng hô bình dị, thương mến vô cùng của tình yêu đôi lứa. Tố Hữu đã mượn một hình thức ngôn từ quen thuộc của văn hoá dân gian để gửi gắm những nội dung tình cảm, thể hiện nỗi nhớ nhung của người ở lại với người về xuôi. - Hai câu tiếp là câu hỏi hướng về không gian: + Hai vế của câu thơ đan xen những hình ảnh của cả miền xuôi như cây, sông và miền núi như núi, nguồn. Hoàn cảnh chia xa, nỗi nhớ và sự gắn bó khăng khít đã hiện ngay trong cả chia tách và đan xen hoà quyện của ngôn từ... + Tố Hữu đã khơi rất sâu vào nguồn mạch đạo lý ân nghĩa thủy chung của dân tộc để thể hiện tình cảm cách mạng. Mười lăm năm ấy là trở về với cội nguồn những năm tiền khởi nghĩa sâu nặng biết bao ân tình. - 4 câu thơ điệp lại 4 chữ mình, 4 chữ “nhớ”, 1 chữ ta hòa quyện, 1 câu hỏi về thời gian (15 năm...) một câu hỏi về không gian (nhìn cây...). Khổ thơ ngắn nhưng đã dồn góp lại cả một thời cách mạng. <i>* Bốn câu tiếp là cảnh tiễn đưa băng khuâng trong nỗi lưu luyến nhớ nhung của người đi kẻ ở:</i> - Đoạn thơ cho thấy những nhớ nhung xao xuyến, những day dứt trăn trở trong lòng người ở lại đã được người ra đi thấu hiểu, cảm nhận. Đó là cảm xúc buồn vui, lưu luyến tiếc nhớ nhung về sự chân thành, giản dị, mộc mạc, quyến luyến của người ra đi và người ở lại. - Tiết tấu 2/2 của nhịp lục bát bỗng xao động trong nhịp 3/3/2	0,25 1,0
--	--	------------------------

	diễn tả thật đắt tâm lòng người đi với người ở lại. Dấu chấm lửng như khoảng trống khó lấp đầy, sự im lặng hàm chứa bao xao xuyến khôn. Đoạn 2: Nỗi nhớ thiên nhiên, con người Việt Bắc của người ra đi - Nỗi nhớ được so sánh với nhớ người yêu: Nỗi nhớ mãnh liệt và da diết. - Từ nỗi nhớ như nhớ người yêu, Việt Bắc hiện lên với những nét đẹp rất riêng: Trăng đầu núi, nắng lưng nương cùng những tên gọi, địa danh cụ thể. - Điệp từ “nhớ từng” lặp đi lặp lại làm cho nỗi nhớ thêm da diết. - Nỗi nhớ về con người, về ân tình Việt Bắc: bình thường, giản dị mà ân nghĩa thủy chung:... Hướng dẫn chấm: - Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm - Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,5 điểm - 1,75 điểm. - Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 1,0 điểm - 1,5 điểm - Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm - 0,75 điểm	1,0
	* Đánh giá: - Tóm lại vẻ đẹp của hai đoạn thơ. - Cảm nghĩ về phong cách thơ Tố Hữu - Bài học cuộc sống rút ra từ thơ Tố Hữu Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm - Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm	0,25
	* Nhận xét phong cách trữ tình - chính trị trong thơ Tố Hữu - Nhà thơ chọn thời điểm lịch sử mang tính bước ngoặt của đời mình, cũng là của dân tộc để rung cảm thành thơ. Tình cảm thủy chung cách mạng được hoà điệu trong ngôn ngữ gần gũi, hình ảnh tươi sáng...làm nên tính dân tộc đậm đà. - Cái tôi nhân danh Đảng, nhân danh cộng đồng, dân tộc, nhất là trong <i>Việt Bắc</i>. Điều đó thể hiện sự phát triển vượt bậc trong việc thể hiện tư tưởng lớn, tình cảm lớn của nhà thơ. Hướng dẫn chấm:	0,75

		- Học sinh trình bày được đúng ý như trên: 0,75 điểm - Học sinh trình bày được 2 ý: 0,25 điểm	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của truyện ngắn Kim Lân; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,25
Tổng điểm			10,0

.....HẾT.....

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Nếu bước chân vào bất kì bệnh viện nào và hỏi bác sĩ về “bệnh vô cảm”, chắc chắn bạn sẽ không nhận được câu trả lời. Bởi đó là căn bệnh tồn tại ngoài xã hội chứ không phải đơn thuần trên giường bệnh. “Bệnh vô cảm” là tình trạng chai sạn của tâm hồn, là thái độ sống thờ ơ, lãnh đạm trước những gì diễn ra xung quanh mình. Đáng sợ hơn là nó diễn ra ngay cả trước những đau khổ, mất mát của con người. Một ngày, bạn không còn biết yêu thương và cũng không cảm ghét, không cảm nhận được hạnh phúc và cũng không động lòng trước đau khổ, không có khát vọng sống có ý nghĩa... thì ắt hẳn, bạn đang có những “triệu chứng” của căn bệnh vô cảm đáng sợ kia. Nó không làm con người ta đau đớn hay chết đi về thể xác nhưng lại làm trái tim và tâm hồn chết dần trong sự lạnh lẽo. Và phải chăng “cái chết không phải là điều mất mát lớn nhất trong cuộc đời, sự mất mát lớn nhất là bạn để tâm hồn tàn lụi ngay khi còn sống” như lời Nooc- man Ku- sin đã khẳng định?

(Theo Bài tập ngữ văn 12, Tập hai, NXB GD, 2013)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2. Theo tác giả, những “triệu chứng” của thói vô cảm là gì?

Câu 3. Anh/ chị hiểu như thế nào về câu nói của **Nooc- man Ku- sin**: “cái chết không phải là điều mất mát lớn nhất trong cuộc đời, sự mất mát lớn nhất là bạn để tâm hồn tàn lụi ngay khi còn sống”?

Câu 4: Thông điệp sống có ý nghĩa nhất mà anh/ chị rút ra từ văn bản trên.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Từ đoạn trích trong phần Đọc hiểu, anh (chị) hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trả lời câu hỏi: Mỗi người cần làm những gì để “tâm hồn không tàn lụi ngay khi còn sống”?

Câu 2 (5,0 điểm):

Trong truyện ngắn **Chiếc thuyền ngoài xa**, nhà văn Nguyễn Minh Châu hai lần miêu tả hành động van xin của người đàn bà hàng chài:

Tại bờ biển, khi bị chồng đánh và chứng kiến cảnh đưa con trai - thằng Phác - đánh lại bố: “Người đàn bà dường như lúc này mới cảm thấy đau đớn – vừa đau đớn vừa vô cùng xấu hổ, nhục nhã.

- Phác, con ơi!

Miếng mếu máo gọi, người đàn bà ngồi xếp xuống trước mặt thằng bé, ôm chầm lấy nó rồi lại buông ra, chấp tay vái lấy vái để, rồi lại ôm chầm lấy.”

Và tại tòa án huyện, khi chánh án tòa án huyện - Đầu – yêu cầu bỏ chồng: “*Người đàn bà hướng về phía Đầu, tự nhiên chấp tay lại vái lia lia:*

- *Con lạy quý tòa... Quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó...*”

(Trích *Chiếc thuyền ngoài xa* – Nguyễn Minh Châu, Ngữ văn 12, tập 2, NXB Giáo dục 1016, tr 69)

Hãy phân tích hình ảnh người đàn bà hàng chài trong hai lần miêu tả trên. Từ đó, làm rõ vẻ đẹp khuất lấp của nhân vật này.

-----HẾT-----

(Thí sinh không sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

CÁN BỘ COI THI 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ COI THI 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ma trận đề

Nội dung \ Mức độ		NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	VẬN DỤNG CAO	CỘNG
I. ĐỌC HIỂU	- Ngữ liệu: Văn bản ngoài chương trình	- Phương thức biểu đạt. - Triệu chứng của bệnh vô cảm	Ý nghĩa của câu nói	- Bày tỏ những ý kiến về các vấn đề tương tự trong đời sống đặt ra trong văn bản		
Tổng	Số câu	2	1	1		4

	Số điểm	1.0	1,0	1,0		3.0
	Tỉ lệ	10%	10%	10%		30%
II. TẠO LẬP VĂN BẢN	Nghị luận xã hội	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Mỗi người cần làm những gì để “ <i>tâm hồn không tàn lụi ngay khi còn sống</i> ”	- Biết viết đoạn văn nghị luận xã hội rõ ràng, mạch lạc	- Lập luận chặt chẽ, sáng tạo	
	Nghị luận văn học : <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> – Nguyễn Minh Châu	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Hai chi tiết của người đàn bà hàng chài trong truyện “Chiếc thuyền ngoài xa”, thấy được vẻ đẹp khuất lấp của nhân vật này. .	- Viết được các đoạn văn triển khai rõ ràng, mạch lạc - Sử dụng được các thao tác lập luận hợp lí	- Thông điệp Nguyễn Minh Châu muốn gửi gắm. - Liên kết được bài văn chặt chẽ, có sự liên hệ, sáng tạo.	
Tổng	Số câu	2				2
	Số điểm	1.0	1.0	3.0	2.0	7,0
	Tỉ lệ	10%	10%	30%	20%	70%
Tổng	Số câu					6

cộng	Số điểm	2,0	2,0	4,0	2,0	10
	Tỉ lệ	20%	20%	40%	20%	100%

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	<i>Phương thức biểu đạt chính:</i> Nghị luận Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng : không cho điểm.	0,5
	2	Theo tác giả những “triệu chứng” của thói vô cảm: <i>không còn biết yêu thương và cũng không cảm ghét, không cảm nhận được hạnh phúc và cũng không động lòng trước đau khổ, không có khát vọng sống có ý nghĩa...</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời 1 ý: 0,25 điểm	0,5
	3	Ý nghĩa của câu nói: Theo Nooc- man, cái chết không phải là điều đáng sợ nhất mà tâm hồn chai sạn, lụi tàn khiến cuộc sống con người bất hạnh hơn cái chết. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 2 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 trong 2 ý: 0,75 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm	1,0
	4	HS có thể trình bày quan điểm cá nhân, thông điệp có ý nghĩa, phù hợp với chuẩn mực đạo đức. Lập luận chặt chẽ, thuyết phục. Mỗi người cần ý thức sâu sắc về mối nguy hại của bệnh vô cảm để phòng chống căn bệnh này.	1,0

		Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được thông điệp , lập luận thuyết phục : 1,0 điểm - Học sinh nêu thông điệp nhưng lập luận không chặt chẽ, không thuyết phục : (0,5 – 0,75 điểm) - Học sinh nêu được thông điệp chưa sát thực, lập luận không thuyết phục 0,25 điểm	
II		LÀM VĂN	7,0
	1.	Suy nghĩ của bản thân về vấn đề: Mỗi người cần làm những gì để “tâm hồn không tàn lụi ngay khi còn sống”	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu hình thức Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ); Được trình bày theo cách: diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Mỗi người cần làm những gì để “tâm hồn không tàn lụi ngay khi còn sống”	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận Thí sinh vận dụng các thao tác lập luận để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách, có thể trình bày theo một vài gợi ý sau: - Đề “tâm hồn không tàn lụi ngay khi còn sống” mỗi người cần biết tự bồi đắp cho mình những giá trị sống tốt đẹp: lòng nhân ái, sự sẻ chia, lối sống vì cộng đồng,... - Việc tự bồi đắp, làm giàu có tâm hồn ở mỗi người không tách rời với việc nuôi dưỡng, biết lan tỏa những giá trị sống tốt đẹp không chỉ ở ngay trong bản thân mình mà còn ở người khác. Hướng dẫn chấm: - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (1,0 điểm) - Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,75 điểm) - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 – 0,5 điểm) Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,0

		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lý; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 1 yêu cầu trở lên: 0,25 điểm - Không đáp ứng yêu cầu không cho điểm	0,25
	2.	Phân tích hai chi tiết miêu tả người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa”, từ đó làm rõ vẻ đẹp khuất lấp của nhân vật này.	5,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề; thân bài triển khai được vấn đề; kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Phân tích hai chi tiết của người đàn bà hàng chài trong truyện “Chiếc thuyền ngoài xa”, thấy được vẻ đẹp khuất lấp của nhân vật này. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm - Nguyễn Minh Châu là một trong số “những nhà văn mở đường tài hoa và tinh anh nhất”. Ông luôn thiết tha truy tìm những hạt ngọc ẩn giấu nơi bề sâu tâm hồn. - <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> in trong tập truyện ngắn cùng tên, tác phẩm đem đến cái nhìn đúng đắn về cuộc sống và con người. - Tác giả đã tìm thấy một trong những hạt ngọc ẩn giấu ấy trong tâm hồn người đàn bà hàng chài.	0,5
		* Phân tích hai chi tiết	

	- Giới thiệu khái quát về người đàn bà hàng chài: Không tên tuổi, ngoại hình xấu xí, thô kệch, Số phận đau khổ, bất hạnh: Nghèo khổ, lam lũ, vất vả, nạn nhân của nạn bạo hành gia đình. - Phân tích chi tiết hành động vái lạy đưa con trai + Hoàn cảnh xuất hiện: +/- Người đàn bà, sau một đêm thức trắng kéo lưới, theo người đàn ông lên bờ, chờ chồng đánh. +/- Thăng Phác lao tới, giằng chiếc thắt lưng, quật vào lão đàn ông. Gã đàn ông tát thăng bé hai cái khiến nó lão đảo ngã dúi xuống cát.... + Ý nghĩa của hành động: +/- Cầu xin thăng bé tha thứ, mù dầy dứt, mặc cảm vì chưa trọn phận làm mẹ. Mụ đã không thể che chở cho tâm hồn ngây thơ non nớt ấy tránh được vết thương tâm hồn. +/- Van nài thăng bé giữ trọn đạo hiếu của kẻ làm con. => Đó là nghịch lí của cuộc đời và cũng là hành động của người mẹ rất mực thương con, xót đau.	1,25
	* Phân tích chi tiết hành động vái lạy quý tòa - Hoàn cảnh xuất hiện: Chứng kiến cảnh ngộ của người đàn bà “ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng”, với tư cách là người bảo vệ công lí cho nhân dân, chánh án Đẩu đã mời người đàn bà đến và yêu cầu người đàn bà li hôn. - Ý nghĩa của hành động: + Cầu xin không ly hôn với chồng, quyết không giải phóng cuộc đời mình => nghịch lí, trớ trêu, khó hiểu + Thể hiện sự cam chịu, nhẫn nhục thậm chí nhu nhược, đón hèn không dám đấu tranh để giải phóng số phận của nhân vật => cái nhìn bề ngoài. => Đó là hành động của con người chấp nhận đón đau để có hạnh phúc. Nghịch lí đó khiến Phùng và Đẩu nhận ra, cuộc đời không đẹp, không lãng mạn nên thơ như chiếc thuyền ngoài xa bỗng bình trong sương hồng. Đây cũng là cơ hội để họ thấu hiểu về cuộc đời.	1,0
	* Vẻ đẹp khuất lấp của người đàn bà hàng chài qua hai chi tiết - Vẻ đẹp của một người đàn bà từng trải, sâu sắc lẽ đời. - Vẻ đẹp khoan dung, nhân hậu, hi sinh, vị tha: - Vẻ đẹp tình mẫu tử thiêng liêng: + Chị luôn tìm mọi cách để bảo vệ con, bảo vệ tâm hồn non nớt của thăng Phác: + Chị không bỏ chồng vì “Người đàn bà hàng chài chúng tôi sống cho con chứ không phải sống cho mình” và niềm hạnh phúc	0,75

	của người đàn bà ấy là “ngồi nhìn đàn con tôi chúng nó được ăn no...” => Đánh giá + Đây là những chi tiết nghệ thuật độc đáo mà NMC đã dụng công xây dựng để khắc họa vẻ đẹp của người đàn bà hàng chài. Từ hành động ấy, tác giả đã giúp ta phát hiện ra “hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của nhân vật”. + Người đàn bà hàng chài là đại diện tiêu biểu cho cuộc đời và phẩm chất của người phụ nữ vùng biển nói riêng, người phụ nữ VN nói chung. Hướng dẫn chấm: - Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm - Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 2,25 điểm. - Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 1,0 điểm - 1,75 điểm - Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm – 1,0 điểm	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc truyện; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
Tổng điểm		10,0

.....HẾT.....

I. ĐỌC HIỂU(3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Bạn không nên để thất bại ngăn mình tiến về phía trước. Hãy suy nghĩ tích cực về thất bại và rút ra kinh nghiệm. Thực tế những người thành công luôn dùng thất bại như là một công cụ để học hỏi và hoàn thiện bản thân. Họ có thể nghi ngờ phương pháp làm việc đã dẫn họ đến thất bại nhưng không bao giờ nghi ngờ khả năng của chính mình.

Tôi xin chia sẻ với các bạn về câu chuyện về những người đã tìm cách rút kinh nghiệm từ thất bại của mình để đạt được những thành quả to lớn trong cuộc đời.

Thomas Edison đã thất bại gần 10.000 lần trước khi phát minh thành công bóng đèn điện, J.K.Rowling, tác giả của “Harry Potter”, đã bị hơn 10 nhà xuất bản từ chối bản thảo tập 1 của bộ sách. Giờ đây, bộ tiểu thuyết này của bà trở nên vô cùng nổi tiếng và đã được chuyển thể thành loạt phim rất ăn khách. Ngôi sao điện ảnh Thành Long đã không thành công trong lần đóng phim đầu tiên ở Hollywood. Thực tế bộ phim Hollywood đầu tay của anh, thất vọng lắm chứ, nhưng điều đó cũng đâu ngăn được anh vùng lên với những phim cực kỳ ăn khách sau đó như “Giờ cao điểm” hay “Hiệp sĩ Thượng Hải”.

Thất bại không phải cái cớ để ta chần chừ. Ngược lại nó phải là động lực tiếp thêm sức mạnh để ta vươn tới thành công.

(Trích **Tại sao lại chần chừ?**, Teo Aik Cher, Người dịch: Cao Xuân Việt Khương, An Bình, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr 39, 40)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Anh/chị hãy cho biết mặt tích cực của thất bại mà “người thành công luôn dùng” được nêu trong đoạn trích.

Câu 3. Việc tác giả trích dẫn các câu chuyện của *Thomas Edison, J.K.Rowling, Ngôi sao điện ảnh Thành Long* có tác dụng gì?

Câu 4. Anh/chị có cho rằng trong cuộc sống thất bại “là động lực tiếp thêm sức mạnh để ta vươn tới thành công.” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN(7,0 điểm)

Câu 1(2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) về *bản thân cần chấp nhận sự thất bại* như thế nào để thành công trong cuộc sống?

Câu 2(5,0 điểm)

Đất là nơi anh đến trường

Nước là nơi em tắm
 Đất Nước là nơi ta hò hẹn
 Đất Nước là nơi đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm
 Đất là nơi “con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc”
 Nước là nơi “con cá ngư ông móng nước biển khơi”

và:

Để Đất Nước này là Đất Nước Nhân Dân
 Đất Nước của Nhân Dân, Đất Nước của ca dao thần thoại
 Dạy anh biết “yêu em từ thửa trong nôi”
 Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội
 Biết trồng tre đợi ngày thành gậy
 Đi trả thù mà không sợ dài lâu

(Trích *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng* - Nguyễn Khoa Điềm ,
 Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục 2016)

Anh/Chị hãy phân tích hai đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét về nghệ thuật sử dụng chất liệu văn hóa dân gian của nhà thơ .

-----HẾT-----

(Thí sinh không sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

CÁN BỘ COI THI 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ COI THI 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ma trận đề

Mức độ Nội dung		NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	VẬN DỤNG CAO	CỘNG
I. ĐỌC HIỂU	- Ngữ liệu: <i>Tại sao lại chân chì?</i> , Tác giả Teo Aik Cher - Văn bản ngoài chương trình	-Phương thức biểu đạt. - Mặt tích cực của	Tác dụng của câu nói	- Bày tỏ những ý kiến về các vấn đề tương tự trong đời sống đặt ra trong văn bản		

		thành công				
Tổng	Số câu	2	1	1		4
	Số điểm	1.0	1,0	1,0		3.0
	Tỉ lệ	10%	10%	10%		30%
II. TẠO LẬP VĂN BẢN	Nghị luận xã hội	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- <i>Bản thân cần chấp nhận sự thất bại</i> như thế nào để thành công trong cuộc sống	- Biết viết đoạn văn nghị luận xã hội rõ ràng, mạch lạc	- Lập luận chặt chẽ, sáng tạo	
	Nghị luận văn học : <i>Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm</i>	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Cảm nhận mới mẻ về tư tưởng đất nước của nhân dân	- Viết được các đoạn văn triển khai rõ ràng, mạch lạc - Sử dụng được các thao tác lập luận hợp lí	- Thông điệp Nguyễn Khoa Điềm muốn gửi gắm. - Liên kết được bài văn chặt chẽ, có sự liên hệ, sáng tạo.	
Tổng	Số câu	2				2
	Số điểm	1.0	1.0	3.0	2.0	7,0
	Tỉ lệ	10%	10%	30%	20%	70%
Tổng cộng	Số câu					6
	Số điểm	2,0	2,0	4,0	2,0	10

	Tỉ lệ	20%	20%	40%	20%	100%
--	--------------	------------	------------	------------	------------	-------------

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích: Nghị luận Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng : không cho điểm.	0,5
	2	Mặt tích cực của thất bại mà người thành công luôn dùng: - Những người thành công luôn dùng thất bại như là một công cụ để học hỏi và hoàn thiện bản thân. - Họ có thể nghi ngờ phương pháp làm việc đã dẫn họ đến thất bại nhưng không bao giờ nghi ngờ khả năng của chính mình. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời 1 ý: 0,25 điểm	0,5
	3	Tác dụng: - Tăng sức thuyết phục đối với người đọc. - Khẳng định không ai thành công không phải trải qua thất bại. - Từ chính trong thất bại họ đã vươn đến thành công. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 2 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 - 2 ý: 0,75 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm	1,0
	4	- Đồng ý cho rằng trong cuộc sống thất bại luôn “là động lực tiếp thêm sức mạnh để ta vươn tới thành công.” Vì: Thất bại sẽ giúp chúng ta rút ra những kinh nghiệm, thay đổi phương pháp làm việc. Học hỏi để hoàn thiện bản thân - Không đồng ý cho rằng trong cuộc sống thất bại luôn “là động lực tiếp thêm sức mạnh để ta vươn tới thành công.” Vì: Con người luôn mang trong mình tâm lí sợ hãi, bởi vậy khi gặp một lần thất bại sẽ không dám bước tiếp, lấy lí do để ngừng cuộc chơi. Chính điều đó sẽ khiến họ không bao giờ có thể vươn đến thành công.	1,0

		Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 2 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 trong 2 ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm	
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) về bản thân cần chấp nhận sự thất bại như thế nào để thành công trong cuộc sống	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: con người cần chấp nhận thất bại như thế nào để thành công trong cuộc sống.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; biết liên hệ, liên tưởng, rút ra bài học: - Thất bại: là hỏng việc, thua mất, là không đạt được kết quả, mục đích như dự định. - Thành công: là đạt được kế hoạch mục tiêu mình đã đề ra ban đầu => Trong hành trình đi đến thành công không tránh khỏi những vấp ngã, thất bại. Nhưng ta phải biết điều chỉnh từ chính những thất bại đó thì bản thân mới có thể thành công. + Trước một sự việc không thành, con người cần có sự bình tĩnh để tìm hiểu nguyên nhân của sự thất bại. + Dám đối mặt để chấp nhận, không né tránh sự thật, cũng không đổ lỗi hoàn toàn cho khách quan. + Biết đứng dậy sau mỗi lần vấp ngã, không chán nản và lùi bước trước thất bại. + Biết rút ra bài học từ những thất bại đã qua để tiếp tục thực hiện công việc và ước mơ của mình. - Phê phán những con người sống thụ động, tiêu cực, để đầu hàng số phận, khi thất bại thì luôn đổ thừa cho hoàn cảnh. Hướng dẫn chấm: - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm) - Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm) - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm) Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,0
		d. Chính tả, ngữ pháp	0,25

	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
	e. Sáng tạo Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lý; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,25 điểm - Không đáp ứng được yêu cầu: 0 điểm	0,25
2	Phân tích làm rõ sự cảm nhận mới mẻ và tư tưởng “Đất Nước của Nhân Dân” trong hai đoạn thơ trên, từ đó nhận xét về việc sử dụng chất liệu văn hóa dân gian của nhà thơ.	5,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận - Cảm nhận mới mẻ và tư tưởng “Đất Nước của Nhân Dân” - Cảm hứng về đất nước trong đoạn thơ Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề	
	* Giới thiệu chung: Tác giả, tác phẩm, đoạn trích	0,5
	* Đoạn 1: - Giới thiệu vị trí, khái quát nội dung: thuộc phần đầu thể hiện những cảm nhận mới mẻ về không gian địa lí của Đất Nước - Phân tích làm rõ: + Đất nước là nơi rất gần gũi với cuộc sống mỗi người (nơi anh đến trường... nơi em tắm). + Đất Nước tồn tại ngay cả trong những không gian riêng tư của tình yêu đôi lứa + Đất Nước còn là không gian sinh tồn hết sức đời thường của nhân dân qua bao thế hệ + ĐN là núi sông rừng bể.... => Nghệ thuật tách từ, cách định nghĩa, chất liệu văn hóa dân gian ...->ĐN vừa gần gũi vừa thiêng liêng hùng vĩ ; vừa nhỏ bé trong mỗi người vừa lớn lao cao cả .	1,0
	* Đoạn 2	1,5

	-Giới thiệu vị trí, khái quát nội dung: thuộc phần cuối thể hiện tư tưởng Đất Nước của Nhân Dân -Phân tích làm rõ: +Kết tinh tư tưởng, là cảm hứng chủ đạo bao trùm cả đoạn trích và chương V: Đất Nước của Nhân Dân-của những con người giản dị vô danh. +Những giá trị văn hóa dân gian thể hiện vẻ đẹp tinh thần của nhân dân lao động. =>Nghệ thuật định nghĩa, trích dẫn ca dao dân ca, giọng thơ trữ tình-chính luận sâu lắng, thiết tha-> tư tưởng Đất Nước của Nhân Dân Hướng dẫn chấm: - Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm - Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,5 điểm - 1,75 điểm. - Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 1,0 điểm - 1,5 điểm - Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm - 0,75 điểm	
	* Nhận xét về nghệ thuật sử dụng chất liệu văn hóa dân gian + Sử dụng nhuần nhuyễn và đậm đặc chất liệu văn hóa dân gian. + Sử dụng sáng tạo chất liệu văn hóa dân gian: Trích dẫn ca dao dân ca kết hợp giọng trữ tình-chính luận sâu lắng, thiết tha . Cách trích dẫn nguyên văn kết hợp với dẫn ý. Dẫn những câu thơ ý thơ tiêu biểu cho vẻ đẹp tâm hồn dân tộc. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày được đúng ý như trên: 0,5 điểm - Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm	0,5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	e. Sáng tạo: Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc thơ của Nguyễn Khoa Điềm; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5

Tổng điểm	10,0
------------------	-------------

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Một con tằm phải trải qua đau đớn để tự chui ra khỏi cái kén và trưởng thành con bướm biết bay.

Một hạt giống nằm sâu trong lòng đất để nảy mầm phải tự vươn thẳng lên xuyên qua tầng đất dày và trở thành cây cứng cáp.

Con tằm nào được người ta cắt vỏ kén chui ra mãi mãi bò quanh cái kén mà không bao giờ thành loài bướm biết bay.

Hạt giống nằm trên mặt đất dễ dàng nảy mầm nhưng sẽ bị bật gốc khi gặp cơn giông tố.

Con người không thể chọn cho mình nơi sinh ra, nhưng có thể tự chọn cho mình một cách sống; rèn luyện cho mình khả năng chịu đựng và bản lĩnh ý chí qua thử thách, khó khăn, bất hạnh và cả thất bại. Thất bại, bất hạnh có thể là điều tuyệt vọng với người này nhưng có thể là may mắn với người khác- tùy vào cách chúng ta đón nhận bằng cách dùng cảm vượt qua hay tự thương thân trách phận mà gục ngã.

(Dẫn theo “Hạt giống tâm hồn” – Tập 1, Phần I)

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo tác giả, để trở thành “con bướm biết bay” và “trở thành cây cứng cáp”, con tằm và hạt giống phải trải qua những thử thách gì?

Câu 3. Theo anh/ chị vì sao tác giả lại cho rằng: *Con người không thể chọn cho mình nơi sinh ra, nhưng có thể tự chọn cho mình một cách sống.*

Câu 4. Thông điệp nào của đoạn trích trên có ý nghĩa nhất đối với anh (chị)? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết 1 đoạn văn (khoảng 200 chữ) về cách đối diện với thử thách của bản thân để thành công.

Câu 2: (5,0 điểm)

Trong tùy bút *Người lái đò Sông Đà*, Nguyễn Tuân đã hai lần miêu tả hình ảnh người lái đò. Đó là “*Ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này*”. Và “*Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam và toàn bàn về cá anh vũ cá dầm xanh...cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đủ tướng dữ quân tợn vừa rồi*”.

Phân tích hình ảnh ông lái đò trong hai lần miêu tả trên. Từ đó, hãy làm nổi bật vẻ đẹp của nhân vật này.

-----HẾT-----

(Thí sinh không sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

CÁN BỘ COI THI 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ COI THI 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ma trận đề

Mức độ Nội dung		NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	VẬN DỤNG CAO	CỘNG
I. ĐỌC HIỂU	- Ngữ liệu: “ <i>Hạt giống tâm hồn</i> ” - Văn bản ngoài chương trình	- Phương thức biểu đạt. - Hiện tượng đặt ra trong văn bản	Hoàn cảnh không quyết định số phận	- Bày tỏ những ý kiến về các vấn đề tương tự trong đời sống đặt ra trong văn bản		
Tổng	Số câu	2	1	1		4
	Số điểm	1.0	1,0	1,0		3.0
	Tỉ lệ	10%	10%	10%		30%
II. TẠO LẬP VĂN BẢN	Nghị luận xã hội	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Cách đối diện với thử thách của bản thân	- Biết viết đoạn văn nghị luận xã hội rõ ràng, mạch lạc	- Lập luận chặt chẽ, sáng tạo	
	Nghị luận văn học : Người lái đò sông Đà của Nguyễn Tuân	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Vẻ đẹp nhân vật Người lái đò lúc vượt thác và sau khi vượt thác .	- Viết được các đoạn văn triển khai rõ ràng, mạch lạc - Sử dụng	- Thông điệp Nguyễn Tuân muốn gửi gắm. - Liên kết được bài	

				được các thao tác lập luận hợp lí	văn chặt chẽ, có sự liên hệ, sáng tạo.	
Tổng	Số câu	2				2
	Số điểm	1.0	1.0	3.0	2.0	7,0
	Tỉ lệ	10%	10%	30%	20%	70%
Tổng cộng	Số câu					6
	Số điểm	2,0	2,0	4,0	2,0	10
	Tỉ lệ	20%	20%	40%	20%	100%

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng : không cho điểm.	0,5
	2	Theo tác giả, để trở thành “con bướm biết bay” và “trở thành cây cứng cáp”, con tằm và hạt giống phải trải qua những thử thách: - Con tằm phải trải qua đau đớn để tự chui ra khỏi cái kén. - Hạt giống nằm sâu trong lòng đất để nảy mầm phải tự vươn thẳng lên xuyên qua tầng đất dày Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời 1 ý: 0,25 điểm	0.5
	3	Không ai có thể lựa chọn cho mình một số phận tốt đẹp, ta chỉ có thể lựa chọn cách sống để tạo ra những may mắn cho chính cuộc đời chúng ta. Nơi ta sinh ra không có nghĩa là nơi bạn kết thúc cuộc đời. - Khi ta sinh ra, ta đã được đặt trong một hoàn cảnh nhất định nhưng quá trình trưởng thành của chúng ta chính là quá trình ta sẽ tạo dựng cho mình một hoàn cảnh mới mà cuộc đời ta muốn. Ta chọn mình sẽ là người như thế nào thì sẽ nỗ lực cho việc trở thành một người như vậy chứ không phải là tuân theo hoàn cảnh, trở thành con người mà môi trường mong muốn - Cái mà xã hội đánh giá và nhìn vào là cách bạn sống thế nào, nỗ lực ra sao và vươn lên giữa bùn lầy bằng cách nào. Có lẽ cách sống là thứ quy định con người bạn, làm thay đổi điểm xuất phát vốn không được tốt đẹp. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 2 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 trong 2 ý: 0,75 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm	1,0
	4	Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách, nhưng làm nổi bật được giá trị của thử thách đối với sự thành công của mỗi con người. - Trong cuộc sống, chúng ta luôn phải đối mặt với không ít khó khăn thử thách, thất bại, bất hạnh. - Khó khăn thử thách tôi luyện thêm tinh thần, ý chí, quyết tâm, lòng dũng cảm.	1.0

		- Khó khăn thử thách giúp con người rút ra những bài học, những kinh nghiệm quý báu cho mình. - Ý chí, quyết tâm, dũng cảm và những bài học, những kinh nghiệm là những yếu tố quyết định đến sự thành công. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 4 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 – 3 ý: 0,75 điểm - Học sinh trả lời được 1 – 2 ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm	
II		LÀM VĂN	
	1	Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề: Cách đối diện với thử thách của bản thân	2.0
		a) Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một tư tưởng đạo lí: Cách đối diện với thử thách của bản thân	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; các hình thức lập luận (diễn dịch, quy nạp. tổng – phân –hợp); các phương thức biểu đạt, nhất là nghị luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. Cụ thể: * Giải thích: “Thử thách” là những tình huống, việc làm khó khăn, gian khổ, đòi hỏi con người có nghị lực, khả năng mới có thể vượt qua. * Bàn luận: - Cần phải có can đảm, để đối mặt với tất cả các loại khó khăn, thử thách bởi không có hoàn cảnh khó khăn nào mà không vượt qua được. - Phải thực sự nắm bắt được cốt lõi của từng vấn đề, tìm thấy những điều quan trọng nhất đối với mình. Suy nghĩ tích cực để đối mặt với những khó khăn . - Sẵn sàng để chấp nhận thay đổi, bình thản đối diện với cuộc đời, Cố gắng học hỏi, làm việc chăm chỉ, sẵn sàng chịu đựng gian khổ, cuối cùng sẽ có thể để có được những thành quả của thành công. - Phê phán: Lối sống thiếu nghị lực, bản lĩnh, dựa dẫm... - Khó khăn, thử thách chính là môi trường rèn luyện, tôi luyện ý chí con người. Hướng dẫn chấm: - <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm)</i> - <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng</i>	0,75

		không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm) - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm) Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
		e) Sáng tạo Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lí; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm	0,5
		d) Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	2	Phân tích hình ảnh ông lái đò trong hai lần miêu tả trên. Từ đó, hãy làm nổi bật vẻ đẹp của nhân vật này.	5,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Chi tiết Người lái đò lúc vượt thác và chi tiết sau khi vượt thác trong tùy bút <i>Người lái đò sông Đà</i> của Nguyễn Tuân. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm	0,5
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể:	
		- Giới thiệu tác giả Nguyễn Tuân, tùy bút <i>Người lái đò Sông Đà</i>, Chi tiết Người lái đò lúc vượt thác và chi tiết sau khi vượt thác trong tùy bút <i>Người lái đò sông Đà</i> của Nguyễn Tuân đã thể hiện vẻ đẹp của người lao động trong công cuộc xây dựng đất nước.	0,5
		Vẻ đẹp của người lái đò sông Đà qua 2 lần miêu tả: * Lần thứ nhất: Vẻ đẹp trí dũng: - Hoàn cảnh xuất hiện: + Khắc họa trong tương quan với hình ảnh sông Đà hung bạo, hùng vĩ:	0,75

	+ Cuộc giao tranh với ba trùng vi thạch trận: đoạn trích là cuộc chiến giữa ông đồ với trùng vi thứ hai - Phân tích cuộc giao tranh giữa người và sông: + Ở trùng vi thứ nhất, vừa vào trận, sóng nước, đá sông hò la vang dậy, ủa vào bể gây cán chèo vỡ khí, đá trái thúc vào bụng, vào hông thuyền. Nước như đổ vật tùm thất lưng ông đồ rồi đánh miếng đòn độc, đánh vào chỗ hiểm... Ông đồ thực là một chiến sĩ dũng cảm, rất bình tĩnh nén mọi đau đớn để chiến thắng kẻ thù. + Sang trùng vi thứ hai, không một phút ngừng tay nghỉ mắt, ông đồ thay đổi chiến thuật. Hành động của ông lão thành thạo, chính xác, dũng mãnh trong từng động tác, đúng là tay lái ra hoa, điều luyện của người nghệ sĩ. Bằng trí dũng, nghị lực kiên cường, người lái đồ đã đánh bại dòng thác hùng beo đang hồng học té mạnh. + Trùng vi thứ ba ít cửa hơn, nhưng bên phải bên trái đều là cửa tử. Ông đồ uy nghi rạng rỡ trở về từ cõi chết. Ông đã chiến thắng thiên nhiên, làm chủ cuộc đời. Cuối cùng thiên nhiên phải khuất phục dưới sự tài ba và lòng dũng cảm tuyệt vời của con người. * Lần thứ hai: Vẽ đẹp tài hoa nghệ sĩ: - Hoàn cảnh xuất hiện: sau khi ông đồ đã vượt qua 3 vòng trùng vi và thành người chiến thắng; - Phân tích: “<i>Đêm ấy nhà đồ đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam và toàn bàn về cá anh vũ cá dầm xanh... cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đầy tướng dữ quân tợn vừa rồi</i>”. + Thời gian: ban đêm; không gian: nơi hang đá + Nghệ thuật liệt kê hàng loạt việc làm của nhà đồ: <i>đốt lửa-nướng ống cơm lam và toàn bàn về cá anh vũ cá dầm xanh- chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua...</i> - Ý nghĩa: + Phong thái nghệ sĩ trong cách ông nhìn nhận về công việc của mình, bình thản đến độ lạ lùng; + Ông chọn lối sống giản dị, yêu đời và đức tính khiêm nhường. Đó là phẩm chất đáng quý của người nghệ sĩ giữa đời thường mà tác giả đã phát hiện và ngợi ca. * Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật: - Nguyễn Tuân chú ý tô đậm nét tài hoa, nghệ sĩ ở ông lái đồ. - Nguyễn Tuân có ý thức tạo nên tình huống đầy thử thách để nhân vật bộc lộ rõ phẩm chất của mình. - Ngôn ngữ miêu tả đầy cá tính, giàu chất tạo hình, hoàn toàn phù hợp với đối tượng. - Thể hiện phong cách tài hoa uyên bác của Nguyễn Tuân Hướng dẫn chấm: - Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,25 điểm - Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,5 điểm - 2,0	0,75 0,5
--	--	------------------------

	điểm. - Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 1,0 điểm - 1,5 điểm - Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm - 0,75 điểm	
	* Nhận xét về vẻ đẹp của nhân vật: - Người lái đò trí dũng và tài hoa đã nổi bật trên dòng sông hung bạo và trữ tình, có khả năng chinh phục thiên nhiên, bắt nó phải phục vụ con người, xây dựng đất nước - Đó chính là chất <i>vàng mười</i> của con người Tây Bắc nói riêng và người lao động Việt Nam nói chung trong thời kì mới. - Qua hình tượng này, Nguyễn Tuân muốn phát biểu quan niệm: người anh hùng- nghệ sĩ không phải chỉ có trong chiến đấu mà còn có cả trong cuộc sống lao động thường ngày. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày được đúng ý như trên: 0,5 điểm - Học sinh trình bày được 2 ý: 0,25 điểm	0,5
	* Đánh giá - Hình ảnh ông lái đò băng băng trên dòng thác sông Đà một cách ung dung, bình tĩnh, tự tại trong cuộc chiến đầy cam go nhưng cũng thật hào hùng. - Bài học cuộc sống từ nhân vật ông đò: ca ngợi người lao động, học tập vẻ đẹp của lòng dũng cảm, bản lĩnh kiên cường, đức tính khiêm nhường... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm - Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm	0,5
	e. Sáng tạo: Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của nhân vật; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
Tổng điểm		10,0

I. ĐỌC – HIỂU (3,0 điểm)**Đọc đoạn trích:**

Quê hương thứ nhất của chị ở mảnh đất Hưng Yên, quê hương thứ hai của chị ở nông trường Hồng Cúm, hạnh phúc mà chị đã mất đi từ bảy, tám năm nay ai ngờ chị lại tìm thấy ở một nơi mà chiến tranh đã xảy ra ác liệt nhất. Ở đây trong những buổi lễ cưới, người ta tặng nhau một quả mìn nhảy đã tháo kíp làm giá bút, một quả đạn cối tiện đầu, quét lượt sơn trắng làm bình hoa, một ống thuốc môi của quả bom tấn để đựng giấy giá thú, giấy khai sinh cho các cháu sau này, và những cái võng nhỏ của trẻ con tết bằng ruột dây dù rất óng. Sự sống nảy sinh từ cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong những hy sinh, gian khổ, ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới ấy.

(Trích *Mùa lạc* – Nguyễn Khải, NXB Văn học, 1960)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định ngôi kể trong đoạn trích?

Câu 2. Trong đoạn trích, những món quà nào thường được tặng trong đám cưới?

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong câu văn “Ở đây trong những buổi lễ cưới, người ta tặng nhau một quả mìn nhảy đã tháo kíp làm giá bút, một quả đạn cối tiện đầu, quét lượt sơn trắng làm bình hoa, một ống thuốc môi của quả bom tấn để đựng giấy giá thú, giấy khai sinh cho các cháu sau này, và những cái võng nhỏ của trẻ con tết bằng ruột dây dù rất óng”

Câu 4. Anh/Chị hãy nhận xét quan niệm về cuộc sống được tác giả nêu trong đoạn trích?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)**Câu 1 (2,0 điểm)**

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của nghị lực con người trong cuộc sống.

Câu 2 (5,0 điểm)

“Hắn chấp hai tay sau lưng, lưng thường bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng lóa xói và hai con mắt còn cay sè của hắn. Hắn chớp chớp liên hồi mấy cái, và bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn, hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươn mươn niên ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung bành ngay lối đi đã hót sạch.

Ngoài vườn người mẹ đang cúi húi giấy những bụi cỏ mọc nham nhở. Vợ hắn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sần sật trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường nhưng đối với hắn lại rất thấm thía cảm động. Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con để cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bốn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.”

(Trích *Vợ nhặt* – Kim Lân, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục, 2008, tr.30)

Phân tích tâm trạng nhân vật Tràng được nhà văn Kim Lân thể hiện trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn Kim Lân.

-----HẾT-----

(Thí sinh không sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

CÁN BỘ COI THI 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ COI THI 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ma trận đề

Mức độ Nội dung		NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	VẬN DỤNG CAO		CỘNG
I. ĐỌC HIỂU	- Ngữ liệu: Mùa lạc của Nguyễn Khải	- Ngôi kể - Sự vật	Tác dụng của biện pháp tu từ	- Đề xuất những ý kiến về các vấn đề tương tự trong đời sống...			
Tổng	Số câu	2	1	1			4
	Số điểm	1,0	1,0	1,0			3.0
	Tỉ lệ	10%	10%	10%			30%
II. TẠO LẬP VĂN BẢN	Nghị luận xã hội	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Ý nghĩa của nghị lục con người trong cuộc sống	- Biết viết đoạn văn nghị luận xã hội rõ ràng, mạch lạc	- Lập luận chặt chẽ, sáng tạo		
	Nghị luận văn học : “Vợ nhặt ” của Kin Lân.	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Hiểu tâm trạng của Nhân vật Tràng: ngạc nhiên, cảm động, yêu thương gắn bó, có trách nhiệm...	- Viết được các đoạn văn triển khai rõ ràng, mạch lạc - Sử dụng được các thao tác lập luận hợp lí	- Thông điệp Kim Lân muốn gửi gắm - Liên kết được bài văn chặt chẽ, có sự liên hệ, sáng tạo.		
Tổng	Số câu	2					2
	Số điểm	1.0	1.0		3.0	2.0	7,0
	Tỉ lệ	10%	10%		30%	20%	70%
Tổng cộng	Số câu						6
	Số điểm	2,0	2,0		4,0	2	10
	Tỉ lệ	20%	20%		40%	20 %	100%

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Ngôi kể: ngôi thứ ba Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng thể thơ: không cho điểm.	0,5
	2	Trong đoạn trích, những món quà thường được tặng trong đám cưới: <i>một quả mìn nhảy đã tháo kịp làm giá bút, một quả đạn cối tiện đầu, quét lượt sơn trắng làm bình hoa, một ống thuốc mỗi của quả bom tấn để đựng giấy giá thú, giấy khai sinh cho các cháu sau này, và những cái võng nhỏ của trẻ con tết bằng ruột dây dù rất óng</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời 1 ý: 0,25 điểm	0,5
	3	Tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê: - Diễn tả hiện thực khó khăn và vẻ đẹp của tình người trong cuộc sống - Tạo cho câu văn sinh động, phong phú Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 2 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 trong 2 ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm	1,0
	4	Nhận xét quan niệm về cuộc sống được tác giả nêu trong đoạn trích - Cuộc sống luôn có thử thách, khó khăn, con người cần phải vượt qua để vươn tới thành công. - Quan niệm sống tích cực, tiến bộ, thể hiện khuynh hướng lãng mạn của văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được quan niệm như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh nhận xét được 1 quan niệm : 0,5 điểm	1,0
II		LÀM VĂN	
	1	Trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của nghị lực con người trong cuộc sống.	2,0
		a) <i>Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i>	0,25

		Suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của nghị luận con người trong cuộc sống.	
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ: ý nghĩa của nghị luận con người. Có thể theo hướng sau: Giúp con người vượt qua những khó khăn, nghịch cảnh; tôi luyện bản lĩnh; đạt được thành công trong cuộc sống. Hướng dẫn chấm: - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm) - Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm) - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm) Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,75
		<i>d) Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
		<i>e) Sáng tạo</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lí; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm	0,5
2		Phân tích tâm trạng nhân vật Tràng được nhà văn Kim Lân thể hiện trong đoạn trích	5,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Tâm trạng nhân vật Tràng được nhà văn Kim Lân thể hiện trong đoạn trích Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i>	

	Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
	<i>* Giới thiệu tác giả (0,25) tác phẩm và đoạn trích (0,25)</i>	0,5
	<i>* Phân tích tâm trạng nhân vật Tràng</i> - Hoàn cảnh: Buổi sáng đầu tiên sau khi “nhật vợ” - Tâm trạng: + Ngạc nhiên trước sự thay đổi của cảnh vật và ngôi nhà + Cảm động trước cảnh tượng gần gũi, quen thuộc + Yêu thương, gắn bó với gia đình + Hạnh phúc, thấy mình nên người và cần có trách nhiệm với gia đình - Tâm trạng của nhân vật được thể hiện bằng ngôn ngữ tự nhiên, sinh động, giàu tính biểu cảm; độc thoại nội tâm,... Hướng dẫn chấm: - Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm - Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,75 điểm - 2,25 điểm. - Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 1,0 điểm - 1,5 điểm - Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm - 0,75 điểm	2,0
	<i>* Đánh giá:</i> - Tâm trạng nhân vật Tràng góp phần làm nên giá trị nhân đạo của tác phẩm <i>Vợ nhặt</i> - Tâm trạng nhân vật Tràng góp phần thể hiện phong cách nghệ thuật truyện ngắn của Kim Lân. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm - Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm	0,5
	<i>* Nghệ thuật xây dựng nhân vật:</i> Xây dựng nhân vật bằng bút pháp miêu tả, phân tích tâm lí chân thực, tinh tế. Khắc họa nhân vật bằng ngôn ngữ đối thoại, sống động, giàu cá tính, xây dựng tình huống truyện độc đáo bất ngờ. Ngôn ngữ kể tự nhiên, mộc mạc, gần gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày của người nông dân. Giọng hồn hậu, hóm hỉnh, giàu chất trữ tình. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày được đúng ý như trên: 0,5 điểm - Học sinh trình bày được 2 ý: 0,25 điểm	0,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25

	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của truyện ngắn Kim Lân; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
Tổng điểm		10,0

.....HẾT.....

ĐỀ MINH HỌA CHUẨN 2021

ĐỀ SỐ 34

(Đề bài gồm 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2021

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU: (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

Trong đời sống, sự tự tin không chỉ thể hiện bản thân mỗi người khi giao tiếp, nó còn phản ánh cách chúng ta ứng xử trong cuộc sống, công việc, trong giao tiếp với người khác, trong sức mạnh mà chúng ta theo đuổi mục tiêu và giấc mơ của mình.

Trong giao tiếp, dù ở ngôn ngữ nào, sự tự tin là nền tảng và chất xúc tác cho toàn bộ quá trình chúng ta giao tiếp với người khác.

Sự tự tin không chỉ khiến bạn suy nghĩ lạc quan, tích cực và nhìn nhận được những mặt tốt đẹp của một sự việc. Thái độ này còn tạo nên phong thái và khí chất của bạn. Trang Huffington Post khẳng định: “Nếu tự tin, bạn sẽ có nhiều cơ hội thành công khi phỏng vấn xin việc hay tìm kiếm việc làm mơ ước. Bên cạnh đó, người tự tin cũng được nhìn nhận là đẹp hơn, cuốn hút hơn”.

Chính thái độ và phong thái toát ra từ sự tự tin làm lu mờ những khiếm khuyết bên ngoài và biến họ (những người tự tin) trở nên đặc biệt trong mắt người khác- trang Bon Vita (một trang viết về phong cách sống) cũng khẳng định.

Trang Psychologist phân tích, sự thiếu tự tin ấy không phải do bạn thiếu năng lực, mà do bạn chưa nhìn nhận đúng về bản thân mình, chưa có niềm tin vào khả năng của mình.

(Khi tự tin, bạn quyền lực và hấp dẫn hơn, <http://kenh14.vn>, 13/3/2018)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo tác giả, thái độ và phong thái toát ra từ sự tự tin có giá trị gì?

Câu 3. Chỉ ra một số biểu hiện khác của tự tin trong cuộc sống?

Câu 4. Anh/chị có đồng ý với ý kiến: “Nếu tự tin, bạn sẽ có nhiều cơ hội thành công”? Vì sao?

II. LÀM VĂN: (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về ý nghĩa của sự tự tin.

Câu 2: (5,0 điểm)

Trong truyện ngắn **Rừng xà nu**, nhà văn Nguyễn Trung Thành đã miêu tả hình ảnh rừng xà nu trong đoạn mở đầu: “ ... *Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu*

cạnh con nước lớn. Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn”. Và đoạn kết thúc: “....Tnú lại ra đi. Cụ Mết và Dít đưa anh ra đến rừng xà nu gần con nước lớn. Trận đại bác đêm qua đã đánh ngã bốn năm cây xà nu to. Nhựa ứa ra ở những vết thương đang động lại, long lánh nắng hè. Quanh đó vô số những cây con đang mọc lên. Có những cây mới nhú khỏi mặt đất, nhọn hoắt như những mũi lê.

Ba người đứng ở đấy nhìn ra xa. Đến hút tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những rừng xà nu tiếp nối chạy đến chân trời.”

(Rừng xà nu - Nguyễn Trung Thành, Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.40 và tr.47)

Phân tích hình ảnh rừng xà nu trong hai lần miêu tả trên. Từ đó, nhận xét về vẻ đẹp sử thi của tác phẩm.

-----HẾT-----

(Thí sinh không sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)

CÁN BỘ COI THI 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ COI THI 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ma trận đề

Mức độ Nội dung		NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	VẬN DỤNG CAO	CỘNG
I. ĐỌC HIỂU	- Ngữ liệu: “(Khi tự tin, bạn quyền lực và hấp dẫn hơn” – <i>Văn bản ngoài chương trình</i>	- Phương thức biểu đạt - Biểu hiện của hiện tượng	Hiểu được biểu hiện sự việc, hiện tượng	- Bày tỏ quan điểm, ý kiến về các vấn đề tương tự trong đời sống đặt ra trong văn bản		
Tổng	Số câu	2	1	1		4
	Số điểm	1.0	1.0	1,0		3.0
	Tỉ lệ	10%	10%	10%		30%
II. TẠO LẬP VĂN BẢN	Nghị luận xã hội	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Điều bản thân cần làm để sống hết mình	- Biết viết đoạn văn nghị luận xã hội rõ ràng, mạch lạc	- Lập luận chặt chẽ, sáng tạo	
	Nghị luận văn học : Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành	- Nhận biết dạng đề, vấn đề nghị luận.	- Vẻ đẹp hình ảnh rừng xà nu qua hai lần miêu tả và vẻ đẹp sử thi của tác phẩm	- Viết được các đoạn văn triển khai rõ ràng, mạch lạc - Sử dụng được các thao tác lập luận hợp lí	- Thông điệp Nguyễn Trung Thành muốn gửi gắm. - Liên kết được bài văn chặt chẽ, có sự liên hệ, sáng tạo.	
Tổng	Số câu	2				2

	Số điểm	1.0	1.0	3.0	2.0	7,0
	Tỉ lệ	10%	10%	30%	20%	70%
Tổng cộng	Số câu					6
	Số điểm	2,0	2,0	4,0	2	10
	Tỉ lệ	20%	20%	40%	20%	100%

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính : Nghị luận Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không đúng thể thơ: không cho điểm.	0,5
		Thái độ và phong thái toát ra từ sự tự tin làm lu mờ những khiếm khuyết bên ngoài và biến họ (những người tự tin) trở nên đặc biệt trong mắt người khác Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời 1-3 ý: 0,5 điểm	0,5
	3	Một số biểu hiện khác của tự tin trong cuộc sống: + Chủ động khẳng định năng lực bản thân + Tích cực tham gia các công việc bản thân có thể đảm nhiệm + Mạnh dạn sáng tạo đem lại hiệu quả cao trong công việc... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 2 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 trong 2 ý: 0,5 điểm	1,0

		- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm	
	4	Thí sinh bộc lộ quan điểm của mình, có thể đồng ý hoặc không đồng ý nhưng có lí giải hợp lí không vi phạm đạo đức, pháp luật. Gợi ý : + Đồng ý: vì tự tin giúp ta suy nghĩ tích cực, lạc quan, nhìn nhận những mặt tốt đẹp của cuộc sống; phát huy năng lực, sở trường bản thân; khẳng định khả năng trong các lĩnh vực... + Không đồng ý: vì chỉ tự tin thì chưa đủ. Để thành công cần có năng lực, tri thức, kĩ năng sống; cần có ý chí, nghị lực, chăm chỉ, nỗ lực; cần có cơ hội và sự giúp đỡ của người khác... Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu quan điểm, lý giải thuyết phục, lập luận sắc bén : 1,0 điểm. - Học sinh nêu quan điểm, lý giải không thuyết phục, lập luận không chặt chẽ: 0,5 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm	1,0
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Trình bày suy nghĩ về ý kiến: Tự tin giúp chúng ta theo đuổi mục tiêu và giấc mơ của mình.	2,0
		a. <i>Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, qui nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Tự tin giúp chúng ta theo đuổi mục tiêu và giấc mơ của mình	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ thái độ sống tự tin giúp chúng ta theo đuổi mục tiêu và giấc mơ của mình Có thể theo hướng sau: - Giải thích: Tự tin là tin tưởng vào khả năng của chính mình - Ý nghĩa của sự tự tin: + Giúp ta có động lực phấn đấu, cố gắng đạt được điều mong muốn + Lạc quan, tích cực hành động để vươn tới ước mơ + Khẳng định năng lực bản thân, giúp ích cho cộng đồng xã hội. - Phân biệt tự tin và tự cao tự đại; phê phán người tự tin, mặc cảm trong cuộc sống - Cần bồi dưỡng thái độ sống tự tin, biết đặt ra mục tiêu và vươn tới mục tiêu. Hướng dẫn chấm:	0,75

		- <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm)</i> - <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm)</i> - <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm)</i> <i>Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng, đạo lí; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh. - Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm	0,5
	2	Phân tích hình ảnh rừng xà nu trong hai lần miêu tả, nhận xét về vẻ đẹp sử thi của tác phẩm	5,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định vấn đề cần nghị luận:</i> - Phân tích hình ảnh rừng xà nu qua hai lần miêu tả - Nhận xét về vẻ đẹp sử thi của tác phẩm Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận - Nguyễn Trung Thành là nhà văn có sự gắn bó mật thiết, sâu nặng	0,5

	và có nhiều hiểu biết phong phú về mảnh đất và con người Tây Nguyên - <i>Rừng xà nu</i> là một trong những truyện ngắn xuất sắc của nhà văn in trong tập "Trên quê hương những người anh hùng Điện Ngọc" viết năm 1965. - Hình tượng cây xà nu chiếm giữ một vị trí quan trọng của truyện ngắn: nhan đề, mở đầu, kết thúc, trở đi trở lại nhiều lần, tạo nên một không gian đặc trưng cho núi rừng Tây Nguyên.	
	* Phân tích	
	- Hình ảnh rừng xà nu trong đoạn đầu tác phẩm: + Rừng xà nu gánh chịu đau thương, tàn phá do bom đạn kẻ thù: <i>Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương.</i> + Nỗi đau do bom đạn giặc Mĩ gây ra được miêu tả cụ thể: <i>Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình; vết thương ứa máu, dần bầm lại, đặc quện thành từng cục máu lớn.</i> Cách miêu tả từ khái quát đến cụ thể đã khắc họa sự tàn phá khủng khiếp của bom đạn kẻ thù gây ra với những cánh rừng xà nu. Những chi tiết miêu tả chiếu ứng với con người, gợi liên tưởng về những đau thương, hi sinh mà con người Xô Man phải nếm trải: cái chết của bà Nhan, anh Xút, của mẹ con Mai, của đôi bàn tay Tnú bị đốt cháy. + Nghệ thuật nhân hóa, so sánh, ẩn dụ giúp người đọc hình dung nỗi đau đớn, sự mất mát của những cánh rừng xà nu do bom đạn tàn phá. - Hình ảnh rừng xà nu ở cuối tác phẩm: + Rừng xà nu bị tàn phá bởi bom đạn: <i>Trận đại bác đêm qua đã đánh ngã bốn năm cây xà nu to. Nhựa ứa ra ở những vết thương đang đọng lại, lỏng lẻo, lạnh ngắt.</i> Những mất mát vẫn hiện hữu cụ thể bằng hình ảnh những cây xà nu to lớn bị đốn ngã, vết thương chảy nhựa không ngừng đau đớn. + Rừng xà nu với sức sống mãnh liệt, bom đạn kẻ thù không thể hủy diệt được: <i>Quanh đó vô số những cây con đang mọc lên... Có những cây mới nhú khỏi mặt đất, nhọn hoắt như những mũi lê. Đến hút tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những rừng xà nu tiếp nối chạy đến chân trời.</i> Đó là sự nối tiếp của thế hệ cây xà nu, cây mẹ ngã cây con mọc lên xanh tươi sừng sững trải màu xanh ngút ngàn. Cũng là biểu tượng cho sức sống bất diệt, cho tinh thần kiên cường bất khuất của con người Tây Nguyên trong kháng chiến. + Bút pháp lãng mạn đậm chất sử thi, nghệ thuật so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, kết cấu vòng tròn, tô đậm sức sống cùng vẻ đẹp hùng vĩ khoáng đạt của những cánh rừng xà nu xanh tươi bất tận. Nếu đoạn mở đầu là hình ảnh đôi xà nu thì đoạn kết thúc là hình ảnh rừng xà	1,0 1,0

	nu. Sự mở rộng không gian và tầm vóc như một cách khẳng định sự trường tồn bất diệt của sức sống, ý chí kiên cường của con người Việt Nam. Hướng dẫn chấm: - Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm - Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,25 điểm - 1,75 điểm. - Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 1,0 điểm - 1,5 điểm - Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 0,25 điểm - 0,75 điểm	
	* Nhận xét về vẻ đẹp sử thi của tác phẩm	1,0
	- Chủ đề: Tác phẩm viết về cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của người dân Tây Nguyên, làm sáng tỏ chân lí của thời đại: phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng. - Nhân vật: + Tiêu biểu cho số phận và phẩm chất của con người Tây Nguyên trong kháng chiến. - Hình tượng nghệ thuật: + Hình tượng cây xà nu mang vẻ đẹp sử thi lớn lao, kì vĩ, kết hợp giữa hiện thực và biểu tượng, tạo nên bối cảnh hùng vĩ, tráng lệ. - Ngôn ngữ nghệ thuật: ngôn ngữ mang vẻ đẹp trang trọng, hào hùng: + Lời kể của cụ Mết chậm rãi, trầm hùng như lời kể khan ngàn đời. + Qua lời kể của cụ Mết, Tnú hiện lên mang vẻ đẹp sử thi như những anh hùng trong các bản trường ca cổ Tây Nguyên. - Giọng điệu: say mê, trang trọng, hùng tráng, có sức ngân vang Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày được 2 - 4 ý: 1,0 điểm - Học sinh trình bày được 1 - 3 ý: 0,75 điểm	
	d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của truyện ngắn Nguyễn Trung Thành; biết liên hệ vấn đề nghị	0,5

		<i>luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</i> <i>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</i> <i>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</i>	
TỔNG ĐIỂM			10,0